ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN THỨ BA

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

TỊNH TÔNG HỌC HỘI ÚC CHÂU

ẤN TỐNG 2006

印光法師

文鈔

增廣正編

(越語譯本)

第三卷

寶光寺弟子如和敬譯

淨業行人明進與慧莊校正

MỤC LỤC QUYỂN THỨ BA

IV. TỰ

V. BẠT

Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa Bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gấp được thoát ra. Lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

A Di Đà Phật trong kiếp xưa, phát ra bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh nước ta, dẫu chỉ mười niệm, nếu như chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác". A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh. Nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng làm gì được! Nếu chí tâm xưng danh, thệ cầu xuất ly Sa Bà, không ai chẳng được Phật rủ lòng từ

nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người trong hầm xí không đáy, trong lao ngục không tha, ngay đó được xuất ly, đều được đặt yên nơi quê nhà Cực Lạc vốn có, khiến được nhập Phật cảnh giới, thọ dụng giống như Phật.

Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có tu hành, chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và thành cái nhân đắc độ trong tương lai mà thôi. Nếu tín nguyện đầy đủ thì vạn người tu vạn người về, không sót một ai. Tổ Vĩnh Minh nói: "Vạn người tu, vạn người về" là chỉ những người có đủ tín nguyện. Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không Tín -Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện không Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Ấn Quang đại sư

Trích Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ
(theo bản in của
Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

QUYỂN THỨ BA

IV. TỰ

1. Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc (viết thay)

Giáo pháp của pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp Trực Chỉ Nhân Tâm còn phải nhường phần kỳ đặc (lạ lùng, đặc biệt). [So với cách tu] *"dùng ngay cái tâm này niệm Phật, niệm niệm thành Phật"* thì lợi ích đạt được do trải bao kiếp tu chứng vẫn phải kém hơn. Độ khắp thượng trung hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền Tông, như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, như biển cả dung nạp các sông. Hết thảy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thảy hạnh Đại - Tiểu, Quyền - Thật, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp

mà được dự vào Bổ Xứ, ngay trong một đời này viên mãn Bồ Đề. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh. Do vậy, Hoa Nghiêm hải chúng hết thảy đều tuân theo mười đại nguyện vương. Pháp Hoa xưng niệm một tiếng[1] đều chứng Thật Tướng các pháp.

Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đến, ngài Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ Bà Sa. Ngài Trí Giả là hậu thân của Phật Thích Ca, nói Thập Nghi Luận, chuyên chí Tây Phương. Ngài Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật. Hội tam thừa ngũ tánh[2] cùng chứng chân thường, dẫn

---

[1] Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: *"Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo"* (Nếu ai tâm tán loạn, vào trong nơi tháp miếu, niệm mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo)

[2] Tam thừa ngũ tánh: Tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngũ tánh: Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chúng sanh có năm chủng tánh thành Phật bất đồng:

1) Bất định tánh: Tức căn tánh không nhất định, gần gũi Thanh Văn thì tu pháp Thanh Văn, gần Duyên Giác bèn tu pháp Duyên Giác v.v…

2) Vô chủng tánh tức hạng người không có chánh tín, thiện căn, bác không nhân quả, chẳng cầu giải thoát.

3) Thanh Văn Tánh.

4) Duyên Giác tánh.

5) Bồ Tát tánh.

Duy Thức Học lại phán định Ngũ Tánh như sau:

1) Bồ Tát Định Tánh

2) Thanh Văn Định Tánh

3) Duyên Giác Định Tánh

4) Tam Thừa Bất Định Tánh

5) Vô Tánh Hữu Tình.

Ba chủng tánh đầu quyết định thành tựu thánh quả, hai chủng tánh sau không nhất định.

thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia. Vì thế, [pháp này] được chín pháp giới cùng quy về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Thật có thể gọi là lời bàn luận tột cùng trong giáo pháp cả một đời [đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng gieo cội đức, dù trải bao kiếp vẫn khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, hãy nên siêng năng tu tập!

Bất Huệ sanh nhằm đời Mạt, may mắn gặp được môn này, thẹn không có sức tự lợi lợi tha, nhưng hơi có tâm tự lập, lập người, muốn cho sang, hèn, trí, ngu, Tăng, tục, nam, nữ, bỏ nẻo khách trở về nước mình, buông cõi uế sanh về Liên Bang; do vậy, vẽ bức hình y báo chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc để nêu bày cảnh tịnh, nhằm phát sanh lòng tin tưởng. Cạnh bức vẽ ghi Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật) và pháp môn Thập Niệm để ai nấy tùy phần tùy sức tu trì hằng ngày. Đầu đời Minh, ở Cẩn Giang có một vị đại thiền sư tên là Diệu Hiệp triệt ngộ Thiền Tông, thông hiểu sâu xa giáo lý, tự hành, dạy người chuyên chú trọng Tịnh Tông. Tác phẩm Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trực Chỉ[3] của Ngài văn lẫn lý đều hay, hay

---

[3] Bộ luận này được xếp vào tập 47 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, đánh số 1.974. Nội dung gồm hai mươi hai môn, môn đầu tiên chính là phần Y Báo Chánh Báo Cực Lạc được Tổ nhắc đến trong lời tựa trên đây. Quyển đầu gồm chín môn như Cực Lạc Y Chánh, Phá Vọng Hiển Chân, Ha Mậu Giải (quở trách kiến giải sai lầm) v.v… chú trọng về phương diện lý luận, đả phá quan điểm hẹp hòi, chấp trước vào Thiền, vào Lý, biện giải Cực Lạc là cõi chân thật không phải là hóa thành v.v… Quyển thứ hai gồm 13 môn, phân tích tỉ mỉ đường lối, phương pháp, khắc trừ chướng ngại, cũng như lược nêu công hạnh của chư Tổ Tịnh Độ tông. Bài “mười điều tâm niệm” thường thấy trong các tùng lâm Việt Nam được trích từ tác phẩm này.

tuyệt xưa nay! Thiên sách luận về y báo, chánh báo Cực Lạc của Ngài trình bày rõ diệu cảnh của Lạc Bang, bao quát các kinh Tịnh Độ, cùng bức tranh Cực Lạc nói trên chiếu rọi lẫn nhau không sót chút nào. Do vậy, bèn y theo nguyên bản, chép lại ở dưới, ngõ hầu người thấy nghe lễ tụng biết đạo trọng yếu để thoát khổ, biết cái nhân thật sự để tu thành Phật. Tín nguyện tùy ý phát sanh, chấp trì Phật hiệu không ngơi.

Từ đây, cùng lìa cõi uế, cùng sanh về nước tịnh, cùng hầu Di Đà nơi chín phẩm sen, cùng viên mãn Chủng Trí trong một niệm. Lợi ích như vậy làm sao diễn tả được nổi? Ấy là dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm (cái tâm để tu nhân) cho nên nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân. In thạch bản (lithography) một vạn tấm để kết tịnh duyên. Lại mong thiện tín xoay vần lưu thông để hết thảy hữu tình trong mười phương pháp giới cùng về lại quê nhà sẵn có của chính mình, luôn trụ trong Tịch Quang Tịnh Độ vậy!

2. Lời tựa in lại Phật Thuyết A Di Đà Kinh (viết thay)

Trộm nghĩ giáo pháp Tịnh Độ được khởi đầu bởi Di Đà đạo sư, được diễn bày bởi Thích Ca Thế Tôn, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán dương, thánh hiền hai cõi phát tâm Kim Cang lưu truyền. Nói tóm lại, giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, trăm ngàn pháp môn, không pháp nào chẳng khiến cho con người dùng Văn Tự Bát Nhã để khởi Quán Chiếu Bát Nhã. Do Quán Chiếu Bát Nhã bèn chứng Thật Tướng Bát Nhã. Đã chứng Thật Tướng Bát Nhã thì *“tâm tịnh, cõi tịnh,*

tình không, cảnh không”, như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, như vạn ống tiêu cùng kêu bởi một trận gió. Quang minh, thọ mạng tột cùng chiều ngang, thông thấu chiều dọc, cùng tồn tại lâu dài giống như đức Di Đà Thế Tôn. Như vậy thì kinh nào chẳng phải là kinh Tịnh Độ, hạnh nào chẳng phải là hạnh Tịnh Độ?

Ước trên bề mặt, chỉ có ba kinh Tịnh Độ là chuyên giảng về Tịnh Độ đến tột cùng. Nhưng mở bày rộng lớn nguyện luân, minh thị sâu xa duyên khởi thì chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên xiển dương pháp quán, dạy thêm về nhân vãng sanh thì chỉ có Thập Lục Quán Kinh. Hai kinh nói trên pháp môn rộng lớn, đế lý tinh vi, kẻ độn căn đời Mạt thật khó được lợi ích. Tìm một bản kinh văn tự đơn giản, nghĩa lý phong phú, chữ nghĩa gọn ghẽ, lý dồi dào, thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân phụng, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dốc sức tu một hạnh mà viên thành vạn đức, khiến cho cái tâm tu nhân nhanh chóng khế hợp quả giác thì chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh mà thôi! Ấy là vì vừa nghe “y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm hội” thì lòng tin thật sự sẽ nẩy sanh, nguyện thiết tha sẽ phát, ắt sẽ có cái thế cuồn cuộn như sông ngòi không sao ngăn được. Từ đấy, khăng khắng gìn giữ, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai tri kiến Phật, cùng được thụ dụng như Phật. Do vậy, biết rằng: Một pháp Trì Danh chứa đựng trọn vạn hạnh, toàn sự chính là lý, toàn vọng chính là chân, nhân

tột biển quả, quả thấu nguồn nhân, thật có thể gọi là *"đường tắt để trở về nguồn, là môn trọng yếu để nhập đạo"* vậy! Cổ đức nói: *"Học đạo nơi những môn khác như con kiến trèo lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như buồm căng gió thuận nước",* thật có lý!

Tôi túc nghiệp sâu nặng, rất hâm mộ Tịnh tông, tuy không có sức tự lợi lợi tha, nhưng khá có tâm tự lập, lập người, nên in lại kinh này để rộng lưu truyền khiến cho người đọc đến ai nấy đều chấp trì danh hiệu, đều cùng nhất tâm. Vượt khỏi trần thế, tu lên Cực Lạc, dùng nguyện luân "nhiếp thủ chúng sanh" của ngài Pháp Tạng, nương theo cảnh duyên Tịnh Độ tiến thẳng về Phật Quả, ngõ hầu kinh "không ai hỏi, Phật tự nói này" chẳng trở thành giảng xuông, có ai nghe được hạnh này đều thật sự hành, bèn dập đầu nói kệ tụng để kính cẩn khuyên lơn như sau:

Người thấy nghe, tùy hỷ,
Đều phát tâm Bồ Đề,
Hết một báo thân này,
Cùng sanh cõi Cực Lạc.

3. Lời tựa khắc lại cuốn Di Đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì

Một pháp Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là đạo trọng yếu để phổ độ chúng sanh của mười phương chư Phật, là diệu môn để mau chứng Phật quả của chúng sanh trong chín giới. Các kinh Đại Thừa đều dạy về pháp trọng yếu này; nhưng ba kinh Tịnh Độ chuyên

giảng pháp này đến cùng tột. Thế gian thường quen thói chẳng suy xét, coi là pháp thiển cận, cho rằng chẳng rộng sâu như biển Giáo, chẳng thẳng chóng như Thiền Tông, thường xiển dương Tông, Giáo, đè nén Tịnh Độ, chuộng tự lực, ghét Phật lực. Thấy việc nhân mà nhường, thấy chuyện nghĩa chẳng làm, đến nỗi bi tâm triệt để của Như Lai bị khuất lấp chẳng thông suốt được, đường tắt thoát khổ của chúng sanh bị bế tắc chẳng thông. Nay chẳng nề hà bị chê trách, nêu chứng cứ đại lược mong sao người thấy nghe tùy hỷ cùng sanh về liên bang. Lúc Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm. Đến phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài do tâm Thập Tín đã mãn, vâng lời ngài Văn Thù dạy, tham học với khắp các tri thức. Thoạt đầu gặp ngài Đức Vân, vừa được nghe pháp môn Niệm Phật liền chứng Sơ Trụ. Từ đó hễ tham học liền chứng, cho đến chỗ của vị tri thức thứ năm mươi ba là ngài Phổ Hiền. Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, ngay lập tức, sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, ngài Phổ Hiền bèn giảng mười đại nguyện vương khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong Quán kinh, hàng Ngũ Nghịch Thập Ác khi tướng địa ngục hiện, niệm Phật mười tiếng liền được vãng sanh. Pháp Thân đại sĩ đều nguyện vãng sanh, A Tỳ tội nhân còn dự vào phẩm chót. Pháp môn rộng sâu, thẳng chóng, có pháp gì hơn được nữa!

Thật có thể gọi là kim chỉ nam trong biển Giáo, là Bắc Cực của Thiền Tông. Hết thảy các pháp, không

pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hằng sa diệu nghĩa, không nghĩa nào chẳng quy hoàn pháp giới này.

Vì thế, bên Tây Thiên: Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ, Mã Minh, bên Đông Độ: Viễn Công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh hoặc phát nguyện nói kinh (ngài Văn Thù có kinh phát nguyện, ngài Phổ Hiền nói phẩm Hạnh Nguyện), hoặc chú giải kinh, tạo luận, không vị nào chẳng dùng pháp môn này để tự hành, dạy người, lợi khắp hàm thức. Cổ nhân muốn cho cả cõi đời cùng tu nên đem kinh A Di Đà xếp vào khóa tụng hằng ngày. Do kinh này lời lẽ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hành giản dị mà hiệu quả nhanh chóng, nên bậc hoằng pháp đại sĩ chú sớ, tán dương, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kể! Trong số ấy, tìm lấy bản thật rộng lớn, thật tinh vi thì không gì bằng bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì. Còn bản thẳng chóng, quan trọng, hay khéo thì không gì bằng bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê pháp sư[4] nắm giữ pháp ấn Đế Quán Bất Nhị của Thiên

[4] Ngài U Khê là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Sanh vào năm 1554 nhằm đời Gia Tĩnh nhà Minh, là người huyện Tây An, phủ Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, pháp tự Vô Tận, pháp hiệu Hữu Môn. Lúc nhỏ lễ ngài Hiền Ánh Am thiền sư xin thế độ, sau theo ngài Bách Tùng Chân Giác nghe giảng kinh Pháp Hoa, học Thiên Thai Giáo Quán Tông. Năm 1582, nhân hỏi ngài Bách Tùng về yếu chỉ đại định, bị Sư trừng mắt nhìn, đột nhiên khế ngộ. Ngài Bách Tùng bèn truyền cho kim vân tử ca-sa. Năm Vạn Lịch 15 (1587), về trụ tích tại chùa U Khê Cao Minh trong núi Thiên Thai, giảng dạy học trò, nghiên cứu, tu tập Thiền và Tịnh Độ. Thế gian gọi Ngài là U Khê Đại Sư từ đó. Sư thường tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Từ, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v… Mỗi năm cử hành tu bốn thứ tam-muội, luôn đem thân làm gương đốc suất đại chúng. Khi Ngài đang giảng pháp, đại chúng chợt nghe có tiếng nhạc trời réo rắt, Sư biết đã đến lúc, giảng xong, bèn viết năm chữ "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", lớn tiếng xướng tựa đề kinh hai lượt, rồi nghiễm nhiên thị tịch, hưởng 75 tuổi. Ngài còn để lại các tác phẩm Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tánh Thiện Ác Luận, A Di Đà Kinh Lược

Thai Giáo Quán, soạn bộ Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng hàng sơ cơ vẫn hiểu được, văn lưu loát, thông đạt, khiến người tu lâu đều khâm phục. Hiềm vì lưu thông đã lâu, bị sai ngoa quá nhiều. Do vậy, tôi giảo chánh, cho khắc ván lại, ngõ hầu khôi phục diện mạo cũ. Kinh Di Đà có được ba bộ sớ giải này thì không pháp gì chẳng hoàn bị, không căn cơ nào chẳng thâu tóm. Tùy ý nghiên cứu một bản nào cũng đều có thể biết chỗ chỉ quy. Đọc trọn cả ba bộ sách ấy mới kham thấu hiểu triệt để điều sâu xa yếu diệu. Từ đấy, phát trọn vẹn ba tâm, chấp trì thánh hiệu, mong thoát khỏi đời ác ngũ trược, mong chứng được Tứ Đức[5] sâu thẳm. Như vậy, đến lúc lâm chung, chắc chắn được Phật Di Đà tiếp dẫn, thánh chúng đều tiếp nghênh, gởi chất nơi thai sen, lìa đường hiểm, ở yên nơi bảo sở[6]. Nghe pháp thọ ký, từ Đồng Cư bèn nhanh chóng chứng Tịch Quang, xắn tay hành ngay, nào ai chẳng có phần. Giãi bày tấm lòng ngu muội dám thưa cùng đồng nhân.

4. Lời tựa giảo chánh khắc in lại sách Tùy Tự Ý Tam Muội

Giải Viên Trung Sao, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú, Tịnh Độ Pháp Ngữ, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Quán Kinh Đồ Tụng.

[5] Tứ Đức là thường - lạc - ngã - tịnh.

[6] Bảo sở: Kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành có nêu thí dụ một người dẫn đường, khéo thông hiểu phương tiện, dẫn đại chúng đến chỗ có kho báu (bảo sở). Đại chúng đi đường xa, chán mệt, muốn bỏ về, vị hướng đạo bèn hóa ra cái thành cho đại chúng nghỉ ngơi. Khi mọi người đã nghỉ khỏe, liền nói: "Đây chỉ là hóa thành, chưa phải bảo sở chân thật". Bảo sở ví như Phật quả, hóa thành ví như những địa vị trong tam thừa.

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Muốn tu tập nhưng chẳng nắm được chỗ trọng yếu, ắt đến nỗi dõi nhìn biển rộng thở than, sanh ý tưởng lui sụt. Nếu đạt được chỗ trọng yếu, dù có vô lượng pháp môn, vô biên hành tướng, nhưng một khi đã nắm được thì càng rộng càng thấy gọn, càng phức tạp càng thấy giản dị. Tuy Lý tánh rộng lớn cao sâu như trời, như đất, như núi, như biển, nhưng phàm phu sát đất vẫn có thể tiến trên đạo này. Nhờ pháp này bèn đoạn Phiền Hoặc, chứng tam-muội, trọn vẹn phước huệ để chứng Tứ Đức, tiến thẳng đến Quả Giác, thành Vô Thượng Đạo, huống gì thánh nhân đã đạt những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa ư! Chỗ trọng yếu ấy như thế nào? Chính là *"thật thể, thật tánh của hết thảy các pháp: Căn, Trần, Thức v.v... đều là không, vô sở hữu"*. Hiểu rõ điều này thì bốn tướng vốn là không, tam luân thể không[7]. Vạn pháp sâm la, nhất đạo thanh tịnh. Phàm phu do mê nên pháp gì, chuyện gì cũng đều thành chướng ngại, đối với Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều khởi phiền hoặc, tạo nghiệp sanh tử. Thánh nhân do ngộ nên pháp gì, chuyện gì cũng là Chân Như; đối với Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều chứng viên thông, thành đạo Bồ Đề. Mê - ngộ tuy khác, tánh vốn không hai; tánh tuy không hai nhưng khổ - vui thật khác.

---

[7] Lúc bố thí thấy người bố thí, người nhận, vật dùng để bố thí cả ba thứ vốn đều không.

Nam Nhạc đại sư[8] thương xót bèn soạn sách Tùy Tự Ý Tam Muội. Trong sáu oai nghi đi - đứng - nằm - ngồi - ăn uống - nói năng, chỗ nào cũng chỉ bày Thật Tướng các pháp. Có nghĩa là: tánh của Căn - Trần - Thức là không, vô sở hữu và tam luân thể không, tứ tướng[9] chẳng hề có được v.v… khiến cho con người đối với một cơ, một cảnh đều tự thấy được Thật Tướng, đều hiểu rõ tự tâm. Đâu đâu cũng chỉ dạy diệu hạnh thù thắng sáu Ba La Mật, khiến cho con người trong mỗi một động tịnh đều có thể thượng cầu hạ hóa, tự lợi, lợi tha. Những chỉ dạy ấy và Ấm, Nhập, Giới, Đại trong kinh Lăng Nghiêm đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, những chuyện như ngôn ngữ, cư xử trong

---

[8] Nam Nhạc Huệ Tư (515-577) là cao tăng thời Nam Bắc Triều, người xứ Vũ Tân (nay thuộc tỉnh Hà Nam), thường được người đời gọi là Nam Nhạc tôn giả, hay Tư Đại Hòa Thượng. Ngài là vị tổ sư đời thứ hai của tông Thiên Thai (có thuyết nói là tam tổ). Ham thích Phật pháp từ nhỏ, rất quý mến kinh Pháp Hoa, từng mang kinh vào nghĩa trang đọc tụng. Ngài đọc kinh, nhỏ lệ ròng ròng. Trong mộng thấy Phổ Hiền Bồ Tát đến xoa đầu. Do vậy, đỉnh đầu nổi lên nhục kế. Sau khi xuất gia Ngài đến tham yết Huệ Văn thiền sư ở Hà Nam, được truyền pháp quán tâm. Có lần do than thở bản thân đã để luống uổng thời gian vẫn chưa chứng ngộ, mệt mỏi dựa mình vào vách, bèn hoát nhiên đại ngộ. Ngài là người đề xướng quan điểm Phật pháp đã bước vào thời kỳ suy vi, cần xác lập tín ngưỡng Tịnh Độ Di Đà và Tịnh Độ Di Lặc. Tuy chú trọng hành Thiền thực tiễn, Sư vẫn quan tâm nghiên cứu nghĩa lý. Năm 554, Sư đến Quang Châu, đi khắp nơi thuyết pháp suốt mười bốn năm. Ngài được ngưỡng vọng cũng lắm, mà bị kẻ đố kỵ phỉ báng cũng nhiều. Tại núi Đại Tô ở phía Nam tỉnh Hà Nam, Sư truyền pháp cho sư Trí Khải là học trò kiệt xuất nhất trong các môn đệ. Năm 568, Sư vào vùng Hành Sơn (Nam Nhạc) tỉnh Hồ Nam, ở lại đó suốt 10 năm thuyết pháp, nên được người đời gọi là Nam Nhạc tôn giả. Sau Tuyên Đế lễ thỉnh Sư hỏi đạo, gọi ngài là Đại Thiền Sư. Năm Thái Bình thứ chín, Sư nghiễm nhiên tọa hóa, thọ sáu mươi ba tuổi. Những trước tác của Ngài đa phần là do môn đồ ghi chép lại, nổi tiếng nhất là các bộ Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Phẩm Nghĩa, Chư Pháp Vô Tranh Tam Muội Pháp Môn, Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn, Tứ Thập Nhị Tự Môn, Thọ Bồ Tát Giới Nghi.

[9] Tứ tướng là tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

đời, nghề nghiệp mưu sinh… trong kinh Pháp Hoa đều thuận theo chánh pháp, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng, những nghĩa lý *"chẳng trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, độ thoát hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy kẻ độ, người được độ"* trong kinh Kim Cang thảy đều phù hợp khít khao! Đấy chính là đem pháp chính mình đã ngộ đã chứng giãi bày triệt để, phơi trọn hết ra, thí cho khắp hậu thế để mong ai nương theo pháp này mà tu sẽ cùng ngộ cùng chứng đó thôi!

Hơn nữa, Sơ Phát Tâm Bồ Tát được nói trong sách này vốn có hai nghĩa: Một là hàng phàm phu sát đất phát đại tâm; hai là hạng Sơ Phát Tâm Trụ trong Viên Giáo, vừa phá vô minh, thấy được Pháp Tánh. Pháp Tánh chính là tánh của Căn, Trần, Thức là không, vô sở hữu v.v… như vừa mới nói. Nơi địa vị phàm phu muốn hướng đến Phật quả thì trước hết phải ngộ được lý này rồi mới hòng thật chứng. Nếu không, dù có tu trì vẫn thuộc vào hữu lậu, chẳng thành Bồ Đề. Như sách chép: *"Trong một niệm, ở trước khắp chư Phật mười phương cúng dường rộng khắp, nhận pháp hóa của Phật; ở trước khắp chúng sanh trong mười phương, tùy loại hiện thân, ứng cơ thuyết pháp, khiến cho khắp ba căn đều được lợi ích"* thì chuyện này chỉ có hàng Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo mới có thể làm được. Nếu chẳng biết lý này và sự tu này thông với phàm phu, ắt sẽ mắc lỗi "tuy đề cao thánh cảnh nhưng chính mình lại ở trong địa vị phàm phu". Nếu không biết hàng Sơ Trụ mới đạt được đại thể đại dụng, ắt sẽ mắc tội khiên "chưa đắc nói là đắc, đem phàm lạm thánh". Hiểu rõ điều này thì trên

kính mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình. Đã không bị lỗi "đành lòng yên phận phàm ngu", lại còn chẳng mắc tội lạm thánh, sẽ tiến thẳng trên đường giác, mau đạt đến bảo sở như đưa bằng khoán lấy lại vật cũ, nào có khó khăn gì! Do vậy, [tác phẩm này được] lưu thông khắp trong nước, ngoài nước. Tiếp theo là những nhân duyên được - mất đã được nói đầy đủ trong phần Tự và Bạt của lần in đầu tiên, nên ở đây không nhắc lại nữa.

Ông Từ Úy Như là bậc thế gia ở Chiết Tây, cả mười đời thờ Phật. Từ lúc thơ ấu đã được dạy dỗ chu đáo, lại kiêm học Phật thừa. Gần đây, việc công rảnh rỗi, đọc khắp các nội điển, tìm được bản sách này lưu truyền ở Nhật Bản, lắng lòng nghiên cứu, thấy bị sai ngoa quá nhiều. Do vậy, đem đối chiếu với Đại Tạng Nhật Bản, sửa đúng được mấy mươi chỗ rồi cho khắc ván hòng lợi lạc rộng khắp. Vì coi Lượng[10] tôi là người cùng chí hướng, bèn gởi tặng mấy bản. Do vậy, tôi thắp hương, cung kính đọc. Thấy văn lẫn nghĩa có nhiều chỗ chẳng ổn, như mây che lấp trăng, chẳng thấy được chân tướng. Trộm nghĩ: Sách này lưu truyền đến nay đã hơn một ngàn ba trăm năm, sao không khỏi sai ngoa? Do vậy, bèn dựa theo văn, căn cứ theo nghĩa, bỏ bớt việc để sửa chữa, thật giống như mây tan, trăng hiện, quang minh lẫn thể chất cùng tỏ bày, văn lẫn lý đều thông suốt, khiến tâm mắt người ta đều vui thích. Đem bản này gởi cho ông Từ, được ông thiết tha tán thành, chấp thuận, lập tức khắc in lại ngay.

---

[10] Tổ Ấn Quang pháp húy là Thánh Lượng.

Ông lại bảo tôi viết lời tựa để thuật duyên khởi. Lượng tôi tuy thô lậu, nhưng vì nghĩa chẳng thể từ tạ được. Phải biết lần khắc in này, tuy sửa chữa nhiều, nhưng thật ra không thay đổi gì. Chẳng qua chỉ là sửa cho đúng những chỗ sao chép bị sai lạc, ngõ hòng khôi phục bản lai diện mục cho trước tác của ngài Nam Nhạc mà thôi. Trong đời có người bệnh, thầy thuốc chẩn mạch còn biết được tạng phủ là hư hay thực, huống chi tác phẩm này văn nghĩa hiển lộ, có thể lấy làm chỗ căn cứ được, há chẳng thể biết được chỗ bị chép sót, sai lầm hay sao? Bậc đại phương gia ắt chẳng cho là Lượng tôi sửa chữa không cẩn thận mà quở trách sâu xa vậy!

5. Lời tựa bản thạch ấn Phổ Đà Sơn Chí

Quán Thế Âm Bồ Tát từ vô lượng kiếp trước thành Phật đạo đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do ý niệm độ sanh khẩn thiết, tâm cứu khổ ân cần, chẳng lìa Tịch Quang, hiện hình trong sáu nẻo. Trong các cõi Phật nhiều như vi trần ở khắp mười phương, hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh, chứ nào phải chỉ hiện thân Bồ Tát. Còn Nhị Thừa, lục đạo, không đâu chẳng hiện thân. Kinh Pháp Hoa nói: *"Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp"*. Tuy vào khắp các cõi Phật mười phương, nhưng Ngài có nhân duyên rất sâu với cõi Sa Bà. Tuy hiện thân khắp mười pháp giới, nhưng căn cứ trên sự ứng tích, thế nhân chỉ nói Ngài là Bồ Tát mà thôi. Do Ngài chứng triệt để duy tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh nên vận dụng lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên. Do Bổn cao, Thể đại nên Tích

quảng, Dụng rộng[11]. Tùy loại, tùy hình, theo tiếng cứu khổ. Thị hiện có cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thuận theo, như mặt trăng vằng vặc giữa trời, hiện bóng trong mọi nơi có nước. Không chỉ sông, hồ, rạch, biển đều hiện bóng toàn vẹn, dù chỉ một chước[12], một giọt, không đâu chẳng đều hiện bóng vẹn toàn.

Lại nữa, bóng trăng hiện trong sông, hồ, rạch, biển, một người nhìn vào thì mặt trăng ấy đối trước người đó; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào thì mỗi một người đều thấy trăng đối trước chính mình. Nếu người ấy đi sang Đông, trăng cũng theo sang Đông; nếu đi sang Tây, trăng cũng theo sang Tây. Nếu người ấy ngồi yên chẳng động, trăng cũng chẳng lìa nơi ấy. Từ một người cho đến trăm ngàn vạn người đều như vậy. Trong một niệm, nếu khắp pháp giới cảm, Bồ Tát bèn ứng khắp pháp giới. Cảm ứng đạo giao, không sai khác chút nào! Giống như mặt trăng hiện bóng trong các chỗ có nước, người nào, nơi nào cũng đều thấy trọn vẹn bóng trăng, trọn chẳng sai khác gì! Ấy là do Bồ Tát tâm gồm trọn thái hư, lượng gồm thâu các cõi nhiều như cát. Do lấy tâm chúng sanh làm tâm, do lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, nên chẳng nghĩ tưởng mà hợp, vô duyên bèn ứng. Há thể trí phàm tình hòng tính lường được nổi ư?

Còn nếu như nước đục, mắt lòa, thì trăng chẳng thể hiện, phải đâu trăng không hiện, mà là do lỗi của nước

---

[11] Bổn - Tích: Có thể tạm hiểu Bổn là quả vị chứng đắc thật sự, còn Tích là sự thị hiện. Thể là bản chất, còn Dụng là tác dụng, hoặc Thể là bản tánh, là thật quả, còn Dụng là tác dụng hóa độ, tùy cơ hiện tướng ứng hóa.
[12] Chước là đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ.

đục, mắt lòa ấy chứ! Xét cảm ứng trên mặt Tích, thì có hiển cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng (cảm ngầm, ứng ngầm), minh cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, vừa hiển vừa ngầm cảm mà lại hiển ứng, vừa ngầm vừa hiển cảm mà lại ngầm ứng… sai khác *("Hiển cảm hiển ứng"* là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v… *"Minh cảm minh ứng"* là trong đời quá khứ từng tu những hạnh cạn lòng thành, tận lòng kính lễ niệm, đời này tuy chưa tu tập, nhưng do túc nghiệp thiện căn, được Ngài gia bị mà không hay không biết, họa diệt, phước đến, nghiệp tiêu chướng tận v.v… *"Minh cảm hiển ứng"* là đời trước từng gieo thiện căn, đời này được gia bị. *"Hiển cảm minh ứng"* là đời này dốc lòng thành, kiệt lòng kính lễ niệm, chẳng thấy được gia bị, âm thầm được từ lực gia bị khiến hung lui, cát (tốt lành) đến, nghiệp tiêu chướng tận v.v… *"Vừa hiển vừa ngầm ứng mà được hiển cảm"* là đời trước đã từng gieo thiện căn, đời này dốc cạn lòng thành lễ niệm, được gia bị rõ ràng, chuyển họa thành phước v.v… *"Vừa ngầm vừa hiển cảm mà được ngầm ứng"* là đời trước từng gieo thiện căn, đời này dốc lòng thành lễ niệm, âm thầm được từ lực gia hộ, đạt được các thứ lợi ích. Hiểu rõ điều này sẽ biết công chẳng hư uổng, quả không lãng phí. Dẫu cho trọn đời chẳng thấy dấu hiệu gì được gia bị, cũng chẳng đến nỗi sanh tâm oán vọng, bỏ cuộc giữa đường. Đạo cảm ứng vi diệu khó thể nghĩ suy, tạm ghi đại lược để khơi gợi cho người sáng suốt trong mai sau).

Sự ứng hiện ấy lớn - nhỏ, hơn - kém là do lòng thành đã đến mức cùng cực hay chưa mà thôi! Dẫu cho tâm không thể tin chắc, chưa chí thành đến cùng cực, nhưng nếu có thể nhất niệm dốc lòng thành ắt cũng được lợi ích. Tùy theo một niệm chí thành của mình mà chia ra hơn - kém tuy lợi ích chẳng thể siêu tuyệt như người dốc cạn lòng thành, tận hết lòng kính. Giống như

trăng vẫn hiện bóng trong nước đục, nhưng lờ mờ không rõ. Người mù tuy chẳng thể đích thân thấy được ánh trăng, nhưng có khi nào chẳng được ánh trăng chiếu đến? Bồ Tát đại từ đại bi, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh trong khắp pháp giới. Do vậy, nhân dân cả nước ai nấy đều tín phụng, vì thế mới thường nói *"nhà nhà Quán Thế Âm"*.

Đạo tràng ứng hóa của Ngài cố nhiên không phải chỉ một chỗ. Như Nam Ngũ Đài Sơn, Đại Hương Sơn ở Thiểm Tây, Thiên Trúc Sơn ở Chiết Giang v.v… là những nơi cảm ứng rõ ràng, hương đèn nhộn nhịp, nhưng chỉ có Nam Hải Phổ Đà Sơn thật là bậc nhất do tên chỗ này được ghi trong kinh Hoa Nghiêm, năm xưa Thiện Tài đích thân tham học [tại đây]. Ân trọn khắp mọi loài, hoàng đế các đời sắc kiến, nên được cả cõi đời sùng kính, các nước ngưỡng mộ. Tưởng nghĩ Bồ Tát ứng hóa cho hàng căn cơ Đại Thừa trong tam thừa thiên tiên, nên trải bao kiếp thường trụ nơi núi này, chứ nào phải chỉ dài lâu như trời như đất. Nhưng về phía thị hiện ứng tích cho phàm phu thì trong năm Trinh Minh thứ hai (916) nhà Châu Lương[13] thời Ngũ Đại, Huệ Ngạc đại sư thỉnh tượng Quán Âm bằng đồng từ núi Ngũ Đài muốn đưa về Nhật Bản. Đi đến đây, thuyền bị ách lại không đi được nữa, mới bèn khai sơn. Đến nay đã hơn một ngàn năm, sự tích, thi văn được biên soạn thành tập với tựa đề là Phổ Đà Sơn Chí. Tôi thường hay bệnh nên đối với những sự - lý cảm ứng chẳng thể nghĩ

[13] Nhà Lương thời Ngũ Đại do Châu Ôn sáng lập nên sử gọi là Châu Lương để phân biệt với nhà Tiền Lương của Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) thuộc thời Nam Bắc Triều.

bàn của Bồ Tát thật khó phát huy. Tính đọc khắp Đại Tạng, xem trọn các sách, phàm những sự tích Bồ Tát tùy cơ ứng theo lòng cảm đều ghi chép đầy đủ, khắc bản lưu thông, một là để xiển dương đạo mầu độ sanh của Bồ Tát, hai là khải phát duyên lành thoát khổ cho chúng sanh; nhưng do bệnh mắt chưa lành, chưa thể như nguyện.

Cư sĩ Hà Liêm Thần ở Cối Kê, thấu hiểu tâm tủy đạo Nho, y thuật được xưng là quốc thủ[14], chí hạnh cao khiết, tín tâm thuần chân, từng kêu gọi đồng nhân lập Tang Du Xã[15], với ý nghĩa cảnh chiều tà không còn nhiều, nghĩ cách quay về, đồng tu Tịnh nghiệp, cầu sanh An Dưỡng. Lại do hết thảy chúng sanh đắm chìm trong biển khổ đã lâu, chẳng nương vào pháp lực không cách nào vượt ra được, tính đem những sự tích ứng hóa của Bồ Tát làm thuyền cứu mạng, thả trong biển khổ, vung tay kêu gấp để dẫn dắt những kẻ chìm đắm lên thuyền, ngõ hầu cùng lên được bờ kia, về thẳng quê nhà, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng những sự vui. Do vậy, bèn cho in thạch bản cuốn Phổ Đà Sơn Chí để rộng lưu truyền hòng đền ân Đại Sĩ độ sanh, tạo nẻo cho chúng sanh gieo lòng thành. Ông bảo tôi viết lời tựa, khôn ngăn hoan hỷ, quên phứt mình kém hèn, liền đem những chuyện cảm ứng mầu nhiệm của Bồ Tát phát huy

---

[14] Ý nói tài chữa bệnh rất giỏi. Khi xưa, những người giỏi về một tài nghệ nào thường được gọi là quốc thủ, chẳng hạn người đánh cờ vây giỏi cũng được xưng là "vi kỳ quốc thủ".

[15] Dựa theo ý câu thơ cổ: *"Nhật lạc tang du"* (mặt trời lặn bên nương dâu) diễn tả cảnh chiều tà. Sau này thơ văn thường dùng chữ "nương dâu" để chỉ tuổi già.

đại lược. Những sự tích khác, cố nhiên đã chép trọn vẹn trong sách, cần gì phải dài dòng nữa!

6. Lời tựa cho bức khánh đồ (tranh diễn tả chuyện vui mừng) nhà ông Hà Lãng Tiên ở Thiệu Hưng

Xuân về trên cõi đất, trăm loài cây cỏ đều được sanh thành, gió lùa trên không, vạn ống sáo đều cùng trỗi tiếng. Trong đời chẳng có quả không nhân, cũng chẳng có cái nhân không quả. Ví như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, thanh hòa thì tiếng vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay! Đấy là những điều cả cõi đời đích thân thấy biết, tin tưởng chắc thật không nghi! Hai chữ "nhân quả" bao trùm khắp hết thảy các pháp thế gian xuất thế gian trọn vẹn không còn sót. Thánh nhân thế gian không vị nào chẳng dạy rõ nhân quả, nhưng do các ngài chuyên chú nơi việc đời, muốn cho đạo ấy được tiếp nối, được truyền thừa, nên chỉ hạn cuộc trong đời này và đời cha, đời con, chứ không giảng rõ chuyện trước lúc sanh ra, chuyện sau khi đã chết, và những chuyện từ vô thỉ trước, chuyện tận vị lai sau. Những kẻ hậu học chẳng thể lãnh hội sâu xa ý thánh nhân, bèn cho người và vật được sanh ra là do bẩm thụ khí trời đất, ngẫu nhiên tụ hợp thành hình hài mà thôi! Đến khi chết đi, hình đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán. Không nhân, không quả, thành Đoạn Diệt Kiến! Họ cô phụ thánh giáo, mê mất tánh linh của chính mình quá mức! Khổng Tử khen ngợi sách Châu Dịch[16], vừa mở đầu liền nói:

---

[16] Gọi là Châu Dịch vì người Trung Hoa tin rằng từ thời Phục Hy đã có kinh Dịch. Theo truyền thuyết, ngay từ thời nhà Hạ, kinh Dịch đã được chú giải với

"Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa!" Cơ Tử soạn sách Hồng Phạm[17], cuối sách bèn nêu rõ chuyện hưởng dụng ngũ phước, oai dùng lục cực.

Hai là nếu chẳng luận đến tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai, thì sự ban tặng của trời đất, ngôn luận của thánh nhân, chánh lệnh của minh quân, phần nhiều sẽ mâu thuẫn nhau (như gian đảng được vinh hoa, phú quý, trung thần bị tru lục, Nhan Uyên đoản mạng, Đạo Chích[18] trường thọ v.v…) Nếu biết tiền nhân hậu quả thì cùng - thông, được - mất đều do ta tự chuốc lấy. Dẫu gặp phải nghịch cảnh, chẳng oán, chẳng hờn, chỉ thẹn đức mình chưa xứng, chẳng thấy lỗi lầm của trời hay người, vui theo mạng trời, không chuyện gì chẳng tự tại tiêu dao. Người ta chỉ thấy ông Hà một nhà từ hiếu, cả bốn đời cùng ở chung một nhà là vui, nhưng chẳng biết nguyên do là vì họ đã nhiều đời vun bồi nên được như vậy.

Phải biết thế giới Sa Bà thọ mạng ngắn ngủi, trăm năm là thượng thọ, nhưng mấy ai đạt được. Nay ông Hà may mắn có mẹ sống thọ đã tròn sáu mươi, nên mở tiệc hoa để mừng thượng thọ. Bày ra đủ loại thi văn để giúp vui cho tiệc chúc thọ. Có thể nói là dốc lòng thờ mẹ, lấy thân mình làm gương. Lại phải biết cái "tột cùng tam thế chẳng dời, chẳng biến, trải muôn đời chẳng giảm,

---

tên gọi là Liên Sơn Dịch. Qua đời Thương được diễn giải bổ sung thêm, gọi là Quy Tàng Dịch. Các bản này bị thất truyền. Châu Văn Vương là người tinh thông Dịch Lý và diễn giải kinh Dịch một cách có hệ thống, hệ thống này về sau lại được Khổng Tử san định lần nữa, và thường gọi là Châu Dịch.

[17] Theo từ điển Từ Hải, Hồng Phạm là một bộ cổ thư giảng về đại pháp trong thiên hạ. Thật ra Hồng Phạm là một thiên trong sách Thượng Thư.

[18] Đạo Chích là một tên trộm nổi danh thời cổ.

chẳng tăng" mới là thọ lượng chân thật sẵn có nơi tự tâm của lão phu nhân. Bởi một niệm hiện tiền của chúng ta vốn tự linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng[19], quả thật chẳng hai chẳng khác gì với tam thế chư Phật. Nhưng do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, mê tâm chấp cảnh nên đến nỗi vốn chẳng dời, chẳng biến, chẳng tăng, chẳng giảm lại thường bị dời, biến, tăng, giảm, trọn chẳng lúc nào đạt được một niệm thường trụ bất động. Đức Đại Giác Thế Tôn ta thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, rộng lưu ngôn giáo, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh trái nghịch trần lao, hiệp theo tánh giác, khôi phục tâm tánh vốn có, diệt được huyễn nghiệp vốn chẳng có, hiểu rõ chân tâm vốn sẵn có. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí liền được hiện tiền"*.

Phải biết: Trí huệ - đức tướng và vọng tưởng - chấp trước chỉ là một tâm, vốn không phải là hai vật. Mê thì

---

[19] *"Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng"*: Đây là tám chữ tổ Liên Trì dùng để giảng về chân tánh. Trong bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, pháp sư Cổ Đức đã giảng như sau: *"Linh minh là thuần chân, linh minh chiếu suốt thấu trọn vẹn (đỗng triệt). Bản thể của Chiếu là trọn khắp mười phương. Trạm tịch là Tịch nhưng thường hằng, ý nói: bản thể của Tịch là thông suốt ba đời"*. Nói cho dễ hiểu hơn: Tịch là tâm tánh thường tồn, chẳng nhiễm, không bị trần cảnh lay động, còn Chiếu là tác dụng quán sát, nhận biết của tâm nhưng không vướng mắc. Cổ nhân thường ví tâm như gương. Gương trong suốt, không nhơ (đó là Tịch), vật gì đến trước gương đều hiện bóng (đó là Chiếu). Hiện bóng nhưng không giữ lại vật gì (Chiếu mà thường Tịch), không giữ lại vật gì nhưng không gì chẳng hiện bóng trong gương (Tịch mà thường Chiếu).

toàn thể trí huệ - đức tướng liền trở thành vọng tưởng, chấp trước; ngộ thì toàn thể vọng tưởng, chấp trước liền thành trí huệ, đức tướng. Ví như nước đông thành băng, băng tan thành nước; cũng như say thấy nhà xoay, chứ nhà thật sự không xoay. Mê thì cho là phương hướng thay đổi, chứ phương hướng thật sự không đổi dời. Nói *"vạn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự ồn náo. Một tâm không sanh, vạn pháp đều dứt"*, chính là ý này. Lý này ngộ thì dễ, nhưng chứng thật khó. Nếu chẳng phải túc căn chín muồi, ai có thể tự chứng, tự đạt được! Vì thế, đức Thế Tôn ta riêng ban phương tiện, lập ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bất luận thánh hay phàm, ngu hay trí, cho đến những hàng thiên tiên, Tu La, những loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chỉ cần chí thành phát nguyện trì danh hiệu Phật, thánh thì nhanh chóng thành Phật đạo, những loài khác đều đới nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn, đức chẳng mong chứng mà tự chứng. Ví như một mảnh tuyết rớt vào lò lớn, chưa đến nơi đã tan; đã gặp được người có đức thì ý niệm hèn tệ hoàn toàn tiêu.

Con hiếu đối với cha mẹ thì trước hết phải chú trọng cái gốc rồi mới lo đến cái ngọn, phụng dưỡng cái thân nhưng phải hướng dẫn cái tâm. Nếu chỉ biết hầu hạ, phụng dưỡng để cha mẹ được yên thân, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết dùng đạo vô sanh thường trụ, pháp Niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, sao cho sống thì niệm Phật hiệu, chết sanh về cõi Phật, từ tạ huyễn khổ sanh tử, hưởng chân lạc thường trụ, hầu hạ Phật Di Đà, dự trong hải chúng,

nghe viên âm[20], Tam Hoặc[21] hết sạch, thấy diệu cảnh, Tứ Trí[22] viên minh, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có nơi tâm, rộng làm thuyền Từ độ người trong biển khổ, thì có thể nói là *"thấy sự nhỏ quên mất chuyện lớn, được gần bỏ xa, chỉ là cái thấy hạn hẹp của kẻ tầm thường, chẳng phải tầm mắt rộng lớn của bậc thông đạt"*.

Nếu có thể làm cho mẹ cùng với mình và gia quyến cùng thoát Sa Bà, cùng sanh về An Dưỡng, cùng chứng vô lượng quang thọ, cùng hưởng pháp lạc tịch diệt, cùng làm pháp vương tử của Phật Di Đà, cùng làm đại đạo sư cho trời - người, thì mới là tận hết lòng từ hiếu, trọn tình nuôi dạy. Từ - hiếu, giáo dục như vừa nói đó chẳng phải là từ - hiếu giáo dục như thế gian thường nói. Đấy chính là chỗ khởi đầu và kết thúc cùng cực của bức gia khánh đồ này.

---

[20] Viên âm: âm thanh viên mãn. Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp mà mỗi loài nghe thấy đức Phật nói bằng ngôn ngữ của loài mình. Đức Phật nói một chữ mà tùy theo căn tánh người nghe sẽ hiểu vô lượng nghĩa. Do vậy, gọi âm thanh thuyết pháp của Phật là "viên âm".

[21] Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Trần Sa Vô Minh Hoặc là Tam Hoặc.

[22] Tứ Trí: Còn gọi là Tứ Chủng Trí, tức bốn trí nơi Phật quả là Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, và Thành Sở Tác Trí. Tứ Trí do tám thức chuyển thành; thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Kính Trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí, thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, và năm thức trước trở thành Thành Sở Tác Trí. Mật Giáo còn đặt thêm một trí nữa là Pháp Giới Thể Tánh và mỗi trí được biểu hiện bằng một vị Phật. Trong Kim Cang Giới, Pháp Giới Thể Tánh Trí là Phật Tỳ Lô Giá Na, Đại Viên Kính Trí là A Súc Bệ Phật (Bất Động Phật), Bình Đẳng Tánh Trí là Bảo Sanh Phật, Diệu Quán Sát Trí là A Di Đà Phật, và Thành Sở Tác Trí là Bất Không Thành Tựu Phật. Trong Thai Tạng Giới, Đại Viên Kính Trí là Bảo Tràng Phật, Bình Đẳng Tánh Trí là Khai Phu Hoa Phật, Diệu Quán Sát Trí là Vô Lượng Thọ Phật, Thành Sở Tác Trí là Thiên Cổ Lôi Âm Phật.

Nếu chẳng cho lời tôi nói là sai, đợi đến khi cùng sanh về Tịnh Độ xong, sẽ dùng Đại Viên Kính Trí thâu nhiếp lấy hình ảnh trong Liên Trì Hải Hội tặng cho khắp những đồng bào trong biển khổ, tôi cũng sẽ dốc cạn lòng ngu thành viết tựa khen ngợi.

7. Lời tựa quyên mộ làm chay cúng dường ngàn vị Tăng (viết thay cho hàng thiện nhân tại gia)

Rồng đất tuy chẳng thể làm mưa, nhưng cầu mưa ắt phải tế rồng đất. Phàm Tăng tuy chẳng thể giáng phước, nhưng cầu phước phải cúng phàm Tăng. Huống chi Quán Âm Đại Sĩ hiện thân trong các cõi nước nhiều như bụi trần, theo tiếng cứu khổ, ứng hóa lưu dấu tại Phổ Đà. Do vậy, bao triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Tăng chúng trong núi ấy và các vị từ mười phương đến đều là đệ tử của Như Lai, là con cháu của Đại Sĩ. Nhằm hội dâng hương, gần như có đến hai ngàn vị. Trong số ấy, thánh - phàm xen lẫn, hạnh - vị khó thể phân biệt. Há chẳng nên nghĩ đến ân Đại Sĩ, vun bồi nhân xuất thế, dùng tâm chí thành, bình đẳng cúng dường ư? Nếu tâm chân thật, thiết tha thì không những các bậc đại A La Hán trụ thế như ngài Tân Đầu Lô Phả La Đọa tôn giả[23] chắc chắn đến nhận cúng dường, ngay cả Đại Sĩ cũng rất có thể thị hiện thân phàm tăng quang lâm pháp hội. Công đức lợi ích ấy sao diễn tả được nổi?

---

[23] Tôn giả Tân Đầu Lô Phả La Đọa là một vị đại đệ tử của đức Phật. Do Ngài hiển lộ thần thông tranh tài cùng ngoại đạo nên đức Phật cấm Ngài nhập diệt, phải thường trụ trong thế gian để làm phước điền cho nhân thiên. Những buổi lễ Trai Tăng nếu được tổ chức chí thành, Ngài sẽ thị hiện thân phàm tăng đến thọ cúng.

Ông X… muốn trong tháng Hai năm sau kiền thành tổ chức đại Trai Tăng một ngàn vị Tăng ở Pháp Vũ Thiền Tự để rộng kết duyên lành, nhưng sức của ông ta yếu kém, thật sự muốn cho người khác làm lành. Do vậy, quyên mộ thiện tín tùy tâm vui vẻ giúp đỡ, vào núi báu chớ trở về tay không, đã tắm gội pháp ai nấy phải báo ân Phật.

8. Lời tựa khắc in lại sách Hộ Pháp Lục của Tống Văn Hiến Công đời Minh

Năm Kỷ Mùi, ông Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa khắc xong bộ Tống Văn Hiến Công[24] Toàn Tập. Lại

[24] Tống Văn Hiến Công là Tống Liêm (1310-1381), tự Cảnh Liêm, hiệu Tiềm Khê, biệt hiệu Huyền Chân Tử, là người huyện Bồ Giang, tỉnh Chiết Giang, là một đại văn học gia đầu thời Minh. Tuổi thơ bần hàn, nhưng hết sức hiếu học. Từng theo học với các bậc đại danh gia như Ngô Lai, Liễu Quán, Hoàng Tấn v.v... Ông suốt đời cần cù học hành, chưa một ngày nào tay rời sách, từng ba lần đọc hết Đại Tạng Kinh. Ông được Nguyên Thuận Đế vời ra làm Hàn Lâm Viện Biên Tu, nhưng nại cớ còn cha già phải phụng dưỡng để từ tạ. Khi Châu Nguyên Chương diệt Mông Cổ, xưng đế, lập ra nhà Minh, ông được đề cử làm người giảng kinh sách cho nhà vua. Năm Hồng Vũ thứ hai (1369), ông vâng chiếu, chịu trách nhiệm chính biên tập bộ Nguyên Sử. Quan thăng dần đến chức Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ, chuyên soạn chiếu chỉ cho nhà vua. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), cáo quan hồi hưu. Về sau, do con trưởng là Tống Thận dính líu vào vụ án Hồ Duy Dung, toàn gia bị đày đi Mậu Châu. Ông mất trên đường đi lưu đày. Trước tác của ông rất phong phú, còn để lại bộ Tống Học Sĩ Văn Tập (hoặc Tống Văn Hiến Công Toàn Tập) rất đồ sộ. Châu Nguyên Chương từng gọi ông là khai quốc công thần trong giới văn quan. Bộ Hộ Pháp Lục do chính ngài Liên Trì thâu thập những đoạn luận về Phật pháp từ những trước tác của Tống Liêm. Bộ sách này được Tiền Khiêm Ích giảo đính.
Tiền Khiêm Ích tự là Thụ Chi, hiệu Mục Trai, biệt hiệu Đông Giản Di Lão, là một văn gia nổi tiếng vào cuối đời Minh, một trong những lãnh tụ của Đông Lâm Văn Đàn Tế Tửu, ông cùng với Ngô Vĩ Nghiệp và Cung Đỉnh Tư được xưng tụng là Giang Tả Tam Đại Gia. Giang Tả là vùng hạ lưu sông Dương Tử, thuộc địa phận tỉnh Giang Tô ngày nay. Đông Lâm là một học viện lập ra thời

đem những trước tác chuyên xiển dương Phật học, cũng như y theo bản Hộ Pháp Lục đã được ngài Liên Trì và ông Mục Trai giảo đính in riêng ngoài Toàn Tập. Có những phần không liên tục, cũng khắc in riêng. Hai tập sách ấy, mỗi thứ đều gởi cho pháp sư Đế Nhàn ở chùa Quán Tông một bộ, Quang đến chùa Quán Tông trông thấy, hoan hỷ khôn cùng, cầu Ngài thỉnh cho mình một bộ Hộ Pháp Lục. Trước kia, ông Tôn tính khắc riêng bộ Hộ Pháp Lục, xin ngài Đế Nhàn viết tựa. Sư do hằng ngày phải diễn giảng giáo nghĩa Thiên Thai cho học chúng nên chẳng rảnh rỗi để viết. Do vậy, bởi Quang thỉnh sách, ông Tôn bèn cầu ngài Đế Nhàn sai Quang gượng viết. Quang tâm như bị nút chặt, kiến giải như nhìn vào vách, sao có thể phát huy đạo của bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tể quan văn chương lừng lẫy, dùng thân - khẩu - ý tam nghiệp để chép Hoa Nghiêm Đại Kinh nhằm hoằng truyền tâm yếu của Phật, Tổ? Nhưng đã được ủy thác, nào dám nại cớ kém hèn để thoái thác! Do vậy, đại lược nêu lên những điều quan trọng liên quan đến mối nghi ngờ bàn luận của cả cõi đời mà thôi. Còn như văn chương của tác giả hùng hồn, biện bác, viên dung, thẳng chóng, phát minh tâm tông của Nho và Phật, vĩnh viễn là con mắt của trời - người, khác nào mặt trời chói ngời giữa hư không, ai có mắt đều thấy, thật chẳng cần đến Quang lấy sự hiểu biết hạn hẹp bàn chen vào nữa!

Tống gọi là Đông Lâm Thư Viện ở thành phố Vô Tích (nay thuộc Giang Tô). Thời Vạn Lịch nhà Minh, Cố Hiến Thành tu chỉnh lại thư viện này và cùng Cao Phàn Long dạy học tại đây. Vì họ phê bình triều chính nên nhiều sĩ đại phu tụ tập, tham dự vào nhóm này. Khi thái giám Ngụy Trung Hiền thao túng triều chính, rất căm ghét đảng Đông Lâm, ra sức truy bức những lãnh tụ đảng Đông Lâm, nên Tiền Khiêm Ích từng bị đi tù.

Lời tựa rằng: A Di Đà Phật chứng Bồ Đề đã lâu, an trụ Thường Tịch Quang Tịnh Độ, thường hưởng pháp lạc tịch diệt, nhưng vì chúng sanh vô tận, nguyện của ta vô tận nên chẳng lìa Tịch Quang Tự Thọ Dụng Độ, vào khắp mười phương vô tận thế giới hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh, hoặc hiển hiện hay thầm kín, hoặc chiết phục, hoặc nhiếp thọ, ắt sao cho rốt ráo lìa khỏi hai thứ sanh tử mới thôi! Đó gọi là đối với những kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín, chưa thoát liền làm cho họ gieo, chín, thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Đạo lớn, sự rộng ấy dù dùng hết biển mực cũng chẳng thể viết hết được; đành nhờ vào chuyện của Văn Hiến Công để trình bày đại khái.

Cứ dựa theo lời tựa khen ngợi của ông Văn Hiến đối với việc ngài Thích Huyễn Diệt trích máu chép kinh Hoa Nghiêm, cuối bài ông tự nêu túc nhân như sau: *"Vô Tướng cư sĩ* (đạo hiệu của Văn Hiến Công) *khi chưa ra khỏi thai mẹ, mẹ nằm mộng thấy một ông Tăng lạ lùng, tay viết kinh này, đến bảo với mẹ: 'Ta chính là Vĩnh Minh Diên Thọ, ở nhờ nhà này để viết cho xong quyển này'. Bà mẹ tỉnh giấc, liền sanh ra cư sĩ. Nay gặp được nhân thù thắng này, chợt nhớ lại chuyện cũ"*. Trong các trước tác khác cũng tự thuật sự này, nhưng những kẻ câu nệ, hư giả trong đời thường hay nghi, nói: "Vĩnh Minh chính là hóa thân của Phật Di Đà, hóa thân của Di Đà chưa liễu thoát sanh tử hay sao? Đã vì chép kinh mà ở nhờ nơi nhà người, nhưng xét trong văn tập, chưa hề nhắc nhở đến, chẳng phải là uổng thọ thân này, chẳng thỏa được nguyện cũ hay sao?" Tôi nói: Đây chính là dùng phàm tình để suy lường thánh trí, chẳng những

không biết Văn Hiến Công, mà còn là chưa hiểu ngài Vĩnh Minh và Phật Di Đà nữa!

Muốn phát huy đến cùng cực, thẹn chẳng có tài văn chương khéo léo, nhưng lời lẽ cốt đạt được ý, nào ngại bàn thẳng vào chuyện này. Phật Di Đà đã chứng cùng tột pháp giới, đối với mọi chuyện trong pháp giới, không gì Ngài chẳng tùy ý hóa hiện. Chánh báo là thân Phật, thân Bồ Tát, thân Nhị Thừa, thân lục đạo, tùy loại hiện khắp để giáo hóa. Y báo là lầu, đài, điện, gác, thức ăn, y phục. Chỉ cần có lợi ích thì không gì chẳng hóa hiện. Ngài Di Sơn nói: *"Đời tật dịch hiện làm dược thảo, lúc đói kém hóa làm thóc gạo"*. Do trong cõi Thường Tịch Quang thân và cõi nước chẳng hai, Lý và Trí như một; thân có thể hiện cõi nước, cõi nước có thể hiện thân, thân lại hiện thân, cõi lại hiện cõi. Kinh Di Đà nói: *"Các con chim ấy đều do A Di Đà Phật biến hóa ra"*. Ngài Duy Ma Cật nói: *"Do hết thảy chúng sanh bệnh cho nên ta bệnh"*. Phật Di Đà thân và cõi hiện lẫn nhau, nào ngại gì hiện thân Vĩnh Minh rồi lại hiện thân Văn Hiến!

Thêm nữa, ngài Vĩnh Minh hiện thân Văn Hiến chính là nương vào bi nguyện thị hiện hóa sanh, há có nên nói ngài Vĩnh Minh chưa liễu thoát sanh tử, vẫn phải theo nghiệp lực thọ sanh ư? Do chúng sanh bệnh nên Bồ Tát cũng bệnh. Muốn độ thoát chúng sanh nhưng không thuận theo cơ nghi, thị hiện sanh trong thế gian hòa quang đồng sự để hành giáo hóa, thì vì phàm - thánh khác nẻo, không cách gì thí giáo được! Những loài chim nhiều màu kỳ diệu như hạc, chim công v.v… Phật còn chịu biến hóa ra, huống gì hiện thân làm vua

trong chốn văn chương, phong nhã, tài hoa, làm bậc thuần Nho chế lễ, soạn nhạc, phù tá thánh chúa mà lại có trở ngại gì ư?

Ngài Vĩnh Minh là Phật Di Đà hóa hiện, Văn Hiến Công do ngài Vĩnh Minh hóa hiện, chính là chứng theo chiều dọc thân lại hiện thân. Những kinh như kinh Vô Lượng Thọ… nói *"trong quang minh hóa Phật và các Bồ Tát vô lượng vô biên"* chính là gồm thâu trọn khắp hai nghĩa dọc và ngang, vì Phật quang trọn khắp chiều ngang, cùng tột chiều dọc, không lúc nào, không nơi đâu chẳng trọn khắp. Ngài Vĩnh Minh ở nhờ nhà họ Tống để chép kinh Hoa Nghiêm chính là dùng thân để chép, dùng nghĩa để chép; chớ nên câu nệ vào văn tự ngôn ngữ để luận! Phàm những chuyện cả đời Văn Hiến Công đã làm và những gì ông ta trước thuật đều nhằm chép kinh Hoa Nghiêm. Đức hạnh cùng tột, hạnh hay đẹp của ông đã được chép trong Minh Sử nhưng vẫn chỉ là chép đại lược một hai điều, còn bị thiếu sót nhiều lắm; văn ông được truyền tụng trong đời chỉ có bộ Toàn Tập và tập sách này mà thôi! Đọc đến ắt có thể hình dung được đạo đức, tu dưỡng của ông. Bộ Toàn Tập tuy chẳng chuyên nói về Phật pháp, nhưng văn tự thế gian chưa hề chẳng bao gồm tông yếu Phật pháp.

Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì nó không uống cũng thành uống, bệnh liền lành mạnh. Những kẻ không biết Phật pháp, đọc bộ Toàn Tập của Văn Hiến Công, liền khâm phục văn chương lưu loát, rộng lớn của ông, lại khâm phục lý cao sâu, sao không đoạn nghi sanh tín, càng vào càng sâu, hiểu rõ tâm pháp của Nho và Phật, mong thoát khỏi

lồng rọ sanh tử ư? Huống chi Phật pháp được phát huy trong sách ấy nhiều hơn một trăm bảy mươi thiên. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hoặc riêng dùng chú ngữ để nói Tứ Đế, hoặc khéo dùng mật ngữ để nói Tứ Đế, hoặc dùng ngay lời lẽ của con người để nói Tứ Đế, hoặc là dùng mật ngữ của chư Thiên để nói Tứ Đế",* chính là bằng chứng vậy!

Nếu bảo: "Kinh Lăng Nghiêm cấm chẳng tiết lộ mật nhân (nhân thầm kín) của Phật, ông Văn Hiến lại tự nói mình là hậu thân của Vĩnh Minh, không phải là trái nghịch lời răn dạy thanh tịnh của Phật, bày đầu cho bọn cuồng vọng đời sau, tạo thành đầu mối đem phàm lạm thánh ư?" Tôi nói: Đối với bậc xuất cách, chẳng thể dùng cách thức thông thường để phán định! Ông chẳng thấy Phó Đại Sĩ tự xưng là Di Lặc hiện thân ư? Đã chẳng coi chuyện đó là trái nghịch, sao lại chỉ coi chuyện này là trái nghịch? Hơn nữa, cuồng vọng lạm thánh sẽ tự chuốc nhục, như khắc phân người thành hình chiên-đàn, há có thể lẫn lộn cùng chiên-đàn được ư?

Nếu nói: "Như Lai trí đoạn rốt ráo, công đức, trí huệ, thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn; Vĩnh Minh tuy cao, còn cách Phật xa lắm, huống gì là Văn Hiến?" Tôi nói: Chắc ông cũng biết chuyện hoàng đế vi hành chớ? Người trí biết là hoàng đế, kẻ ngu coi là bình dân, còn có khi nghi là gián điệp, là đạo tặc nữa kia! Sao lại riêng nghi chuyện trong bí mật, bề ngoài hiện này nọ của Như Lai? Phải biết: Đây chính là phương tiện khéo léo lập cách giáo hóa của Như Lai, ngầm nêu *"chúng sanh chính là Phật, Quyền chính là Thật, sanh diệt chính là tịch diệt, Đồng Cư chính là Tịch Quang",*

những ngôn ngữ, xử thế, nghề nghiệp mưu sinh v.v… đều thuận theo chánh pháp, đều chẳng trái nghịch ý chỉ Thật Tướng nhỏ nhiệm. Bậc thượng căn thoạt nhìn bèn hiểu, hàng trung - hạ phải do giải thích mới có thể hiểu rõ được.

Do đại từ bi bèn dùng chuyện từ Tích hiển Bổn này để người hiểu biết nông cạn có thể biết được trọn vẹn chuyện hiện khắp các sắc thân chẳng thể nghĩ bàn của bậc Pháp Thân đại sĩ. Như chuyện trong cõi âm, dương gian chẳng biết; nhưng Thượng Đế cực lực mong muốn người đời cải ác tu thiện nên cũng thường đem người dương gian vào cõi âm, chỉ bày ngục trong cõi âm cho dương thế. Phương tiện quyền xảo dạy người của Thượng Đế tình kiến phàm phu còn chưa thể suy lường được, huống chi Bồ Tát thần biến vô phương? Do vậy, tôi nêu ra ngõ hầu ai nấy tuân hành, cùng thoát Sa Bà, cùng sanh Tịnh Độ, hòng thỏa tâm Phật Di Đà đại từ bi bao lượt hiện thân, mà cũng chẳng cô phụ ngài Văn Hiến chép kinh, một phen ông Tôn dốc lòng khắc bản. Phàm con ngựa nào mong được như ngựa Ký thì cũng là hạng ngựa Ký, người mong được như Nhan Uyên thì cũng là hạng như Nhan Uyên. Tôi chưa từng biết mặt ông Tôn. Nếu không phải đời trước ông ta từng được Phật phó chúc, thì cũng phải là đã gội ân sâu của họ Tống, cho nên mới thừa nguyện tái lai, cực lực lưu thông, khiến cho hữu tình hiện tại, vị lai cùng được đượm nhuần pháp lợi không sót. Tốt đẹp thay! Cao quý thay!

9. Lời đề từ và tựa bản in lại Long Thư Tịnh Độ Văn

(viết thay cho ông Vương Hoằng Nguyện)

Tâm tánh chúng sanh bằng với chư Phật, do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai từ mẫn, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp hàm thức đều theo đường về nhà. Hiềm rằng căn tánh muôn thứ chẳng giống nhau, nếu không phải người lỗi lạc sẽ khó thể thoát khỏi! Nhân đấy, bèn đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ để nhiếp khắp hết thảy: Thượng trung hạ căn, Ngũ Nghịch, Thập Ác tướng địa ngục hiện, nhất niệm dốc lòng thành, liền lên được bờ kia. Đẳng Giác Bồ Tát đức bằng với Phật, còn phải vãng sanh mới chứng được Bồ Đề. Phàm phu sát đất, đầy đủ phiền não, chẳng chịu niệm Phật, làm sao tốt lành cho được? Nhắn với người đời, cùng sanh tín nguyện, chấp trì Phật hiệu, từ đầu đến cuối không thay đổi, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, mau ra khỏi Ngũ Trược, lên thẳng chín phẩm, thấy Phật nghe pháp, tự chứng Vô Sanh, nương đại nguyện luân phổ độ hữu tình.

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn do Như Lai tâm bi triệt để phổ độ chúng sanh, khiến cho những kẻ không có sức đoạn Hoặc, hàng phàm phu sát đất tín nguyện trì danh liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bầu bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát địa vị gần với Phật Quả, còn cần phải vãng sanh, mới thành Chánh Giác. Chí viên, chí đốn, thông trên thấu dưới, vượt trội các pháp môn đã được nói trong một đời giáo hóa tại một phương. Vì thế, khi đức Phật giảng kinh Di Đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài cùng

một giọng khen ngợi, xưng là kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm. Lại khen đức Thích Ca Thế Tôn ta có thể làm được chuyện hy hữu rất khó, đức Thế Tôn ta tự nêu túc nhân rằng: Ta ở trong đời ác Ngũ Trược, làm chuyện khó khăn này, chứng được Bồ Đề, vì hết thảy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó, khiến cho người nghe tin nhận phụng hành, diễn bày rốt ráo bổn hoài xuất thế vậy.

Nhưng pháp môn này rất sâu khó lường, dẫu được Bổn Sư và chư Phật cùng khuyên tin tưởng, thế nhưng kẻ nghi trong đời vẫn còn rất nhiều! Chẳng những thế trí phàm tình không tin, ngay cả những hàng tri thức thâm hiểu sâu xa Tông, Giáo vẫn còn nghi hoặc. Không những bậc tri thức không tin mà ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không cũng vẫn còn nghi hoặc! Chẳng những hàng Tiểu Thánh không tin, ngay đến bậc Quyền Vị Bồ Tát hãy còn nghi ngờ! Cho đến ngay cả bậc Pháp Thân đại sĩ tuy có thể tin chắc, nhưng vẫn chưa thể thấu nguồn tột đáy. Ấy là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm cái tâm để tu nhân, toàn thể là cảnh giới Phật. Chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo thấu hiểu cùng tột, trí của những hạng người kia dễ hòng biết được nổi! Bọn phàm phu chúng ta ngửa tin lời Phật, y giáo phụng hành, tự được lợi ích chân thật. Nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này chính là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn, huống chi còn tin nhận phụng hành nữa ư?

Truy nguyên, từ khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công sáng lập Liên Xã. Từ đấy trở đi, bậc cao nhân trong Tông, trong Giáo, không ai chẳng hoằng

dương, khen ngợi, như Trí Giả, Từ Ân, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v… vì pháp này là môn trọng yếu nhất để nhập đạo cho người sơ cơ, là bước cuối cùng để thành Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, hạng phàm phu đầy dẫy phiền não nương theo Phật lực để liễu sanh tử, không thể dùng toán số thí dụ để biết được nổi! Nhằm vào thời Nam Tống, bậc tiên đức trong tông ta có cư sĩ Long Thư, tên là [Vương] Nhật Hưu, tự là Hư Trung, thừa nguyện tái lai, dùng thân thuyết pháp: Tuy sống trong trần tục, nhưng chẳng lập gia đình, tuy đậu quốc học nhưng chẳng làm quan, phát huy tâm tông Nho - Phật, dạy dỗ hàng đệ tử có đủ lòng tin. Lại muốn cho đồng nhân đều cùng sanh Tịnh Độ, nên soạn sách này để hướng dẫn rộng khắp. Lời lẽ đơn giản nhưng mẫu mực, lý lẽ sâu xa nhưng rõ rệt, thuận theo căn cơ kém cỏi, khéo léo dẫn dụ dần dần, dốc lòng đau đáu chiều theo tâm họ, không gì chẳng thấu. Sợ họ ngại khó chẳng vào, nên dùng cách Thập Niệm buổi sáng để làm phương tiện tối thắng nhiếp trọn các căn cơ; đợi đến khi vào sâu dần dần, như được thức ăn ngon lành, đã biết mùi vị, liền đối với những pháp nhật dụng sẽ tự khăng khắng vâng giữ, chỉ nghĩ đến Phật, nào phải chỉ hạn cuộc trong [thời gian niệm Phật chừng bằng] một bữa trà; lấy đó làm nề nếp nhất định! Nếu có thể đầy đủ tín nguyện, cả đời kiên trì Thập Niệm, ắt quyết định vãng sanh. Huống chi lại gia công dụng hạnh!

Chẳng phải chỉ có thế, dù cho hoàn toàn không có tín nguyện, không tu trì, nhưng biết đến thánh hiệu Di Đà thì cũng là thiện căn chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Là vì do biết [Phật hiệu] nên hễ gặp cảnh đụng duyên,

sẽ có thể đề khởi. Như Trần Xí bị oán quỷ [là những kẻ từng bị] chính ông ta giết chết, kéo đến bức bách; nhờ niệm Phật, quỷ bèn chẳng hiện nữa. Do vậy, cả đời niệm Phật. Lâm chung vãng sanh lại còn có thể quay trở lại tự thuật tiền nhân, đích thân hiện diệu tướng sanh Tây của chính bản thân. Nếu trước kia, chưa từng được nghe biết [danh hiệu Phật] ắt sẽ bị quỷ đoạt mạng, mãi mãi luân hồi. Do vậy, ba phước trong Quán Kinh thì phước đầu tiên là những điều thiện thế gian, đều có thể dùng để hồi hướng, và trong chín phẩm thì phẩm cuối cùng chính là những kẻ tướng địa ngục đã hiện còn được vãng sanh. Còn những ai nhất tâm bất loạn, diệu quán viên thành, chứng tam-muội mà vãng sanh thì không cần phải bàn đến nữa! Do vậy, biết pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp mọi căn cơ hoàn toàn chẳng bỏ sót ai, tốt lành thay, cao quý thay, lớn lao thay!

Sách ấy lấy lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, ngay trong đời này quyết định được vãng sanh làm Tông. Đọc kỹ sẽ đoạn nghi sanh tín, khuyên khắp mọi người tu trì. Riêng nêu những sự tích vãng sanh để khuyên lơn, cũng như những việc cả một đời Vương cư sĩ đã làm, cuối sách chỉ rõ: Thượng trung hạ căn không căn nào chẳng được thâu tóm. Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh không pháp nào chẳng phô bày rõ ràng. Do vậy, bèn khắc in phổ biến rộng khắp để hòng đáp tạ chừng bằng một giọt nước biển trong trần sát[25] "công Phật Thích Ca thuyết pháp, chư Phật chứng minh,

---

[25] Trần sát là một thuật ngữ trong kinh Hoa Nghiêm, diễn tả số cõi nước Phật nhiều như số vi trần.

liệt tổ truyền đăng, tâm đại từ bi soạn sách của Vương cư sĩ" mà thôi!

10. Tựa chung cho các sách Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên và Lục Đạo Luân Hồi Lục

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh thật sự không hai không khác với tam thế chư Phật, nhưng do chưa ngộ nên chẳng thể thọ dụng. Vì thế phẩm Như Lai Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm có câu: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí sẽ được hiện tiền"*. Nên biết: Trí huệ và vọng tưởng chấp trước vốn chẳng phải là hai vật! Mê thì toàn thể trí huệ biến thành vọng tưởng, chấp trước. Ngộ thì toàn thể vọng tưởng, chấp trước biến thành trí huệ. Ví như nắm bàn tay lại hay xòe bàn tay ra, vốn chỉ là một bàn tay. Kết thành băng hay tan thành nước vốn chỉ là một thứ nước. Ấy là do Tâm Thể bất biến, Dụng thường tùy duyên, nhưng Thể thường bất biến. Tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong trần không nhiễm, lìa cấu chẳng tịnh, ở trong sanh tử chẳng bị luân hồi, chứng Niết Bàn nhưng chẳng thuộc Tịch Diệt. Không có hình tướng nhưng làm chủ của muôn hình tướng, không có pháp nào nhưng là tông của muôn pháp.

Từ trước đến nay, thường tự như như, trọn chẳng có phàm - thánh, chúng sanh - Phật sai khác! Ngộ thì gọi là Hiền, chứng thì gọi là Thánh. Nếu chỉ sẵn có nhưng chưa ngộ, tuy có Tánh Đức, trọn chẳng có Tu Đức thì

chỉ là phàm phu luân hồi trong lục đạo mà thôi! Do Dụng tùy duyên nên có tứ thánh lục phàm[26], khổ - vui thăng trầm sai khác. Nhưng duyên có nhiễm - tịnh, ắt theo một trong hai thứ đó. Theo nhiễm duyên thì khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Theo tịnh duyên thì đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng - nhẹ nên có đường lành trời - người và đường A Tu La thiện - ác xen tạp, cũng như ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp, hoặc thiện hay ác, trọn không có tướng nhất định cho nên chỗ thọ sanh lần lượt đổi dời như bánh xe [xoay tròn] không có khởi đầu, thoạt lên thoắt xuống. Đã có đủ Phiền Hoặc thì đều bị nghiệp ràng buộc, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự chủ.

Do đoạn chứng có nông - sâu, nên người đoạn Kiến Tư thì chứng quả Thanh Văn. Người dứt được tập khí thì chứng quả Duyên Giác. Người phá vô minh chứng quả Bồ Tát. Nếu phá sạch hết vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phơi bày trọn vẹn, thì chứng Phật Quả. Chứng Phật Quả chẳng qua cũng chỉ là chứng triệt để rốt ráo công đức lực dụng sẵn có nơi tâm tánh trong địa vị phàm phu, nay tự thọ dụng được toàn thể mà thôi, chứ chẳng hề thêm mảy may gì vào cái sẵn có ban đầu cả! Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy sở chứng cao - thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng hoàn toàn công đức sẵn có nơi tánh.

---

[26] Tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Lục phàm là trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Ngược lại, hết thảy phàm phu dùng sức tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn này để khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi đọa trong ba ác đạo, vĩnh viễn luân hồi. Toàn là như vậy, chẳng đáng buồn ư? Dù cho tận lực tu Ngũ Giới, Thập Thiện, được làm thân trời - người, nhưng phước lạc trong nhân gian chính là căn bản của đọa lạc. Phiền Hoặc trong cõi trời tuy chẳng mãnh liệt sắc bén như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời vừa hết, chắc chắn phải sanh xuống cõi thấp hơn. Do túc phước chưa hết, nên được hưởng phước. Do hưởng phước bèn tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp rồi, phải đọa ác đạo đúng là trong nháy mắt! Huống chi có người do mạng trời đã hết, bèn vì sức của ác nghiệp đời trước đã chín muồi, đọa thẳng vào ác đạo! Do vậy, cổ đức nói người tu hành nếu không chánh niệm tu trì Tịnh nghiệp, chỉ được phước báo nhân thiên, gọi là *"mối oán đời thứ ba"*.

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Tam giới không yên như nhà lửa cháy, các khổ đầy dẫy, thật là đáng sợ!"* Người biết tốt - xấu ắt sẽ coi chuyện gấp cầu thoát lìa, hòng được an ổn là kế sách bậc thượng. Đại trượng phu sanh trong thế gian, đã biết một niệm tâm tánh của chính mình không khác gì chư Phật, lại biết nhân quả tu chứng trong mười pháp giới chẳng ra ngoài tự tâm. Cho nên, sẽ phát đại Bồ Đề [tâm], tận lực tu Định Huệ, mong đoạn Hoặc chứng Chân, thành ngay Phật đạo, khiến cho chúng sanh trong khắp pháp giới cùng ra khỏi đường mê, cùng lên bờ giác, rốt ráo tự chứng được tâm tánh vốn sẵn có mới thôi. Nếu là kẻ căn cơ kém cỏi, chưa thể làm được như thế, thì phải dùng lòng tín nguyện sâu

dốc sức tu Tịnh nghiệp, nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Để đến khi chứng Vô Sanh Nhẫn, lại nương theo nguyện trở lại độ thoát chúng sanh. Nhưng trước lúc vãng sanh phải phát Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người, dẫu chẳng thể hiện tướng lưỡi rộng dài, vang rền Hải Triều Âm thì cũng nên đối với kinh luận của Phật, Tổ, di thư của bậc tiên hiền, tìm lấy bộ nào khế lý khế cơ, dễ dàng lãnh hội được, biên tập thành sách để lại cho tương lai. Phàm là nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi và công đức Tam Bảo, lợi ích của Phật pháp, và "đạo độ khắp ba căn, pháp phàm thánh cùng tu", bèn phân môn chia loại, trình bày phân tích rạch ròi, khiến cho người đọc xem đến, tự nhiên tự biết chỗ lấy - bỏ. Từ đó, đoạn nghi sanh tín, quy tâm đại giác, hoặc là liễu sanh tử ngay trong đời này, hoặc trở thành nhân duyên đắc độ trong vị lai.

Nếu không có được tai mắt ấy, chớ nên mạo muội theo đuổi, hãy nên khắc in lưu truyền các sách khế lý khế cơ của cổ nhân, ngõ hầu những sách ấy được lần lượt truyền bá, xiển dương, vĩnh viễn dùng làm thuyền Từ, quả thật không còn công đức nào lớn hơn. Những điều vừa nói trên đây tuy chí nhằm lợi người, nhưng công giáo hóa thật sự quy về chính ta. Do vậy, trong đời hiện tại phước huệ tăng cao, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm. Há chẳng phải là bậc trượng phu đường đường, oai nghi tốt lành rạng rỡ hay sao? Nếu không biết nghĩa này, chỉ căn cứ theo Thế Đế tu dưỡng, dẫu cho đời này nắm thật vững đạo "ý thành tâm chánh", chỉ e một khi chuyển sang đời khác lại bị mê hoặc, bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ báo. Như lá cuốn

theo gió đùa chẳng thể tự chủ, hoặc rơi trên nệm, hoặc rớt vào nhà xí. Nghĩ rồi chẳng thấy thật đáng sợ lắm ư?

Cư sĩ Đinh Phước Bảo chuyên tinh học Y kể đã mấy năm. Kế đó, nghĩ bệnh sanh từ thân, thân do nghiệp sanh, nghiệp do tâm sanh. Nếu chỉ trị thân, quả thật chẳng phải là đạo nhổ rễ lấp nguồn rốt ráo vậy. Do vậy bèn nghiên cứu Phật học, tiên chú[27] các kinh, muốn cho hàng sơ cơ dễ lãnh hội, nên dùng phương cách huấn hỗ[28] của Hán Nho sao cho dù văn hay nghĩa đều thông suốt. Ấy là vì kinh Phật sâu xa, uyên áo, ý nghĩa vô cùng, chú sớ của cổ đức đa phần chú trọng nêu lên cương lãnh, xiển dương chỗ nhiệm mầu, không giải thích tường tận từng câu từng chữ, khiến cho hàng sơ cơ thật khó thể lãnh hội! Nếu dùng phương pháp huấn hỗ để nhập môn thì sẽ tự có thể đăng đường nhập thất, sau đấy mới nghiên cứu chú sớ của cổ đức ắt sẽ như mặt trời chói lọi giữa không trung, không điều gì nhỏ nhặt chẳng chiếu thấu, bất tất phải chấp [những gì được giải thích sơ khởi] ở đây là rốt ráo vậy.

Lại do Nho gia trong đời quen chấp vào sự thấy nghe, không tin con người chết đi thần minh bất diệt, không tin những chuyện nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo. Người bậc thượng chỉ có thể làm kẻ tự lo giải thoát cho chính mình, hoàn toàn chẳng thể thay đổi phong tục,

---

[27] Tiên chú: Chú thích, giải thích ý nghĩa kinh điển.

[28] Huấn hỗ là giải thích ý nghĩa văn tự: Từ giải thích từng chữ đến giải thích trọn vẹn ý nghĩa cả đoạn văn, cả chương sách. Vận dụng những từ ngữ bình dị, thông dụng để giải thích những văn chương, trước tác phức tạp.

giác thế dạy dân[29]. Kẻ bậc hạ bèn cho rằng "đã không có nhân quả, chết đi bèn vĩnh viễn diệt mất", sao không muốn điều gì bèn làm điều đấy để cả một đời này được khoái lạc ư? Từ đó, phóng túng không kiêng dè, yên tâm làm ác, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống. Do vậy, ông Đinh đem tất cả sự tích rõ ràng về nhân quả báo ứng trong kinh luận của Phật, Tổ và các di thư của những bậc hiền nhân Tăng -Tục xưa nay chép thành ba bộ:

1) Thứ nhất là Lục Đạo Luân Hồi Lục, nhằm chỉ rõ chuyện thăng trầm trong lục đạo về mặt Lý lẫn mặt Sự, những cảnh tượng trong chốn u minh, trạng huống của quỷ thần. Đồng thời chỉ rõ muốn thoát khỏi nỗi khổ trong đường tăm tối, mà bỏ đại pháp của Như Lai thì hoàn toàn chẳng thể nương cậy vào đâu được. Quả là bộ sách cải ác tu thiện, xả mê quy ngộ, kính cẩn sùng mộ Phật pháp, là bước ban đầu khiến cho người ta hâm mộ chân thừa.

2) Bộ kế tiếp tên là Phật Học Khởi Tín Biên. Bộ kế đó là Phật Học Chỉ Nam. Ý chỉ của hai cuốn sách này gần giống nhau. Trước hết, nói về nhân quả báo ứng, tiếp đến nói về công đức Phật pháp; nhưng chỗ khác nhau là bộ Khởi Tín chú trọng vào nghĩa đầu tiên, còn bộ Chỉ Nam chú trọng vào nghĩa thứ hai. Những công đức Phật pháp được nhắc đến trong sách cũng đều sao lục từ sách vở của những bậc cao nhân dật sĩ; nhưng vì hạn cuộc vào từng thiên, nên không khỏi bị thiếu sót.

---

[29] Nguyên văn *"giác thế phiến dân"* (làm cho cõi đời tỉnh giác, khai thông dân trí).

Nhưng nếu tín căn đã sanh thì đã có đủ Đại Tạng kinh luận và sách vở của thánh hiền tồn tại [để tham khảo]. Sách này chẳng qua là sách nhập môn để dẫn người ta tiến vào Phật pháp, há nên vin vào đây rồi tự giới hạn mình, ngừng lại không tiến tới nữa! Thuật lại những sự ấy, tấm lòng ấy quả thật rộng lớn, lợi ích quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

Quang túc nghiệp sâu nặng, có mắt như mù, lạm dự vào Tăng chúng, uổng hưởng của tín thí, thẹn chẳng có năng lực tu Định Huệ đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ mong nương theo Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. May sao ông Đinh chẳng vì đó mà chê bỏ, hễ có trước thuật gì đều gởi đến cho. Nhưng chữ nhỏ mắt quáng, bất quá giở xem qua loa để kết duyên tùy hỷ mà thôi. Gần đây, được thấy ba bộ sách này, khôn ngăn cảm động, muốn lưu truyền rộng rãi, hiềm là nghèo không chỗ cắm dùi, bèn chẳng nề hà kém cỏi, viết tựa giới thiệu đại lược. Mong sao nơi nơi chốn chốn, những người có tâm lo cho thế đạo sẽ lần lượt lưu thông, truyền bá nhiều nơi. Như thế chẳng những sẽ thỏa lòng đúc kết, biên tập của ông Đinh mà quả thật còn là thay cho Phật, Tổ, hiền nhân, hiện tướng lưỡi rộng dài rền tiếng hải triều không ngớt vậy. Sẽ thấy phong tục đổi thay, nhanh chóng đạt đến đại đồng bình trị, dân hòa, thời thế tốt đẹp, cùng hưởng niềm vui vô vi. Công đức lợi ích ấy sẽ có thọ lượng bằng với mười phương hư không, há có thể dùng văn tự ngôn ngữ để hình dung được nổi ư? Nếu chẳng vì người kém cỏi mà vứt bỏ hoàn toàn lời này thì may mắn lắm thay!

11. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ nhất)

Cái đạo sẵn có trong tâm chúng ta lớn lao thay! Pháp sẵn có trong tâm chúng ta nhiệm mầu thay! Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung. Ly niệm, ly tình, bất sanh bất diệt. Đó gọi là *"có mà chẳng có, không có mà có"*, hoặc: *"Không mà chẳng không, chẳng không lại không"*. Chúng sanh và Phật đều do đây mà ra, thánh hay phàm đều chẳng thể diễn tả được. Giống như gương sáng trọn chẳng có một vật nào, nhưng hễ Hồ đến, Hán hiện[30]. Như các tướng xa xôi trong thái hư chẳng trở ngại mặt trời chiếu qua mây đùn. Đấy chính là *"nơi Thật Tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần, trong tâm Bổn Giác có đủ trọn vẹn các pháp"*. Đấy chính là vô thượng giác đạo do đức Như Lai đã chứng, đó cũng là chân tâm thường trụ của chúng sanh đang mê.

Tam giáo thánh nhân nương theo tâm tánh này, đều lưu lại ngôn giáo, rộng hướng dẫn quần manh. Do vậy, Ni Sơn[31] nêu ý chỉ "thành minh" sâu xa để làm đường lối tu - tề - trị - bình; Trụ Sử[32] nói Đạo Đức Kinh, chỉ bày thuật trường sanh. Đại Giác Thế Tôn xứng pháp giới tánh, chỉ bày tâm Chân Như, diễn giảng đạo "nghịch trần hiệp giác", lập tông "bất sanh bất diệt". Tuy cạn - sâu, lớn - nhỏ bất đồng, thế gian, xuất thế

---

[30] Nói gọn của câu *"Hồ đến Hồ hiện, Hán đến Hán hiện"*

[31] Ni Sơn là tên một ngọn núi ở quê Khổng Tử. Cha mẹ Ngài cầu tự được Ngài từ núi này nên Khổng Tử có tên tự là Trọng Ni.

[32] Trụ Sử là gọi tắt của Trụ Hạ Sử, là một chức quan thời nhà Châu, nhà Tần, tương đương với chức quan Ngự Sử thời Hán. Lão Tử Lý Đam từng làm chức quan này thời Châu. Như vậy, Trụ Sử ở đây chính là Lão Tử.

gian khác biệt, nhưng chủ yếu đều chẳng ngoài việc phát huy, diễn bày thông suốt cái lý sẵn có trong tâm chúng ta khiến cho khắp các hàm thức đều xứng tánh khởi tu, do tu hiển tánh, tiêu tan huyễn vọng vốn dĩ không có, khôi phục thiên chân sẵn có, vĩnh viễn thoát đường mê, chứng ngay lên bờ giác mới thôi.

Văn Xương Đế Quân trong đời xa xưa, tâm giữ vẹn Ngũ Thường, tận lực phụng trì Tam Giáo, tự hành, dạy người, chỉ muốn đạt đến chí thiện, công cao đức cả, nên bèn được cai quản văn học. Chỉ sợ hàng mạt học vô tri, mê muội tánh thường trụ bao kiếp, bèn soạn văn dạy dỗ rộng rãi, thuật chuyện một trăm mười bảy đời về trước. Diệu nghĩa vô tận, ai lường được uyên nguyên. Chú giải dẫu nhiều, chẳng thể phô bày hết lẽ uyên áo mênh mông. Cho nên ngàn đời trước, ngàn đời sau, người dạy dỗ, kẻ được dạy dỗ thảy đều nuối tiếc chưa thỏa ý.

An Sĩ tiên sinh xưa đã trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, xem rộng rãi cùng tột các sách, thâm nhập kinh tạng, tự đặt trách nhiệm tỉnh giác cõi đời, khai hóa dân trí, giữ thân tốt đẹp, thay đổi phong tục để nêu khuôn mẫu tốt đẹp. Dùng học thức kỳ tài diệu ngộ, dùng tâm pháp Linh Sơn - Tứ Thủy[33] để soạn bản chú giải cho bài văn tùy cơ thuyết pháp của Đế Quân khiến cho kẻ nhã, người tục cùng được xem. Lý vốn nơi tâm, từ ngữ nêu được chỗ trọng yếu, dẫn chứng sự thật, xé toạc mây mê

---

[33] Tứ Thủy là tên một con sông ở tỉnh Sơn Đông, chảy qua huyện Khúc Phụ, quê hương Khổng Tử. Khổng Tử là người nước Lỗ (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông). Sau khi tạ thế, Ngài được chôn cạnh sông Tứ Thủy. Ở Sơn Đông, nay cũng có huyện Tứ Thủy. Như vậy, "dùng tâm pháp Linh Sơn Tứ Thủy" chính là dùng tâm pháp của Phật và Nho.

nơi cõi ý, xiển dương nghĩa lý, ý chỉ, giương cao vầng mặt trời trí huệ trên bầu trời tâm tánh khiến cho người đọc đối với pháp gì, chuyện gì cũng đều có chỗ để phỏng theo, tâm tâm, niệm niệm thường biết kinh sợ, dè dặt. Thật là đã vạch toang tấm lòng đau đáu của Đế Quân, giãi bày hết cả ra, ngõ hầu ngàn đời trước, ngàn đời sau, người dạy dỗ, kẻ được dạy dỗ đều thỏa thích, không còn nuối tiếc mảy may gì nữa!

Nhưng bi tâm chưa hết, từ nguyện chẳng cùng, muốn khiến cho nhân dân đề cao lòng trung hậu, khoan thứ như đối với người ruột thịt, dứt đao binh, hưởng tuổi trời, giữ lễ nghĩa để vẹn luân thường, chuộng đức, xa lìa sắc đẹp. Do vậy, ông bèn soạn bộ sách răn kiêng giết tên là Vạn Thiện Tiên Tư, bộ sách răn kiêng dâm tên là Dục Hải Hồi Cuồng. Ấy là vì người đời sát nghiệp nhiều nhất, dâm nghiệp dễ phạm. Do vậy, chẳng ngại phiền nhọc, ra rả khuyên răn. Lại vì tu tràn lan những chuyện lành thế gian chỉ được phước trời - người, khi hết phước sẽ đọa lạc, khổ độc làm sao dứt cạn cho được? Do vậy, từ những kinh luận Tịnh tông, ông chọn lấy những lời lẽ phù hợp căn cơ, gộp thành một bộ sách, đặt tên là Tây Quy Trực Chỉ, khiến cho khắp những ai giàu sang, nghèo hèn, già, trẻ, trai, gái, dù trí hay ngu, dù Tăng hay tục, đều cùng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc, thoát khỏi luân hồi, lên thẳng Bất Thoái, từ tạ những nỗi khổ do vọng nghiệp cảm thành, hưởng sự vui tâm ta sẵn có.

Ba bộ sách trước tuy giảng về việc tu hành điều thiện thế gian, nhưng cũng có pháp liễu sanh thoát tử. Bộ sách cuối cùng này tuy nói về pháp liễu sanh tử,

nhưng cũng phải tu hành các thiện pháp thế gian. Còn như những chuyện thuận lý dẫn đến điều lành, trái nghịch dẫn đến điều xấu đều phân tích rạch ròi, dứt nghi, giải đáp những vấn nạn, lý trọn, văn khéo. Nỗi niềm lay động kẻ điếc, làm sáng mắt người mù càng thống thiết hơn cứu người bị chết đuối hay đang bị lửa thiêu. Thật có thể nói là dựng thiên địa, lập quỷ thần, bổ trợ sáu kinh, nâng đỡ danh giáo, đáng là bộ kỳ thư tốt lành nhất trong đời, chẳng thể xem giống như những bộ thiện thư tầm thường khác. Nếu bảo tiên sinh chẳng phải là Bồ Tát thừa bổn nguyện luân, hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh thì tôi chẳng tin.

Bất Huệ lúc bé đọc sách Nho, chẳng biết tâm truyền của Khổng Mạnh, lớn lên học Phật thừa, chưa ngộ được tánh thể của Như Lai. Đến nay tuổi sắp tri mạng (năm mươi), kiến giải như nhìn vào vách, chỉ có cái tâm ham thiện, chẳng có mảy may sức lợi người gì, muốn đem sách này in khắc lưu truyền, hiềm rằng nghèo không chỗ cắm dùi, lại lười mộ duyên. Do vậy, nhiều năm chưa thỏa được nguyện. Cư sĩ Lý Thiên Quế ở Tây Thục có linh căn từ xưa, dốc lòng hành thiện mong chứng đắc vô thượng Phật pháp, đến triều bái danh sơn Phổ Đà. Ở Pháp Vũ Thiền Tự, ngẫu nhiên gặp gỡ, nếu không có sẵn túc duyên, sao lại giải cấu[34] như thế? Ông bèn khuất mình hỏi pháp, cầu xin lẽ xuất yếu (đạo lý trọng yếu để giải thoát). Nhân đó, tôi bèn dạy *"tận lực giữ luân thường, tinh tu Tịnh nghiệp, tự lợi, lợi tha, chỉ lấy đó làm trọng"*. Nếu có thể tận lực thực hành không

---

[34] Giải cấu: Vô tình gặp gỡ nhau. Truyện Kiều có câu: *"May thay giải cấu tương phùng. Gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa"*.

tỳ vết thì mới cảm hóa được đồng nhân. Nếu hành vi chẳng phù hợp lời nói thì phụng pháp lại trở thành hoại pháp. Những kẻ chẳng tu đức thế gian, chẳng tận lực làm lành, không phải là vì không có tư chất để tu đức, làm lành, mà là vì không có thầy tốt bạn lành để hướng dẫn. Nên bèn tặng cho ông ta cuốn sách này, bảo hãy đọc kỹ, chăm chú sao cho hành vi cử chỉ của mình đều phù hợp với những gì được chỉ bày, dạy dỗ trong sách này, không sai khác chút xíu nào thì mới nên. Ông ta khác nào được vật quý báu nhất, mừng rỡ khôn cùng, phát nguyện khắc in để rộng lưu truyền. Lại xin tôi viết tựa để bảo khắp đồng nhân. Do vậy chẳng nề hà kém cỏi, lược thuật đầu đuôi. Những ai có chí thờ vua giúp dân, tu thân, tề gia, dạy con cháu mong thành thánh thành hiền, ngộ tâm tánh liễu sanh tử thì xin hãy đọc kỹ rồi tận lực thực hành, đừng cho lời tôi là hư vọng, sai quấy vậy!

12. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ hai)

Hai nghiệp dâm - sát chính là căn bản sanh tử của hết thảy chúng sanh. Khó đoạn nhất chỉ có dâm, dễ phạm nhất chỉ có sát. Trong hai thứ này, đối với dâm thì những ai biết tự ái đôi chút còn có thể tự chế chẳng phạm. Nhưng muốn cho ý địa thanh tịnh, trọn chẳng có mảy may gì thì chỉ bậc A La Hán đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể làm được. Còn ngoài ra, tuy tập khí ái nhiễm dày - mỏng khác nhau, nhưng đều đã cố kết triền miên trong tâm thức, từ kiếp này sang kiếp khác, chưa

thể giải thoát. Sát thì thế gian đều coi là chuyện đương nhiên, cậy mình mạnh, lấn áp kẻ yếu, dùng thịt chúng nó để no bụng mình. Chỉ cốt sướng miệng một lúc, ai tin phải bao kiếp đền bồi? Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như vậy cho đến mười đời, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng nhau sanh cho đến cùng tột đời vị lai"*. Cổ đức nói: *"Muốn cho thiên hạ không binh kiếp, trừ phi chúng sanh không ăn thịt"*. Lại nói: *"Muốn biết kiếp đao binh trong thế gian, hãy nghe tiếng lò mổ thịt nửa đêm"*.

Đã có nhân ấy ắt phải chuốc lấy quả ấy. Chẳng nghĩ đến thì thôi, hễ nghĩ tới bèn rất sợ hãi. An Sĩ tiên sinh kính vâng lời Phật sắc truyền, riêng rủ lòng từ mẫn, do vậy soạn bộ Dục Hải Hồi Cuồng để răn kiêng dâm, soạn bộ Vạn Thiện Tiên Tư để răn kiêng giết. Dẫn chứng sự thật, nêu rõ nhân quả. Thiết tha mong người khắp cõi đời cùng giữ tấm lòng chân thật "cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, nghĩ loài vật cũng như mình", vĩnh viễn dứt bỏ chuyện thương tổn thuần phong, loạn hoại luân lý, dứt ác niệm cậy mạnh hiếp yếu. Lại muốn cho đồng nhân đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện; do vậy, bèn chú thích tường tận bản Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, để những hành vi thường ngày, khởi tâm xử sự, chuyện lớn như trị quốc an dân, chuyện nhỏ như một lời, một niệm, đều tuân thủ theo lời dạy răn, đều giữ khuôn phép. Do vậy, thuyết "giữ lòng kính, dè dặt, cẩn thận, chánh tâm thành ý" của cổ thánh tiên hiền chẳng đến nỗi thành chuyện bàn xuông mà thôi! Ba bộ sách trên đây văn từ, lý lẽ, không

gì chẳng trội tuyệt xưa nay, bổ trợ kinh điển, giúp cho bình trị.

Bởi tiên sinh do kỳ tài diệu ngộ, dùng bút mực phát huy tâm pháp của Phật, Tổ, thánh hiền, cho kẻ nhã lẫn người tục cùng xem vậy. Tuy nhiên, người đã có thể kiêng dâm, kiêng sát, không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, nhưng nếu chẳng liễu sanh thoát tử, làm sao đảm bảo đời đời kiếp kiếp chẳng quên mất tu trì? Người luôn sanh trong thiện đạo, rộng tu phước huệ, chẳng đọa đường ác để đền trả lẫn nhau, há được mấy ai? Liễu sanh thoát tử, nào có dễ đâu? Chỉ người tận lực tu Định Huệ, đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể rốt ráo tự do. Ngoài ra, dù có tôn quý như Thiên Đế, tột bậc là Phi Phi Tưởng Thiên, phước thọ tám vạn đại kiếp, vẫn thuộc trong vòng trói buộc của nghiệp lực thiện ác, bị nghiệp lực thiện ác xoay chuyển!

Do vậy, riêng nương theo một pháp "cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh" của đức Như Lai, thâu thập rộng rãi những nghĩa trọng yếu trong kinh luận Tịnh Độ, soạn thành một bộ sách, đặt tên là Tây Quy Trực Chỉ. Nếu đọc đến sách này, tin tưởng chắc chắn không nghi, sanh tín, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, bất luận căn cơ lợi hay độn, tội nghiệp nặng hay nhẹ, cũng như công phu cạn hay sâu, cốt sao tín nguyện chân thành, thiết tha, trì danh hiệu Phật, đến lúc lâm chung không ai chẳng được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngộ tự tâm ngay trong đương niệm, chứng giác đạo trong tương lai.

Nghĩa lý, lợi ích ấy chỉ có chứng mới biết được, cố nhiên ngòi bút chẳng thể diễn tả được nổi. Điều này thuộc về chuyện dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao, đạt được lợi ích lớn lao như thế. So với chuyện cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử thì khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Hiện nay, các nước bên Tây Phương đại chiến đã mấy năm, nước ta thoạt đầu do ý kiến bất đồng, rốt cuộc thành Nam - Bắc đánh lẫn nhau. Lại thêm mấy năm qua, những tai nạn như nước dâng, gió bão, hạn hán, lụt lội, động đất, thổ phỉ, ôn dịch… liên tiếp xảy ra. Tính ra số người thương vong trong nước, ngoài nước không dưới vạn vạn người, đau lòng buốt óc, thảm chẳng nỡ nghe! Bất Huệ lạm dự vào Tăng chúng, chưa chứng đạo quả, chỉ giữ tấm lòng thương đời, chẳng có sức cứu người mảy may. Có vị đồng hương là tiên sinh Cần Phố Lưu Tại Tiêu, là người thanh cao, đời đời đạo đức, dốc lòng tin tưởng Phật pháp. Mùa Hạ năm nay lên núi gặp gỡ, bàn đến những sự tình trong nước ngoài nước gần đây, buồn bã hỏi: "Có diệu pháp gì để cứu giúp hay chăng?" Tôi nói: "Đây là khổ quả, quả ắt phải có nhân. Nếu muốn cứu khổ thì phải đoạn trừ nhân. Hễ đoạn được nhân thì quả không do đâu sanh được! Vì thế kinh dạy: *'Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả'*". Bèn đưa bộ An Sĩ Toàn Thư cho ông xem, mong hãy khắc in lưu truyền rộng rãi, khiến ai nấy đều được thấy nghe, cùng lên bờ Giác. Tiên sinh mừng rỡ khôn cùng, liền sai người cháu là Triệu Bộ Vân bỏ ra bảy trăm đồng, xin tôi thay ông ta đảm nhiệm chuyện ấn tống.

Nhớ năm Mậu Thân xưa kia, từng khuyên ông Lý Thiên Quế khắc bản tại đất Thục (Tứ Xuyên), ông ta liền xin tôi viết tựa. Về sau, nhân duyên không đủ, rốt cục việc chẳng thành. Nay được ông Lưu kiên quyết tán thành, quả chẳng phải là duyên nhỏ. Trộm thấy những lời hay cải ác hướng lành trong Liễu Phàm Tứ Huấn, bài ký Du Tịnh Ý[35] là hạnh tốt đẹp chí thành thấu trời, phát huy sự lý công phu tu dưỡng, thật là đẹp đẽ, thuần thành, tinh tường, trọn vẹn. Nhân đó, đem ghép vào sau bộ Âm Chất Văn Quảng Nghĩa gồm ba cuốn. Bài Giới Sát Phóng Sanh Văn của đại sư Liên Trì là bậc chúa soái từ bi diệt sạch ma quân tàn nhẫn, bài tụng Bất Tịnh Quán của ngài Tỉnh Am v.v… là mãnh tướng tịnh hạnh diệt trừ ma quân tham dục, bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Tỉnh Am là thuyền từ phổ độ chúng sanh trầm luân trong biển khổ. Do vậy, xếp những bài này vào sau ba thứ pháp môn[36]. Ví như gấm dệt thêm hoa, đặt đèn cạnh gương, rực rỡ chói ngời, vui mắt đẹp dạ người ta. Nếu như đọc đến, ắt những ý niệm chẳng trung hậu, chẳng khoan thứ sẽ đột nhiên băng tiêu, tâm tự lợi - lợi tha đột nhiên như mây nhóm. Từ đó, từng bước càng thù thắng hơn, càng vào càng sâu hơn, phàm tình trở thành thánh trí mà chẳng biết, chẳng hay, ngõ hầu liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát luân hồi. Tận mặt lễ Phật Di Đà, đích thân được thọ ký. Kính vì những người đọc sách này mà chúc mừng rằng:

---

[35] Tức bài ký Du Tịnh Ý Gặp Táo Quân, là một tác phẩm khuyên đời, không rõ ai là tác giả, có nội dung khuyên con người tin sâu nhân quả, vui theo mạng trời, cải ác hướng thiện.

[36] Ba thứ pháp môn ở đây chỉ Âm Chất Văn Quảng Nghĩa, phần trích lục từ Liễu Phàm Tứ Huấn và bài ký Du Tịnh Ý.

"Chìm trong biển khổ đã lâu, chợt gặp được thuyền từ, tuân hành trung thứ, quy mạng Giác Hoàng[37]*, tín chân, nguyện thiết, hết chấp quên tình, cảm ứng đạo giao, hầu Vô Lượng Quang".* Những điều khác đã nói tường tận trong lời tựa viết năm Mậu Thân, ở đây không nhắc lại.

13. Lời tựa đúc bản kẽm lưu thông sách Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm

Đạo thánh hiền chỉ có Thành và Minh. Phân ra thánh và cuồng chỉ trong một niệm. Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh. Để hình dung sự thao túng được - mất thì ví như thuyền chèo ngược nước, chẳng tiến ắt lùi, không thể không gắng sức tu dưỡng, không sanh phóng túng chút nào! Phải biết một chữ Thành chính là chân tâm cả thánh lẫn phàm đều có, giống hệt như nhau, không hai. Một chữ Minh là hàm dưỡng[38] phản tỉnh, là đạo để từ phàm đạt thánh. Trong địa vị phàm phu, trong sanh hoạt thường nhật, vạn cảnh xen lẫn, nếu chẳng quan sát nhận biết sẽ khó tránh khỏi những tình tưởng trái lý nẩy sanh trong chớp mắt. Tưởng ấy đã sanh, chân tâm liền bị ngăn lấp, những việc làm cử chỉ đều đánh mất lẽ trung chánh.

---

[37] Giác Hoàng là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, có nghĩa là vị giác ngộ tối thắng nhất.

[38] Nguyên văn là "tồn dưỡng", ngụ ý tu dưỡng, kiềm chế vọng niệm, huân tập thiện niệm, thiện tâm.

Nếu chẳng một phen dùng công phu thiết thực để khắc chế, trừ khử cho hết sạch thì ngày càng đi xuống, không biết đến đâu là cùng tận. Uổng để cái tâm làm thánh chìm đắm mãi mãi trong phường hạ ngu, chẳng đáng buồn ư? Nhưng làm thánh chẳng khó, chỉ là tự làm sáng Minh Đức. Muốn làm sáng Minh Đức thì phải khởi đầu từ cách vật trí tri. Nếu chẳng thể cực lực cách trừ (trừ bỏ) "món vật" là lòng dục của con người thì chân tri vốn có chắc chắn khó thể triệt để hiển hiện. Muốn cho chân tri hiển hiện thì trong lời lẽ hành vi hằng ngày phải thường khởi giác chiếu, chẳng để cho hết thảy tình tưởng trái lý tạm chớm trong tâm. Thường khiến cho tâm này rỗng sáng thông suốt, như gương đặt trên đài, hễ có cảnh liền hiện bóng, chỉ chiếu cảnh trước gương, chẳng bị cảnh chuyển. Xấu - tốt tự nó, can chi đến ta? Đến chẳng mong ngóng, đi không lưu luyến. Nếu tình tưởng trái lý vừa mới chớm nẩy, liền nghiêm ngặt đối trị, trừ khử cho hết sạch, như đối địch cùng quân giặc, chẳng những không cho chúng xâm lấn lãnh thổ của mình, mà còn chém tướng đoạt cờ, trừ sạch dư đảng.

Về cách cầm quân thì chính mình phải nghiêm ngặt gìn giữ, đừng lười nhác, đừng coi thường. Khắc kỷ, giữ lễ, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khí giới phải dùng đến "bốn điều không" của Nhan Tử[39], "ba lượt phản

[39] Nhan Tử tức Nhan Hồi (Nhan Uyên), một người học trò nổi tiếng của Khổng Tử. Theo sách Luận Ngữ, Nhan Uyên hỏi Khổng Tử thế nào là khắc kỷ giữ lễ, Khổng Tử đáp: *"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (phi lễ thì không ngó, phi lễ thì không nghe, phi lễ thì không nói, phi lễ thì không làm). Bốn điều này về sau thường gọi là *"Nhan Tử tứ vật"* (bốn điều không của Nhan Uyên).

tỉnh"[40] của Tăng Tử, cách "ít lỗi biết sai" của Cừ Bá Ngọc, lại thêm dè dặt, kiêng sợ như đang đi vào vực sâu, như đi trên băng mỏng, thì quân oai lan xa, tặc đảng kinh hãi, sợ bị tàn sát diệt chủng, mong được hưởng hồng ân vỗ về. Do vậy, kéo nhau đầu hàng, quy thuận, chịu giáo hóa, đổi hết tâm trước, dốc lòng tu đức sau. Tướng không ra khỏi nhà, binh không đổ máu, toàn bộ giặc thù đều thành con đỏ, kẻ phản nghịch đều thành dân lành. Trên hành, dưới bắt chước theo, toàn cõi yên bình, chẳng dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật (trừ khử vật dục) nên trí tri (hiểu thấu suốt). Do trí tri nên tự nhiên sáng tỏ đức sáng, Thành và Minh nhất trí, phàm biến thành thánh. Nếu như căn khí kém hèn, chưa thể đạt được hiệu quả, thì hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo, ban ngày làm điều gì, tối đến ắt thắp hương tâu cùng Thượng Đế, chuyện gì chẳng dám báo thì chẳng dám làm. Viên Liễu Phàm không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Mạng do chính ta lập, phước do ta tự cầu, khiến cho tạo hóa chẳng thể chuyên quyền độc đoán. Thọ trì Công Quá Cách, phàm khởi tâm động niệm và ngôn ngữ, hành vi, thiện - ác mảy may đều nhớ, để mong thiện ngày một tăng, ác ngày một giảm. Thoạt đầu thì thiện - ác xen tạp, lâu dần sẽ chỉ có thiện không ác. Vì thế, có thể chuyển vô phước thành có phước, chuyển yểu thọ thành trường thọ, chuyển không con

---

[40] Tăng Tử tên là Sâm, tự Tử Dư, là người học trò khác của Khổng Tử. Theo sách Luận Ngữ, ông thờ mẹ chí hiếu, mỗi ngày thường tự ba lần phản tỉnh để xét lỗi mình. Tuy tư chất không thông duệ bằng những học trò khác, ông được coi là người thực sự nắm được đạo trung thứ của Khổng Tử.

cháu thành đông con cháu. Hiện đời đã dự vào hạng thánh hiền; báo hết, cao đăng cõi Cực Lạc. Hạnh làm khuôn mẫu cho đời, lời lẽ làm pháp tắc cho đời. Người ta là trượng phu, ta cũng là trượng phu; sao lại tự khinh, đành chịu thua kém?

Nếu có kẻ hỏi:

- "Cách vật" là cùng tận cái lý của sự vật trong thiên hạ. "Trí tri" chính là thúc đẩy tri thức của chúng ta đến tột bậc, sao cho mỗi mỗi đều hiểu rõ. Sao lại coi lòng ham muốn của con người là vật, coi chân tri là tri, coi khắc phục, đối trị không cho vật dục hiển hiện là cách trí vậy?

Đáp:

- Thành và Minh Đức đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói. Danh tuy có hai, vốn chỉ là một. [Nói] Tri và ý tâm là gộp chung Thể và Dụng của tự tâm để nói. Chứ thật ra, cả ba điều này đều là một. Cách, trí, thành, chánh, minh (ở đây chỉ "minh" trong "minh Minh Đức" và "minh" trong "thành minh"), năm thứ này đều ước trên phương diện dứt lòng tà, giữ lòng thành, phản vọng quy chân mà nói. Trong công phu kiểm điểm, phản tỉnh, quán sát, tu tập thì Minh là cương lãnh chung, Cách Trí, Thành, Chánh là những mục riêng vậy. Tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri do vậy đều là "minh Minh Đức" (làm sáng tỏ đức sáng). Nếu chân tri sẵn có nơi tự tâm bị vật dục che lấp thì ý chẳng thành, tâm chẳng chánh! Nếu có thể trừ khử được thì gió huệ quét sạch mây chướng, tâm nguyệt riêng sáng vằng vặc giữa trời. Đây chính là thánh nhân dạy cho con người thứ tự quyết

định từ lan man hướng đến thiết thực, từ sơ đến thân vậy!

Nếu phải hiểu cùng tận cái lý của sự vật trong thiên hạ khiến cho tri thức nơi tâm ta đã rõ thấu hết cả rồi mới có thể thành ý thì chỉ những người đọc rộng các sách, đi khắp thiên hạ mới có thể thành ý chánh tâm để làm sáng tỏ Minh Đức! Những người chưa thể đọc rộng các sách, đi khắp mọi nơi, dẫu có thiên tư thuần hậu cũng chẳng có phần nơi chánh tâm thành ý, huống gì những kẻ kém cỏi hơn họ ư? Có đạo lý ấy hay chăng? Nhưng hết thảy những người chẳng hiểu sâu xa tận cùng lý và những ai vô tri vô thức nếu nghe đến lý tánh đa số đều đề cao thánh cảnh, riêng mình cam phận phàm ngu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức theo đuổi tu tập. Nếu nói đến nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt là họ sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân để cầu thiện quả. Thiện - ác chẳng ngoài ba thứ thân - khẩu - ý. Đã biết nhân quả sẽ tự giữ gìn thân - khẩu, rửa tâm gột ý, dù ở trong nhà tối phòng kín vẫn thường như đối trước Thượng Đế, chư thiên, chẳng dám manh nha chút tâm tà vạy để phải chuốc lấy tội lệ! Đấy chính là đại pháp đức Thế Tôn dùng để dạy cho khắp hết thảy thượng trung hạ căn trí tri thành ý chánh tâm tu thân. Nhưng kẻ cuồng sợ bị bó buộc, cho là chấp tướng; kẻ ngu giấu diếm sự đáng hổ thẹn, trá ngụy của chính mình nên bảo là mờ mịt. Trừ hai loại người ấy ra, có ai không tin nhận chuyện này? Do vậy, ngài Mộng Đông nói: *"Người khéo bàn tâm tánh, ắt chẳng lìa bỏ nhân quả. Tin sâu nhân quả rốt cuộc sẽ hiểu rõ tâm tánh"*. Lý này thế tất nhiên như vậy.

Phải biết: Từ địa vị phàm phu cho đến khi viên chứng Phật quả đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là hạng người tự vứt bỏ thiện nhân thiện quả, thường tạo nhân ác, ắt thường thọ quả ác, trải trần điểm kiếp[41], luân chuyển trong ác đạo, không cách gì thoát ra, buồn thay! Thánh hiền ngàn lời vạn lẽ, không gì chẳng nhằm làm cho con người phản tỉnh, khắc chế ý niệm, ngõ hầu Minh Đức sẵn có trong tâm chúng ta chẳng đến nỗi bị vùi lấp, đích thân được thụ dụng. Chỉ vì con người không biết nhân quả nên thường hay buông lung càn rỡ, dù suốt đời đọc sách vẫn chỉ là học từ chương, chẳng quyết ý mong thành thánh thành hiền. Do vậy, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Bốn thiên sách dạy con của tiên sinh Viên Liễu Phàm văn lẫn lý đều thông suốt, mở rộng tâm mắt con người. Đọc đến có niềm vui lâng lâng, có khuynh hướng muốn học theo, quả thật là khuôn mẫu tốt lành để yên đời vậy. Cư sĩ Châu Quần Tranh ở Vĩnh Gia bội phục sách ấy đến cùng cực, mong Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải đúc bản kẽm để làm của chung cho những người cùng chí hướng. Lại ấn tống bao nhiêu đó để kết pháp duyên, xin tôi viết lời tựa. Nhân đấy, tôi bèn tóm tắt ý "khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành của thánh hiền" cho xong trách nhiệm vậy.

---

[41] Trần điểm kiếp: Số kiếp nhiều như vi trần.

14. Lời tựa tái bản sách Tứ Thư Chú Giải của ngài Ngẫu Ích

Đạo nơi tâm người như nước trên mặt đất, tuy nơi cao nguyên hay đất bằng hoàn toàn chẳng trông thấy nước, nhưng nếu đào đất để tìm thì không nơi đâu chẳng được. Nước ví như Minh Đức sẵn có trong tâm chúng ta, đất ví như vật dục huyễn hiện trong tâm ta. Nếu có thể cách vật trí tri thì không một ai chẳng thể làm sáng tỏ Minh Đức. Nhưng đào đất lấy nước, không một ai chẳng đổ công tìm, bởi không có nước sẽ không thể sống còn. Đối với cái đạo sẵn có nơi tâm, con người đa số chẳng chịu ra sức, đến nỗi vật dục che lấp Chân Tri, chẳng biết mong thành thánh thành hiền, cam tâm tự ruồng rẫy mình, tự vứt bỏ. Do vậy, chôn Pháp Thân, mất huệ mạng, sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, chẳng đáng buồn ư?

Tứ Thư là đại kinh đại pháp của Khổng giáo để trên kế tục cổ thánh, dưới mở mang cho hàng hậu học để họ dùng cách vật trí tri tự làm sáng tỏ Minh Đức (cái đức sáng); sau đó, áp dụng cho gia đình, đất nước, thiên hạ, sao cho người trong gia đình, đất nước, thiên hạ, ai nấy đều làm sáng tỏ Minh Đức. Trước khi có bộ sách này thì tuy có những lời bàn luận tỉ mỉ hay đại lược khác nhau, nhưng ý chỉ đều tương đồng. Sau bộ sách này thì tuy căn cơ lợi - độn khác biệt, nhưng hiệu quả không khác. Thật có thể nói là tiên thiên chẳng trái nghịch trời, hậu thiên[42] lại hợp thiên thời, [Khổng Tử quả là] bậc

[42] Theo Dịch Học, tiên thiên là những gì bẩm sinh, hậu thiên là những gì do nuôi dưỡng, đào tạo mà có. Như vậy, câu này có thể hiểu là đạo của Khổng Tử

thầy gương mẫu của muôn đời, trăm đời Nho Gia tôn sùng vậy.

Đại cương của sách nằm ở chỗ tu đạo "làm sáng tỏ Minh Đức", mà chuyện hạ thủ tối thân thiết là riêng ở chỗ "cách vật trí tri, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành". Nếu với mỗi chữ, mỗi câu, người học đều đem thân tâm lãnh hội thì dù chỉ là một gã thất phu cũng sẽ góp phần tán trợ đạo sanh thành dưỡng dục trùm trời tột đất, nào khó đạt được bản tâm, khiến cho thánh hiền một phen khổ tâm lưu lại giáo huấn chẳng trở thành uổng công đặt để! Càn khôn đại phụ đại mẫu càng sáng hơn, chẳng thẹn cùng trời đất xưng là Tam Tài! Há chẳng tự gắng công ư? Đại pháp của đức Như Lai được truyền qua phương Đông từ đời Hán, đến đời Đường các tông đều có đủ, Thiền đạo đại hưng, cao nhân xuất hiện như rừng, tùy cơ tiếp độ người. Do vậy, cho đến đời Nguyên - Minh những nhà Nho vùng Liêm, Lạc, Quan, Mân[43] , ai nấy đều dùng yếu nghĩa của Phật pháp để phát huy Nho tông, khiến cho tâm pháp của Khổng Tử, Nhan Hồi đã dứt tuyệt lại được tiếp nối. Họ dùng tịnh tọa tham cứu để mong khai ngộ, không ai chẳng coi Phật pháp là pháp tắc để phỏng theo. Do vậy, có những vị công sâu lực trọn, lâm chung biết trước lúc mất, ngồi cười nói qua đời rất nhiều. Họ thành ý chánh

chẳng trái với bẩm tánh của con người, dùng để giáo dục con người thì lại hợp thời.

[43] Liêm chính là Liêm Giang, còn có tên là An Viễn Giang, thuộc vùng Tây Nam tỉnh Giang Tây. Lạc là Lạc Thủy, một con sông ở vùng Thiểm Tây. Chữ Quan có thể hiểu nhiều nghĩa, nếu hiểu là Quan Đông thì là vùng Đông Bắc Trung Quốc, còn Quan Trung lại là vùng đất Tứ Xuyên. Mân là tỉnh Phước Kiến. Theo ngu ý, bốn chữ này dùng để chỉ những nơi trọng yếu của Trung Quốc.

tâm, đáng làm bậc thầy gương mẫu trong Nho môn, nhưng vì muốn giữ lấy môn đình nên đối với những gì họ đã phỏng theo, chẳng những không tỏ bày ra, trái lại còn chê trách, để những kẻ đời sau học theo sẽ tôn trọng đạo của chính họ, chẳng đi theo Phật pháp. Nhưng làm vậy cũng uổng công, họ chẳng nghĩ mình bên trong ngầm tu, ngoài mặt bài xích, hậu học há chẳng thấy được lỗi thầy ư? Cho thấy tâm lượng họ nhỏ nhen, thành ý chánh tâm không gì chẳng bị tỳ vết, rò rỉ, thật đáng đau tiếc lắm!

Cuối đời Minh, Ngẫu Ích đại sư vốn là Pháp Thân đại sĩ, thừa nguyện thị hiện trong đời, thoạt đầu đọc sách Nho, liền bắt chước tiên Nho bài Phật, chứ thật ra chưa biết vì sao Phật thành Phật! Về sau đọc kinh Phật, mới hối tội trước, liền chuyên tinh nghiên cứu, mới biết Phật pháp là gốc của hết thảy các pháp. Những kẻ bài xích nếu không là phường bịt tai trộm linh thì cũng là những kẻ chưa thấy màu sắc đã biện luận mù quáng. Ngài bèn phát tâm xuất gia, hoằng dương pháp hóa. Một đời chú giải, trước thuật kinh luận hơn bốn mươi loại, số quyển đến cả mấy trăm, không gì chẳng phải là *"chữ nào chữ nấy thấy được sự thật, lời nào lời nấy siêu việt",* như gảy bàn tính lợi ích vô tận.

Lại nghĩ trong Nho Tông người bậc thượng dùng Phật pháp để tự lợi ích, rốt cuộc khó thể quán thông rốt ráo; kẻ kém hơn chỉ nghĩ tập tành từ chương là đủ, phần nhiều tạo ác nghiệp báng pháp. Trong tâm đau thương, muốn cứu giúp họ; do vậy, dùng Phật pháp giải thích Tứ Thư, Châu Dịch. Chú giải sách Luận Ngữ, Mạnh Tử thì nêu đại lược đại nghĩa. Chú giải sách Trung Dung và

Đại Học thì chỉ thẳng nguồn tâm. Ấy là vận dụng nghĩa Khai Quyền Hiển Thật trong kinh Pháp Hoa, dùng lý viên đốn để chú thích những lý lẽ yên trị cõi đời, ngõ hầu tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy được hiển lộ triệt để, không còn che giấu chút nào. Những kẻ lấy Phật pháp để tự lợi mình sẽ được lợi ích rốt ráo thật sự, những phường chuyên tập tành từ chương sẽ do đây biết được Phật pháp rộng lớn, chẳng dễ suy lường, cũng mau chóng dứt tà kiến, dần dần sanh chánh tín, biết khử trừ vật dục để tự sáng tỏ được Minh Đức. Do vậy, bèn tận lực tìm cầu, sẽ trực tiếp lãnh hội được tâm truyền của Khổng Tử, Nhan Hồi, lợi ích ấy há nhường cho các nhà Nho đời Tống, Nguyên, Minh riêng hưởng ư?

Gần đây, các giới mở rộng tầm mắt, những người thiên tư cao không ai chẳng nghiên cứu Phật pháp. Một người xướng trăm người hòa, không ai chẳng ngả theo. Đã biết tâm sẵn có Phật tánh, vô thỉ vô chung, đầy đủ công đức chân thật thường - lạc - ngã - tịnh, há thấy việc nhân chịu nhượng, thấy điều nghĩa không làm, đề cao thánh cảnh, tự làm phàm ngu ư? Do vậy, vĩ nhân danh sĩ đa phần đua nhau ăn chay niệm Phật, dốc sức tu tịnh nghiệp, mong cho sống thì thấy được Phật tánh, chết đi sanh về Phật quốc mới thôi.

Hai vị cư sĩ Úc Cửu Linh và Thi Điệu Mai xưa có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, vừa thấy bộ chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích liền khôn ngăn hoan hỷ, bảo sách này chỉ thẳng vào nhất niệm của đương nhân, minh thị rõ ràng tâm pháp của đạo Nho, đạo Thích, quán triệt dung thông pháp thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho thượng, trung, hạ căn tùy theo căn cơ đều

được lợi ích. Người sâu xa sẽ thấy sâu xa, chẳng ngại khế hợp thẳng vào Bồ Đề, kẻ nông cạn cũng sẽ dần dần gieo thiện căn. Cho nên họ muốn khắc in để lưu thông rộng rãi. Đem công đức này kính chúc xuân huyên[44] được thêm tuổi thọ, đến khi trăm tuổi thần thức về An Dưỡng, quá khứ phụ mẫu tiêu trừ túc nghiệp, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ. Xin Quang viết lời tựa để bảo cùng những người sáng suốt trong tương lai. Quang tự thẹn xưa kia làm gã Xiển Đề hủy báng Phật pháp đến nỗi nghiệp chướng lấp tâm, không cách gì ngộ chứng. Vui mừng được họ thỉnh, mong cho hết thảy mọi người đối với Phật pháp đều sanh chánh tín, ngõ hầu nghiệp chướng cùng tiêu, tâm quang đều cùng phát hiện. Sách Châu Dịch Thiền Giải, Kim Lăng [Ấn Kinh Xứ] đã khắc xong. Sách Mạnh Tử Trạch Nhũ do chiến tranh nên đã thất truyền, cư sĩ Dương Nhân Sơn tìm bên Nhật vẫn chẳng thấy, cũng chẳng đáng tiếc lắm ư!

15. Lời tựa sách Pháp Hoa Nhập Sớ

[44] Xuân huyên (cha mẹ): Theo từ điển Từ Hải, Xuân là một loại cây thân mộc, rụng lá vào mùa Đông, lá non có mùi thơm có thể ăn được, chất gỗ cứng chắc, có thể chế thành đồ dùng. Theo truyền thuyết, cây Xuân sống lâu hơn tám ngàn năm nên thường được ví cho cha với ý nghĩa chúc thọ. Do vậy, cha còn được gọi là Xuân Đình. Vì chữ Xuân 椿 tự dạng khá giống với chữ Thung 椿 nên thường bị dùng lẫn với chữ Thung. Huyên 萱 (Huyên Thảo, tên khoa học là Hemerocallis fulva), còn gọi là Vong Ưu Thảo, Nghi Nam Thảo, hoặc Kim Châm Thảo. Chỗ mẹ ở thường trồng loại cỏ này nên mẹ còn được gọi là “huyên đường”. Người Trung Hoa thường dùng câu *“xuân huyên tịnh mậu”* (cây xuân lẫn cỏ huyên cùng tươi tốt) để chúc tụng cha mẹ luôn khỏe mạnh.

Suốt một đời đức Như Lai nói các pháp môn Đại - Tiểu, Quyền - Thật, Thiên - Viên, Đốn - Tiệm, không pháp nào chẳng tùy cơ lập giáo, đối bệnh phát thuốc. Cho đến hội Pháp Hoa, khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất (quy ba thừa về Nhất Thừa), khai Tích hiển Bổn, nêu thọ lượng nơi Bổn, giơ tay, cúi đầu[45] đều thành Phật đạo. Lời lẽ, xử sự đều thuận chánh pháp. Từ hết thảy pháp hiển thị Thật Tướng, từ ngay nơi cái tâm bị mê chỉ ra bản thể giác đạo. Phàm mọi duyên do của cả một đời giáo pháp đều được hiển lộ, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy triệt để không nghi, khiến cho khắp thượng trung hạ căn đều được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, rốt ráo tỏ rõ bổn hoài xuất thế của Phật. Hay đẹp thay! Mầu nhiệm thay! Vì thế, nghĩa lý sâu xa, u viễn, chẳng dễ suy lường.

Khi kinh Pháp Hoa được truyền đến Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn năm qua, chú giải tuy nhiều, nhưng chỉ có bản của ngài Thiên Thai Trí Giả là nêu bật được tông chỉ. Do vì Ngài dùng ngũ trùng huyền nghĩa[46] để giải thích tổng quát tên kinh, dùng nhân duyên, ước giáo, bổn tích, quán tâm để giải thích trọn vẹn kinh văn, đặt tên là [Pháp Hoa] Văn Cú. Có thể nói:

---

[45] Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện có câu: *"Nếu người tâm tán loạn, chỉ dùng một cành hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, dần thấy vô số Phật. Hoặc có kẻ lễ bái, hoặc lại chỉ chắp tay, cho đến giơ cánh tay, hoặc chỉ khẽ cúi đầu, dùng đó cúng dường tượng, tự thành vô thượng đạo"...*

[46] Ngũ Trùng Huyền Nghĩa là năm tầng huyền nghĩa để giải thích một bộ kinh do ngài Thiên Thai Trí Giả đề ra, gồm: thích danh, biện thể, minh tông, biện dụng, phán giáo (giải thích đề mục kinh, biện luận bản thể của kinh, nêu rõ tông thú của kinh, luận về công dụng của kinh, phán định kinh này thuộc về giáo pháp nào trong Ngũ Thời Giáo, Tứ Hóa Nghi). Xin xem bộ A Di Đà Kinh Yếu Giải để hiểu rõ hơn về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

"Không nghĩa nào chẳng được hiển lộ, không căn cơ nào chẳng được thâu gồm!" Lại dùng Chỉ Quán để phát minh hành tướng, khiến cho ba thứ giáo - hạnh - lý của Pháp Hoa được phơi bày trọn vẹn triệt để, không còn che lấp chút nào. Do vậy, xưa kia những người y theo sách ấy tu tập đắc đạo như rừng. Đến đời Đường, Kinh Khê tôn giả[47] cho rằng ba bộ sách lớn ấy văn nghĩa quá sâu xa, chẳng thuận tiện cho hàng sơ cơ, nên đối với mỗi sách [Pháp Hoa] Huyền Nghĩa, [Pháp Hoa] Văn Cú, [Ma Ha] Chỉ Quán đều soạn chú thích. Bản chú thích sách Văn Cú mang tên là Văn Cú Ký.

Xưa kia, Kinh, Sớ, Ký[48] đều lưu hành, người mới học xem đến, khá phí tâm lực. Pháp sư Tứ Minh Đạo Oai đời Tống bèn tóm lược sách Văn Cú và Văn Cú Ký,

---

[47] Ngài Trạm Nhiên (711-782), là cao tăng đời Đường, là Tổ thứ năm của tông Thiên Thai. Ngài là người xứ Kinh Khê, Thường Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô). Cả nhà theo Nho, mình Ngài học Phật. Năm 17 tuổi học Thiên Thai Chỉ Quán với sư Kim Hoa Phương Nham. Năm 20 tuổi theo học với ngài Tả Khê Huyền Lãng, học giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 38 tuổi, xuất gia tại Hưng Tịnh Lạc Tự. Sư lại đến Triệu Châu học Luật với ngài Đàm Nhất. Sau về Ngô Quận, giảng bộ Ma Ha Chỉ Quán. Khi ngài Huyền Lãng tịch, Sư được chúng đề cử lãnh chúng. Sư tự đặt cho mình trách nhiệm trung hưng tông Thiên Thai, đề xướng thuyết *"hữu tình lẫn vô tình đều có Phật tánh"*. Các đời vua Đường như Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông nhiều lần xuống chiếu thỉnh Sư nhập cung dạy pháp, nhưng Ngài đều cáo bệnh không đến. Sư nhập diệt vào tháng Hai năm Kiến Trung thứ ba, thọ bảy mươi hai tuổi, pháp lạp 43 năm. Do ngài là Tổ trung hưng tông Thiên Thai nên đại chúng kính trọng thường gọi bằng danh xưng Kinh Khê Tôn Giả, chứ không gọi thẳng tên tục. Đời Bắc Tống Sư được phong tặng danh hiệu Viên Thông Tôn Giả. Ngoài bộ Pháp Hoa Văn Cú Ký nổi tiếng ra, Sư còn để lại nhiều tác phẩm giá trị, quan trọng nhất là các bộ Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm, Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, Chỉ Quán Sưu Ký, Chỉ Quán Đại Ý, Kim Cang Bề, Pháp Hoa Tam Muội Bổ Trợ Nghi, Thủy Chung Tâm Yếu, Thập Bất Nhị Môn.

[48] Kinh là kinh Pháp Hoa, Sớ là các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ký là bộ Văn Cú Ký.

gom chép vào bên dưới kinh văn, đặt tên là Pháp Hoa Nhập Sớ để người học khỏi mất công tìm đọc liền hiểu ngay, có lợi rất lớn. Do vậy, sách được lưu thông trong nước, ngoài nước, từ thời Nguyên - Minh trở đi, sách bị thất truyền ở Trung Quốc. Cuối đời Quang Tự nhà Thanh, Thức Định đại sư thỉnh Đại Tạng Kinh bản in mới của Hoằng Giáo Thư Viện ở bên Nhật, trong đó có sách này. Do vậy, ngài giao mấy trăm đồng cho pháp sư Diệt Tận ở chùa Tịnh Giới tại Kim Lăng bảo khắc in sách ấy. Thầy Diệt Tận chia thành hai mươi quyển. Bản thảo chép xong, giảo chánh hoàn thành, chỉ mới in được sáu quyển thì thầy Diệt Tận tạ thế. Do vậy, việc ấn loát bị gác lại mấy năm.

Vào năm Dân Quốc thứ tám (1919), Quang do khắc in các sách như An Sĩ Toàn Thư v.v… từ Phổ Đà đến Duy Dương[49], mới biết chuyện này. Ý muốn tiếp tục cho sách được hoàn thành, nhưng khổ vì không tài lực. Có cư sĩ Trương Thụy Tăng xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, khá thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng xuống dốc, cho rằng nếu không dùng đại pháp của Như Lai làm sao vãn hồi cho được! Vì thế, đối với việc kiêng giết phóng sanh đều tận lực phụng hành. Đối với văn giới sát phóng sanh đều lưu thông nhiều nơi. Cũng như đối với những loại cách ngôn khuyến thiện đều chẳng tiếc tiền của để khắc in truyền bá. Chỉ muốn cho đồng nhân cùng nghĩ đến cái tâm của cha trời mẹ đất, ai nấy ôm ý niệm coi dân như đồng bào, coi loài vật như chính mình, đều mong tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, cùng lên cõi thọ, đều gội Phật ân mới thôi!

---

[49] Duy Dương là một thành phố thuộc tỉnh Giang Tô.

Nghe Quang đến Duy Dương, ông nhiều lần đến thăm. Nhân đó, đem chuyện này thuật lại, mong ông thành tựu cho. Ông vui vẻ bằng lòng, bảo Quang lo giảo chánh đối chiếu. Hiềm vì sách lưu truyền đã lâu, sai ngoa quá nhiều. Thoạt đầu chưa xem kỹ, tưởng thầy Diệt Tận đã giảo chánh rồi, ắt không sai lạc nhiều lắm. Đến khi khắc xong, soát lại, mới biết sót lỗi quá nhiều. Do vậy, bèn dựa theo sách Văn Cú và Văn Cú Ký, sửa lại cho đúng. Trong ấy, có những chữ, những câu không trọn vẹn, thông suốt, tựa hồ bị thiếu sót, hay sai lạc, nhưng không gây trở ngại gì đến đại ý thì cứ để nguyên vì bản in đã khắc xong, không tiện sửa chữa. Mong ai đọc đến sách này, đều trong một niệm tâm của chính mình, liền được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, sẽ chẳng phụ Phật tánh chính mình sẵn có, cũng như chẳng phụ Như Lai nói kinh, Trí Giả tạo sớ, Kinh Khê tạo ký, Đạo Oai hội nhập, cũng như công Thức Định đại sư, cư sĩ Thụy Tăng lưu thông. Khắc đã xong bèn tự thuật duyên khởi.

16. Lời tựa cho tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sớ Sao Hiệt (trích yếu bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sớ Sao)

Pháp môn Tịnh Độ không gì lớn lao vượt ra ngoài nó được. Hết thảy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thảy chư Phật đều từ đây mà ra. Hết thảy Bồ Tát và đạo thượng cầu hạ hóa xứng tánh Bồ Tát đang tu đều do đây mà vào. Ấy chính là *“không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất; không gì chẳng quy*

hoàn pháp giới này”. Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời. Dẫu tùy cơ lập giáo đủ mọi thứ khác biệt, nhưng tìm lấy một pháp dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn, cho đến phường nghịch ác đều có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, giã biệt tam giới, cao đăng chín phẩm thì chỉ có mỗi một mình pháp Tịnh Độ là được như vậy mà thôi.

Ôi! Như Lai đại từ phổ độ chúng sanh, chỉ có một pháp này mới bộc lộ hết bổn hoài. Chúng sanh tu hành mong thoát sanh tử, chỉ do một pháp này chắc chắn được toại nguyện. Pháp môn rộng lớn, lợi ích rộng sâu. Vì vậy, hết thảy Phật tử đều phụng hành. Ngờ đâu, gần đây kẻ ngu phu ngu phụ, phần nhiều dốc kiệt lòng thành quy mạng, còn bậc thông Tông thông Giáo lại coi thường, bỏ qua, tợ hồ chẳng nghe biết đến, là vì lẽ nào? Do kẻ nghiên cứu Giáo dùng giáo lý thông thường để luận Đoạn - Chứng, chẳng tin có chuyện đới nghiệp vãng sanh, thường khư khư ở trong sanh tử độ sanh, chẳng nguyện làm người được mau thoát sanh tử! Chẳng biết chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Phiền Hoặc chưa đoạn, sanh sang kiếp khác liền mê; tự lợi còn khó, huống gì lợi tha! Ấy là vì chẳng lượng đức mình, là hạng phàm phu sát đất vừa có chút huệ tánh bèn tưởng mình có bản lãnh của bậc Pháp Thân đại sĩ, đến nỗi một phen lầm lạc, vĩnh viễn lầm lạc! Người tham Thiền chuyên chú tham cứu để minh tâm kiến tánh, chẳng biết kẻ căn cơ hơi kém chẳng thể minh tâm kiến tánh rất nhiều. Dẫu cho đã minh tâm kiến tánh, nhưng Hoặc nghiệp chưa đoạn thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát khỏi, lại càng nhiều hơn nữa!

Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v… đều là những bằng chứng xác thực!

Ôi! Tử sanh cũng lớn lao thay! Há có nên chuyên cậy vào tự lực, không nương vào Phật lực ư? Hay là tự lực quả thật trội hơn Phật lực chăng? Làm người sống trong cõi đời, lớn như sáng lập cơ nghiệp truyền lại cho đời sau, nhỏ như một manh áo, một bữa ăn, không gì chẳng cậy vào sức của mọi người để thành tựu chuyện của chính mình. Đối với đại sự liễu sanh thoát tử, dù có Phật lực vẫn chẳng chịu nương tựa, muốn tỏ rõ bản lãnh phi thường, chỉ e kém xa gã ngu phu. Chí ấy có thể nói là lớn, nhưng tiếc rằng không biết đấy chỉ là nói năng lớn lối!

Chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, là [bản kinh] vua cả Tam Tạng, do đức Như Lai khi mới thành Chánh Giác vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đã vượt ngoài các giới, giảng ra Phật pháp thành tựu ngay trong một đời. Thật nghĩa rốt ráo quy tông kết đảnh của đạo thành Phật trong một đời ấy nằm ngay ở chỗ dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, đáng gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém đức Phật mà vẫn phải hồi hướng vãng sanh, các đại Bồ Tát trong toàn thể Hoa Nghiêm thế giới hải đều vâng lãnh lời dạy này, cùng tu pháp này. Căn tánh những người thông Tông, thông Giáo hiện thời có nhạy bén, chứng nhập có sâu xa hơn những vị Bồ Tát ấy hay chăng? Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền người người hướng về. Há có phải

những kinh luận ấy chẳng đáng để tuân theo ư? Há các vị thánh hiền ấy đều là ngu phu ngu phụ ư? Tóm gọn một lời: Nghiệp chướng sâu nặng, chưa kham giải thoát! Bởi thế cho nên *"dùng thường ngày chẳng biết, quen làm mà chẳng xem xét"* vậy!

Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm: Trong phẩm cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm bản tám mươi quyển, Thiện Tài tham học với năm mươi ba vị tri thức viên mãn, đến chỗ ngài Phổ Hiền, được Phổ Hiền khai thị, và nương sức oai thần, liền chứng Đẳng Giác. Phổ Hiền bèn nói ra bài kệ, xưng tán công đức mầu nhiệm thù thắng của Như Lai. Do kinh văn [truyền sang Trung Hoa] chưa hết, nên pháp hội chưa xong mà kinh đã chấm dứt. Thanh Lương quốc sư soạn riêng Sớ Sao để hoằng dương lớn lao đạo này. Đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, quốc vương Ô Trà ở Nam Ấn Độ mới cống nạp toàn bản Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm bằng tiếng Phạn, dịch thành bốn mươi quyển. Ba mươi chín quyển đầu chính là phẩm Nhập Pháp Giới trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, nhưng văn nghĩa tường tận hơn. Cuốn thứ bốn mươi chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đang được lưu hành. Khi ấy, ngài Thanh Lương cũng dự vào dịch trường, cực lực tán dương, phụng mạng soạn sớ.

Sớ văn của toàn bộ bốn mươi quyển ở Trung Quốc thất truyền đã lâu. May là trong tạng kinh ở Nhật, vẫn còn bộ sách này. Bắc Kinh Khắc Kinh Xứ chuyên khắc những tác phẩm của cổ đức, [tác phẩm này] chẳng bao lâu nữa sẽ lại được lưu truyền. Quyển kinh này lại được Ngài soạn cuốn Biệt Hành Sớ để cho những người thích

giản lược và tu Tịnh Độ nghiên cứu đến cùng tận. Học trò Ngài là Khuê Phong[50] viết lời sao, đã được lưu thông trong nước lẫn ngoài nước. Nhưng do văn từ phong phú, nghĩa lý quá nhiều, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ. Cư sĩ Phạm Cổ Nông do thấy thế gian đã ghép ba kinh Tịnh Độ và một phẩm Hạnh Nguyện thành Tịnh Độ Tứ Kinh, chú giải của ba kinh rất nhiều, chẳng trở ngại tùy theo căn cơ mà chọn đọc, còn kinh này chỉ có mỗi bộ Sớ Sao, tuy phát huy đến tận cùng, nhưng kẻ sơ cơ thường hay bị mờ mịt. Do vậy, đối với bộ Sớ Sao, ông Phạm trích lấy những nghĩa trọng yếu, cho khắc bản lưu thông. Văn tuy giản lược, nhưng nghĩa vẫn đầy đủ. Có thể nói là xét căn cơ, lập giáo pháp thích hợp, có ích không ít cho pháp môn! Nếu người học trước hết đọc "hiệt bản" (bản trích yếu) này, rồi mới đọc toàn văn thì chẳng những thấu hiểu tấm lòng hoằng truyền, tán dương của ngài Thanh Lương mà còn thấu hiểu được

---

[50] Khuê Phong Tông Mật (780-841), tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, người xứ Quả Châu, sống vào thời Đường, thường được gọi là Khuê Phong Thiền Sư hay Khuê Sơn đại sư, thụy hiệu là Định Huệ thiền sư. Năm Nguyên Hòa thứ 2 (807) lên kinh ứng thí, đi ngang qua Toại Châu, nghe Đạo Viên hòa thượng thuyết pháp bèn xin xuất gia và thọ giới Cụ Túc. Theo lời khuyên của ngài Đạo Viên, Sư đến tham học với ngài Ích Châu Nam Ấn chùa Tịnh Chúng, rồi tham yết ngài Thần Chiếu chùa Báo Quốc tại Lạc Dương. Năm Nguyên Hòa thứ năm (810), gia nhập vào đồ chúng của ngài Thanh Lương Trừng Quán, thọ trì giáo học kinh Hoa Nghiêm. Năm Nguyên Hòa 11 (811), trụ tích tại chùa Trí Cự ở núi Chung Nam, tự thệ không xuống núi, đọc hết Đại Tạng Kinh trong ba năm, soạn ra bộ Viên Giác Kinh Khoa Văn. Sau ngài qua chùa Thảo Đường cũng thuộc núi Chung Nam lắng tâm tu học, soạn ra bộ Viên Giác Kinh Đại Sớ. Rồi lại dời qua Khuê Phong Lan Nhã cũng thuộc núi ấy, chuyên chú tụng kinh tu Thiền. Tướng quốc Bùi Hưu cùng mọi nhân sĩ trong triều, ngoài nội đều rất kính trọng. Sư từng được thỉnh vào cung giảng kinh, nhưng không lâu lại xin trở về núi. Ngày mồng Sáu tháng Giêng năm Hội Xương nguyên niên, Sư tọa hóa tại Hưng Phước Tháp Viện, thọ sáu mươi hai tuổi, pháp lạp ba mươi tư năm.

tấm lòng khuyến phát của đức Phổ Hiền, tâm xuất thế của Như Lai.

Dám thỉnh những vị thông Tông thông Giáo cùng thuận theo các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng hải hội và những kẻ ngu phu ngu phụ nhất trí tiến lên, cùng sanh Tây Phương để khỏi phụ ân Phật dạy dỗ, chẳng phụ linh tánh của chính mình!

17. Lời tựa cho tác phẩm Kim Cang Thứ Hỗ[51]

Kinh Kim Cang từ nơi Hữu bàn về Không, chẳng đọa nơi Không; từ Không luận về Hữu, chẳng đọa vào bên Hữu. Không lẫn Hữu cùng mất, Chân - Tục bất nhị, chúng sanh và Phật nhất trí, lý - sự viên dung, hạnh khởi giải tuyệt, tiến thẳng vào biển giác. Hết thảy Bồ Tát nương theo đây tu nhân, tam thế chư Phật nương vào đây chứng quả. Kinh này chính là cương yếu của giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, quả thật là chuẩn mực để thượng hoằng hạ hóa của hàng Bồ Tát. Chỉ bày bổn thể của Như Như, cơ lẫn lý đều khế hợp. Chứng Không Không tam-muội, giải lẫn hạnh đều viên. Diệu lại càng diệu, huyền càng thêm huyền. Khéo thay, cao quý thay! Há có thể nghĩ bàn được nổi ư? Thế gian thường chẳng xem xét, cho là Không Tông, cô phụ Phật ân quá đáng! Độ tận hết thảy chúng sanh chẳng thấy

---

[51] Hỗ là giải thích những nghĩa lý trong sách cổ bằng những ngôn từ bình dị, đương thời cho người ta dễ hiểu. Do cư sĩ Mã Thông Bạch đem nghĩa lý kinh Kim Cang giải thích bằng văn tự hiện thời một lần nữa, trước ông đã có nhiều người làm chuyện đó, nên đặt tên tác phẩm là Thứ Hỗ (giải thích bằng thể văn đơn giản một lần nữa).

tướng người độ, kẻ được độ, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến lục độ cũng như vạn hạnh. Dùng không "ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả" để tu hết thảy thiện pháp, không trụ vào đâu để sanh tâm, tuy thuyết pháp nhưng không có pháp gì để thuyết; tuy thành Phật nhưng không có Bồ Đề để đắc. Ấy là mây bay biển Hạnh, sóng dậy cửa Độ, chính là đạo xứng tánh duyên khởi, không có sự để hành.

Do vậy, trong chẳng thấy có cái ta là người độ, ngoài chẳng thấy có người và chúng sanh được độ, giữa chẳng thấy có tướng thọ giả để chứng Vô Dư Niết Bàn. Cái thấy "có mình lẫn người" cùng mất, tình kiến phàm lẫn thánh đều hết. Tam luân thể không, một đạo thanh tịnh. Thật Tướng diệu lý như như bất động, triệt để phô bày trọn vẹn. Vì thế được phước đức bằng với mười phương hư không vậy! Còn như thọ trì kinh này, vì người khác nói, dù chỉ bốn, ba, hai, một câu, phước ấy còn hơn dùng bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí suốt vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hơn phước của việc hằng ngày ba thời dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng để bố thí. Ấy là vì hết thảy chư Phật và pháp vô thượng giác đạo của chư Phật đều từ kinh này mà ra. Do đó, người thuyết pháp chính là dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm và trang nghiêm hết thảy chúng sanh. Công đức chân thật tự hành hóa độ người ấy được gọi là Không, há chẳng đáng sao!

Vì thế, dù chỉ nói kinh này bốn, ba, hai, một câu thì hết thảy trời người đều nên cúng dường như cúng dường tháp miếu Phật. Do người trì kinh tâm hợp với

đạo, tâm hợp với Phật, nên chuyển được hậu báo nặng nề nhất thành hiện báo nhẹ nhàng nhất, lại còn sẽ đắc Bồ Đề. Do tự hành, dạy người, tâm chẳng trụ vào tướng chính là dùng Trí Như Như để khế hợp Lý Như Như, ngay khi đó dung hợp thành một với Bồ Đề, Niết Bàn, như nước lẫn vào nước, như không trung hợp với không trung. Dù có thánh trí, chẳng thể phân biệt được! Những pháp môn đức Như Lai đã giảng trong suốt một đời đều dùng trí này chiếu thấu để tu thì nước chảy đến liền thành kênh, mây tan trăng rạng, một trần chẳng lập, vạn đức trọn phô!

Cư sĩ Mã Thông Bạch xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, phẩm hạnh thanh cao, trước thuật phong phú, thật là bậc văn chương lỗi lạc hiện thời, có học thức cao tuyệt. Nhưng do dốc chí nơi Nho Tông, chưa rảnh rỗi tinh chuyên nội điển. Mãi đến khi tuổi tròn hoa giáp (sáu mươi), thấy lẽ tang thương biến đổi, ngộ thân thế vô thường, bèn buông bỏ hết thảy, chuyên xem kinh Phật. Mới biết lời Như Lai nói đều chỉ tâm ta, viên châu sẵn có nơi vạt áo cơ hồ quên mất. Mừng rỡ cùng cực, chuyển thành bi cảm. Về sau đọc kinh này, tâm hoa bừng nở; do đấy, thuận theo kiến giải của mình soạn thành bộ Kim Cang Thứ Hỗ. Đối với chỗ văn từ quyện lẫn vào nhau bèn phân chương đoạn cho rõ, đối với nghĩa huyền diệu bèn dùng lời lẽ bình dị để giảng rõ. Khế lý, khế cơ, thông trên thấu dưới, đúng là hướng dẫn tốt lành cho hàng sơ cơ, thật là cửa trọng yếu để nhập đạo. Các môn nhân muốn khắc bản để lưu truyền mãi mãi, ngõ hầu những Nho sĩ thông suốt thảy đều ngưỡng mộ học theo, lợi ích ấy chỉ có đức Phật mới

có thể biết được nổi. Gắng đem nỗi niềm ngu thành để làm lời tựa dẫn nhập.

18. Lời tựa cho bản đúc kẽm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết

Một quyển kinh này người người đều có, ai ai chẳng không. Nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hợp trần, chẳng biết phản quán nội chiếu đến nỗi chẳng thể tự thụ dụng. Vì thế, phẩm Như Lai Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm có câu: *"Lúc Như Lai thành Chánh Giác, than rằng: 'Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền".* Trong đoạn mở đầu kinh này, do ngài Tu Bồ Đề thấy oai nghi của Phật nên khen ngợi: *"Đức Thế Tôn hy hữu! Khéo hộ niệm phó chúc các Bồ Tát"*, muốn khiến cho pháp hộ niệm phó chúc được rạng rỡ trong thế gian, nên hỏi: *"Bồ Tát phát vô thượng Bồ Đề tâm, nên trụ như thế nào? Nên hàng phục cái tâm như thế nào?"* Hai câu này chính là yếu chỉ của hộ niệm, phó chúc vậy.

Như Lai lấy chuyện *"làm cho tất cả hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều được nhập Vô Dư Niết Bàn để được diệt độ, nhưng chẳng thấy có tướng chúng sanh được diệt độ"* để đáp câu hỏi *"hàng phục":* lấy chuyện *"Bồ Tát đối với pháp hãy nên không trụ vào đâu, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí"* để đáp câu hỏi *"nên trụ như thế nào?"*

Lại nói: *"Chẳng trụ vào Sắc để sanh tâm, chẳng trụ vào Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để sanh tâm, hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm"*. Lại còn khen ngợi sâu xa phước đức chẳng trụ vào tướng để bố thí, [nói phước đức ấy] lượng chẳng thể suy lường giống như mười phương hư không vậy. Vì sao độ tận hết thảy chúng sanh lại nói là *"không thấy có chúng sanh được diệt độ?"* Là vì Vô Dư Niết Bàn chính là tánh thể sẵn có của chúng sanh. Do mê trái nên không biết, thoạt đầu chưa từng bị mất, được Bồ Tát chỉ dạy bèn hiểu rõ hạt châu trong chéo áo, đầu nằm ngay trên cổ. Đã hiểu rõ như vậy thì là xong rồi, chứ nào phải lại có? Chẳng qua chúng sanh tự tánh tự độ, há nào có ta là người độ, nào có người và chúng sanh được độ? Cũng như nào có tướng thọ giả để nhập Vô Dư Niết Bàn ư?

Bốn tướng đã là không thì tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh. Do tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh, nên vạn hạnh như mây nhóm, tâm không trụ vào đâu. Dẫu cho vạn hạnh như mây nhóm, thật ra không có một pháp nào để lập. Thấy tình và vô tình đều cùng một Thật Tướng; cho nên núi, sông, đại địa hoàn toàn hiển lộ thân Pháp Vương. Kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, chính là bằng chứng. Do vậy, biết: Như Lai trí huệ, đức tướng vốn tự đầy đủ, không thiếu, không thừa. Nhưng vì mê trái nên bỗng dưng huyễn khởi vọng tưởng, chấp trước, đến nỗi trí huệ, đức tướng bị ẩn mất chẳng hiện. Nếu chịu suy xét đến cùng cực, xét xem vọng tưởng, chấp trước này từ nơi đâu mà có, thì mây mù phủ kín bầu trời ắt sẽ triệt

để tiêu diệt. Vầng mặt trời sẵn có sẽ hiển hiện toàn thể. Lúc mây mù phủ kín, mặt trời cũng chưa hề bị mất; lúc mây mù tan tác, mặt trời cũng chưa hề có lại! Độ tận hết thảy chúng sanh mà chẳng thấy một chúng sanh nào được độ chính là ý này.

Ai thấy được lý này, hành được hạnh này, dùng "không trụ vào đâu" để sanh tâm, ắt thấy các tướng không có tướng. Người như thế thọ trì kinh này, vì người khác diễn nói dẫu chỉ bốn, ba, hai, một câu thì phước đức của người dùng bảy báu đầy ắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí vẫn chẳng thể bằng được! Do một câu nhiễm vào thần thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Trụ vào tướng để bố thí thì quả báo ở nơi nhân thiên! Do vậy, nói: *"Chỗ nào có kinh, chỗ ấy chính là tháp miếu. Kinh ở tại chỗ nào, chỗ ấy có đủ Tam Bảo"*. Vì vậy, hết thảy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Do người nói chẳng chấp vào tướng, như như bất động, dùng Như Như Trí khế hợp Như Như Lý, Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như. Nói cả ngày nhưng thật ra chưa từng nói, dù nín lặng không nói cũng chưa từng chẳng nói. Do người ấy đi, đứng, nằm, ngồi, qua lại, cúi, ngửa, mặc áo, ăn cơm, giơ nắm tay, dựng ngón tay, không gì chẳng phải là Vô Dư Niết Bàn bất sanh bất diệt, là toàn thể đại dụng của vô trụ sanh tâm. Ruộng đất vượt ngoài kiếp, trăng gió nơi quê cũ, mặc người tự được, nào ai ngăn trở? Do vậy, ông bán củi[52] nghe được một câu liền được nối Tổ truyền đăng, lẫy lừng vũ trụ. Người ta là trượng

[52] Khi chưa xuất gia, tổ Huệ Năng làm tiều phu, gánh củi đến bán cho ông trưởng giả, nghe ông đọc kinh Kim Cang bèn ngộ chân tâm, phát tâm xuất gia.

phu, mình cũng thế, chẳng nên tự khinh để rồi thua kém. Như vậy, người thọ trì nên phát đại Bồ Đề Tâm như thế nào? Nên sanh tâm không trụ vào đâu như thế nào?

Cuối triều Đạo Quang nhà Thanh, có Vô Trụ Lão Nhân Trần Trụ xưa có huệ căn, nhược quan (20 tuổi) bèn tụng kinh này, đến ngoài bảy mươi, xem rộng các bản chú giải, gạn lọc lấy những nghĩa lý tạo thành bộ Tuyển Thuyết. Dùng một sợi dây "chẳng trụ vào tướng" để xâu dính lại triệt để. Câu chữ giản dị, dễ hiểu, có ích cho hàng sơ cơ. Nếu nắm được chỗ chỉ quy từ sách này thì đối với chú giải của cổ đức, đối với kinh của Như Lai sẽ như mở được kho báu, tùy ý thụ dụng.

Hai anh em ông Giản Chiếu Nam, Giản Ngọc Giai ở Việt Đông (Quảng Đông), do mẹ mất, các thân hữu đến phúng điếu, ai nấy đều gởi những bài ai điếu, liễn đối phúng viếng. Họ gom lại cho khắc in, đặt tên là Ai Tư Lục. Lại muốn vì mẹ làm lợi cho hết thảy nên bèn cho đúc bản kẽm cuốn Kim Cang Kinh Tuyển Thuyết in thành mấy ngàn cuốn, để cùng với bộ Ai Tư Lục dùng tặng các thân hữu đã phúng điếu để tạ ơn những lời chúc tụng hay đẹp. Một là mong cho mẹ được cao thăng phẩm sen, hai là mong cho thân hữu tăng trưởng thiện căn. Thật đúng là: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tứ nhĩ loại" (tạm dịch: Hiếu tử chẳng cùng khốn, vĩnh viễn ban cho ngươi).*

Nếu nghi Kim Cang vô tướng, Tịnh Độ hữu tướng, hai pháp làm sao dung thông nhau được? Tôi nói: Kinh Kim Cang dạy độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy tướng độ, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị,

Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu lục độ vạn hạnh; đã dạy chẳng trụ vào tướng bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, cùng với vạn hạnh, không gì chẳng phải như vậy. Như thế, kinh Kim Cang chính là quy củ chuẩn mực cho con người hành khắp lục độ vạn hạnh, phổ độ hết thảy chúng sanh, chính là cương yếu của khắp hết thảy các pháp môn trong cả một đời giáo hóa. Ấy chính là ngay nơi tướng mà lìa tướng, sao không thể dung thông với Tịnh Độ cho được? Phàm pháp độ sanh, chỉ có mỗi Tịnh Độ thật là bậc nhất. Muốn sanh về Tịnh Độ thì phải tịnh cái tâm. Hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Dùng tâm thanh tịnh chẳng trụ vào tướng để niệm Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật, vãng sanh Tây Phương, chứng Vô Sanh Nhẫn, chính là lý sự quyết định chẳng thay đổi vậy, nào còn ngờ gì nữa?

19. Lời tựa tái bản bộ Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện Nghi

Tâm thể vốn tịnh, do căn trần mà trược niệm khởi lên. Phật tánh thường tồn, do mê trái nên phàm tình hừng hực. Do vậy, khiến cho sức tịch chiếu bị biến thành duyên tối tăm, loạn động. Trong thường trụ, lầm chịu nỗi khổ sanh tử. Chấp trước Ngũ Ấm, chẳng biết rốt ráo đều là không. Ngăn lấp nhất tâm, nào hiểu vốn chẳng thể được! Đắm nhiễm lục trần huyễn cảnh, đọa lạc đường khổ tam đồ. Dẫu trải qua vi trần kiếp số, chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do vậy, đức Thế Tôn ta rủ lòng từ mẫn, nhân Địa Tạng Bồ Tát thưa hỏi,

bèn nói pháp luân Thập Lực của Phật để nghiến nát Phiền Hoặc, thành tựu đạo khí. Do đấy, vứt bỏ ác pháp, đoạn trừ hết thảy Vô Y Hạnh[53], tu trì thiện pháp, đầy đủ hết thảy Hữu Y Hạnh. Nhưng muốn đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn thì phải sám trừ tội khiên đời trước. Nếu chẳng chấp vào Ngũ Ấm sẽ tự chứng được ba thân. Bên ngoài thì nhờ vào Phật lực, pháp lực, Bồ Tát thệ nguyện lực, trong nương vào sức thành kính, sức sám hối, sức tự

---

[53] Kinh Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân dạy có mười Hữu Y Hạnh Luân và mười Vô Y Hạnh. Hữu Y nghĩa là những hạnh nghiệp có thể nương nhờ vào, dùng chữ Luân với ý nghĩa giống như bánh xe lăn, nghiền nát Hoặc nghiệp. Như vậy, Hữu Y Hạnh Luân là những hạnh nghiệp có thể đoạn phiền hoặc, chứng Bồ Đề. Vô Y Hạnh là những hạnh nghiệp không thể nương tựa vì chúng tăng trưởng phiền não, vọng tưởng, chấp trước.

Mười Hữu Y Hạnh Luân là:

1) Đầy đủ lòng tin trong sạch, trọn tín tâm thanh tịnh.
2) Có đủ lòng hổ thẹn.
3) An trụ trong luật nghi, nhiếp thân khẩu ý, an trụ tịnh giới.
4) An trụ từ tâm.
5) An trụ bi tâm.
6) An trụ hỷ tâm.
7) An trụ xả tâm.
8) Có chánh quy y, y chỉ nơi Tam Bảo.
9) Đầy đủ tinh tấn, tùy thuận tu học, dũng mãnh, siêng tinh.
10) Thường lạc tịch tịnh, lòng lắng tịnh, tư duy đúng lý, dứt các vọng tưởng.

Mười Vô Y Hạnh là:

1) Gia Hạnh hoại nhưng ý lạc không hư hoại.
2) Ý lạc bị hoại nhưng gia hạnh không hoại.
3) Gia hạnh, ý lạc đều hoại.
4) Giới hoại, nhưng kiến không hoại.
5) Kiến hoại, nhưng giới không hoại.
6) Kiến, giới đều hoại.
7) Gia hạnh, ý lạc, giới, kiến đều không hoại, nhưng y chỉ vào sức bạn ác.
8) Tuy y chỉ thiện hữu và có gia hạnh, nhưng ngu độn như dê câm, không phân biệt các sự lý, nghe thiện pháp nói là bất thiện pháp, chẳng lãnh ngộ được ý nghĩa.
9) Đối với các thứ của cải, thường không chán đủ, miệt mài theo đuổi nên tâm bị loạn.
10) Bị các bệnh tật bức bách nên cúng bái thần quỷ, cầu chú thuật.

tánh công đức nên sương tội ngập trời bị tiêu diệt triệt để; bầu trời chân tánh sẵn có được hiển hiện toàn thể.

Do vậy, biết rằng ba kinh Thập Luân, Bổn Nguyện, Chiêm Sát[54] đều là vì Địa Tạng đại bi nguyện lực khiến cho chúng sanh côi cút không nơi nương cậy trong đời Mạt có chỗ nương cậy lớn lao. Ngẫu Ích đại sư đã chứng Pháp Thân, thừa nguyện tái lai, thoạt đầu thị hiện làm kẻ Xiển Đề, sau trở thành sứ giả Như Lai, một đời hạnh giải, lý sự viên dung. Suốt đời trước thuật, tánh - tu cùng trọn đủ. Ngài muốn làm cho trược trí trở thành tịnh trí, bèn dựa theo ba kinh trên, soạn ra Sám Nghi, ngõ hầu biến phàm tâm thành Phật tâm, dùng Thập Luân để làm sáng tỏ sự tán thán, sám hối. Gương báu đã mài, quang minh tự phát. Ma-ni đã gột rửa, bèn tuôn ra trân bảo. Thật có thể nói là diệu pháp để phản bổn hoàn nguyên, là đạo để đạt "tâm này làm Phật" vậy. Hoằng Nhất Thượng Nhân từ trước đã khâm phục trước thuật của đại sư, bèn cho khắc bản bộ sám nghi này để lưu truyền rộng rãi, khiến cho người có chí diệt Hoặc nghiệp huyễn vọng, chứng chân tâm sẵn có, trên nối tiếp huệ mạng Như Lai, dưới tạo thành điển hình cho đời sau đều được thọ trì vậy!

---

[54] Trong Đại Tạng có ba bộ kinh: Địa Tạng Bồ Tát Thập Luân Kinh, Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh và Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh đều do đức Địa Tạng khải thỉnh Phật bèn nói pháp, hoặc do một vị Bồ Tát khác khải thỉnh, Phật bèn giảng diễn về công hạnh của Địa Tạng Bồ Tát.

20. Lời tựa khắc lại bộ Giản Ma Biện Dị Lục

Người học đạo suy nghĩ lập hạnh đều phải chất trực, trung chánh, chẳng được có mảy may có tướng thiên vị, riêng tư, lươn lẹo. Nếu có chút thiên lệch, cong quẹo gì thì sẽ như bàn cân không chuẩn, cân các vật nặng - nhẹ đều sai. Như thể chất gương chẳng sạch, chiếu các hình tượng khó thể phân biệt tốt - xấu. Sai chỉ hào ly, mất đi ngàn dặm! Xoay vần sai lầm, không thể ngăn dứt được! Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Mười phương Như Lai đồng một đạo, nên thoát lìa sanh tử đều dùng trực tâm"*. Do bảo tâm là trực (ngay thẳng) nên từ địa vị đầu đến địa vị cuối, trong những địa vị trung gian, vĩnh viễn chẳng có tướng cong quẹo. Kinh Thư nói: *"Tâm con người khi gặp hoàn cảnh quyến rũ thì tâm đạo bị nhỏ đi, hãy tập trung tư tưởng, chuyên nhất [gìn giữ đạo tâm], giữ cho thiên tánh không đổi dời[55]"*. Pháp Tạng[56] đời trước, vốn

---

[55] Nguyên văn: *"Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung"*. Câu này được hiểu nhiều cách khác nhau, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Thân Hà Vĩnh trong bộ Trung Hoa Văn Hóa Tâm Lý Học Tâm Yếu. Theo ông Thân, Nguy ở đây là những nguy hiểm, thử thách, chẳng hạn như danh dự, lợi lộc, của cải v.v… Đạo tâm là cái tâm tự nhiên, tâm thiên phú, thiên lương v.v… *"duy tinh duy nhất"* là tập trung tư tưởng, gìn giữ đạo tâm. *"Doãn quyết kỳ trung"* nghĩa là giữ cho thiên tánh chẳng dời. Như vậy câu này có thể hiểu là: *"Tâm con người do bị hoàn cảnh quyến rũ, tâm đạo ngày càng nhỏ đi. Phải tập trung tư tưởng, gìn giữ đạo tâm cho không thay đổi"*.

[56] Tức Hán Nguyệt Pháp Tạng, người sống vào cuối đời Minh, viết sách Ngũ Tông Nguyên cực lực đề cao tông Lâm Tế, chỉ trích mạt sát các tông phái Thiền khác, nhất là tông Tào Động, lập ra những dị thuyết, gây nên những tranh luận ồn ào cho đến tận thời Ung Chánh hoàng đế nhà Thanh. Học trò ông ta là Hoằng Nhẫn lại còn viết sách Ngũ Tông Cứu cực đoan hơn nữa, coi bốn phái Thiền còn lại đều là tà ngụy. Phái Thiền của Pháp Tạng chủ trương

có linh căn cho nên đời này giải ngộ và kiến địa đều chẳng nông cạn. Nhưng do cái gốc ngã mạn sâu xa, muốn làm bậc cao nhân thiên cổ đệ nhất, tự mình lập bừa ra những tông chỉ, danh tướng, viết bộ Ngũ Tông Nguyên những mong hậu học suy tôn ông ta, rốt cuộc trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo. Nếu như khi ấy cứ một bề vâng giữ trực tâm trực hạnh, ắt sẽ thấy trong hội của ngài Mật Vân[57] không ai bằng được, đạo phong lừng lẫy khó gì chẳng vượt trội các phương! Tiếc là ông ta chẳng chú trọng thực ngộ, thực chứng, lại mưu tính, lập cách để mình được vượt trội hết thảy, khiến cho ngài Mật Vân ba lần, bảy lượt quở trách để uốn nắn ông ta!

Con người chẳng phải là thánh hiền, ai không vướng lỗi? Nếu thật sự là người anh hùng, quả cảm sẽ tự hổ thẹn, sám hối, biết lỗi sửa lỗi, cầu thật ngộ, thật chứng, thì pháp mạch Lâm Tế, Như Lai huệ mạng sao không trực tiếp truyền thừa cho được? Lẽ đâu dựng cao

---

phá chấp triệt để nên ăn mặn, uống rượu, không giữ giới luật cũng không trở ngại gì, khiến cho các tôn đức tông Lâm Tế cũng phải quở trách.

[57] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là vị cao tăng tông Lâm Tế đời Minh. Sư người huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô, họ Tương, tự Giác Sơ, hiệu Mật Vân, thụy hiệu Huệ Định thiền sư. Ngài là con nhà nông, nhân đọc Lục Tổ Đàn Kinh liền hâm mộ Thiền Tông. Một ngày nọ nhìn đống củi có chỗ ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền ở viện Long Trì vào năm 29 tuổi. Năm Vạn Lịch (1602), Chánh Truyền lên kinh đô, Sư được cử làm giám viện chùa Vũ Môn. Một ngày nọ đi qua núi Đồng Quan, hốt nhiên đại ngộ, được ngài Chánh Truyền trao y bát vào năm 39 tuổi. Năm 45 tuổi, được kế nhiệm trụ trì tổ đình Long Trì. Về sau lần lượt trụ tại các chùa Thiên Thai, Hoàng Bá, Thiên Đồng… trước sau 30 năm, đại chấn tông phong, được xưng là Tổ trung hưng tông Lâm Tế. Đệ tử hơn 3 vạn người, nổi tiếng nhất là Đạo Mân, Thông Dung, Pháp Tạng v.v… Tổ Huệ Nguyên của tông Hoàng Bá tại Nhật cũng là đệ tử của ngài Mật Vân. Sư tịch năm Sùng Trinh thứ 15 (1642) tại chùa Thông Huyền, thọ 77 tuổi.

tràng kiêu mạn, giữ dở, che lỗi, khiến cho những gã học trò như Hoằng Nhẫn v.v… càng thêm cuồng vọng, phô phang ý kiến ức đoán của chính mình, viết sách Ngũ Tông Cứu, biến chánh thành tà, biến tà thành chánh, báng pháp, báng tăng, tự lầm, lầm người. So với Pháp Tạng, lại càng sâu nặng gấp mười. Kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa. Ôi! Đáng buồn thay! Đương thời, Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn mặc tình tô vẽ, khiến cho môn đình rất thạnh, hàng sĩ đại phu đa phần thành ngoại hộ. Do vậy, những tà thuyết lầm lạc trong các bộ ngữ lục Ngũ Tông Nguyên, Ngũ Tông Cứu của cha con họ đều được đưa vào Đại Tạng.

Đến năm Ung Chánh thứ mười một (1733), Thanh Thế Tông muốn tuyển chọn ngữ lục, đọc khắp các trước tác của họ, biết họ mang ý kiến lầm lạc, đến nỗi làm mù chánh nhãn của người khác, bèn truyền hủy sạch những bản ấy. Lại sắc truyền các tùng lâm trong thiên hạ, phàm có sách hay ván in sách ấy, phải hủy trừ cho hết. Nếu giấu diếm, bị phát giác sẽ kết tội phạm luật. Lại sợ có người bị trúng độc sâu xa, không thể ói ra hết được, do sách Ngũ Tông Cứu cuồng vọng, trái nghịch quá mức, vua bèn trích lục hơn tám mươi điều [từ sách ấy], vạch trần, phê phán từng điều, truyền đưa vào Đại Tạng hòng mở con mắt chánh cho người, báo ân Phật, ân Tổ. Nhưng do muôn vàn điều không rảnh rỗi, đến mùa Xuân năm Ung Chánh 13 (1735) mới hoàn thành bản cảo, chưa sửa chữa hoàn chỉnh, xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Cao Tông (Càn Long) kế vị, mới cho khắc ván. Chỉ vì chẳng giao phó cho người thông hiểu, nên với những chữ viết giả tá theo lối chữ Thảo đa phần

sửa thành lối chữ Chân Phương, chẳng hạn như chữ Vị 謂 (nói) sửa thành chữ Vị 為 (vì), nhiều đến hơn cả trăm chỗ[58]. Những kinh sách được Thế Tông khắc in đều giảo chánh, đối chiếu tinh xác, nghiêm cẩn, chỉ có mình sách này sai ngoa quá nhiều. Do vậy, biết sách ấy được khắc sau khi nhà vua đã lên làm khách cõi trời.

Hơn nữa, mùa Xuân năm Ung Chánh thứ 13, khởi công khắc ván Đại Tạng Kinh, vua đã truyền dụ đem sách này nhập Tạng để lưu thông, nhưng rốt cuộc không nhập, là vì Cao Tông lên ngôi chưa lâu, chuyên lo chánh trị, không rảnh rang đề xướng. Còn những hàng Tăng tục khác thì do đồ đảng của Pháp Tạng quá đông, nên đều sợ nếu đề xướng [nhập tạng sách này] ắt phải chuốc họa. Do vậy, gác lại không bàn đến, cho nên không nhập. Bản ván khắc sách của triều đình được giữ trong đại nội, trừ phi hoàng đế hạ chỉ, không cách nào ấn loát được. Vì thế, sách này chẳng được lưu truyền trong đời. Nhưng pháp bảo này ắt có thần, vật thủ hộ, khiến cho sách được giấu kín đã lâu lại xuất hiện, được lưu truyền rộng rãi. Nhân duyên này được ghi đầy đủ trong lần in thạch bản. Nay tính khắc lại bản gỗ, bèn lắng lòng giảo duyệt, hòng khôi phục lại bản lai diện mục cho tác phẩm của Thế Tông. Cư sĩ Ưng Quý Trung nguyện bỏ tiền khắc lại, nên tôi bèn viết lời tựa nêu rõ đầu đuôi để thuật cùng người thông suốt trong mai sau.

---

[58] Do viết chữ Hán theo lối Thảo thường bỏ bớt nét và dùng hình thức giả tá (tức là dùng chữ đồng âm, ít nét hơn, để viết cho tiện, cho nhanh). Khi đọc, phải căn cứ theo ngữ cảnh để hiểu tác giả thật sự muốn dùng chữ gì. Điều này đòi hỏi người đọc phải thông hiểu nội dung, thâm hiểu Phật pháp mới viết cho đúng chữ chân phương được.

Phàm muốn liễu sanh thoát tử, ắt phải thật chứng. Nếu chỉ ngộ chưa chứng thì Phiền Hoặc vẫn còn, phải nỗ lực vô cùng. Nếu có thể khăng khắng dốc sức, trải duyên rèn luyện, tâm luôn giác chiếu, thầm phù hợp thánh trí, phàm tình nhân ngã thị phi sẽ không do đâu khởi được. Nếu chẳng gắng giác chiếu, phàm tình vẫn cứ lừng lẫy như cũ thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng; từ ngộ nhập mê sẽ khó thể tránh khỏi! Như người tỉnh ngủ không ngồi dậy, hồi lâu sau lại ngủ tiếp. Cổ nhân nói: *"Đại sự đã sáng tỏ, như chôn cha mẹ"*[59]. Chính là vì Phiền Hoặc chưa đoạn, chỉ sợ lại mê. Phải biết người đoạn Hoặc, không còn phàm tình. Đã không còn phàm tình, nào còn có sanh tử? Người đại ngộ dẫu ngộ bằng chư Phật, nhưng Hoặc chưa đoạn trừ thì phải niệm niệm giác chiếu, hầu tránh khỏi dùng phàm tình xử sự.

Cha con Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn, tuy ngộ xứ cao sâu, nhưng chỉ vì ngã mạn quá đáng đến nỗi hoàn toàn bị vùi lấp trong tình kiến nhân ngã, lại toan muốn làm bậc cao nhân đệ nhất nối tiếp huệ mạng Phật, đến nỗi một phen lầm lẫn vĩnh viễn lầm lạc, không sao quay lại được! Dốc cạn trí lực, chỉ thành thân phận một kẻ tầm thường, chẳng đáng buồn ư? Như Lai biết sâu xa chúng sanh đời mạt Phiền Hoặc khó đoạn nên riêng mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ khiến cho lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hầu cận Di Đà, theo gót hải

[59] Ý nói đã ngộ rồi, thì càng phải nghiêm túc tu tập, như con làm đám ma cho cha mẹ, chẳng dám khinh thường, đãi bôi chút nào.

chúng. Từ đấy phá trọn vô minh, triệt chứng tự tâm, thẳng đến khi thành Phật mới thôi. Nếu như Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn biết được điều này, ắt sẽ thượng phẩm thượng sanh, chứng Vô Sanh Nhẫn, hiện đủ mọi sắc thân, rộng độ quần mê. Đâu đến nỗi bóng bẩy, màu mè, mong được hư danh vượt Phật trội Tổ, muốn lưu danh thơm trăm đời! Lúc bị người sáng mắt thấy thấu suốt, bèn lộ tiếng tà ma ngoại đạo, để tiếng xấu muôn năm! Ô hô, buồn thay!

21. Lời tựa bản thạch ấn sách Giản Ma Biện Dị Lục

(viết thay cư sĩ Xí Giác Triệu Hy Y)

Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng, nhưng có những vị chỉ gieo hạt giống kết duyên, có vị ngộ chứng, đủ mọi hạng bất đồng. Tìm lấy một vị thâm nhập kinh tạng, đạt thẳng nguồn Thiền, chứng diệu tâm Niết Bàn, có chánh nhãn Kim Cang, nhân lúc tu - tề - trị - bình được rảnh rỗi, bèn xiển dương tông chỉ *"niêm hoa trực chỉ"* (cầm cành hoa giở lên để chỉ thẳng vào tâm)[60] thì chỉ có mình

---

[60] Niêm hoa (còn gọi là "niêm hoa vi tiếu"): Theo truyền thuyết của Thiền Tông, trong pháp hội Linh Sơn, đức Phật giơ cành hoa cho đại chúng xem, đại chúng ngơ ngác, chỉ mình tôn giả Ca Diếp mỉm cười. Đức Thế Tôn bèn nói: *"Ta có chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm, Thật Tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập văn tự truyền riêng ngoài giáo, nay giao cho Ma Ha Ca Diếp"*. Nhà Thiền bảo sự tích này lấy từ kinh Đại Phạm Thiên Vương Sở Vấn, nhưng hiện thời chưa tìm thấy bản kinh này trong Đại Tạng, ngoại trừ một bản ghi trong Tục Tạng, nhưng cũng bị nghi ngờ tính chân xác. Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, trước khi đức Phật nhập diệt, đã giao phó chánh pháp cho tổ Ca Diếp như sau: *"Vô thượng chánh pháp giao phó cho Ma Ha Ca Diếp, Ca Diếp sẽ là chỗ y chỉ lớn lao cho các tỳ-kheo, giống như Như Lai là chỗ y chỉ cho mọi chúng sanh"*. Do vậy, các nhà nghiên cứu Phật học hiện thời cho rằng

Thanh Thế Tông hoàng đế là bậc nhất. Nếu không phải là bậc Pháp Thân đại sĩ thừa nguyện tái lai, nắm vững cốt lõi đạo Quyền - Thật bất nhị, độ chúng sanh luân hồi không nơi nương tựa thì há có được như vậy hay chăng? Về trước thuật của nhà vua, trong Đại Tạng có Viên Minh Cư Sĩ Ngữ Lục gồm ba quyển (Viên Minh Cư Sĩ là đạo hiệu của Thanh Thế Tông). Ngoài ra, những tự, bạt, truyện, ký, thấy rải rác trong những kinh, luận, ngữ lục, thảy đều khéo léo khế hợp tâm Phật, ngầm hợp ý Tổ. Chữ nào chữ nấy tỏ rõ sự thật, lời nào lời nấy đều quy tông. Như gảy bàn tính, như báu Ma Ni, phàm những ai có đủ con mắt không ai chẳng bội phục!

Vào cuối đời Minh, trong số đồ đệ của sư Mật Vân Viên Ngộ, có Pháp Tạng tự là Hán Nguyệt, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, gốc ngã mạn sâu dầy. Sau khi đại ngộ, bèn muốn làm bậc cao nhân thiên cổ độc nhất không ai sánh bằng, vì thế lập bậy chủ kiến, viết sách Ngũ Tông Nguyên, mong muốn vượt trội hết thảy. Chẳng biết Như Lai tâm ấn như vầng trăng trong mát, mây ngã mạn vừa đùn, liền che mất ánh trăng; Chân Như diệu tánh như thái hư không, bụi ngã mạn vừa bay tung, liền bẩn thể chất của Không. Đủ mọi thứ bôi vẽ, trau chuốt, bẹo hình bẹo dạng cuồng vọng, trái nghịch, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Mật Vân quở lên, trách xuống, Pháp Tạng cùng với học trò là Hoằng Nhẫn vẫn chấp mê chẳng tỉnh. Sư phải cứu vớt nhiều lần nhưng ông ta lại toan lấn lướt ngài Mật Vân, bảo *"ta tự ngộ không cần thầy"*, Mật Vân bị ép phải đem

---

thuyết "niêm hoa vi tiếu" chính là sự thêm thắt, tô vẽ của Thiền Tông Trung Hoa sau thời Thần Hội vào đoạn kinh trên.

mối đạo giao phó. Những ngôn thuyết của Pháp Tạng phần nhiều là dối lập, ít có sự thật. Hàng tri thức thời ấy tuy biết ông ta sai, nhưng thấy ông ta còn chẳng làm gì được; lại thêm môn đình của ông ta quá mạnh, hàng sĩ đại phu đa phần là kẻ ngoại hộ, chỉ sợ vừa phê phán đã khó khỏi mắc họa. Do vậy, họ đều chẳng dám bàn đến nữa.

Đến năm Ung Chánh mười một (1733), Thế Tông xem khắp các ngữ lục của Mật Vân, Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn, thấy tri kiến của họ lầm lạc liền chép ra hơn mấy mươi ý kiến phỏng đoán, tà thuyết của họ để biện định chánh - tà một phen. Tính ra đến hơn mười vạn chữ, đặt tên là Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục, liền cho khắc thành sách để thành bản in của triều đình, lại truyền đưa sách ấy vào Đại Tạng hòng trừ tà thuyết để chánh nhân tâm, chấn hưng Tông phong, sáng tỏ đạo Tổ. Đến năm thứ mười ba (1735) khởi công khắc in Đại Tạng, nhưng xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Cao Tông (Càn Long) kế vị, ngày ngày phải lo muôn chuyện, chẳng rảnh rỗi đề xướng, đến nỗi rốt cuộc chẳng được nhập tạng. Sách đã khắc thành bản in chánh thức của triều đình được giữ trong đại nội, chẳng dễ lưu thông. Vì thế, những hàng đại gia Tăng - tục bác học đa văn hiện thời đều chẳng biết đến tựa đề sách này.

Năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự, bạn tôi là Tử Nhậm tìm được hai bộ sách này ở chợ sách Bắc Kinh, gởi một bộ cho pháp sư Đế Nhàn mong Ngài đề xướng quyên mộ lưu thông, một bộ giao cho ông Dương Nhân Sơn gởi qua Nhật Bản, đưa vào Đại Tạng Kinh bản in mới của Hoằng Giáo Thư Viện. Mùa Xuân năm nay, tôi

muốn vượt biển đến đất Hỗ (Thượng Hải) gặp cư sĩ Địch Sở Thanh. Tôi nói: "Ông thích truyền bá những sách cổ, sao không lấy cuốn Giản Ma Biện Dị Lục trong Đại Tạng Kinh của Hoằng Giáo Thư Viện để khắc ván ấn hành? Sách này do Thế Tông đem tâm pháp của Linh Sơn, Tứ Thủy để mở đại quang minh tạng Kim Cang chánh nhãn cho hai đạo Nho, Thích. Nếu sách này được lưu truyền, chẳng những người tham Thiền lập tức biết chỗ quy hướng, ngay cả người đề cao Khổng Mạnh để dò tìm Thành Minh đến cùng cực cũng sẽ như ngồi thuyền gặp được gió thuận, mau đến được bờ kia!" Cư sĩ nói: "Trước kia, ở kinh đô, con tìm được một bộ trong đống đồ cũ nát, cất trong rương sách đã hơn cả năm. Nếu không nhờ thầy nói, chắc là bỏ qua mất rồi!" Liền giao cho nhà in để họ chiếu theo thể thức in thạch bản, in ra một ngàn bộ, xin tôi viết lời tựa. Tôi hết sức vui mừng, quên mình kém cỏi, soạn lời tựa để phô bày cơ duyên ẩn - hiển như vậy.

22. Lời tựa cho sách Tam Thập Nhị Tổ Truyện Tán

Khởi đầu từ chuyện đức Thế Tôn giơ cành hoa, Ca Diếp mỉm cười, *"chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm"* liền được phổ biến khắp hoàn vũ. Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, Tổ Đạt Ma từ trời Tây sang, những vị viên ngộ Phật tánh, triệt chứng tự tâm, tiếp nối huệ mạng của Như Lai, làm đạo sư cho trời người, thật rất nhiều. Những vị được Truyền Đăng Lục, Cao Tăng Truyện ghi chép chỉ là mười phần, một phần trong trăm

ngàn phần mà thôi. Còn những vị ẩn đức chẳng phô bày, giấu kín chẳng tỏ rõ làm sao kể xiết được?

Thanh Thế Tông Hiến Hoàng Đế (Ung Chánh) đã chứng Pháp Thân từ lâu, thừa nguyện tái lai, dù Tông hay Giáo không gì chẳng thấu nguồn tột đáy. Kể từ khi lên ngôi, trong vòng mười năm, chuyên coi sóc việc chánh trị, chẳng đề xướng Phật pháp vì mong thiên hạ thái bình, phong tục thuần mỹ. Sau đấy mới tuyên bố pháp hóa sẽ dễ được lợi ích, như đồ đựng đã khử chất độc có thể chứa được cam lộ. Đến năm Ung Chánh 11, bèn dùng thân nhân vương (vua trong cõi người) làm chuyện pháp vương, một vai gánh vác cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nho giáo, Thích giáo, nhất đạo cùng hành. Lấy tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy để thuật luân âm truyền tân tục diệm[61], Không - Hữu bất nhị, Chân - Tục viên dung, thật muốn cho nhân dân trong khắp cõi đời đều là con đích thật của đấng Như Lai, hữu tình trong hiện tại lẫn tương lai đều cùng được hưởng cảnh sắc rạng rỡ nơi bổn địa.

Vào mỗi ngày Sóc, Vọng[62], hoặc thánh đản của Phật, Bồ Tát liền trực tiếp bảo ban quần thần nơi triều đình, hoặc truyền chiếu chỉ tới đại thần nơi biên cương cho đến thứ dân, làm cho họ đều hiểu rõ tự tâm, đều hướng đến đạo nghịch trần theo giác, chẳng đến nỗi bỏ uổng Phật tánh, chịu nỗi đau buồn sanh tử luân hồi oan

[61] Truyền tân tục diệm: Truyền tân là nói tắt của "hỏa truyền tân tận" (lửa truyền củi hết), tục diệm (nối tiếp ngọn lửa) đều có ý nghĩa là kế thừa, phát huy đạo của thầy. Luân Âm có nghĩa là thánh chỉ. Thanh Thế Tông là hoàng đế nên những gì nhà vua viết được gọi là "luân âm".

[62] Sóc: Ngày mồng Một đầu tháng, Vọng: Ngày Rằm.

uổng. Hoặc hạ sắc chỉ truyền các tùng lâm trong thiên hạ phải tận lực giữ Thanh Quy, tinh tu phạm hạnh, chân tham thật ngộ, minh tâm kiến tánh, ngõ hầu hoằng dương quang đại pháp đạo, hỗ trợ kế sách của vua. Lại vào những ngày sóc - vọng, ắt đích thân nâng ngọn bút sắc sảo, cung kính vẽ hình một bậc cổ đức. Trích lấy những điều chính yếu trong truyện ký của vị ấy, soạn thành tiểu truyện. Lại làm một bài tán nhằm phát huy nghĩa lý uyên áo, tự chép trên đầu bức vẽ. Cho khắc in thạch bản giữ trong đại nội, ngõ hầu làm bản mẫu dùng in rập hòng được lưu truyền. Bắt đầu từ tháng Hai năm Ung Chánh 11 cho đến tháng Ba năm Ung Chánh 13, vẽ được tổng cộng ba mươi hai vị. Đến tháng Tư, xe rồng lên làm khách cõi trời, khiến cho vô lượng cổ đức chưa tỏa được quang minh sâu thẳm, đáng tiếc lắm!

Đến năm Càn Long thứ 9 (1744), với mục đích trang hoàng, vua đem ba mươi hai cuốn trục bản rập hình Tổ ấy ban cho chùa Lý An ở Vũ Lâm[63]. Về sau, nhà chùa tu chỉnh Tự Chí bèn đem bộ truyện tán ấy đặt vào đầu sách để cảm tạ ân sủng, nhưng bộ truyện tán đó chưa được khắc thành sách. Do vậy, cõi đời chẳng được thấy nghe. Trộm nghĩ đạo phong của cổ đức trời người ngưỡng mộ, như vầng trăng vằng vặc trên không, vạn con sông đều hiện bóng. Quang minh sáng sạch, mở rộng tâm mắt con người, tự có thể đốn khai tâm địa, thấy thấu suốt bầu trời chân tánh. Lại được ngọn bút tài

[63] Chùa này tên cổ là Pháp Vũ, nằm trên núi Lý An, thuộc ngoại vi thành Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Thời Tống Lý Tông, nhằm mục đích cầu phước an dân nên đổi tên chùa thành Lý An tự. Càn Long từng sáu lượt đến thăm chùa này.

hoa của Thế Tông phát huy, cùng cổ đức chiếu rọi lẫn nhau thấu suốt không tỳ vết. Nếu một phen được xem đến liền thấu cội đạt nguồn, đạt được minh châu nơi chéo áo, phá trần, lìa chấp, mở được kinh quyển đại thiên. Từ đó tâm tâm tương ấn, đăng đăng tương truyền[64], khiến cho mình lẫn người cùng chứng chân thường, khiến cho phàm thánh cùng lên bờ Giác, ngõ hầu chẳng phụ Thế Tông một phen dốc ý soạn truyện. Do vậy, quyên mộ cư sĩ Ưng Quý Trung bỏ tiền khắc bản để làm của chung cho những người cùng chí hướng. Trước mỗi truyện, đặt đề mục, khiến cho vừa xem đến liền hiểu rõ ngay, cũng như chép duyên khởi để bảo cùng những người thông suốt trong tương lai.

23. Lời tựa sách Tịnh Nghiệp Lương Đạo

Sa Bà là đường hiểm sanh tử. Cực Lạc là quê nhà thường trụ. Chúng sanh do một niệm bất giác, đi vào trong đường hiểm không thể thoát ra được. Dù có muốn lìa đường hiểm này trở về quê nhà, nhưng chúng sanh không có con mắt huệ chẳng biết hướng về đâu. Nếu không có người hướng dẫn tốt lành, chẳng những đi nhầm vào đường rẽ, rốt cục thành đi sai đường, lại còn phải lo sa hầm sụp hố, táng thân mất mạng nữa! Tịnh Độ ba kinh, một luận cũng như hết thảy kinh luận Đại Thừa đều là đạo sư (người dẫn đường). Nhưng do văn sâu xa, nghĩa uyên áo, kẻ sơ cơ chẳng dễ lãnh hội. Tuy là vô biên diệu nghĩa, đầy đủ không sót gì, nhưng do

[64] Ý nói: Tâm pháp được truyền thừa từ đời này sang đời khác không đoạn tuyệt, giống như ngọn đèn này đốt nối qua ngọn đèn khác.

tâm thức ám độn nên thường nghi ngờ chẳng thể quyết đoán được, tuy có lòng tin nhưng chẳng thể phát sanh. Do vậy, cổ đức các đời đều lưu lại ngôn giáo hòng thích hợp thời tiết, căn cơ. Vì thế, pháp được lưu truyền, không úng tắc, mọi căn cơ đều được lợi lạc, cứu tế.

Cư sĩ Vô Danh tuy chưa tự độ, nhưng chí thiết tha độ người; vì thế, bèn sao lục những câu thích hợp thời cơ trong Lạc Bang Văn Loại và văn tập của các vị Liên Trì, Tử Bách, Hám Sơn, Ngẫu Ích được hơn mấy mươi thiên hòng thích ứng cho những người vừa mới nhập pháp môn. Đợi đến khi đã hiểu được đường lối, sẽ đọc toàn bộ những tác phẩm gốc, ắt biết vị của một giọt nước và vị của biển cả không hai, không khác. Đại sự nhân duyên xuất thế của đức Như Lai chỉ có một pháp Tịnh Độ mới có thể rốt ráo tỏ bày bổn hoài của Phật. Cư sĩ Vô Danh khiêm tốn, chẳng dám tự chuyên, bảo Quang giám định. Do đó, tôi bèn đặt tựa đề là Tịnh Nghiệp Lương Đạo (hướng dẫn tốt lành cho Tịnh nghiệp).

24. Lời tựa sách Phật Học Sơ Giai

Phật pháp rộng lớn, chẳng dễ suy lường. Muốn cho đồng nhân đều được tắm gội pháp trạch thì phải do mắt thấy tai nghe sự tích nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử nông cạn để chỉ bảo, dẫn dụ, khiến cho họ bỏ đi cố chấp câu nệ, hư huyễn, thấy được trời đất rộng lớn hòng đoạn nghi sanh tín, càng vào càng sâu, ắt mong triệt ngộ tự tâm, khôi phục cái mình sẵn có và nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Lại còn đem những điều ấy

giáo hóa mọi người, quyết chẳng chịu trên cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình, bao kiếp cam chịu sanh tử luân hồi khổ độc. Cư sĩ Đinh Phước Bảo thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, muốn cho dân chúng đều lên được bờ giác; nhân đó, bèn thâu thập những chuyện nhân quả luân hồi, công đức của Tam Bảo, lợi ích của Tịnh Độ từ di tập của các bậc danh hiền Tăng - tục cũng như từ kinh luận của Phật, Tổ, soạn thành sách, đặt tên là Phật Học Sơ Giai (bước đầu học Phật), mong cho độc giả nhân đây bèn tìm cầu, đối với đại pháp chẳng thể nghĩ bàn "đoạn Hoặc chứng Chân, từ phàm thành thánh" đều tự đạt được, thật sự thực hiện được.

So với những bộ sách ông đã soạn trước đây như Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên, và Lục Đạo Luân Hồi Lục thì tuy chi tiết hay giản lược khác nhau, nhưng cốt yếu đều nhằm tạo bậc thang cho người mới học mà thôi! Nếu là bậc trượng phu quyết liệt, ắt phải đăng phong tạo cực[65], quyết chẳng đến nỗi vạch đất tự hạn chế để hòng được yên ổn chẳng muốn tiến lên nữa!

25. Lời tựa sách Thích Giáo Tam Tự Kinh

(viết thay cho Xuy Vạn Lão Nhân Thích Quảng Chân[66] chùa Tụ Vân ở Trung Châu, Thục Đông, thời Thiên Khải nhà Minh)

---

[65] Đăng phong tạo cực : Đạt đến cảnh giới tuyệt đỉnh

[66] Xuy Vạn Lão Nhân Thích Quảng Chân (1582-1639), pháp hiệu Tụ Vân, người xứ Tứ Xuyên, đắc pháp nơi Thụy Trì Nguyệt hòa thượng, thuộc pháp hệ đời thứ hai mươi tám của ngài Nam Nhạc. Thiên Khải là một niên hiệu của Minh Hy Tông kéo dài từ năm 1621 đến năm 1627.

Con người có cùng một cái tâm, tâm có cùng một lý ấy, phàm - thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật như một, do mê - ngộ sai khác đến nỗi thăng - trầm thật khác biệt. Đại Giác Thế Tôn xót thương, thị hiện thành Chánh Giác, chuyển đại pháp luân. Vốn từ nhất tâm mà tạo dựng bè báu trong bến mê, muốn cho khắp đời vị lai đều lên bờ đạo. Do vậy, đem những gì đã giảng trong Ngũ Thời Giáo[67] và ý chỉ *"truyền riêng ngoài Giáo"* giao cho các đệ tử, sai lưu thông rộng rãi. Do vậy, chư Tổ các tông nối tiếp nhau hưng khởi, hoằng Tông diễn Giáo, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Đến nay lâu đời nhiều năm, sự nhiều nghĩa rộng, nếu chẳng đọc thấu hiểu Đại Tạng diệu ngộ tự tâm, sẽ không thể nào suy lường đầu mối, nắm được cương yếu. Tôi thường muốn tóm lược đại khái để chỉ bảo hàng hậu tấn, do nghĩ đến tiên sinh Vương Bá Hậu[68] thời Tống Nho soạn sách Tam Tự Kinh để tóm tắt đạo luân thường, xử thế hằng ngày và những chuyện tích thái bình hay loạn lạc của các đời, khiến cho người học trước là biết được đại lược, về sau sẽ dần dần hiểu rộng. Tuổi thơ học đến, lớn lên

---

[67] Ngũ thời giáo là năm giai đoạn thuyết pháp của đức Phật: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và Pháp Hoa - Niết Bàn.

[68] Vương Bá Hậu là tên tự của Vương Ứng Lân (1223-1296), hiệu là Thâm Ninh Cư Sĩ. Ông sống vào thời Nam Tống, vốn quê quán tại Khai Phong, sau đổi sang sống tại Khánh Nguyên (nay thuộc Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang), đỗ tiến sĩ, làm đến chức Thái Thường Tự Chủ Bạ, nhưng do nói lời thẳng nên bị cách chức. Sau được bổ làm Thông Phán Thai Châu, rồi làm Thị Giảng kiêm Bí Thư Thiếu Giám. Vì Giả Tự Đạo đố kỵ, ông lại bị đổi đi Huy Châu, đến khi Giả Tự Đạo mất chức mới chuyển về giữ chức Lễ Bộ Thượng Thư kiêm Cấp Sự Trung. Ông rất tinh thông kinh sử, địa lý, thông thuộc các điển chế, khảo cứu tỉ mỉ, tác phẩm có những cuốn nổi tiếng như Ngọc Hải, Ngọc Đường Loại Cảo, Thi Địa Lý Khảo, Thâm Ninh Tập v.v…, nhưng tác phẩm nổi tiếng hơn cả vẫn là Tam Tự Kinh.

thực hành, lập thân hành đạo, thờ vua, giúp dân, khôi phục điều thiện sẵn có trong tâm tánh con người.

Do vậy bèn phỏng theo ý đó, thuật đại lược chuyện Như Lai giáng sanh, thành đạo, thuyết pháp độ sanh, chư Tổ tiếp nối huệ mạng Phật, tùy cơ lập giáo, cũng như những lời hay hạnh đẹp tự lợi, lợi người của chư cổ đức, đặt tên là Thích Giáo Tam Tự Kinh, để khi còn làm sa-di[69], đọc tụng, tu tập, biết những nghĩa trọng yếu của kinh Phật, hiểu rõ cương tông của đạo Tổ. Lớn lên, xem khắp Tam Tạng, tham học khắp năm tông, diệu ngộ tự tâm, thầm hợp Phật ý, mới biết: *"Sắc núi, tiếng khe đều chỉ bày Đệ Nhất Nghĩa Đế; quạ kêu, sẻ hót cùng nói vô thượng tâm tông"*. Chẳng đồng, chẳng khác, chẳng có, chẳng không, vừa là Quyền, vừa là Thật, vừa là Tục, vừa là Chân. Rộng thì tột cùng hư không chẳng thể chứa đựng được, gọn thì tìm lấy một chữ cũng không thể được. Sau đấy, nương đại nguyện luân, xiển dương pháp hóa, khiến cho pháp giới chúng sanh quy y Nhất Thể Tam Bảo, khôi phục mặt mũi vốn có, truyền vô tận tâm đăng. Đấy chính là điều tôi thường mong mỏi hàng hậu tấn phát tâm tu tập vậy!

---

[69] Sa-di: Tiếng Phạn là Sramanekara hoặc Sramanera; phiên đủ âm là Thất La Ma Noa Lạc Ca, hoặc Thất La Mạt Ni La. Dịch ý là Cầu Tịch, Pháp Công, Tức Ác (dứt sự ác), Cần Sách (siêng năng, gắng công), nói chung có nghĩa là: Dứt ác, hành thiện, cầu chứng viên tịch. Trong Tăng đoàn, Sa-di là người thọ mười giới, chưa thọ Cụ Túc Giới, ít nhất từ bảy tuổi trở lên. Nữ gọi là Sa-di-ni. Ngoài mười giới căn bản, Sa-di phải vâng giữ 14 sự và 72 oai nghi. Riêng ở Nhật Bản, do giới luật suy bại, còn có cái gọi là "tại gia Sa-di", tức là kẻ tu hành đã xuống tóc, thọ giới nhưng vẫn có vợ con. Trong một số tông phái như Nhật Liên Tông, Tịnh Độ Chân Tông, những hòa thượng, đại đức của họ thậm chí còn không cạo đầu, không mặc áo tu. Chỉ khi nào làm lễ mới mặc pháp y. Đa số tăng sĩ Nhật Bản có vợ con.

26. Lời tựa cho tập Mô Tượng Thi của cư sĩ Lưu Viên Chiếu (do ông ta khắc con dấu có chữ Chiếu trong vòng tròn nên mở đầu vẽ một hình tròn)

O Một đoạn quang minh này chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải thánh, chẳng phải phàm, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, cổ kim thường hằng, chiếu trời soi đất. Khi Phật chưa xuất thế, lúc Tổ chưa từ trời Tây qua, ai nấy vẫn sẵn đủ, chẳng thiếu chẳng thừa. Hiềm rằng chúng sanh đang mê, ôm của báu mà chịu túng quẫn, ngược ngạo dùng ánh sáng chiếu trời soi đất này để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Do vậy, đức Thế Tôn muốn lập cách tế độ, thị hiện thành Chánh Giác, vào lúc cuối đêm thấy sao Mai, hoát nhiên đại ngộ, bèn than thở: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền"*. Do vậy, tùy cơ giáo hóa, đối bệnh phát thuốc.

Do chúng sanh căn cơ chẳng giống nhau, nên Ngài nói ra pháp Tiệm hay Đốn, hoặc Thật, hoặc Quyền, đủ mọi thứ bất đồng. Tuy lập ra các phương tiện, nhưng không gì chẳng nhằm uyển chuyển dẫn dụ chúng sanh, khiến cho ai nấy đều triệt chứng tâm quang này, rốt ráo thành Phật mới thôi! Đấy chính là *"lời thô, lẽ tế đều quy về Đệ Nhất Nghĩa. Thoạt đầu thì ngàn căn cơ đều vun bồi, cuối cùng thì đồng quy một đạo"*. Lại do chúng sanh độn căn nếu chẳng liễu thoát ngay trong một đời

này thì luân hồi sanh tử hoàn toàn không thể chấm dứt được. Vì thế, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật để người chưa đoạn Hoặc nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh, người đã đoạn Hoặc nương theo Phật từ lực mau chứng được Pháp Thân; khiến cho khắp thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm cùng chứng chân thường, sanh lên bờ kia, phô bày cùng cực bản hoài xuất thế của Như Lai, triệt để đạt được Phật tánh chúng sanh sẵn có. Cao đẹp thay ân Phật, hết kiếp không thể khen ngợi trọn vẹn!

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, pháp này bèn được gọi là Liên Tông do pháp này niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liên hoa hóa sanh, được dự vào Liên Trì Hải Hội, thân cận Di Đà Thế Tôn và Quán Âm, Thế Chí, các thượng thiện nhân. Về sau, tổ Đạt Ma từ Tây Vực qua truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Nhưng chỗ thấy biết, thành tựu của pháp ấy chính là chỉ ra Phật tánh thiên chân sẵn có trong tâm chúng ta, khiến cho con người trước hết biết được cái gốc thì hết thảy các pháp tu chứng sẽ tự có thể nương theo đó để tiến hướng, cho đến khi tu cái không thể tu, chứng cái không thể chứng mới thôi! Chứ không có nghĩa là hễ ngộ liền được phước huệ đều vẹn toàn, viên mãn Bồ Đề, rốt ráo Phật đạo đâu nhé! Ví như vẽ rồng điểm mắt khiến cho tự được thụ dụng. Do vậy pháp này thạnh hành nơi Chấn Đán, rực rỡ, rạng ngời, đạo “tâm này chính là Phật”, pháp “không phải tâm, không phải Phật” phổ biến khắp hoàn vũ. Người căn cơ thiên bẩm sâu dầy thì đối với mỗi một cơ, một cảnh, hễ biết được đầu mối thì nói lời, thốt lẽ, tự lìa khuôn sáo, vào sanh ra

tử trọn chẳng vướng mắc, được đại giải thoát, được đại tự tại vậy! Nếu căn cơ hơi kém, dẫu được đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể đoạn sạch thì vẫn là người trong sanh tử, xuất thai cách ấm, đa phần mê mất. Bậc đại ngộ hãy còn như thế, huống chi kẻ chưa ngộ!

Do đó, hãy nên chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn vạn phần ổn thỏa thích đáng vậy. Cư sĩ Lưu Viên Chiếu túc căn sâu dầy, hiện tu tập tinh thuần, đối với hai tông Thiền - Tịnh đều nắm được yếu chỉ, nhưng coi trọng pháp môn Niệm Phật là đạo tự lợi, lợi người rốt ráo. Mỗi khi có cảm xúc bèn thể hiện qua thi ca, ghi chép lại được 108 bài, đặt tên là Mô Tượng (sờ voi, ý nói chỉ sờ soạng, phỏng đoán, không hiểu rõ hoàn toàn); bởi lẽ đại đạo vô ngằn, há có thể dùng một lời tầm thường để diễn tả trọn vẹn được nổi ư? Bất quá mượn ý để diễn tả đó thôi. Con ông ta và họ hàng muốn cho hậu thế đều được hưởng nhờ, toan đưa thi tập này vào gia phả, nhờ Quang thuật đại ý để bảo cùng người đời sau.

27. Lời tựa cho bản đúc kẽm lưu thông cuốn Phật Học Thuật Yếu

Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc đã hơn một ngàn tám trăm năm, dù Tăng hay tục, dù nam hay nữ, những người thâm nhập Kinh Tạng, triệt ngộ tự tâm kể sao cho xiết! Ấy là vì Chân Như Phật tánh ai nấy sẵn có, chỉ vì mê không giác, ngay từ đầu chẳng mất, đến khi được nghe ngôn giáo của Như Lai, được hàng tri thức chỉ dạy liền biết hạt châu nơi chéo áo, Phật tánh

luôn tồn tại, chẳng lìa đương xứ được đại tự tại, tự lợi, lợi người, thọ dụng vô tận. Thiên Thai Trần Cần Tiên nữ sĩ xưa có huệ căn, đối với các tông Thiên Thai, Thiền, Tánh, Tướng, Tịnh Độ đều biết được chỗ sâu thẳm, nhưng lại riêng khen ngợi Tịnh Độ, mong cho hết thảy những ai chẳng thể triệt ngộ tự tâm, đoạn Hoặc chứng Chân sẽ ngay trong một đời này liền đạt lên địa vị A Bệ Bạt Trí. Cũng có thể gọi là *"đối với cái rộng rãi nắm được cái chánh yếu, đối với pháp rộng sâu biết được điều quan trọng"*, những điều được phát huy đều khế hợp cả lý lẫn căn cơ. Tuy sao lục từ nhiều chỗ tạo thành tác phẩm, nhưng giống như rải tiền trong một nhà, đồng nào đồng nấy dính thành một chuỗi, khiến cho người dùng có thể cầm lấy ngay được. Đối với những ngã ba sông, đường rẽ đều nêu bày tường tận, khiến cho hành giả mạnh mẽ tiến thẳng tới trước, cũng chẳng thể nói là không có công lao gì!

Tiếc rằng con bà là Viên Thọ Tuân căn tánh chẳng được như mẹ! Đối với trước thuật của mẹ hoàn toàn không hiểu biết, muốn sao lục để lưu truyền, nhưng cứ lăm lăm trích yếu rút gọn. Không biết chỗ nào nên rút gọn, chỗ nào không nên rút gọn. Chẳng nên rút gọn mà cứ rút gọn bừa thì có khi bị khuyết điểm ý nghĩa không rõ ràng, phép hành văn không thích hợp. Đã thế lại còn sai ngoa đầy dẫy, đến nỗi có rất nhiều chỗ từ ngữ chẳng thể hiện được ý nghĩa. Đủ thấy đạo này phải có thiện căn mới có thể chứng nhập thù thắng được. Nếu không, dẫu chí thân như mẹ với con, cũng chẳng thể truyền được! Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa muốn đúc bản kẽm lưu thông, ngõ hầu bậc tu mi trượng phu, khuê các

anh hiền cùng phát tâm mong được bằng bà ta, cùng chứng Phật tánh vốn có, nên ủy thác Quang giám định. Nhân đó, sửa cho đúng chỗ sai ngoa, bỏ những câu sai chỗ, đặt tựa đề là Phật Học Thuật Yếu vậy!

28. Lời tựa tái bản cuốn Cách Ngôn Liên Bích

Sở dĩ con người cùng với trời đất xưng là Tam Tài là vì có thể cách vật trí tri, khắc kỷ, giữ lễ để làm sáng tỏ cái Minh Đức, đạt đến chí thiện. Bỏ đi điều này thì chỉ là một phường có huyết khí[70] mà thôi, sao có thể đứng chung với trời đất xưng là Tam Tài cho được? Mạnh Tử cho rằng *"Lúc đêm tối không duy trì được đầy đủ những ý niệm trong sạch thì chẳng khác gì cầm thú cho mấy!"*[71] Lại còn bảo: *"Nguyên do để con người khác với cầm thú rất nhỏ nhặt, kẻ hèn bỏ đi, quân tử giữ lấy"*[72]. Do vậy biết rằng: Nếu mặc tình phóng túng

---

[70] Ý nói chỉ là một sinh vật bình thường, không khác gì những động vật khác.

[71] Nguyên văn: *"Dạ khí bất túc dĩ tồn giả, vi vi cầm thú bất viễn"*. Theo Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Thục Châu và Lân Công Chấn thì câu này trích từ thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử. Trong thiên sách này, Mạnh Tử dùng ví dụ: Cây cối ở núi Ngưu gần thành Lâm Truy nước Tề do bị người ta chặt phá, trâu dê ăn lá nên núi trơ trụi. Cũng giống như thế, con người vốn không phải không có tâm nhân nghĩa, nhưng do buông lung nên lương tâm cũng điêu tàn giống như hằng ngày bị rìu búa chặt. Trong cư xử hằng ngày, lúc đêm thanh phải phản tỉnh, khôi phục "thanh khí" (tức những tâm niệm tốt đẹp). Nếu như trong đêm tối không khôi phục lại được thanh khí đầy đủ thì có khác gì loài vật đâu!

[72] Nguyên văn: *"Nhân chi sở dĩ dị vu cầm thú giả cơ hy. Thứ dân khử chi, quân tử tồn chi"*. Sách Mạnh Tử Tập Chú của Châu Hy giảng: *"Cơ hy là ít ỏi. Con người và loài vật cùng được hưởng lý thiên địa tạo thành tánh, cùng được hưởng khí của thiên địa nên có hình hài. Riêng mình con người được thừa hưởng hình khí chánh đáng, lại có thể toàn vẹn tánh mình. Đấy chính là chỗ khác biệt rất nhỏ nhặt. Tuy là nhỏ nhặt, nhưng con người và loài vật chỉ*

làm càn làm quấy thì chẳng qua mang danh con người, chứ chẳng khác gì cầm thú, có thể còn kém hơn!

"*Cách vật trí tri*" chính là tâm pháp được truyền dạy bởi chư thánh. Coi nhân dục (lòng ham muốn của con người) là vật, bởi nó sanh khởi từ ngoại cảnh, ắt phải cách trừ (trừ khử) cho sạch thì lương tri sẵn có trong tâm tánh mới có thể hiển hiện toàn thể. Lương tri đã có thì đức phải sáng. Cách vật và trí tri đều là nhằm để làm sáng tỏ cái Minh Đức! Minh Đức đã sáng thì chính là dùng ý thành tâm chánh để tu thân vậy. Đây chính là chuyện thất phu thất phụ đều có thể làm được! Nếu hiểu "cách vật trí tri" là "thúc đẩy sự hiểu biết của chúng ta đối với cái lý của mọi sự vật trong khắp cùng thiên hạ đến tận cùng" thì đó chỉ là hiểu nơi cành ngọn, không phải là cội gốc. Tuy là thánh nhân vẫn có những điều không thể làm được. Làm sáng tỏ được Minh Đức thì riêng thân mình thiện. Nếu có địa vị hành đạo thì dùng tiên giác để giác ngộ hậu giác, khiến cho thiên hạ cùng thiện. Chúng ta chưa thể trừ sạch lòng ham muốn của con người, [khiến cho] thiên lý lưu hành thì cần phải học biết nhiều về những lời lẽ hành vi của cổ nhân, dùng đó để hướng dẫn tiền đồ, hằng ngày đọc tụng suy nghĩ, cốt sao lỗi càng ngày càng ít, đức càng ngày càng cao cho đến khi đức thuần không còn lỗi mới thôi.

Tăng Tử lúc lâm chung còn nói: *"Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng. Từ nay trở đi, ta biết mình mới tránh khỏi được!"* Cừ Bá Ngọc năm

---

khác biệt ở chỗ ấy. Kẻ hèn không biết, bỏ qua, nên tuy gọi là người nhưng thật ra chẳng khác gì cầm thú. Quân tử do biết nên vâng giữ. Do kinh sợ dè dặt, cho nên hưởng được toàn vẹn lý vậy!"

50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái. Khổng Tử còn buồn bản thân đức chưa tu, học chưa hiểu thấu, nghe được điều nghĩa chưa thể thực hiện, điều bất thiện chưa thể sửa đổi! Đến năm 70 tuổi, còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Tuy nói là dùng thân để thuyết pháp hòng khuyến khích hậu tấn, nhưng thật ra đã thuộc vào công phu cách vật trí tri của thánh hiền, gắng sức không ngơi, không lúc nào nghĩ là đã xong xuôi!

Tiên sinh Kim Lan Sanh ở Sơn Âm[73] thâu thập những câu nói răn nhắc thân tâm của tiên hiền, soạn thành sách Cách Ngôn Liên Bích, khiến cho người học như vào núi báu, tùy ý thu thập. Công ấy quả thật chẳng cạn nhỏ! Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương từ nhỏ đã coi sách này là khuôn phép chánh yếu, tiếp đó muốn cho sách được truyền bá rộng rãi cho mọi người, bèn giảo đính tường tận, dùng phương pháp bao biếm khuyên điểm[74], chỉ rõ những điều nào nên bắt chước theo, điều nào nên kiêng tránh, khiến cho người đọc đỡ phí tâm lực vẫn biết được nên chọn lấy và nên bỏ bớt những điều nào. Dụng tâm có thể nói thật là thiết tha. Khắc in xong, nhờ tôi viết lời tựa. Do vậy, tôi bèn lược thuật danh nghĩa của chữ Tam Tài và công phu cách vật trí tri của thánh hiền, nhằm giúp sáng tỏ những điều đã được nói đến trong tập sách này, khiến cho người học nắm được công phu thân thiết để hạ thủ, tiến tu đức

[73] Sơn Âm thuộc huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang.

[74] Bao biếm khuyên điểm: Bao là khen ngợi, biếm là chê trách, khuyên là khoanh một vòng tròn, điểm là chấm một chấm bên cạnh. Tức là những chỗ hay dở đều ghi ký hiệu để đánh giá, nhận định.

chẳng ngơi, đáng sánh cùng trời - đất mới thôi. Người có đủ con mắt ắt chẳng cho lời tôi là trái lẽ, sai bậy vậy!

29. Lời tựa tái bản sách Bất Khả Lục

Cái họa nữ sắc cực kỳ khốc liệt. Từ xưa đến nay do họa này mà nước mất nhà tan, diệt thân tuyệt tự biết là bao nhiêu! Dẫu chưa đến nỗi ấy, nhưng trong số đó, những kẻ thân đang khỏe mạnh trở thành suy nhược, chí đang sáng suốt thành hôn ám, biến tư chất đội trời đạp đất, mong thành thánh thành hiền biến thành hạng tầm thường hèn tệ, không có chí lập thân, làm sao tính kể được nổi? Huống chi những kẻ nghịch thiên lý, loạn nhân luân, sống làm loài cầm thú mặc áo, đội mũ, chết đọa trong tam đồ ác đạo, làm sao có thể thấy hết, biết hết cho được? Ôi! Cái họa nữ sắc sao mà khốc liệt đến mức cùng cực như vậy! Do đó, chư thánh chư hiền đặc biệt từ bi thương xót hoặc dùng lời cứng rắn để răn dạy, hoặc dùng lời nhẹ nhàng để khuyên bảo, ngõ hầu cả cõi đời đều biết được lý "phước thiện họa dâm". Lại còn nêu ra các sự thực để răn dạy ngõ hầu những ai biết tự ái đọc đến ắt sẽ sợ sệt, kinh hoảng, hiểu ra, cạn dòng lũ nhân dục, khôi phục thiên lương sắp diệt. Từ đấy, hết thảy đồng luân đều hưởng phước giàu thọ khỏe mạnh, bình yên, vĩnh viễn lìa khỏi họa nghèo bệnh, chết yểu. Đây chính là lý do bộ Bất Khả Lục được soạn tập. Cư sĩ Trương Thụy Tăng muốn khắc lại để ấn thí, bảo tôi viết lời tựa nhằm phô bày nghĩa trọng yếu của việc bớt dục.

Phải biết: Đối trước sắc đẹp, dục tâm bừng bừng thì lời lẽ khuyên răn nhân quả báo ứng đều khó thể đoạn

tâm ái. Nếu [lúc ấy] có thể quán bất tịnh thì một trận lửa dục sẽ băng tiêu ngay lập tức. Con em đất Trường An ở xứ Tần (Thiểm Tây) của tôi phần nhiều thích chơi dế. Có ba anh em tuổi đã choai choai, đêm trăng đi bắt dế nơi gò mả, chợt thấy một thiếu phụ, nhan sắc tuyệt vời, bèn cùng đuổi theo. Người thiếu phụ ấy khuôn mặt biến đổi, thất khiếu[75] ứa máu, lưỡi thè ra hơn cả thước, ba đứa nó sợ chết ngất. Ngày hôm sau người nhà đi tìm, cứu sống được một đứa, mới biết chuyện ấy. Đứa còn sống bệnh nặng mấy tháng mới khỏi, con cháu nhà ấy chẳng dám đi bắt dế vào ban đêm nữa! Khi thiếu phụ đó chưa biến đổi khuôn mặt thì lòng yêu nhập vào xương tủy, không thỏa lòng dục không xong! Đến khi mặt đã biến đổi thì kinh hãi đến chết, tâm ái chẳng hề còn nữa! Nhưng trong lúc chúng cùng nhau đuổi theo cô ta ấy, đương nhiên chưa thấy máu và lưỡi thè ra. Sao khi máu chưa chảy, lưỡi còn ngậm bèn sanh tâm ái; lúc máu chảy, lưỡi thè ra lại sanh tâm sợ? Hiểu rõ điều này, hễ thấy trang sắc nước hương trời đều tưởng như con quỷ treo cổ thất khiếu tuôn máu, lưỡi thè ra hơn thước, sao đến nỗi bị sắc làm mê, sống chẳng hưởng hết tuổi trời, chết đi bị đọa vĩnh viễn trong đường ác ư?

Do vậy, Như Lai dạy kẻ ái dục nặng nề quán bất tịnh. Quán lâu ngày còn có thể đoạn Hoặc chứng Chân, siêu phàm nhập thánh, chứ phải đâu chỉ không phạm tà dâm, tiết dục, gìn giữ sanh mạng mà thôi ư? Nữ nhân nhan sắc xinh đẹp yêu kiều khiến người ta sanh tâm ái, hành dục sự, chẳng qua chỉ là một tấm da mỏng bên ngoài, rực rỡ diễm lệ gây mê hoặc đó thôi! Nếu bóc lớp

---

[75] Hai mắt, hai lỗ tai, hai lỗ mũi và miệng gọi chung là thất khiếu.

da mỏng ấy đi thì chẳng những các vật được bọc trong lớp da ấy chẳng thể yêu mến được, mà ngay cả lớp da mỏng ấy cũng tuyệt đối không thể yêu luyến nổi! Nếu lại còn mổ xẻ thân ra thì chỉ thấy máu mủ dầm dề, xương thịt chằng chịt, tạng phủ phân tiểu bầy hầy khắp đất, hôi dơ tanh tưởi, chẳng nỡ thấy nghe. So với hình dáng biến đổi của thiếu phụ trên đây còn đáng sợ hãi, chán ghét hơn trăm ngàn lần!

Dẫu cho giai nhân tuyệt thế nghiêng nước đổ thành thì những vật được chứa trong lớp da mỏng có ai là không như vậy đâu? Sao con người chỉ nhìn cái vẻ bên ngoài, chẳng xét kỹ nội dung? Yêu chút phần sắc đẹp, chẳng tính đến nhiều phần xấu ác? Tôi mong sao thế nhân bỏ vẻ bên ngoài, hãy xem xét nội dung, chán cái "nhiều xấu ác" để bỏ chút vẻ đẹp, hòng cùng thoát biển dục, cùng lên bờ giác. Lại trong lúc dâm dục hừng hực, không thể chế ngự, chỉ nên nghĩ nữ âm[76] như miệng rắn độc, như đem nam căn bỏ vào miệng rắn, tâm thần kinh hoảng, xương tóc run rẩy. Vô biên nhiệt não sẽ nguội lạnh ngay lập tức! Đấy chính là phương pháp diệt dục giản dị nhất vậy!

30. Lời tựa [khuyên] giữ vẹn luân lý cho sách Bất Khả Lục

Trời là đại phụ, đất là đại mẫu. Hết thảy nam nữ đều là con cái của trời đất, đều là ruột thịt của ta. Đã là ruột thịt thì phải tận hết lòng hòa thuận, yêu thương, che chở,

[76] Nữ âm: bộ phận sinh dục của người nữ.

nâng đỡ, mong cho ai nấy được yên ổn. Như thế chính là đứa con xứng đáng của trời đất, chẳng khiến người sanh ra mình hổ thẹn! Đã có thể che chở, nâng đỡ con cái của trời đất, ắt trời đất sẽ che chở nâng đỡ kẻ đó, khiến cho phước sâu, thọ dài, mọi chuyện như ý. Nếu như mặc tình hoành hành, khinh hiếp con cái của trời đất thì tổn phước, giảm thọ, diệt môn, tuyệt tự. Khi một hơi thở ra không hít lại được, vĩnh viễn đọa ác đạo trải trăm ngàn kiếp, không lại được mang thân người nữa! Ấy chính là tự mình chuốc lấy họa, nào phải trời đất không nhân từ đâu!

Khoan nói đến những chuyện khác, kìa như vợ con, chị em, ai nấy đều có. Nếu kẻ nào dòm ngó vợ con, chị em mình, ta liền nổi nóng, bực tức, muốn đánh nhau, sao lại thấy vợ con, chị em người ta có chút nhan sắc tâm bèn khởi xằng dâm niệm, ý muốn ô nhục họ? Cùng là con cái của trời đất, là ruột thịt của ta; nếu với người ruột thịt khởi ý niệm bất chánh thì là ô nhục con cái của trời đất, khinh khi người ruột thịt, kẻ ấy còn có thể đứng trong trời đất, còn đáng gọi là người nữa ư? Huống chi đạo vợ chồng thuộc trong Tam Cương, Ngũ Thường, nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Con người sở dĩ khác với cầm thú là do có nhân luân. Nếu làm chuyện khinh miệt lý, loạn luân, thì chính là đem thân người làm chuyện cầm thú; thân tuy là người nhưng thật ra chẳng bằng cầm thú. Vì sao vậy? Vì cầm thú không biết luân lý, con người biết luân lý! Biết luân lý mà vẫn khinh miệt luân lý thì phải ở dưới loài cầm thú! Nhưng hết thảy chúng sanh do dâm dục sanh, cho nên tập khí rất nặng, phải ngăn ngừa sâu xa.

Tưởng như người thân, tưởng như kẻ oán, tưởng bất tịnh ngõ hầu dứt bặt tà niệm, thuần toàn chánh niệm. Oán và bất tịnh thì trong lời tựa trước đã nói, ở đây chỉ riêng phát huy về ý "tưởng như người thân" ngõ hầu người đọc cùng giữ trọn vẹn thiên luân chẳng ôm giữ ác niệm. Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy con người nên xem các người nữ như sau: *"Tưởng người già như mẹ, người lớn hơn như chị, người nhỏ hơn như em, coi đứa bé bỏng như con gái, sanh tâm độ thoát, dứt bặt ác niệm"*. Kinh Phạm Võng dạy: *"Hết thảy người nam đều là cha ta, hết thảy người nữ đều là mẹ ta. Đời đời không khi nào ta chẳng từ họ sanh ra, phải sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi"*. Như vậy, che chở, nâng đỡ họ còn chưa xuể, lẽ đâu khởi tâm xấu hèn, muốn làm ô nhục họ?

Đời Minh có một người học trò mắc thói dâm, chẳng thể tự chế, bèn hỏi Vương Long Khê[77]. Long Khê nói: *"Ví như có người bảo ông: 'Ở đây có cô gái làng chơi nổi tiếng, ông có thể đến chơi bời'. Theo lời đó, ông đến gặp, hóa ra là mẹ hoặc chị em ông, ngay khi ấy lòng dâm của ông có nguội lạnh hay chăng?"* Đáp: "Nguội chứ!" Long Khê nói: *"Thế nhưng dâm vốn là không, ông hãy hiểu cho đúng vậy"*. Nếu con người chịu coi hết thảy nữ nhân là mẹ, là con gái, là chị em, thì không những ác niệm dâm dục không do đâu sanh khởi, mà sanh tử luân hồi còn nhờ đó mau chóng thoát

---

[77] Long Khê là hiệu của Vương Kỳ (1498-1583), tự là Nhữ Trung, là một nhà tư tưởng đề cao thuyết Tam Giáo Đồng Quy vào thời Minh và cực lực cổ vũ học thuyết "tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh. Những trước tác của ông được biên tập thành bộ Long Khê Tiên Sinh Toàn Tập.

khỏi! Trong bộ sách Bất Khả Lục, những lời gương mẫu, những câu nói khuyên răn nhẹ nhàng, những câu chuyện phước thiện họa dâm, và những ngày tháng nơi chốn nên kiêng ngừa [ăn nằm] đều nhất nhất nêu rõ. Tâm giác thế tỉnh mê ấy có thể nói thật là tha thiết. Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương tâm lợi người tha thiết, liền cho khắc in lưu hành, sai Quang phát huy những điều trọng yếu để trấn áp lòng dục. Do đấy, bèn tường thuật ý chỉ đại khái về *"tưởng như kẻ oán, tưởng là bất tịnh"*. Tiếp đó, vì anh họ ông ta là Chánh Huân qua đời, muốn đem công đức này truy tiến linh thức để tội chướng tiêu diệt, phước trí cao rạng, thoát khỏi Dục giới ngũ trược, sanh vào chín phẩm liên bang. Do tình hiếu hữu của cư sĩ, nên tôi lại soạn lời tựa bàn về chuyện giữ vẹn luân thường mong sao những ai thấy nghe đều xét soi tường tận thì may mắn lắm thay!

31. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ[78] bàn giao Phổ Tế Thiền Tự (viết thay cho hòa thượng Liễu Dư, chỉ bàn giao chứ không thay đổi thập phương)

Đạo tràng Viên Thông trọn khắp ba đời chẳng tăng chẳng giảm. Phong thái, khuôn phép Phổ Môn vạn pháp không thiếu, không thừa. Hằng cổ hằng kim, như như bất biến, hữu tình vô tình pháp pháp viên dung. Tuy ngàn đức Phật cùng xuất thế, trọn chẳng có gì hưng. Dẫu tam tai cùng khởi, há có gì bại! Danh sơn Bổ Đát[79]

---

[78] Vạn Niên Bạ: Sổ ghi tài sản của nhà chùa khi bàn giao giữa các đời trụ trì.

[79] Gọi tắt của chữ Bổ Đát Lạc Ca (Potalaka), tức là một cách phiên âm khác của Phổ Đà.

của Quán Âm đại sĩ chính là cảnh tượng Chân Như Thật Tế rốt ráo. Về mặt ứng hóa thì pháp tùy duyên khởi, đạo do người hoằng. Hưng - phế, thông - tắc đều có nguyên do. Xét từ khi thủy tổ Huệ Ngạc khai sơn vào đời Lương, Chân Hiết thiền sư khai tông vào đời Tống, cho đến khi được sùng tín vào đời Nguyên, được nổi tiếng vào đời Thanh, đều đạo cao ngất đời, đức cảm chín loại. Chấn hưng tông phong, rộng lưu truyền sự giáo hóa huyền diệu, khiến cho khắp trong ngoài bốn biển đều được phủ mây Từ, chúng sanh sáu đường đều thấm mưa pháp. Cao đẹp thay! Tốt lành thay! Còn gì hưng thạnh hơn!

Kể từ khi được nổi tiếng, chùa hai lần được sắc tu[80]. Đời đời tuân theo quy củ đã định, gia phong chẳng suy. Đến đầu đời Hàm Phong, giặc tóc dài dấy loạn, nhân dân nheo nhóc, hương lửa nhiều năm đoạn tuyệt, chi phí do vậy thiếu hụt, pháp khí, đồ đạc đều chẳng đủ dùng. Phàm Trụ Trì đến nhậm chức, những gì do chính vị ấy gầy dựng thì đến khi thôi làm Trụ Trì, bèn cho khiêng về chùa mình. Nếu có để lại, đều tính tiền bàn giao. Thậm chí vật hư nát quá sức, chẳng đáng giá đồng nào, cứ nhất loạt chiếu theo giá trị như vật mới mà bàn giao, tính tiền thành một ngàn mấy trăm đồng, giống như sang tiệm ngoài chợ, hàng hóa đồ đạc đều bán cho chủ mới. Cái gọi là "thường trụ" chỉ là nhà trống, kinh tượng mà thôi. Tệ nạn ấy do chiến tranh cũng không lấy gì làm lạ. Về sau, thế đạo thái bình, đèn nhang nhộn nhịp, nhưng vẫn giữ nguyên thói cũ, chẳng hề sửa đổi

---

[80] Sắc tu: Triều đình đứng ra tu bổ, xây cất.

mảy may! Những ai từng trông coi việc chùa, ắt biết rõ nguyên do

Nay nhằm lúc Văn Liên lão hòa thượng thôi làm Trụ Trì, tôi được các vị lão hòa thượng và pháp quyến các phòng giao cho trách nhiệm nặng nề ấy. Tự thẹn tài kém đức mỏng, chẳng dám đảm nhận, nhưng đôi lần ba lượt bị ép buộc, chẳng cho thoái thác. Trộm nghĩ Phổ Tế là danh sơn đạo tràng của Bồ Tát trong thiên hạ. Từ đời Lương đến thời Dân Quốc đã qua mười thế kỷ, tròn một ngàn năm. Nay đã lạm giữ chức này, dám đâu không gắng sức trù tính để hưng khởi điều lợi, trừ khử mối tệ, bồi đắp nguyên khí cho thường trụ, kính vì các vị, vì pháp, vì người, một phen dốc chí. Nhân đó, nói:

- Thường trụ về bản chất vốn thuộc thập phương, chứ không phải tài sản riêng của một mình vị Trụ Trì. Đúng lý, tất cả tài chánh phải thuộc về thường trụ. Phàm tiền tài, thóc gạo, vật dụng trang hoàng, bất luận là do thường trụ đã có từ trước hay vật do chính vị Trụ Trì sắm sửa cũng chẳng được đem đi hay bán lại cho chùa sau khi hết làm Trụ Trì. Chi phí làm lễ nhậm chức Trụ Trì do chính vị Trụ Trì ấy bỏ ra, chẳng được hao phí của thường trụ. Như thế sẽ thấy của thường trụ ngày càng sung túc, pháp đạo cũng do đó thạnh vượng.

Văn Liên lão nhân nghe vậy hớn hở, hoan hỷ, phát Bồ Đề tâm, xin đem khoản tiền bàn giao một ngàn mấy trăm đồng tiền ấy một nét bút xóa sạch. Những đồ vật hư nát chẳng đáng nhắc tới bèn cùng đại chúng vứt đi. Vật nào dùng được bèn chiếu theo giá trị mới - cũ mà ghi vào Vạn Niên Bạ để bàn giao. Những thứ được sắm

sửa về sau, nhất loạt ghi vào sổ. Quy củ tài chánh của Trụ Trì và thường trụ đều phỏng theo tùng lâm các nơi, chỉ có chức Trụ Trì phải tuyển từ con cháu các phòng trong chùa[81]. Ấy gọi là "tử tôn thập phương". Mong rằng từ đây về sau, phàm ai làm Trụ Trì và những ai đảm trách chức vụ, ai nấy đều phát Bồ Đề tâm, vun bồi cho thường trụ, khiến cho từ ân của Đại Sĩ theo chiều dọc thì suốt cả ba đời, theo chiều ngang bèn trọn khắp mười phương, ai nấy trong đời này phước lẫn huệ đều thạnh, được trời - người kính ngưỡng, lâm chung thì thân lẫn tâm đều tốt lành, Phật - thánh đến rước. Như thế thì một niệm ngu thành của Bất Huệ cũng như một phen khổ tâm của cụ Văn chẳng thành hư uổng, ai nấy đều được lợi ích thật sự. Do vậy, bèn lược thuật nguyên ủy ghi vào đầu sổ, để cho những người thông suốt trong đời mai sau đều biết được duyên khởi vậy!

32. Lời tựa cho từ đường mới của Thống Tổ ở Biệt Am (viết thay cho thầy Mậu Lượng)

Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đức Như Lai đã chứng chính là cái tâm hiện tiền nhất niệm phiền não kết nghiệp điên đảo hôn mê của ta và hết thảy chúng sanh. Biết được cái tâm phiền não kết nghiệp điên đảo hôn mê này thì trên có thể nối tiếp được huệ mạng của Như Lai, dưới có thể làm đạo sư cho trời

[81] Trong các tùng lâm lớn, chùa thường có chia ra làm nhiều chúng như chúng Đông Liêu, Tây Liêu v.v… Nói "con cháu các phòng trong chùa" nghĩa là chỉ tuyển chức vụ Trụ Trì từ đệ tử, đồ tử, đồ tôn của Tăng chúng thường trụ tại chùa, chứ không thỉnh người ngoài giữ chức vụ này.

người, khiến cho hết thảy chúng sanh đều cùng biết tâm này, cùng chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ấy chính là *"tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt. Mê - ngộ dẫu khác, thể vốn chẳng hai; đường Trường An thênh thang, xưa nay chẳng hề cấm ai đi. Tự mình chẳng về, hễ về liền được, gió trăng quê cũ há ai tranh?"* Từ khi Thế Tôn thị hiện thành Chánh Giác, trong bốn mươi chín năm rộng nói kinh pháp, nêu đại kinh trong vi trần, chỉ minh châu trong chéo áo. Ba ngàn năm qua, người tắm gội pháp trạch ngộ tự tâm, chứng giác đạo, độ hữu tình, số nhiều còn hơn cát sông Hằng, há thể kể xiết!

Như Thống Tổ của Biệt Am chúng ta, xưa trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, đồng chân xuất gia[82], tuổi nhược quan[83] bèn ngộ đạo, mở bày Phổ Môn, trùng hưng Pháp Vũ, truyền tâm ấn, chấn hưng tông phong, sống ngoài hải đảo, đạo rền hoàn vũ. Sáu phen ngồi nơi đạo tràng, rộng ban ngôn giáo. Do vậy chẳng những được vạn dân ngưỡng mộ, mà còn được một người[84] chú ý. Do vậy, ban tặng tiền của, ban ca-sa tía, nhiều lượt thí ân mưa móc chín trùng, chỉ mong cầu chúc nước nhà, nhân dân đều được tắm gội ân quang Đại Giác. Người đương thời cố nhiên đều kính ngưỡng, mà hậu thế cũng chẳng ai không tôn sùng. Trước kia, tiên sư[85] là Giới Văn lão nhân và Khai Như hòa thượng

[82] Đồng chân xuất gia: xuất gia từ khi còn rất bé.
[83] Nhược quan: 20 tuổi. Thuở xưa, khi đến tuổi 20, thanh niên bèn búi tóc lên, bắt đầu đội mũ nho sinh, nên về sau tuổi 20 được gọi là "nhược quan" (đội mũ).
[84] Tức nhà vua
[85] Tiếng xưng tụng vị thầy đã mất của mình.

thường nghĩ mình chưa xứng làm pháp duệ[86], chưa thể kế tục được giềng mối tốt đẹp, toan tỏ tấm lòng thành tưởng nhớ cội nguồn, thành lập hội tạo dựng từ đường, bởi lẽ từ đường đã lập từ trước quá sơ sài, chẳng đủ tỏ lòng kiền thành, cung kính hòng báo đáp tổ đức, [chẳng đủ] khởi lòng quán cảm để con cháu [gắng sức tu tập cho] tốt đẹp hơn.

Năm Quang Tự 18 (1892), toàn núi tậu chút ít ruộng hương hỏa của nhà họ Châu; nhân đó, mười mấy nhà[87] góp lại, hoặc góp một phần vốn, hoặc mấy phần vốn, tiền đóng góp được bao nhiêu đó đem mua một trăm mẫu ruộng để lấy vốn xây dựng nhà từ đường mới. Về sau, bị người ngoài xâm chiếm mất hơn một nửa, chỉ còn được ba mươi mốt mẫu mà thôi. Do đất ruộng mới khai khẩn, chưa trừ hết phèn. Vì vậy, hai mươi năm qua, vẫn chưa xây cất được. Nay ruộng đã thuần thục, thâu hoạch ổn định. Vì thế, mùa Xuân năm nay khởi công dựng nhà từ đường. Mười nhà thay phiên làm ruộng, hết một vòng lại trở lại từ đầu. Thật ra, ý của thầy Khai Như và thầy tôi là muốn cho con cháu đời sau vào từ đường cúng bái, lễ tượng gieo tấm lòng thành, tâm tự suy nghĩ: *“Tổ sư cũng giống như người khác. Ngài là trượng phu, ta cũng vậy. Há nên đề cao thánh cảnh nhưng chính mình ở địa vị phàm phu chăng?”* Do vậy, đại tâm khởi lên mạnh mẽ, noi dấu bậc tiên giác, phá vô minh, chứng pháp tánh, tiếp nối Phật huệ, độ chúng sanh, sao cho viên thông đạo tràng

---

[86] Con cháu đồ đệ đời sau trong đạo.

[87] Mười mấy nhà ở đây chỉ các chùa miếu có Tăng chúng là đồ tử, đồ tôn của Biệt Am.

được thường trụ bao kiếp. Đạo pháp của bậc đại huệ được lưu hành khắp pháp giới, mới chẳng thẹn là con cháu của tổ sư, là đệ tử Như Lai vậy. Những người cùng hàng với tôi hãy gắng lên! (viết vào năm Dân Quốc thứ hai – 1912)

33. Lời tựa cho Miên Vân Từ Đường

(viết thay cho thầy thư ký chùa Pháp Vũ)

Con người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm. Kể từ khi có hiểu biết trở đi, ngày đêm toan tính, bận bịu rộn ràng, không gì chẳng nhằm nuôi thân mình và gia đình, giữ thể diện, để của cải lại cho con cháu mà thôi! Xét đến cái gốc bệnh chỉ vì do chấp trước có Ngã, không chịu buông xuống. Mối lo toan kết chặt, dù Phật có thuyết pháp cũng không thể cởi gỡ được, đâm ra đối với vị chủ nhân ông bản lai diện mục của mình bèn bỏ qua không thèm hỏi đến, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, vĩnh viễn trầm luân chẳng đáng buồn ư?

Hòa thượng Khai Nhiên túc nhân sâu dầy, sanh trong nhà tướng, lớn lên sợ sát nghiệp, chẳng thích theo đuổi việc quân. Nghe Hóa Văn lão nhân thuyết pháp bèn gieo thân dưới tòa, xuống tóc làm Tăng đã mấy mươi năm, chuyên chú tham cứu. Chỉ hận chưa được gặp mặt, giãi bày cơ duyên, nên chỗ Ngài ngộ giải sâu - cạn [như thế nào] chẳng thể lường được! Đến cuối đời Quang Tự, Sư trụ trì chùa Pháp Vũ, bèn tự lập từ đường, để làm kỷ niệm, đặt tên là Miên Vân. Mây chính là vật không biết từ đâu đến, không biết đi về đâu, huyễn sanh, huyễn diệt, trọn không có tướng nhất định, nhưng có

thể tuôn mưa ngọt nhuần thấm khắp cõi đất, khiến cho hữu tình vô tình đều được yên ổn, thật giống như người đã chứng vô ngã tướng, bèn không trụ vào đâu để sanh tâm, độ thoát hết thảy chúng sanh nhưng không có tướng độ. Sư toàn thân buông xuống, an trụ trong ấy. Đấy có phải là thể hiện sở ngộ của mình hay chăng? Hay là khiến cho con cháu đời sau lấy đó làm khuôn phép? Nghĩa ấy huyền diệu, đáng suy nghĩ sâu xa vậy!

34. Lời tựa cho từ đường của Thông Trí pháp sư

(viết thay cho đại sư Ngộ Khai)

Kể từ khi Thế Tôn nhập diệt, tứ y hoằng pháp[88], hiện thân Phổ Môn, hiện hình trong sáu nẻo, nghịch - thuận, ẩn - hiển, đủ mọi phương tiện tùy thuận cơ nghi đều làm cho độ thoát. Diệu hạnh thần thông chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ bậc thánh mới làm được, chứ phàm chẳng thể sánh bằng. Nếu hiện làm thân sa-môn thì ly trần thoát tục, dựng cao pháp tràng, chấn hưng tông phong, lưu thông pháp hóa, nối huệ mạng của Phật. Đấy chính là diệu hạnh thông thường hoằng truyền xiển dương Phật giáo của bậc Pháp Thân đại sĩ và phàm phu đại tâm. Do hai hạnh này nên theo chiều ngang thì trọn khắp mười phương, theo chiều dọc thì tột cùng ba đời, không một nơi nào chẳng nhận được Phật quang, không một ai chẳng được gội ân Phật.

---

[88] Tức y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa, y trí bất y thức.

Đến khi pháp truyền sang Chấn Đán (Trung Hoa), hai ngàn năm qua, bậc hoằng pháp đại sĩ rộng truyền pháp hóa, Tông thuyết đều thông, Định - Huệ đều bình đẳng, hiện thân thuyết pháp dùng đức khuất phục người, quạt gió Chân trong nhà lửa, tuôn mưa Pháp nơi ruộng tình, độ khắp ba căn, thống nhiếp các cơ, ai nấy khôi phục thiên chân sẵn có, cùng chứng giác đạo nơi tâm. Vì thế, vua quan quy mạng, dân chúng dốc lòng thành kính, rộng nêu lẽ huyền, giúp đỡ chánh trị. Công lao, dấu tích lớn lao ấy khó thể thuật trọn. Dù những bộ như Cao Tăng Truyện, Truyền Đăng Lục ghi chép hơn trăm quyển, vẫn chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần mà thôi! Trong đời gần đây, có vị xưa đã gieo cội đức, thị hiện sanh trong gia tộc lớn, mắt nhìn xuyên thế giới nổi trôi, một vai gánh vác bến bờ lớn lao; ngồi yên nơi đạo tràng viên thông, thâm nhập Bảo Vương tam-muội, cùng tu cả Thiền lẫn Tịnh, gồm thâu Tông - Giáo, hiện tướng lưỡi rộng dài diễn dương rộng lớn Viên Tông, duỗi cánh tay bình đẳng tiếp độ khắp ba căn, ngay nơi phàm tâm chỉ ra Phật tâm, gồm thâu vạn hạnh về một hạnh. Người như vậy chỉ có vị thầy quá vãng của tôi là Thông Công pháp sư vậy.

Sư húy là Tầm Nguyên, tự Thông Trí, biệt hiệu Ức Liên Sa Môn. Họ ngoài đời là Nguyễn, người huyện Nghi Trưng, Dương Châu, là con thơ của Trung Đường Nguyên Công, sanh nhằm giờ Mùi, ngày mồng Tám tháng Ba năm Quý Mão, tức năm Đạo Quang 22 (1842)[89]. Bà mẹ Sư là X… người kinh đô. Đến khi

---

[89] Theo biên niên sử, năm Đạo Quang thứ 22 (1842) là năm Nhâm Dần, còn năm Quý Mão nhằm năm Đạo Quang 23. Tính đến năm Đồng Trị thứ 12

Nguyên Công qua đời, do xung khắc với con cái dòng đích quá mức, mẹ Ngài bèn đem con trở về kinh đô, ở nhờ nhà ông cậu. Đến lớn, Sư tướng mạo khôi vĩ, tiếng nói sang sảng, tánh ưa Đạo thuật (thích tu tiên), chẳng mong làm quan, chỉ muốn làm vị thần tiên trường sanh, tấm lòng phóng khoáng, dạo chơi Bồng Đảo[90], thường tiếc nuối vì chẳng gặp được bậc chân nhân[91].

Đến năm Đồng Trị thứ 12 (1873), tuổi tròn 21, ngẫu nhiên đến chùa Long Tuyền, gặp hòa thượng thủ tòa là ngài Bổn Nhiên, thông suốt giáo lý, thấu triệt Thiền Tông. Sư cho rằng đây là bậc đắc đạo cao nhân, bèn nêu điều mình thường ấp ủ. Ngài Bổn Nhiên cười: *"Ông vô cớ vứt bỏ thiên chân Phật tánh mình sẵn có để cầu làm thần tiên chưa chắc đã được và chẳng thể ra ngoài bảy đường được! Bỏ vàng gánh gai, nhận tớ làm chủ. Ông có tướng mạo như thế, sao lại có chí kém hèn đến thế?"* Sư bèn bỏ ngay lòng mong mỏi ấy, cầu được nhiếp thọ. Ngài Bổn Nhiên nhân đó cho xuống tóc tại chùa Thất Tháp ở kinh đô, [chùa ấy] là chi phái của chùa Thạch Phật. Từ đó, thường thân cận vị thầy thọ nghiệp của mình, nghiên cứu giáo điển, quyết chí tu trì. Đến năm Quang Tự thứ 4 (1878), thọ Cụ Túc Giới ở

(1873) thì ngài Thông Trí đã 31 tuổi, chứ không phải 21, không rõ ấn bản Ấn Quang Văn Sao này có bị khắc lầm hay không?

[90] Theo truyền thuyết, ngoài Đông Hải có ba hòn đảo tên Bồng Lai, Doanh Châu, Phương Trượng là nơi tiên ở. *"Dạo chơi Bồng Đảo"* có nghĩa là mong được thành tiên.

[91] Trong Đạo giáo, thường gọi những vị tu tiên đắc đạo là Chân Nhân. Về sau, danh từ này bị lạm xưng; những đạo sĩ phàm tục, chưa tu chứng gì, nhưng có địa vị, quyền thế, hay đứng đầu một đạo quán cũng được xưng tụng là Chân Nhân. Đến cuối đời Minh - Thanh, hầu như đạo sĩ nào cũng được gọi là Chân Nhân.

chùa Vân Cư tại Kinh Tây. Do nghĩ mình mới hiểu biết giáo lý thô lược, chưa tròn bổn phận, kể chuyện ăn, đếm của báu nào được lợi ích gì, Sư bèn cất bước du phương, tham học khắp các bậc Tông tượng. Đến năm Quang Tự thứ 14 (1888), dự vào hội chúng của Tín Chân lão nhân ở chùa Phật Đảnh Sơn tại Phổ Đà, thầy trò đạo hợp, được trao tâm ấn, được nối pháp dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ bốn mươi hai.

Năm ấy, Sư diễn giảng kinh Lăng Nghiêm ở chùa Pháp Vũ. Từ đấy, suốt hơn mười năm thường được mời giảng, mỗi kỳ thính chúng cả mấy trăm người. Sư riêng tâm đắc nơi kinh Lăng Nghiêm, do vậy bèn soạn sách chú thích, muốn cho lý Đại Phật Đảnh, tánh thường viên thông được hiển hiện toàn thể, không còn bị ẩn giấu chút nào. Soạn thành sách Khai Mông (chỉ điểm cho những người còn mờ mịt, chưa hiểu biết) gồm mười quyển, nay đã được Tịch Công[92] chùa Vạn Thọ ở Duy Dương cho khắc ván lưu thông. Tiếc là Sư bẩm tánh thật thà, chỉ chú trọng đến cội gốc, chẳng quan tâm đến nhánh ngọn. Chỉ muốn phát huy sao cho lý tánh được triệt để hiển lộ, giãi bày trọn vẹn; còn chuyện chọn chữ dùng từ, chưa xét kỹ càng, đến nỗi tác phẩm bị mắc khuyết điểm rối ren, thiếu sót. May là còn được bậc tác gia[93] có đủ con mắt gọt dũa sửa đổi trở thành vườn pháp hoàn bích, thành gương báu cho Lăng Nghiêm.

---

[92] Tức ngài Tịch Sơn (xin xem lại lá thư 123, Tổ Ấn Quang có nói đến chuyện này).

[93] Vị tác gia ở đây chính là ông Lê Đoan Phủ, xin xem lại lá thư 123 và 124 trong Văn Sao, Quyển 2

Sư bình sanh chí tại Lăng Nghiêm, nhưng hạnh tại Tịnh Độ. Nhật khóa niệm Phật ba vạn tiếng, thề cầu vãng sanh. Sáng ra trì chú Đại Bi tàn một cây hương để làm Trợ Hạnh, muốn cho hữu tình trong hiện tại, tương lai đều cùng sanh Tịnh Độ. Do vậy, đối với những bộ Di Đà Sớ Sao và [Di Đà Sớ Sao] Diễn Nghĩa, Yếu Giải, Tiện Mông Sao, Thế Chí Viên Thông Sớ Sao đều cho in khắc, lưu truyền, bảo với những người đến học: *"Thiền Tông gọi là giáo ngoại biệt truyền (truyền riêng ngoài giáo), nhưng Tịnh Độ mới thật sự là giáo nội chân truyền. Phải biết chân truyền ở đây chính là biệt truyền ngoài biệt truyền vậy! Các ông phiền hoặc chưa đoạn, đạo nghiệp chưa thành. Chớ có nên phán đoán sai lầm[94], đề cao Thiền Tông, miệt thị Tịnh Độ, đến nỗi lúc lâm chung, nghiệp thức mờ mịt, không có gì để nương tựa. Dù có Phật lực đại từ đại bi chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vì không tin nên không cách gì nương cậy được! Vẫn y như cũ nương theo ác nghiệp lực, luân hồi trong đường ác từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có kỳ ra! Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ sao?"*

Sư giảng kinh Lăng Nghiêm, đối với bảy chỗ gạn cái tâm, mười phen chỉ chỗ thấy, đều chỉ rõ khai ngộ trong cõi này khó khăn, chứng đạo trong Tịnh Độ dễ dàng! Đến chương Thế Chí lại ân cần khuyên dạy chẳng tiếc sức thừa, muốn cho pháp hội đại chúng ai nấy đều nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, liền theo ngài Thế Chí tự chứng viên thông. Đối với chỗ "những

---

[94] Nguyên văn là *"thiết bất khả thác nhận định bàn tinh"* (chớ nên đọc sai vạch cân), "định bàn tinh" là những vạch khắc trên cán cân. Do vậy, chúng tôi dịch phỏng theo ý là "phán đoán sai lầm".

kẻ do ác nghiệp trầm luân trong bốn đường, do thiếu Định Huệ nên đọa vào Ngũ Ấm Ma", Sư lại cực lực chỉ bày lẽ được - mất, đau đáu dạy lẽ lợi - hại. Với mỗi điều đều lệ ứa theo từng tiếng, âm thanh nghẹn ngào, thường nói:

"Không biết Tịnh Độ [thì thấy] Lăng Nghiêm là bậc công thần hàng đầu để đả phá Tịnh Độ. Hiểu sâu Tịnh Độ [thì thấy] Lăng Nghiêm quả thật chính là hướng dẫn tốt lành để hoằng dương Tịnh Độ! Xem kinh mà thiếu con mắt chọn lựa pháp (trạch pháp nhãn) ắt cô phụ ơn Phật, phần nhiều là như thế! Các ông chớ nên coi cơ phong chuyển ngữ của Thiền Tông là thật pháp, xem Tịnh Độ chẳng đáng tu trì! Phải biết trong hội Hoa Nghiêm, Hoa Tạng hải chúng cùng phá vô minh, cùng chứng Pháp Thân, vẫn phải dùng mười nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả. Các ông là người như thế nào mà dám chống lại các vị ấy? Trên cô phụ Phật giáo hóa, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Chư Phật gọi đó là kẻ đáng thương xót".

Hơn mười năm qua, Sư hoằng kinh các nơi như mây trôi chim bay, không ở nơi nào nhất định, thường hay dừng nghỉ nơi chùa Thiên Đồng ở Tiểu Bạch Lãnh, nơi chùa Vạn Thọ ở Duy Dương và am Phổ Huệ nơi núi này, do chủ nhân hai nơi ấy (tức chùa Thiên Đồng và chùa Vạn Thọ) đều là bậc tôn đức trọng đạo. Hơn nữa, am chủ của am Phổ Huệ là ngài Giác Công, về mặt truyền thừa pháp là đồng môn, giao hảo không trái nghịch. Đến mùa Đông năm Bính Ngọ tức năm Quang Tự 32 (1906), Ngài thị hiện mắc bệnh tại chùa Dục

Vương. Mùa Xuân năm Đinh Mùi (1907), Giác Công liền đón về am, tận tình chăm sóc, được hơn hai tháng, mấy hôm trước bữa lâm chung, thần khí tươi tỉnh, dũng mãnh niệm Phật. Đến giờ Mùi ngày mồng Ba tháng Tư, chắp tay niệm Phật, ung dung qua đời, thọ sáu mươi lăm tuổi, Tăng lạp 35 năm. Toàn thân được nhập quan, an táng nơi rặng Tổ Yến phía sau Phật Đảnh Sơn, là chỗ do các vị như Văn Chánh hòa thượng v.v… đã xây dựng sẵn làm chỗ yên nghỉ.

Do Sư bình sinh tánh ưa vắng lặng, không ở nhất định một nơi, nên không thể độ ai. Môn nhân nối pháp nơi núi này chỉ có sư Nguyên Thông và kẻ bất tiếu là Ngộ Khai. Ở bên ngoài dù có, nhưng không biết hết. Chỉ sợ chuốc lấy tiếng dị nghị thân - sơ nên nhất loạt không ghi. Ô hô! Những năm xưa kia, Khai từng nhiều lần dự pháp hội, nhiều phen được nghe viên âm, nhưng chưa thấu hiểu tự tánh. Sư cho rằng đứa con yếu ớt này có thể dạy được nên phó chúc sẵn. Lúc ấy, tuy hết sức thẹn thùng, vẫn mong có ngày giải ngộ. Nào ngờ chưa diệt được các ma, bậc pháp tướng đã mất; độc dược chưa tiêu, từ phụ đã bỏ đi. Buồn thay! Bến bờ của chúng sanh, huệ mạng của Như Lai phó thác cho ai? Biết gởi gắm vào đâu? Thà tự chết đi, chẳng nỡ nhìn thầy mất. Chỉ mong Sư nương Phật lực, sen nở Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn, lên địa vị Bất Thoái, mau nương bổn nguyện, rủ lòng từ tế độ. Ngõ hầu có thể nương vào oai thần của Sư, thoát đường hiểm mau lên bảo sở, giải quyết hết phiền hoặc trong tâm thức tôi, triệt chứng chân thường. Dùng tiền tiên sư để lại, dựng lập từ đường, lược thuật những nét chính để lưu lại mãi

mãi, ngõ hầu pháp duệ đời sau ngửa trông gương sáng của tiên đức, quyết chí học đòi theo.

35. Lời tựa cho nhà từ đường của con cháu chi phái Lập Sơn lão nhân (viết thay cho Khai Như hòa thượng)

Hết thảy chúng sanh vốn có trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Xét đến nguyên do, nói chung là vì chẳng hiểu rõ Chân Như diệu tánh, nhận lầm Tứ Đại là thân tướng của chính mình, coi bóng dáng của duyên sáu trần chính là tâm tướng của chính mình. Đã nhận lầm giặc làm con, nên trái giác, hiệp trần, từ đấy dính chặt vào Căn - Trần, ta - người đối nghịch nhau, khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu đường trải trần điểm kiếp, không thể giải thoát. Đại Giác Thế Tôn thương cho nỗi khổ kịch liệt ấy, ban cho đại pháp dược, dạy tu Tứ Niệm Xứ Quán: Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Ngoài ra còn có Chánh Cần, Như Ý Túc, Căn, Lực, Giác Đạo, ba mươi bảy phẩm pháp môn.

Tuy căn có lợi - độn, thừa có đại - tiểu, nhưng không gì chẳng lấy Tứ Niệm Xứ làm căn bản. Ấy là vì nếu Tứ Quán mà thành liền phá được Ngã Chấp. Ngã Chấp đã phá thì Ngũ Uẩn đều không, sáu trần liền giác, phản bổn hoàn nguyên, tự chứng được diệu tánh. Ví như nhơ hết gương sáng, mây tan mặt trời rạng rỡ. Mặt trời vốn sẵn có, ánh sáng chẳng phải từ bên ngoài đến. Đắc Vô Sở Đắc, đạt Đại Tự Tại. Phàm tình, thánh kiến

thảy đều tiêu vong. Niết Bàn còn không có, huống là có sanh tử? Nếu như tuổi thọ đã hết bèn thiêu hình hài là vì:

1) Một là sợ người mất còn có việc làm chưa xong, Thân Kiến chưa hết. Nay hỏa thiêu để khiến cho người ấy đột ngột ngộ Chân Không, giải thoát ngay trong lúc đó.

2) Hai là chính vì muốn cho người còn sống hiểu rõ toàn thể thân này là hư vọng, tận lực tu Thánh Đạo, khôi phục nguồn tâm, chăm chú nơi cử chỉ, lời lẽ, đích thân thấy được chủ nhân ông, sẽ tự làm chủ tể, chẳng bị cái đãy da thối này lắm cách sai khiến, ngõ hầu trên có thể tiếp nối huệ mạng đức Phật, dưới hóa độ hữu tình. Từ ngay cái thân khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, huyễn vọng này, triệt chứng Phật tánh Chân Như thường - lạc - ngã - tịnh.

Do vậy, bất luận phàm hay thánh đều nên hỏa táng hết, tùng lâm trong thiên hạ không đâu chẳng tuân hành. Vào thời Phật pháp hưng thạnh dưới đời Đường, đời Tống, những bậc sĩ đại phu cũng đa phần tuân theo Phật chế dùng pháp này, chứ không riêng gì Tăng chúng mới vậy! Tăng đã hỏa thiêu, nhặt lấy xương thừa, đặt trong tháp Phổ Đồng[95], cũng giống như hải chúng cùng ở chung với nhau trong tùng lâm. Trong số ấy, phàm - thánh khó lường, hạnh vị khó phân biệt. Phàm đã gần thánh thì cũng dễ được giải thoát, như loài nhặng xanh bám vào đuôi ngựa Ký, chẳng nhọc sức mà đi được ngàn dặm vậy! Pháp Vũ thường trụ vào thời Hàm

---

[95] Tháp Phổ Đồng: Tháp thờ xương cốt người đã mất trong các tùng lâm thường được gọi chung là tháp Phổ Đồng.

Phong - Đồng Trị nhà Thanh trước kia, do binh hỏa lâu ngày đã bị hoang phế, đèn nhang đoạn tuyệt, đến nỗi hư hoại đổ sụp. Vào năm Đồng Trị thứ 10 (1871), đại chúng ép tiên sư công[96] là Lập Sơn lão nhân làm trụ trì, pháp đạo do vậy lại được trùng hưng, thế độ pháp tự[97] thật đông đảo.

Sư bá Hóa Khai bàn với các pháp quyến trong bổn phái, ai nấy bỏ ra tịnh tài bao nhiêu đó tiền tu bổ tháp Phổ Đồng cho con cháu ở phía Đông cầu Hải Hội. Phàm những con cháu của chi phái Lập Sơn lão nhân và các pháp đồ[98] đều được đưa vào đây. Lại mua năm mươi mẫu ruộng hương hỏa, đem tô lợi thu được hằng năm dùng làm chi phí cúng quải hai kỳ Xuân - Đông. Sai năm am Bán Sơn, Thường Minh, Trường Sanh, Dương Chi, Bảo Xứng và con cháu của chi phái sư Hóa Hằng, sáu nhóm thay phiên đảm nhiệm khiến cho người mất được cúng tế, được pháp lợi siêu sanh trời Cực Lạc, người còn sống hiểu thấu suốt huyễn vọng, tu Tịnh nghiệp dự vào hội Liên Trì, nên bèn ghi duyên khởi để bảo cùng đồng luân.

36. Lời tựa quyên mộ dựng thảo xá Dược Vương (viết thay)

---

[96] Tiên sư công: Tiếng gọi thầy của vị thầy mình đã khuất.
[97] Thế độ pháp tự: Thế độ là xuống tóc xuất gia, pháp tự là người nối tiếp pháp. Như vậy, thế độ pháp tự tức là đệ tử xuất gia.
[98] Chỉ chung các đệ tử, đồ tôn xuất gia.

Đại Giác Thế Tôn được mệnh danh là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh thân - tâm cho chúng sanh. Ngài dùng thuốc số đến vô lượng, nhưng ba thứ Giới - Định - Huệ bao gồm hết tất cả không còn sót. Do vậy, ba thứ này được gọi là Dược Vương. Nếu uống vào, phàm sẽ thành thánh, nhưng thuốc tuy đẹp hay, tu trì lại thật khó. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương gọi là thuốc A Già Đà, trị chung được vạn bệnh. Hạ thủ dễ, thành công cao; dùng sức ít, được hiệu quả nhanh chóng. Ba căn thượng - trung - hạ ngay trong đời này đều thoát khổ luân. Ba pháp Giới - Định - Huệ ngay trong một niệm đều được đầy đủ. Do vậy, biết một pháp tín nguyện niệm Phật chính là dược vương của các dược vương. Tôi may nhờ túc nhân, được nghe pháp này, dám đâu chẳng kiệt thành, tận kính, khăng khắng tu trì ư? Toan muốn dựng một am tranh, đặt tên là Dược Vương, yên trụ trong đó, dốc sức tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu chữa lành các chứng bệnh lớn sanh tử nơi thân tâm của mình lẫn người. Khẩn khoản mong các đàn-việt phát Bồ Đề tâm, hành phương tiện sự, tạm bỏ ra chút phần tạng báu, thành toàn cho căn nhà tệ hèn để yên thân. Do đây, đêm ngày ân cần lễ bái, ức niệm. Đã có thể niệm đâu nghĩ nơi đó, khó gì [chẳng chứng] tâm này chính là Phật, thì vô biên lợi ích đều được thành tựu. Dùng nhân như thế để cảm quả như thế. Đời này ắt được Phật tiếp dẫn cao dự hải hội; tương lai ắt làm thân Dược Vương, trị đủ mọi bệnh. Nếu như lòng ngu thành này được xét soi thì lời lẽ này ắt chẳng bị bỏ phí vậy!

37. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ chùa Pháp Vũ

(viết thay Khai Như Hòa Thượng)

Có được cuộc đất tối thắng mới hoằng dương được đạo tối thắng. Tạo lập chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường. Bậc tông tượng xuất hiện thì gốc lập, đạo sanh. Triết nhân mất thì pháp tàn, giáo suy. Tuy bỉ cực thái lai thuộc vào vận trời, nhưng sửa cũ đổi mới quả thật phải nhờ vào sức người. Pháp Vũ thường trụ do Đại Trí lão nhân sáng lập[99], do Thống Tổ ở Biệt Am trung hưng, quy mô lớn lao, pháp đạo hưng long. Từ đấy Trụ Trì các đời tuy không thành tựu lớn lao, nhưng ai nấy đều tận lực giữ quy củ đã thành lập, gia phong chẳng suy đồi. Sau cơn binh hỏa, Trụ Trì chẳng tìm được người đến nỗi suy bại sát đất. Điện đường, liêu xá hư sụp, đổ nát, pháp khí trang nghiêm, trăm thứ chẳng còn được một. Pháp quyến các phòng thấy cảnh tượng ấy đều bó tay, chẳng dám gánh vác.

---

[99] Chùa Pháp Vũ là một trong ba ngôi chùa lớn nhất ở Phổ Đà, nằm ngay bên cạnh đỉnh núi Bạch Hoa, dưới ngọn núi Quang Hy, thường được gọi là chùa sau. Năm Vạn Lịch thứ tám (1580), ngài Đại Trí Chân Dung từ Tây Thục đến lễ Phổ Đà Sơn, thích vẻ đẹp của dòng suối dưới ngọn Phổ Đà bèn kết am tranh để ở, đặt tên là Hải Triều Am, lấy ý từ câu *"pháp hải triều âm tùy cơ phổ ứng"*. Năm Vạn Lịch 22 (1594), được quận thú (người đứng đầu một quận thời Minh) là Ngô An Quốc đổi tên thành Hải Triều Tự. Năm Vạn Lịch 26 (1598), chùa bị hỏa hoạn. Đến năm Vạn Lịch 33 (1605), mới được xây dựng lại. Năm Vạn Lịch 34 (1606), được sắc tứ là Hộ Quốc Trấn Hải Thiền Tự. Sau mấy cơn binh hỏa, chùa gần như sụp nát hoang tàn. Đến năm Khang Hy 26 (1687), hòa thượng Biệt Am Tánh Thống lên trụ trì, trùng hưng Pháp Vũ. Đến năm Khang Hy hai mươi tám (1689), cùng với chùa Phổ Tế được triều đình ban tiền trùng tu. Năm Khang Hy 38 (1699), được ban các biển ngạch Thiên Hoa Pháp Vũ và Pháp Vũ Thiền Tự. Chùa mang tên Pháp Vũ từ đó đến nay. Đợt trùng tu quy mô nhất là vào năm Ung Chánh thứ 9 (1731).

Vào năm Đồng Trị thứ 11 (1872), đại chúng ép tiên sư công Lập Sơn lão nhân làm Trụ Trì, tận lực tu bổ tường sụp, nhà rách, siêng năng, chăm chút, trải hơn mười năm. Từ điện Thiên Vương cho đến Tàng Kinh Các thảy đều sửa mới. Những công trình khác tuy chưa hoàn toàn khôi phục lại quy mô cũ, nhưng nhìn vào đại cuộc đã khả quan. Đến năm Quang Tự thứ 11 (1885), do già bệnh, lão nhân bèn thoái ẩn, sai tiên sư là Văn Lão Nhân[100] kế vị trụ trì. Tiên sư kế thừa đầu mối cũ, phát tâm rộng lớn. Phàm đối với những gì sư ông (chỉ ngài Lập Sơn) chưa đủ sức lo đến, hết thảy điện đường, liêu xá đều dựng mới hoặc tu bổ, không chỗ nào chẳng sửa chữa mới. Quy mô chế độ chẳng kém thời trung hưng. Phàm những vườn đào, ruộng rẫy bị cưỡng ép lấy mất vào thời Hàm Phong đều tận lực chuộc lại. Lại vì muốn chuyển pháp luân thì phải nhờ vào pháp khí trang nghiêm; hơn mười mấy năm qua, hoằng Tông xiển Giáo, những vật dụng sắm sửa trên là Càn Long Đại Tạng kinh, tượng Phật, dưới là bàn ghế, giường chõng, phàm vật gì cần đến thảy đều đầy đủ.

Nhưng lão nhân đại nguyện như mây nhóm, hận chẳng nhóm được thập phương Tăng chúng trong cùng một nhà để Kỳ Viên xưa kia lại được thấy trong ngày nay. Tâm vì pháp, vì người, vì thường trụ, vì đại chúng như chôn cha mẹ[101], như cứu đầu cháy, ngày đêm suy tư, lo nhọc đến nỗi thành bệnh. Đến mùa Đông năm Quang Tự 23 (1897), công trình xây dựng chưa xong, lão nhân quyết chí về Tây. Khai Như tôi tự thẹn đức

[100] Tức pháp sư Hóa Văn.

[101] Ý nói thiết tha, chí thành như con làm đám ma cho cha mẹ.

bạc, lại không có bản lãnh. Do được ghé dự vào hàng đồ đệ, nên Ngài giao cho coi sóc sự vụ trong chùa, gắng gượng vâng lệnh thầy, tận lực phụ giúp. Tuy là hạt bụi nhẹ, giọt sương bé, chẳng giúp ích gì cho núi, cho sông, nhưng luận trên sức mình, cũng có thể nói là đã cúc cung tận tụy, dốc cạn lòng ngu muội. Nương theo những công trình chưa hoàn thành của thầy, chỉ tận lực gánh vác, vâng theo di mạng của tiên sư, xin các pháp quyến công cử Định Công kế nhiệm làm trụ trì. Khai Như vẫn giữ chức vụ cũ, trông nom việc chùa.

Đến khi Định Công thoái ẩn, nhờ ơn pháp quyến ủy thác trách nhiệm nặng nề này, tuy biết mình chẳng xứng gánh vác, nhưng chẳng thể từ khước vì kế hoạch công trình của tiên sư vẫn chưa hoàn thành. Do vậy, đêm ngày lo liệu, chẳng dám bê trễ. Dốc cạn thân tâm này để kính cẩn hoàn thành chí nguyện của thầy. Trong vòng ba năm, những chuyện gì nên làm thảy đều hiểu rõ, chuyện gì có thể giao phó được, chẳng làm phiền cho người. Vì thế, nay kính thưa cùng pháp quyến, sẽ đem hết tất cả những đồ vật thường trụ lớn nhỏ, nhất nhất ghi chép, để vị Trụ Trì sau này, hễ đảm nhận chức vụ ắt biết tiền nhân vì chuyển pháp luân đã sắm sửa đồ đạc, một phen khổ tâm, thật chẳng dễ dàng. Ai nấy đều càng thêm mến tiếc, không đến nỗi phí phạm, vâng giữ công lao đã thành, tươi đẹp công nghiệp khai sáng, nối tiếp đức hạnh, theo gót bậc khai sơn cả ức vạn năm, vĩnh viễn không phế bỏ, ngõ hầu pháp luân lẫn nguyện luân đều thường chuyển, ngàn đời tuân giữ nếp gia phong cũ, ân nước lẫn ân Phật đều báo, cả cõi đời thường đượm

ơn mưa móc thì pháp môn may mắn, thường trụ may mắn lắm thay!

38. Lời tựa nhà từ đường Hóa Văn Lão Nhân

(viết thay cho Khai Như hòa thượng)

Trộm nghĩ Nho Lễ coi trọng Xuân - Thu tế lễ; Thích Giáo coi trọng việc truy tiến hằng năm. Nghĩ đến ân "cây có cội, nước có nguồn", cung kính làm chuyện tưởng nhớ nguồn cội. Thế gian, xuất thế gian nào có cách ngăn? Tiên sư Văn lão nhân huân tu nhiều kiếp, kham làm phước điền cho trời người, thừa nguyện tái lai, chấn chỉnh môn đình của Đại Sĩ. Tuy thị hiện sanh trong chốn đô thành, nhưng mắt thấy thấu suốt vinh hoa cõi thế, gởi thân nơi hải đảo, hai vai gánh vác Phật pháp để giăng bủa mây từ, hưng long chùa Pháp Vũ. Chẳng thẹn là công thần của Phổ Môn, xứng đáng là đích tử của Biệt Am. Bỏ cũ đổi mới, phạm vũ lại khôi phục quy mô huy hoàng. Hoằng Tông diễn Giáo, nguồn pháp được lưu thông tốt lành. Xem người như chính mình, gấp lo chuyện công, gác lại chuyện tư, trụ trì Pháp Vũ cả hơn mười năm, chưa từng mua một khoảnh ruộng dưỡng lão, dựng một gian phòng làm chỗ nương thân. Chỉ muốn khôi phục, hoằng dương Tổ đạo, lợi ích tương lai. Đêm ngày suy tư, lo nhọc thành bệnh. Công viên quả mãn, buông tay quy Tây. Đức Nguyệt chưa thể nối đức, không cách báo ân. Do muốn đề cao nghi thức truy tiến, cũng như hòng cảm phát hậu nhân, cho nên mới chọn một trăm mẫu ruộng từ những ruộng hương hỏa của lão nhân đã tậu để làm chi phí cho việc cúng tế

Đông - Xuân tại từ đường của pháp quyến; khiến cho sau này, ai vào tòa nhà ấy cúng tế, lễ tượng, gieo tấm lòng thành, sẽ sanh lòng kinh sợ thật sự, tự thẹn tự hổ, ai nấy vâng giữ phép tắc, người người học theo, lấy tâm lão nhân làm tâm mình, lấy việc của lão nhân làm việc mình, mới chẳng thẹn là con cháu lão nhân. Phàm những ai cùng hàng với tôi, xin hãy gắng lên!

39. Lời tựa cho cuốn pháp phổ[102] am Bạch Hoa

(phần này thuộc phần dẫn khởi, phần sau tường thuật sự việc nên không sao lục)

Một niệm tâm tánh của chúng ta bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, theo chiều dọc không có dấu vết trước - sau, theo chiều ngang hoàn toàn không có hình dáng trong - ngoài, bất biến tùy duyên, trải khắp chín giới nhưng chẳng giảm; tùy duyên bất biến, chứng Phật đạo chẳng tăng. Quang minh chiếu thấu tột, thọ dụng tự tại, thật không hai, không khác gì với mười phương tam thế hết thảy chư Phật. Nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa nhau, khổ - vui thật khác! Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, rộng diễn ngôn giáo, khiến cho chúng sanh bỏ vọng về với chân, trái trần, hiệp giác, khôi phục thiên chân vốn sẵn có, tự chứng Vô Thượng Giác Đạo. Do vậy, giáo tùy theo căn cơ mà sai khác, pháp do người mà khác biệt.

---

[102] Sách ghi thứ tự truyền thừa các đời của một ngôi chùa.

Vì Thật bày Quyền, lập đủ năm tầng bậc, địa vị Ngũ Thừa. Khai Quyền hiển Thật, cùng về pháp môn tam đức. Tuy một trận mưa thấm nhuần khắp, tứ chúng đều được thấm đượm, nhưng hoằng dương lưu thông phải nhờ vào Tăng. Ấy là do cắt ái lìa thân mới có thể tu ròng tịnh hạnh; gánh vác pháp đạo thì phải thấu triệt nguồn tâm. Do vậy, từ khi đại giáo phát khởi từ Tây Càn (Ấn Độ), pháp truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Luật, Giáo giương lao, Thiền, Tịnh dựng cờ, hai ngàn năm qua, người được thế độ, uống sữa pháp, dùng đạo này để giác ngộ dân, thế hệ thầy trò truyền cho nhau, cội nguồn gốc gác sao kể cho xiết! Phổ Đà là nơi Quán Âm đại sĩ ứng hóa, trải bao kiếp vẫn thường như vậy, không thay đổi, không biến dịch. Nhưng trong sự thấy biết của thế gian phàm phu, thì kể từ niên hiệu Trinh Minh nhà [Châu] Lương thời Ngũ Đại mới lập đạo tràng. Trải các đời Tống, Nguyên, Minh đã từng rạng rỡ cõi đời, cao nhân nhiều lần xuất hiện, lắm phen lẫy lừng. Trong thời gian ấy, pháp vận không phải là không có lúc bỉ cực, bế tắc, nhưng nhờ có người gánh vác pháp đạo, điều đình, xếp đặt, nên bỉ chuyển thành thái, tắc biến thành thông. Do vậy, đạo tràng viên thông lừng lẫy như cũ, chẳng kém thuở ban đầu.

40. Lời tựa cho bản quy củ Hương Tích Trai Tăng Hội

Trộm nghĩ Tăng mang tên là phước điền, lợi khắp tứ sanh cửu hữu[103]. Làm chay có thể giúp cho đạo, giúp khắp tam thừa lục hòa. Do [Tăng] là phước điền cho nên cúng dường thì gần là trừ được cái nhân đói kém, xa thì là được quả Ứng Cúng. Do là trợ đạo nên nhận lãnh thì tu được hạnh Lục Độ, dùng để nêu bày thân tam đức. Kinh dạy: *"Đối với thức ăn bình đẳng, thì đối với pháp cũng bình đẳng. Hai thứ Tài Thí và Pháp Thí, bình đẳng không sai biệt",* chính là ý này vậy. Chung Phương đại sư thấy được việc này, liền mời mấy người tịnh hữu, ai nấy bỏ ra bao nhiêu tiền, giữ vĩnh viễn trong quỹ chùa Phổ Tế hòng kiếm chút tiền lời, để chi phí vào lễ Trai Tăng ngày 25 tháng Chạp mỗi năm. Một bữa, Sư đem bản quy ước đã lập đến chỗ tôi, nhờ viết lời tựa hòng lưu lại mãi mãi. Lại nói:

- Xưa cư sĩ Duy Ma dùng sức thần thông qua khỏi bốn mươi hai Hằng sa cõi Phật trên thượng phương, nơi cõi Chúng Hương là chỗ của đức Hương Tích Như Lai, xin được cơm thơm, đặt ở trong trượng thất[104], cúng cho

---

[103] Tứ sanh: Bốn cách sanh ra của chúng sanh, tức noãn (sanh ra bằng trứng), thai (sanh bằng thai), thấp (sanh từ chỗ ẩm ướt), hóa (sanh bằng cách biến hóa, như chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, thiên giới).
Cửu hữu: Tức tam hữu. Ba cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nếu chia nhỏ ra sẽ thành chín nên gọi là cửu hữu. Do có phiền hoặc, nghiệp báo, sanh tử nên gọi là Hữu.

[104] Trượng thất: Cái thất rộng một trượng vuông. Theo kinh Duy Ma Cật Sở Vấn, cư sĩ Duy Ma thị hiện mắc bệnh, nằm trong thất này, ngài Văn Thù dẫn đại chúng vào trong thất ấy thăm bệnh. Những vấn đáp giữa hai ngài được chép thành kinh Duy Ma Cật Sở Vấn.

khắp các đại chúng để làm Phật sự khiến cho người chưa đắc bèn đắc, chưa chứng bèn chứng. Bọn Phương tôi thẹn không có được thần lực như vậy, kính cẩn dọn cơm chay đạm bạc để biểu thị tấm lòng thành nhỏ bé. Muốn cho mười phương tam thế hết thảy đại chúng đều nhờ vào bốn mươi tám nguyện rộng lớn của Phật Di Đà, cùng lìa ngũ trược, cùng lên chín phẩm, vĩnh viễn hầu đại sĩ Phổ Môn, tự chứng viên thông chân thật.

Tôi nói: Thần thông ai nấy vốn sẵn có, lẽ nào Sa Bà chẳng có cơm thơm? Cần gì phải hiển lộ thần thông, vượt lên cao Hằng sa cõi cầu cơm thừa của họ để no bụng đại chúng cõi này mới được ư? Nên biết rằng bữa cơm chay này các thầy thật tâm sắp đặt, đại chúng lòng rỗng rang lãnh nhận. Người sắp đặt, người lãnh nhận đều đầy đủ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nhưng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xét về bản thể vốn là không, đó là loại thần thông nào? Vật được chuẩn bị, vật được lãnh nhận lại là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nhưng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp thật sự giống như hư huyễn, đó là loại cơm thơm nào? Huống chi Căn - Trần đã mất, nhân - ngã nào còn? Tam luân không tịch, nhất đạo thanh tịnh. Ấy là thần thông, là cơm thơm vậy! Chẳng lìa chỗ này, mặc tình đến khắp mười phương. Chẳng qua một niệm, pháp nhĩ[105] xông khắp ba đời.

---

[105] Còn gọi là pháp nhiên, tự nhiên, thiên nhiên, tự nhĩ, pháp nhĩ tự nhiên, tự nhiên pháp nhiên. Vốn là từ dùng để chỉ các pháp trong trạng thái tự nhiên không qua tạo tác nào, nói cách khác, "pháp nhĩ" là tướng trạng tự nhiên vốn sẵn có của bất cứ sự vật nào. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, quyển 3 giải thích:

1) Xét trong hình thức tồn tại của các pháp thì hết thảy không gì chẳng do nhân duyên hòa hợp thành, như nước luôn chảy xuống, lửa luôn bốc lên đều là những sự hoàn toàn tự nhiên như thế.

Huyễn uế trong tâm bèn tiêu ngay, chân tịnh nơi tự tánh hiển hiện trọn vẹn. Ngay trong niệm này tự thấy Phật Di Đà, lâm chung quyết định được nhiếp thọ. Từ đấy thường nghe viên âm, hằng thân cận ánh sáng tốt lành, ắt sẽ mau mãn quả hải, nhập Đại Niết Bàn, nào đợi phải đắc Tam Ma Địa, chứng chân Viên Thông mới được ư? Như vậy, xét ra, việc làm này của các thầy sánh bằng[106] lão cư sĩ Duy Ma Cật, không hề cao - thấp! Công đức đã làm ấy có thọ lượng bằng với mười phương hư không, không bút mực, văn tự nào có thể hình dung được nổi! Nếu như không biết nhân quả, bỏ bê, xâm phạm thì như xưa kia có người dùng tiền trai tăng đem lợp tăng thất còn bị đọa vào Hỏa Già địa ngục (địa ngục gông lửa), huống gì bỏ vào túi xài riêng để béo thân mình. Gương rành rành đã sớm treo, ai nấy đều nên xét kỹ.

41. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ am Viên Thông

(viết thay Vĩnh Ngộ hòa thượng)

Thật Tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần, chuyện trong cửa Phật chẳng bỏ một pháp. Xưa đức Thế Tôn dùng

---

2) Nếu nói trên phương diện Chân Như, vạn pháp tự nhiên tùy duyên, tự nhiên quy về tánh, đều vốn sẵn bình đẳng.
Sách Du Già Sư Địa Luận cho rằng "pháp nhĩ đạo lý" chính là đạo lý tự nhiên sẵn có của bất cứ sự vật nào như tánh của lửa là nóng, tánh của nước là thấm ướt. Tịnh Độ Chân Tông của Nhật còn đưa ra khái niệm "pháp nhĩ vãng sanh", tức là nương vào nguyện lực của Phật A Di Đà tự nhiên vãng sanh về Báo Độ.

[106] Nguyên văn *"tịnh tiêu tề khu, vô hoặc hiên điệt"* (rong cương cùng đi, mũi xe không chênh nhau). Tiêu là cái hàm thiếc ở mõm ngựa. Ý nói: Sánh ngựa cùng đi ngang nhau, xe đi ngang nhau không trước sau, chúng tôi dịch gọn là "sánh bằng, không có hơn kém".

ngũ thời bát giáo để ứng khắp mọi căn cơ. Tùy theo căn khí đều làm cho được lợi ích.

Trong bốn thời trước, nói đủ mọi pháp môn lục độ vạn hạnh. Nhiếp tiểu thì chẳng bỏ sót điều thiện nhỏ nhặt, ứng đại thì bao trọn pháp giới. Đến thời Pháp Hoa bèn khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất, thọ ký thành Phật cho khắp tất cả, diễn bày bản hoài lớn lao của Phật. Thuyết giả cho rằng kinh Pháp Hoa chính là lời bàn luận cùng cực rốt ráo của đức Như Lai, thuyết minh trọn vẹn xuyên suốt nguyên do của cả một đời giáo hóa. Như cuốn sổ cái ghi chép toàn bộ gia nghiệp, như thiên tử có chín cái đỉnh[107] vậy. Cuốn Vạn Niên Bạ đây cũng là cuốn sổ cái của Viên Thông thường trụ.

Xét từ sư tổ của tôi là Phổ Tín lão hòa thượng muốn nhiếp tâm thiền tịch nên vào năm Đồng Trị thứ ba, tức năm Giáp Tý (1864), lập ra ba gian thảo am ngoài Tây Thiên Môn, cạnh tảng đá Bất Nhị, đặt tên là Viên Thông, chỉ đủ để che mưa nắng hòng yên thân tâm mà thôi. Lão nhân nhập tu Thiền Quán, nhìn ra biển thẳm, vui lòng thích chí, lấy pháp làm vui, thoạt đầu chưa nghĩ đến chuyện dựng tinh xá. Theo Sơn Chí, Viên Thông Am ở ngoài Tây Thiên Môn, vào năm Vạn Lịch thứ năm (1577), vị Tăng tên Viên Hiến dựng am ở

---

[107] Từ thời nhà Châu, hoàng đế cho đúc chín cái đỉnh lớn bằng đồng đặt ở kinh đô, tượng trưng cho chín châu lớn của Trung Hoa thời cổ. Chín châu tùy theo triều đại mà được phân định khác nhau. Chẳng hạn như vào đời nhà Hạ, chín châu là Cổn, Ký, Thanh, Từ, Dự, Kinh, Dương, Ung và Lương. Đời nhà Thương thì chín châu là Ký, Dự, Từ, Ung, Kinh, Dương, U, Cổn và Doanh. Đời Châu lại chia chín châu như sau: Dương, Kinh, Dự, Thanh, Cổn, Ung, U, Ký và Tịnh. Nói chung, chín châu này tượng trưng cho toàn bộ lãnh thổ Trung Hoa.

trong hang, nhiều năm sau bị bỏ phế. Xưa ở trong hang, nay trên đỉnh núi; tên tuy giống nhau, nhưng nền hơi khác. Về sau, dời khỏi hang đưa thẳng lên núi Đại Niết Bàn, có phải là điềm báo trước của bậc thường quán biển Đại Tịch Diệt hay chăng? Năm năm sau, đúng năm Mậu Thìn (1868), thầy tôi là Sơn Tịnh lão nhân thâu nhận tôi và sư huynh Vĩnh Khánh. May được Đại Sĩ thầm gia hộ, hai ba năm sau, hương đèn đông đảo dần, đàn-việt thí chủ nhiều người kéo đến, liền mở rộng nền chùa, đổi tên là Thiền Am. Đến mùa Xuân năm sau, tiên sư thị hiện viên tịch.

Tôi tuân mạng lệnh từ ái của sư tổ, tận lực đảm nhiệm hoàn thành việc chùa, Khánh huynh (tức sư Vĩnh Khánh) chuyên tu Tịnh nghiệp; trải chín lượt nóng lạnh, ba phen đóng cửa Thiền để giúp đỡ. Đến năm Quý Dậu (1873) đời Đồng Trị, sư tổ về Tây. Tuy thế cục chưa được rộng rãi, lớn lao như hiện thời, nhưng đã có vẻ khả quan. Từ đấy về sau, người thế độ càng đông, nhang đèn càng thạnh. Lại thêm, con cháu tên X… kế tiếp đảm nhiệm chuyện ấy, lại càng chẳng tiếc tâm lực, lo liệu tu tạo. Nền chùa chỗ cao bèn khoét xuống, chỗ thấp bèn đắp thêm, khiến cho cuộc đất được bằng phẳng, con người có chỗ sử dụng mới thôi. Điện đường, nhà cửa hễ cần phải dựng bèn dựng, cần sửa liền sửa. Nhỏ hẹp, xấu xí thì mở rộng, sửa sang tráng lệ, thảy đều rực rỡ như mới, thành tựu quang cảnh đẹp đẽ. Lớn như tượng Phật, kinh điển, hạng trung như pháp khí trang nghiêm và đủ loại đồ vật, ngay cả thứ nhỏ nhặt như chiếc thìa, chiếc đũa, phàm những gì nên dùng vào Phật sự, những thứ cần dùng thường ngày không thứ gì

chẳng có đủ. Điền sản tuy không được mấy, nhưng cũng đủ ăn cho một quý (ba tháng). So với kẻ không đất cắm dùi, vẫn khá hơn một chút!

Ôi! Tôi đã già rồi! Tháng ngày không còn mấy, muốn cho hậu nhân có cái kế thừa, vâng giữ, chẳng dám vứt bỏ bừa bãi, gượng bắt chước tiền nhân quang hiển, hoằng dương pháp đạo. Nay đem tất cả những đồ vật thường trụ lớn - nhỏ chia ra từng loại, nhất nhất chép vào sổ để lưu lại lâu xa. Am này chẳng phải do trời tạo đất dựng, mà là do tâm huyết của tôi, Khánh huynh và mười phương đàn-việt tạo thành; cháu con cũng dự phần góp sức, há phải đâu cũng uổng công tạo dựng ư? Ấy là vì muốn thành Phật quả thì phải viên mãn vạn đức; muốn chuyển pháp luân phải nhờ vào các duyên. Nay may được các duyên tạm đủ, phải nên thường chuyển pháp luân, tu trọn vạn hạnh ngõ hầu vạn đức viên thành.

Con cháu đông đảo an trụ trong am, không phải lo đói lạnh khốn khổ, có niềm vui tiêu dao nhàn hạ, há chẳng đau đáu nghĩ đến đại sự sanh tử, vô thường nhanh chóng, hiểu lòng thành khẩn của đàn-việt, nghĩ đến công tạo dựng gian nan, phát Bồ Đề tâm, dốc sức tu tịnh hạnh, ngõ hầu báo đáp tứ ân trong muôn một ư? Phàm thấy một cây kim, một nhánh cỏ trong am đều nói: *"Những thứ này đều được sắm sửa để chúng ta tiếp nối huệ mạng Phật, tự lợi, lợi tha vậy!"*, quý như thịt trên thân mình, giữ gìn như tròng mắt, khăng khắng tu trì suốt cả ngày còn chẳng đủ. Làm được như thế thì chẳng thẹn là đệ tử Như Lai, là con cháu của Đại Sĩ, được người kính, thần che chở, hiện tại phước huệ đều thạnh,

tương lai có phần thành Phật. Nếu không, dưới lớp ca-sa, đánh mất thân người, tam đồ chịu báo trăm ngàn kiếp, chẳng biết lúc nào ngoi đầu ra được, còn nói gì nữa đây!

42. Lời tựa cho từ đường của Vĩnh Ngộ hòa thượng

(viết thay cho người đứng ra tạo dựng)

Trước không khởi đầu, sau không kết thúc. Bao trọn thái hư nhưng chẳng ở ngoài, vào trong vi trần nhưng chẳng ở trong. Thanh tịch, sáng sạch, trong lặng, thường hằng, không sanh, không diệt, lìa tướng, lìa danh, tuy có nhưng chẳng có, tuy không lại chẳng không. Chân tánh là như thế đó! Nhìn vào cái thân địa - thủy - hỏa - phong chính là do gân, xương, máu, thịt tụ hội, vừa sanh liền diệt, vừa tươi liền héo. Các lóng xương chống đỡ như dùng gỗ dựng nhà, một lớp da trùm lên như dùng đất tô vách. Bên trong toàn là phân, tiểu, mủ, máu, mặt ngoài sanh ghét (hờm), mồ hôi, tóc, lông. Giòi trùng lúc nhúc, chấy rận như sao. Giả gọi là "người", chứ thật sự không có cái Ngã tồn tại. Lại còn dùng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý sẵn có rong ruổi trong rừng gai góc Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Do vậy, khởi vô minh tham - sân - si, diệt chánh trí Giới - Định - Huệ. Ngũ Uẩn vốn không, ai chịu xét soi; lục trần vô tánh ai nấy đều cho là thật, khiến cho muôn khổ đều nhóm, linh tánh vĩnh viễn tối tăm [nên có] huyễn thân và vọng tâm. Câu kinh Viên Giác: *"Hết thảy chúng sanh đủ mọi điên đảo, nhận lầm Tứ Đại là thân tướng của chính mình, tưởng duyên ảnh của sáu trần là*

tướng của tự tâm", chính là nói về ý này vậy. Nếu luận trên chân tánh thì chẳng phải phàm, chẳng phải thánh, không có dấu hiệu gì, hằng cổ hằng kim, luôn tự như như. Lấy gì để ghi nhớ năm tháng hầu sắm sửa giỗ chạp. Nếu luận trên huyễn thân thì sống như con rối, chết như bụi đất. Vọng tâm sanh diệt theo cảnh, chẳng có mảy may thật nghĩa nào! Cần gì phải ghi dấu chim bay trên hư không, buộc gió mát trên sông?

Nhưng do quy củ thường hằng của núi này, phàm là Trụ Trì và là vị tăng có danh có đức, đều lập từ đường để lưu niệm cho người đời sau. Tôi từ thuở nhược quan, xuất gia nơi thảo am Viên Thông, cho rằng có mái tranh che đầu, có cái phòng hẹp để khoanh chân là đủ rồi! Nào biết tướng thế gian vô thường biến đổi theo thời, đàn-việt tín chúng ngày càng đông, thí gạo, trải vàng[108], năm lâu tháng chầy, nào biết nào hay đã biến thành một ngôi phạm vũ tinh lam[109] đẹp đẽ. Lại thêm pháp quyến cả núi nghĩ tôi là người thuần hậu lão thành, ép làm chủ nhân chùa Pháp Vũ, nhưng tự thẹn mình đức mỏng, sao đủ sức rạng rỡ, hoằng dương pháp đạo cho được, nhiều lượt thoái thác, chỉ làm trụ trì bốn năm. Nghĩ tưởng đến cổ nhân, thẹn thùng không biết lánh vào đâu, nào dám lấy mình làm gương.

Bọn pháp tử đồ đệ cố thỉnh không ngừng, bèn đổi ý, nghĩ rằng: *"Đời tôi chẳng thể hoằng dương, xiển phát Tông phong, lợi ích cho họ. Nếu lập nhà từ đường thì*

---

[108] Trải vàng (bố kim): Trưởng giả Cấp Cô Độc đem vàng trải đất để lập tinh xá Kỳ Viên. Dùng tích này để nói đàn-việt bỏ ra tiền của xây dựng điện đường.
[109] Tinh lam: Ngôi chùa đẹp đẽ. Phạm vũ lẫn tinh lam đều chỉ ngôi chùa trang nghiêm, đẹp đẽ.

cũng có thể dùng đó làm phương tiện khiến họ giải ngộ, khiến cho họ lúc treo ảnh để cúng tế trong hai kỳ Đông - Xuân, chợt nghĩ rằng: 'Vị lão nhân này sống vào năm đó, chết vào năm đó. Đến nay đã được bao nhiêu năm tháng đó". Do vậy, biết mạng người vô thường, nhanh chóng như ánh chớp, một hơi thở ra không hít vào được liền thành đời sau. Từ đấy, phát phẫn tu trì, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, trừ sạch thân tâm huyễn vọng, khôi phục chân tánh sẵn có, cùng ông cụ Di Đà vui chơi nơi cõi thanh tịnh tịch diệt, để vĩnh viễn hưởng niềm vui thường - lạc - ngã - tịnh, thì cũng không phải là không giúp cho họ đôi chút vậy! Liền cho dành ra mấy mẫu vườn ruộng để thay phiên nhau trông nom, hòng có tiền chi phí cho hai kỳ cúng tế, nên bèn viết ra lời tựa này.

43. Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam

Ông Đạo Doãn[110] Hoàng Hàm ở Cối Kê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu Tịnh nghiệp tinh thuần. Muốn làm cho đồng nhân đều tu Tịnh nghiệp, lìa khổ được vui, do thấy các sách Tịnh Độ văn sâu thẳm, nghĩa uyên áo, chẳng thuận tiện cho kẻ sơ cơ và người không có học thức. Do vậy, ông viết sách bằng văn Bạch Thoại, phân tích tỉ mỉ những nghĩa trọng yếu, đặt tên là Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Trong biển sanh tử, được kim chỉ

---

[110] Đạo Doãn là một chức quan võ, còn gọi là Đạo Đài, đứng đầu việc binh nhiều huyện dưới đời Thanh. Chẳng hạn chức Trường Xuân Đạo Doãn thống lãnh việc binh bị cả 12 huyện như Cát Lâm, Trường Xuân, Y Thông, Nông An v.v…

nam này thì bỏ Đông hướng về Tây, bỏ uế lấy tịnh, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ siêu việt tiến thẳng vào địa vị Như Lai, chẳng còn phải chịu khổ luân hồi sanh tử dài lâu trong thế giới này nữa. Đã là chí đồng đạo hợp, nào ngại giúp khuyên dạy, nên bèn viết tựa rằng:

Kinh A Di Đà dạy: *"Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp"*. Lại nói: *"Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Do chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên tên là Cực Lạc"*. Không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của đức Phật A Di Đà. Thế giới chúng ta đang sống đây có đủ ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng nỗi khổ, trọn chẳng có niềm vui. Cho nên gọi là Sa Bà. Chữ Phạn "Sa Bà", ở đây (Trung Hoa) dịch là Kham Nhẫn, ý nói: Chúng sanh trong cõi này phải chịu đựng những nỗi khổ ấy. Nhưng trong thế giới này, không phải là không có niềm vui; nhưng tất cả những chuyện vui đa số là khổ, chúng sanh mê muội, ngược ngạo coi đó là vui. Như nghiện rượu, đắm sắc, săn bắn, vây bắt, có gì vui đâu mà những kẻ ngu phu đắm đuối không bỏ được, vui quên cả mệt. Thật đáng thương xót! Dẫu là sự vui thật sự, cũng khó thể trường cửu. Như cha mẹ còn sống đầy đủ, anh em không có chuyện gì, chuyện như vậy làm sao thường hằng cho được! Vì thế, cảnh vui vừa hết, tâm buồn nối tiếp dấy lên. Do vậy, bảo *"trọn chẳng có niềm vui!"* không phải là nói quá đáng vậy!

Thế giới này khổ nói chẳng thể trọn, dùng tam khổ, bát khổ để tóm lược thì chẳng còn sót gì. Tam khổ thì: 1) Khổ Khổ 2) Hoại Khổ 3) Không khổ không vui tức là Hành Khổ. Khổ Khổ có nghĩa là do thể tánh của thân tâm Ngũ Ấm này bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải chịu thêm những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết v.v… nên gọi là Khổ Khổ. Hoại Khổ là có chuyện gì trong thế gian tồn tại dài lâu? Mặt trời đứng bóng liền chênh, trăng tròn rồi khuyết, đạo trời còn vậy, nữa là chuyện người! Cảnh vui vừa hiện, cảnh khổ đến ngay. Đúng vào lúc cảnh vui bị hoại diệt thì khổ chẳng thể nói được, cho nên gọi Lạc là Hoại Khổ. Hành Khổ là tuy không khổ không vui, tợ hồ thích nghi, nhưng tánh nó dời đổi, há thể thường trụ! Vì vậy, gọi là Hành Khổ. Cả ba sự khổ này, không sự khổ nào chẳng thâu tóm. Về ý nghĩa của Bát Khổ, trong sách [Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam] đã trình bày cặn kẽ. Nếu biết cái khổ trong cõi này, tâm chán lìa Sa Bà sẽ ào ạt phát sanh. Nếu biết sự vui của cõi kia, ý niệm ham cầu Cực Lạc sẽ bừng bừng phát khởi. Do vậy, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng đấy để vun bồi nền tảng. Lại thêm chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa Bà này, sanh về nước Cực Lạc kia, làm con đích thực của Phật Di Đà, làm bầu bạn tốt trong hải hội.

Nếu nói:

- A Di Đà Phật ở yên nơi Cực Lạc, mười phương thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh trong một thế giới niệm Phật cũng vô lượng vô biên. A Di Đà Phật sao có thể dùng một thân cùng lúc tiếp dẫn hết thảy

chúng sanh niệm Phật trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp:

- Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Xin mượn thí dụ để giải thích hòng trừ sai lầm cho ông. Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, hiện bóng trong vạn con sông, trăng có dụng tâm hay không? Trên trời chỉ có một vầng trăng, nhưng biển cả, sông to, rạch lớn, khe nhỏ thảy đều hiện bóng trăng vẹn toàn, dẫu nhỏ như trong một chước, một giọt nước không đâu chẳng đều hiện bóng trăng trọn vẹn! Vả nữa, bóng trăng trên sông rạch một người nhìn vào sẽ thấy một vầng trăng đối trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người ở trăm ngàn vạn ức chỗ nhìn vào, không ai chẳng có một vầng trăng đối trước mặt! Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi về những hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thì nơi người ấy đi đến, trăng vẫn thường ở nơi người ấy. Chỗ trăng đi đến, trọn chẳng có xa - gần. Nếu trăm ngàn vạn ức người ở yên chẳng động thì trăng cũng ở yên chẳng động, luôn ở nơi người ấy. Chỉ có nước trong lặng thì trăng hiện, nước đục, xao động thì trăng ẩn. Trăng cố nhiên không lấy - bỏ, không hiện là vì nước đục ngầu, xao động, không cách gì in bóng được!

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh tín nguyện đầy đủ, chí thành cảm Phật thì Phật bèn ứng, giống như nước trong trăng hiện. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành, tương ứng với tham - sân - si, giống như nước đục, loạn động thì trăng tuy chẳng bỏ sót không chiếu, nhưng chẳng thể hiện

bóng rõ ràng. Mặt trăng là sắc pháp thế gian còn hay khéo như thế, huống chi Phật A Di Đà phiền hoặc đoạn sạch, phước huệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới! Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Thân Phật đầy ắp pháp giới, hiện khắp trước hết thảy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng không gì chẳng trọn vẹn, nhưng thường ngồi nơi tòa Bồ Đề này. Do vậy, phải biết: Trọn khắp pháp giới cảm sẽ ứng trọn khắp pháp giới"*. Quả thật, Phật chưa hề khởi tâm động niệm có tướng đến - đi, nhưng có thể làm cho chúng sanh duyên chín muồi thấy Phật đến đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ôm lòng nghi như thế, cố nhiên chẳng phải một hai người; do vậy bèn trình bày đại ý để sanh chánh tín vậy!

44. Lời tựa in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức

Tâm thể của Phật và chúng sanh hoàn toàn chẳng khác nhau chút nào, nhưng tâm tướng của Phật và chúng sanh khác xa nhau một trời một vực! Tướng đã khác hẳn nhau nên sự thọ dụng do tướng cảm được cũng phải rất khác biệt. Phật thương xót chúng sanh về Thể tuy đồng, nhưng Tướng - Dụng rất khác biệt nên vận dụng lòng Vô Duyên Từ, hưng khởi lòng Đồng Thể Bi, [bày ra] đủ mọi phương tiện để tế độ. Nếu chúng sanh biết Tướng - Dụng tuy khác, nhưng bản thể vốn đồng cố nhiên sẽ trên ngưỡng mộ các thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, y giáo phụng hành ngõ hầu khôi phục nó. Kinh Dược Sư do đức Thế Tôn tự thuật nhân hạnh quả đức, công đức nhiếp hóa hiển mật của

đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở thế giới Tịnh Lưu Ly nơi phương Đông. Kinh này do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, văn lý thông suốt, nhưng tên của tám vị Bồ Tát và đoạn kinh Phật nói thần chú đều bị khuyết. Trong kinh Đại Quán Đảnh Thần Chú do ngài Bạch Thi Lê Mật[111] dịch vào thời Đông Tấn thì kinh thứ mười hai là Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ Kinh[112], có tên tám vị Bồ Tát. Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn Nguyện Công Đức do ngài Nghĩa Tịnh[113] dịch vào đời Đường

---

[111] Theo Lịch Đại Tam Bảo Ký và sách Tả Thị Ngũ Hồ, ngài Bạch Thi Lê Mật (gọi đủ là Bạch Thi Lê Mật Đa La) (dịch nghĩa là Cát Hữu), người xứ Cưu Ty (Kuche), là thái tử nước ấy, nhưng nhường ngôi cho em, đi xuất gia. Ngài rất thông minh, hiểu sâu xa Phật pháp, đến Trung Quốc trong niên hiệu Vĩnh Gia đời Tấn. Khi ấy, Trung Hoa đại loạn nên Ngài bèn vượt Trường Giang xuống Hoa Nam, đến Kiến Khang trụ tích tại chùa Kiến Sơ. Thừa tướng Vương Đạo rất coi trọng, đa phần triều thần đều quy y.

[112] Đại Quán Đảnh Thần Chú Kinh (Mahabhiseka Mantra), thường gọi tắt là Đại Quán Đảnh Kinh, do ngài Bạch Thi Lê Mật Đa dịch vào thời Đông Tấn, hiện được chép trong quyển 21 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Kinh này gồm mười hai bộ kinh nhỏ hợp thành gồm từ bộ thứ nhất là Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Thần Chú Kinh đến kinh cuối cùng Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ Kinh. Kinh Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ Kinh tương đồng với kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện do ngài Đạt Ma Cấp Đa dịch và kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức của ngài Huyền Trang dịch.

[113] Kinh Dược Sư tên tiếng Phạn là Bhagavān Bhaisajyaguru Vaidūryaprabhasya Pūrvapranidhānaviśesa Vistara có đến năm bản dịch khác nhau. Bản dịch đầu tiên của ngài Bạch Thi Lê Mật Đa thời Đông Tấn, bản thứ hai do ngài Huệ Giản dịch vào thời Lưu Tống (năm 457), bản thứ ba của ngài Đạt Ma Cấp Đa dịch vào thời Tùy, bản thứ tư của ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, bản thứ năm do ngài Nghĩa Tịnh dịch cũng vào đời Đường. Ngoại trừ bản của ngài Bạch Lê Thi Mật Đa ra, bốn bản đều nhấn mạnh đến công đức của Phật Dược Sư. Bản của ngài Nghĩa Tịnh đầy đủ nhất, mang danh xưng Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn Nguyện Công Đức Kinh, có tên bảy vị Phật, bổn nguyện và thần chú của mỗi vị. Trong kinh này, đức Phật Dược Sư ở xa nhất, bổn nguyện nhiều nhất, công đức thù thắng nhất trong số

có chép một đoạn chú văn, gồm bốn trăm hai mươi tám chữ. Ba kinh quả thật vốn là một kinh, do lưu thông đã lâu đến nỗi bối diệp[114] thất lạc, mỗi vị căn cứ vào Phạn bản mình có được mà dịch. Nhưng Dược Sư Như Lai cứu vớt kẻ sơ cơ phần nhiều dựa trên chú lực; vì thế, tiền nhân đem phần ghi tên tám vị Bồ Tát trong bản dịch của ngài Bạch Thi và đoạn chú văn trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh thêm vào [bản dịch của ngài Huyền Trang], khiến cho văn nghĩa đều trọn đủ, mà tâm cứu độ chúng sanh của Dược Sư Như Lai cũng không bị bỏ sót. Cũng giống như phần kệ trùng tụng được thêm vào phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện được thêm vào kinh Hoa Nghiêm vậy. Hợp lại thì xứng hợp, vui đẹp tâm ý Phật. Tách ra thì sự giáo hóa bị khuyết. Huống chi kinh ấy, chú ấy cả cõi đời cùng thọ trì, nếu chẳng thêm vào như vậy thì người tụng kinh chẳng được lợi ích nơi mật chú, người trì chú chẳng biết chú ấy phát xuất từ kinh nào. Hành

---

các vị Phật. Bản của ngài Nghĩa Tịnh thường được gọi tắt là Thất Phật Dược Sư Kinh. Cũng do kinh này, trong các pháp hội Dược Sư xưa kia thường lập đàn Dược Sư gồm bảy khu, mỗi khu đốt bảy ngọn đèn lớn trước bàn Phật. So với các kinh Mật giáo khác, kinh Dược Sư được chú giải nhiều nhất.

[114] Kinh Phật khi xưa được chép trên lá bối (bối diệp). Bối diệp gọi đủ là Bối Đa La Diệp tức lá của cây Bối Đa La (pattra), tên khoa học là Laurus Oassia. "Bối diệp" là danh xưng chung chỉ tên các loại lá có thể dùng thay giấy khi chưa phát minh ra giấy. Được dùng phổ biến nhất là lá cây Đa La (Tāla). Loại lá này thuôn dài, dày chắc. Người ta phơi lá cho khô, cắt thành từng miếng rộng độ 6cm, dài chừng 18cm. Hai đầu xoi lỗ nhỏ để chép xong sẽ xỏ dây buộc thành từng tập. Khi chép kinh, người ta dùng mũi kim hay vật nhọn khắc chữ trên lá. Khắc xong, bôi mực lên rồi chùi đi, mực đọng lại nơi vết khắc. Một số quốc gia sau này tuy đã có giấy vẫn dùng phương pháp chép kinh lên những mảnh giấy rời rồi buộc lại thành tập như ở Tây Tạng, Nepal, Mông Cổ vẫn còn dùng. Các nước Nam Truyền Phật giáo như Cambodia, Lào, Thái vẫn còn giữ được rất nhiều bản kinh chép theo lối này trên lá gồi.

động ấy của tiền nhân có thể nói là khế cơ, khế lý. Do vậy, mấy trăm năm qua, đều lưu truyền theo như thế đó. Cư sĩ Trương Thụy Tăng phát tâm khắc in lại, chỉ sợ kẻ kém tri kiến cho là kinh này khác với nguyên văn trong Đại Tạng đâm ra ngờ vực nên mới lược thuật nguyên ủy để mọi người cùng được hay biết vậy!

45. Lời tựa cho bản tu chánh điều lệ quản trị chùa miếu và văn cảo hộ giáo

Phật pháp là tâm pháp. Tâm pháp này chính là căn bản của mười pháp giới. Chẳng hiểu pháp này thì chẳng những không thể nhờ vào đâu chứng được Chân Như Phật tánh sẵn có, mà những chuyện như cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, đạo tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của thế gian cũng không thể nào viên mãn rốt ráo được! Vì sao vậy? Vì không đạt được căn bản, chỉ chú trọng phát khởi trên mặt hình thức mà thôi. Do vậy, từ xưa đến nay phàm những ai lập đại công, tạo đại nghiệp huy hoàng vũ trụ, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà nên. Ngay cả những ông Châu, Trình, Trương, Châu[115] thời Tống phát minh tâm pháp thánh học (tâm pháp Nho giáo) cũng vay mượn từ Phật học, nhưng bọn họ mang nặng kiến chấp môn đình quá đáng nên chẳng những không chú trọng tỏ lộ, trái lại còn chê trách, phỉ báng. Do vậy, đối với đạo thành ý chánh tâm thật quá

---

[115] Ông Châu đầu tiên là Châu Đôn Di, người sáng lập Lý Học đời Tống. Ông Châu thứ hai là Châu Hy, còn Trương là Trương Tải, triết gia theo chủ nghĩa duy vật. Trình là hai anh em Trình Hạo và Trình Di, cũng là hai nhà Lý Học nổi tiếng đời Tống. Họ đưa quan niệm Lý và Khí vào Nho Học, nên học thuyết của họ được gọi là Tống Nho.

thiếu sót, đáng phàn nàn vậy! Pháp này tuy ai ai cũng có, nhưng nếu chưa nghe lời Phật thì không cách nào tự biết được viên châu nơi vạt áo! Do vậy, hết thảy chư Phật không vị nào chẳng dặn dò lưu thông pháp đạo.

Cách lưu thông trước hết là phải tạo dựng tháp miếu, in tạo kinh tượng để khởi đầu. Nếu không có tháp miếu, kinh tượng thì không thể nhờ vào đâu để sùng phụng oai nghi cao quý rồi tu tịnh hạnh xiển dương Phật đạo, hướng dẫn quần mê, cũng như hết thảy hàm thức không có cách nào chiêm lễ thánh dung để vun bồi căn lành, nghe pháp tu trì, khai phát tâm địa cho được! Người lưu thông phải là vị Tăng chân tu thật hạnh và phải có những hàng vua quan, thân sĩ, thương nhân có thế lực, tài lực. Một đằng là nội hộ, một đằng là ngoại hộ. Nội hộ thì nghiêm trì giới cấm, dốc sức tu tịnh nghiệp. Đối với Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh Độ hoặc chuyên chú một môn, hoặc kiêm tu các tông khiến cho cả mình lẫn người đều được lợi ích, u lẫn hiển đều được nương nhờ. Thầm giúp cho cách cai trị yên ổn, ngầm làm cho dân tình yên ổn mới thôi! Ngoại hộ thì chẳng tiếc của cải, rộng trồng phước điền, khiến cho khắp những người cùng hàng phát khởi tín tâm. Nội ngoại hỗ trợ, pháp bèn được lưu thông. Nếu không có hàng nội hộ đạo đức thì bậc thầy gương mẫu chưa được lập, làm sao người ta ngưỡng vọng cho được! Nếu không có hàng ngoại hộ có thế lực thì không có sức mạnh, kẻ bên ngoài khinh lấn làm sao chế ngự được!

Vì thế, khi sắp nhập Niết Bàn, Như Lai đem pháp phó chúc cho hàng quốc vương, đại thần và chư thiên, thiện thần, dạy họ sau này thừa nguyện sanh vào trong

hết thảy cõi nước lưu thông Phật pháp hòng lợi ích mọi hàm thức. Do vậy, hơn hai ngàn năm qua, đạo Phật thâm nhập các nước là do nội hộ lẫn ngoại hộ đều có người vậy! Kể từ đời Đông Hán, nước ta (chỉ Trung Quốc) mới được hưởng pháp hóa. Đến đời Tấn thì ngày càng thạnh hành, đến đời Đường các tông đầy đủ, gần bằng Tây Thiên. Từ các nhà Tống, Nguyên, Minh cho đến đầu đời Thanh, Phật nhật luôn sáng tỏ, pháp luân thường chuyển. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, do chinh chiến, đói kém liên miên, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, quốc gia chẳng rảnh rang đề xướng, kẻ kém hèn lạm dự Tăng chúng, rất nhiều kẻ là phường vô lại, ác nhân, xen lộn vào Phật môn, đến nỗi Phật pháp bị bại hoại sát đất. Phàm những ai chưa đọc kinh Phật, chưa gặp được bậc tri thức, trông thấy những ông Tăng du hành trong nhân gian tạo đủ mọi nghiệp, bèn cho rằng Tăng toàn là như thế. Từ đấy, một người xướng, trăm kẻ hùa theo, cho là Phật pháp vô ích cho nước nhà, có hại cho đời! Không ai chẳng tính chuyện chiếm đoạt tài sản của Tăng chúng, lăm lăm biến chùa thành trường học. Những kẻ đề xướng chuyện ấy, tâm lý chưa hẳn đã hoàn toàn mê muội, mà là do chẳng biết cội nguồn Phật pháp, chỉ cậy vào hiểu biết của chính mình để lầm lạc suy luận, khiến cho những kẻ mượn chuyện công để tư lợi, thấy đúng là dịp kiếm chác, muốn vơ vét cho đầy túi. Đây - kia bắt chước nhau, thế như lửa cháy.

Lúc Dân Quốc mới thành lập, bao phen được những bậc cao nhân Tăng - tục trình bày, mong Đại Tổng Thống hạ lệnh bảo vệ. Năm Dân Quốc thứ tư (1915), chánh phủ quy định chương trình bảo vệ gồm ba mươi

mốt điều. Do văn từ, ý nghĩa có chỗ chưa rõ ràng, dễ nẩy sanh mối tệ, sợ sẽ tạo thành hậu hoạn nên đến năm Dân Quốc thứ chín (1920), cư sĩ Trình Tuyết Lâu diện kiến Đại Tổng Thống xin ông sửa đổi. Nhân đó, bèn thương lượng, châm chước kỹ càng, quy định hai mươi bốn điều. Tháng Năm năm Dân Quốc thứ 10 (1921), công bố cho các tỉnh. Mùa Hạ năm nay, giới giáo dục tỉnh Giang Tô nhóm họp, lại viện vào tiền lệ thời cuối nhà Thanh, đầu thời Dân Quốc, đem kế hoạch mượn chùa làm trường học trình lên cựu tỉnh trưởng họ Vương, được ông ta tán thành, cho là không tổn hại gì đến pháp luật, thật sự cân nhắc tình lý, đã suy xét cẩn thận châu đáo, ổn thỏa, thật đáng khâm phục, truyền Ty Giáo Dục thông tri cho các huyện tuân hành. Lệnh này vừa được ban ra, ông ta bèn từ chức, Tăng giới tỉnh Giang Tô chấn động, kinh hoảng vô cùng. Các chùa chiền ở Diêm Thành đa số bị xâm đoạt. Mọi người cho rằng: Giáo lệnh của Đại Tổng Thống công bố vào năm ngoái, có lẽ cựu tỉnh trưởng họ Vương hoàn toàn chưa hay biết nên mới nồng nhiệt khen ngợi kế hoạch ấy như thế. Nếu chẳng lập cách cứu vãn, chẳng những không thể giữ gìn được các chùa miếu trong một tỉnh Giang Tô, mà những người mang cùng tánh khí ấy trong các tỉnh khác không ai chẳng muốn mượn danh nghĩa lập trường học để diệt Phật pháp, đoạt tài sản nhà chùa, coi đó như một nghĩa vụ có danh dự lợi ích nhất!

Do vậy, bèn cử ra ba mươi vị đại biểu, được cầm đầu bởi Hạo Tịnh là vị đã từ nhiệm, khẩn cầu hai vị cư sĩ Ngụy Cang Trưởng và Vương Ngu Tăng chuyển đạt lên những nhân vật chánh yếu, trình bày rõ lợi hại, ngõ

hầu "đạo ngầm giúp cho việc cai trị, pháp ngầm khiến cho dân tình yên vui" chẳng đến nỗi nhanh chóng bị diệt mất. Ông Hàn, tỉnh trưởng tỉnh Giang Tô, là người thông đạt chánh thể, hiểu sâu Phật pháp. Những tờ trình của chư Tăng được chuyển lên, liền phê*: "Tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm tệ đoan. Một mực giữ phép công bằng, không mảy may gì thiên vị! Hai giới Tăng chúng và giáo dục đều được vô sự!"* Tuy chưa nói rõ thủ tiêu lệnh trước của Vương tỉnh trưởng, nhưng cũng chẳng khác gì đã thủ tiêu vậy!

Chuyện này lại được chuyển đạt lên Bộ, gởi công văn phúc trình lên bộ Nội Vụ. Bộ truyền cho tỉnh trưởng Giang Tô xử lý theo đúng pháp luật. Do vậy, mối họa diệt pháp liền bị tiêu diệt. Lúc này, thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, đúng là lúc nên đề xướng Phật pháp, xiển dương rộng rãi sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, khiến cho những kẻ mê tâm mờ lý, phóng túng không kiêng dè biết tạo ác phải thọ khổ bao kiếp dài lâu, làm thiện được hưởng vui vĩnh viễn, bèn tự có thể giảm bớt tâm ác, dần dần phát khởi thiện niệm, quyết chẳng dám khoái chí một lúc, khiến cho thân về sau phải chịu thống khổ vô cùng. Vào thời Xuân Thu, chư hầu, các đại phu chết, ai nấy tùy sức giết người tuẫn táng theo mình, lại cho là càng nhiều càng sang! Tuy Khổng, Mạnh, Lão, Trang đều xuất thế cũng không sao ngăn cấm được! Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, dẫu kẻ ngoảnh mặt về phương Nam xưng Trẫm cũng chẳng dám làm vậy! Hơn một ngàn năm qua, những người được sống hết tuổi thọ mới mất không biết bao nhiêu mà kể! Những ai cho Phật pháp vô ích cho

nước nhà, có hại cho đời, toàn là vì lòng đố kỵ, dấy lên những lý luận mù quáng của kẻ chưa thấy được màu sắc. Nếu họ suy xét kỹ, ắt sẽ chẳng thể đau đớn khóc lóc, hối hận đã lỡ lời ư?

Tuy nhiên, nói chung là do Tăng giới không có người, nên đến nỗi những kẻ câu nệ, rỗng tuếch lầm lạc nẩy sanh ý xâm đoạt, khinh lấn. Nếu như ai nấy gắng chí ngầm tu, làm rạng rỡ Phật pháp thì những kẻ bài bác, đả kích, xâm đoạt, khinh lấn kia sẽ hộ trì, lưu thông còn không xuể. Mạnh Tử nói: *"Con người phải tự khinh mình trước thì người khác mới khinh mình được. Trong nhà phải tự hủy diệt trước thì người khác mới hủy diệt được. Nước phải tự công phá trước thì người ngoài mới công phá được"*, chính là nói đến ý này vậy! Tăng giới chúng ta phải nên dốc kiệt lòng thành, chuyên tinh tu tập như thế nào ngõ hầu trên là mong tiếp nối được huệ mạng, dưới độ mê tình.

Tất cả những văn tự đầu đuôi về chuyện này đã được hai vị cư sĩ Cang Trưởng và Ngu Tăng cho sao lục, in khắc, lại đem điều lệ quản trị chùa miếu đã tu chánh của Đại Tổng Thống đặt ở đầu sách, phổ biến khắp Tăng giới, để mọi người biết có công lệnh, chẳng đến nỗi lại có những chuyện như thế phát sanh, không cách gì thi thố thủ đoạn được! Khắc xong, hòa thượng Diệu Liên giao cho tôi, nhờ viết lời tựa dẫn giải. Cụ Diệu Liên là người tánh tình thuần hòa, sốt sắng, rất được hai vị Cang Trưởng và Ngu Tăng kính trọng. Khi chuyện này nẩy sanh, ông Ngu Tăng thường phải bôn ba chẳng nề hà mệt nhọc, tôi biết rõ ông ta chí hướng cao khiết, khá thông hiểu giáo lý. Tôi mến ông ta chịu khổ nhọc

thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người nên mới trình bày những điểm chánh yếu như vậy.

46. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu

Tiên sinh Giang Thận Tu là một bậc đại học giả đời Thanh trước kia, là bậc quân tử hiếu đạo, ẩn tu, ẩn dật ở Vụ Nguyên[116]. Ông bác học đa văn, không sách gì không đọc, với mỗi cuốn đều nắm được chỗ tinh vi, hiểu được cốt lõi sâu thẳm. Chỉ lấy việc giáo dục bậc anh tài làm vui, chẳng màng đến phú quý, danh lợi, hiển đạt. Năm lên sáu tuổi, vừa được đi học, mỗi ngày nhớ được mấy ngàn chữ. Cha thấy con mẫn tiệp lạ lùng, bèn đem toàn bộ Thập Tam Kinh Chú Sớ[117] dạy cho. Từ đấy, tiên sinh chuyên tâm nghiên cứu mấy mươi năm. Phàm những học thuật về kinh sử, tác phẩm của bách gia chư tử, thiên văn, địa lý, âm vận, phiên thiết[118], không gì chẳng dung hội quán thông. Ông bèn tự đặt trách nhiệm dùng trước thuật để nêu tỏ những nghĩa lý

---

[116] Huyện Vụ Nguyên thuộc tỉnh An Huy.

[117] Thập Tam Kinh là mười ba bộ sách trọng yếu của Nho Giáo, tức kinh Dịch, kinh Thư, kinh Thi, Châu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Luận Ngữ, Hiếu Kinh, Nhĩ Nhã và Mạnh Tử.

[118] Phiên thiết: Một lối phiên âm chữ Hán, dùng hai chữ để ghép lại. Chữ thứ nhất diễn tả phụ âm, chữ thứ hai hình dung âm vận. Các từ điển cũ, chẳng hạn như từ điển Khang Hy, thường dùng lối này để mô tả âm đọc, chua thêm một chữ đơn giản nhiều người biết cách đọc để hình dung thanh âm. Chẳng hạn chữ Diễn 演 được từ điển Khang Hy phiên là Dĩ thiển thiết, âm Diễn (以淺切,音衍). Như vậy âm đọc là D + iển, nhưng do hiệp vận với chữ Diễn nên phải đọc thành Diễn. Theo các nhà nghiên cứu, cách phiên thiết này mô phỏng lối ghép chữ cái để ghi âm của tiếng Phạn.

uẩn súc. Những trước tác của ông có đến gần hai mươi thứ, gần đến hai trăm quyển. Những trước thuật của quốc gia và danh nhân khi ấy đa số đều lấy trước tác của ông làm căn cứ. Đến năm Càn Long thứ 37 (1772), lúc đó tiên sinh đã qua đời 11 năm, quốc gia mở ra Tứ Khố Toàn Thư Quán[119], phàm những trước tác của tiên sinh được thâu nhập vào đó tổng cộng là mười ba loại, tức hơn một trăm năm mươi quyển. Ngoài ra, những tác

---

[119] Tứ Khố Toàn Thư là một bộ sách tập thành vĩ đại nhất những tác phẩm đặc sắc nhất trong lịch sử học thuật Trung Quốc, được biên soạn kể từ năm Càn Long 38 (1773), phải mất 9 năm ròng rã mới hoàn thành. Tất cả gồm 3.503 tác phẩm, chia thành 36.304 quyển, gần 320 loại, ước tính đến 800.000 chữ, bao gồm những tác phẩm từ thời Tiên Tần (trước đời Tần Thủy Hoàng) cho đến trước thời Càn Long. Toàn tập được chia thành bốn bộ phận lớn là Kinh, Sử, Tử, Tập (do vậy gọi là Tứ Khố). Ngoài những tác phẩm kinh điển của Nho Gia như Tứ Thư, Ngũ Kinh, còn có những tài liệu vô cùng giá trị như Tư Trị Thông Giám, Thủy Kinh Chú, Quốc Ngữ, Bản Thảo Cương Mục, kể cả những tác phẩm của Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Ấn Độ và các nhà truyền giáo Âu Châu cũng được thu thập. Công việc biên soạn được giao cho một cơ quan mệnh danh là Tứ Khố Toàn Thư Quán, vua sai hoàng tử thứ 15 là Vĩnh Dung làm Tổng Giám Tu, sai quận chúa Vu Mẫn Trung làm Tổng Tài, sai các đại học sĩ, thượng thư, thị lang thuộc sáu bộ làm phó tổng tài. Các học giả nổi tiếng thời ấy như Lục Tích Hùng, Tôn Sĩ Nghị, Đới Chấn, Châu Vĩnh Niên v.v… đều tham gia biên soạn. Số người tham dự chánh thức lên đến 3.600 người, nhân viên sao chép lên đến 3.800 người. Điểm đặc sắc của Tứ Khố Toàn Thư là bao gồm toàn bộ những tác phẩm trọng yếu trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển của thời Minh. Sau khi hoàn thành, sách được chép thành bảy bộ, chia ra cất giữ ở bảy nơi như Văn Uyên Các trong Tử Cấm Thành, Văn Nguyên Các thuộc vườn Viên Minh, Văn Sóc Các thuộc Cố Cung Phụng Thiên, Văn Tông Các thuộc chùa Kim Sơn ở Trấn Giang v.v… Năm Càn Long 52 (1781), vua đọc bộ này, phát hiện có những tác phẩm chê bai Thanh triều, bèn ra lệnh tái thẩm tra Tứ Khố Toàn Thư, bỏ đi 11 bộ sách trong ấy. Năm Gia Khánh thứ 8 (1803), Kỷ Hiểu Lam lại vâng lệnh nhuận sắc, bổ túc sai sót, tạo thành bản hoàn chỉnh. Khi liên quân Anh Pháp tấn công Bắc Kinh năm 1860, vườn Viên Minh bị đốt trụi. Loạn quân Thái Bình Thiên Quốc lại đốt cháy gác Văn Tông, Văn Hội ở Hoa Nam. Như vậy, ba bộ Tứ Khố Toàn Thư bị thiêu hủy. Ngày nay chỉ còn được ba bộ hiện đang lưu giữ tại Đài Bắc Cố Cung Bác Vật Viện (viện Bảo Tàng Cố Cung Đài Bắc), nhưng chỉ có một bộ hoàn chỉnh (theo Wikipedia).

phẩm không được thâu nhập thì được tóm lược nội dung chánh yếu ghi chép trong những sách khác, hoặc được sao chép lại rất nhiều, truyền cho nhau xem, đến nỗi có muốn bị thất lạc cũng chẳng được.

Ôi! Có thể nói tiên sinh là bậc người trời nghiên cứu, công chen tạo hóa vậy. Cùng lý tận tánh, là bậc anh kiệt trong loài người được dự vào hàng thánh vậy. Còn những người như Trịnh Khang Thành đời Hán, Châu Liêm Khê, Thiệu Khang Tiết đời Tống ư? Họ tuy là kẻ bác học đa văn trong cõi đời, nhưng chẳng bàn đến chuyện tận lực thực tiễn tu tập, chỉ lăm lăm dùng từ chương để tiến thân, nghe đến phong cách của tiên sinh há chẳng thẹn đến chết ư? Tiên sinh lại yêu tiếc sanh mạng loài vật, tin sâu nhân quả. Vì thế, đối với thiện báo của việc ăn chay phóng sanh, ác báo của chuyện sát sanh, ăn thịt, bèn ghi lại những gì ông được thấy nghe để khuyên đời. Hậu duệ của ông là cư sĩ Dịch Viên muốn đúc bản kẽm để lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu vãn hồi sát kiếp, nhờ Quang viết lời tựa. Quang tâm như mặt lưng tấm gương, học vấn như nhìn vào tường vách, chỉ học đòi ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, làm sao phát huy được diệu đạo khiến cho những kẻ câu nệ hư giả thấy thấu tột vầng mặt trời để từ đó phát sanh chánh tín đạt lợi ích thật sự cho được? Nhưng việc này liên quan đến kiếp vận, vì nghĩa chẳng thể tạ từ, miễn cưỡng viết lời tựa rằng:

Đại đức của trời đất gọi là Sanh, đại đạo của Như Lai gọi là Từ. Người và loài vật tuy khác, tâm tánh vốn đồng. Như Lai xem khắp tam thừa lục phàm đều như con một. Vì sao vậy? Do họ đều có đủ Phật tánh, đều có

khả năng thành Phật. Hãy gác tam thừa lại đó, lục phàm là trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, tuy cao - thấp khác hẳn nhau, khổ - vui khác biệt vời vợi, nhưng nói chung đều là chưa đoạn Hoặc nghiệp, chưa thoát sanh tử. Phước trời nếu hết ắt phải đọa xuống. Tội địa ngục nếu diệt, ắt phải sanh lên. Giống như bánh xe, xoay vần lên cao xuống thấp! Ta nay may được thân người, lẽ ra phải nên khéo léo lập cách để che chở, thương tiếc sanh mạng loài vật, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, toàn vẹn lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Bởi lẽ các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng được thiên địa sanh thành, dưỡng dục. Lại còn cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết.

Người nhân đối với xương khô còn gom nhặt, đem chôn; đối với thảo mộc còn để mọc dài chẳng chặt, lẽ đâu chịu sướng thích bụng miệng mình, khiến cho các sanh vật sống trên đất dưới nước phải chịu nỗi khổ chặt xẻ, nấu nướng ư? Phải biết: Những loài vật ấy từ vô thỉ đến nay, cũng từng thuộc địa vị cao quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết nhờ oai quyền để vun bồi đức. Trái lại, cậy vào oai quyền để tạo nghiệp! Rốt cục, ác nghiệp tụ tập như rừng, đọa trong dị loại: Miệng chẳng thể nói được, tâm không có trí khôn, thân không tài khéo, phải mắc vào nạn ấy. Tuy kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu về mặt Sự thì được, nhưng oán hận kết lại không thể không tạo thành ý niệm đời đời kiếp kiếp báo oán hay sao? Nếu con người chẳng nghĩ đến nỗi khổ bị giết chóc của loài vật, chẳng lẽ không sợ do oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng nó giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt phước thọ của chính mình ư? Con

người chỉ muốn quyến thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, chính ra phải nên phát tâm đại bi, hành nghiệp phóng sanh, khiến cho thiên địa quỷ thần đều thương xót tấm lòng thành thương yêu loài vật của ta thì những điều mong muốn như trên sẽ có thể đạt được.

Nếu cậy ta có tiền tài, ta có trí lực, bày đủ mọi cách để bắt giữ loài vật cho sướng khoái bụng miệng mình, chẳng đoái hoài nỗi đau của chúng, há còn có thể gọi là con người sánh cùng trời đất thành ba ngôi nữa ư? Nhưng ta cùng chúng nó cùng trong sanh tử, từ vô thỉ đến nay, mỗi một kẻ trong số đó đều là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của ta, ta cũng đều là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của mỗi một con vật ấy. Mỗi một kẻ ấy hoặc trong nhân gian, hoặc trong dị loại từng bị ta giết; ta cũng hoặc trong nhân gian, hoặc trong dị loại từng bị kẻ ấy giết, làm người thân kẻ oán, sanh ra nhau, giết hại lẫn nhau. Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Gấp gáp thay đổi, còn e quá chậm, lẽ nào vẫn cứ giẫm bước theo thói thường, vẫn chấp mê tình, cho là trời sanh ra dị loại vốn để làm thức ăn cho con người hay sao? Ta còn có đủ Hoặc nghiệp, cố nhiên không cách gì thoát ra ngoài luân hồi. Vạn nhất, tội của chúng đã hết, lại được sanh làm con người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân, được thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong kẻ ấy rủ lòng Từ cứu giúp hòng thoát khổ được vui, đích thân chứng được Phật tánh. Há có nên cậy vào sức mạnh nhất thời để rồi bao kiếp không được cứu ư?

Xưa có vị cao tăng, cất chân không đạp trùng kiến, có người hỏi nguyên do, Ngài nói: *"Ta và chúng cùng trong sanh tử, nếu chúng nó thành Phật trước, còn mong chúng rủ lòng Từ cứu ta. Sao dám khinh miệt chúng?"* Do vậy biết: Phật thấy chúng sanh đều là Phật, còn chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Phật coi chúng sanh đều là Phật, nên lắm cách giáo hóa, chỉ dạy, đủ mọi cách chiết phục, nhiếp hóa. Dẫu cho kẻ hoàn toàn chẳng có tín tâm, cũng chẳng buông bỏ, khéo léo vận dụng phương tiện khiến kẻ ấy trồng thiện căn. Đợi khi nhân duyên đã đủ, sẽ tự nhiên phát sanh tăng trưởng, y giáo phụng hành. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh, nên nghe lời Phật chẳng sanh cảm kích; trái lại, còn dùng tri kiến tà vạy, sai lầm của chính mình để hủy báng nhiều lẽ. Thậm chí phá hủy chùa tháp, thiêu đốt kinh điển, cố kết bè đảng ma phá hoại thanh tu. Đến khi chánh trí hơi mở mang có thẹn hối cũng không kịp! Do vậy, bèn lại quy mạng Như Lai, hưng khởi sùng tín Phật pháp. Xưa nay đa phần đều như thế.

Phải biết: Cha mẹ đối với đứa con ngỗ nghịch còn sanh lòng bỏ bê, chứ Phật đối với những phường nghịch ác bất tín càng sanh lòng thương xót. Vì sao vậy? Thương chúng nó Hoặc nghiệp sâu nặng, đánh mất bổn tâm. Tuy hiện thời trái nghịch với Phật, nhưng thiên chân Phật tánh sẵn có vẫn chẳng mảy may bị mất, như tượng vàng trong khuôn cháy, như bảo châu trong áo rách, như gương Tần bị bụi phủ, như ngọc bích núi Kinh[120] còn chưa gọt dũa. Kẻ ngu chỉ thấy tướng trạng

[120] Gương Tần: Tương truyền Tần Thủy Hoàng có một tấm gương báu có thể soi thấu ngũ tạng lục phủ của con người, biết rõ người ấy tà hay chánh. Còn

bề ngoài, chẳng biết nội dung, còn Phật bỏ tướng trạng bề ngoài, bàn đến nội dung, nên không một chúng sanh nào bị bỏ qua. Phật còn chẳng khinh chúng sanh, há chúng sanh có nên khinh chúng sanh chăng? Do vậy, đối với hết thảy những chúng sanh sống trên đất, dưới nước đều phải làm cho chúng được sống yên ổn, thường được bay, chạy, bơi lội trong môi trường sống của chúng, để loài nào loài nấy vui với thiên chân, đều hưởng hết tuổi trời. Như vậy thì những thứ thiện báo được nói trong sách này sẽ đạt được đủ cả. Người như thế, đối với loài vật còn chẳng muốn làm cho chúng nó chẳng được sống yên, huống chi đối với con người? Ắt sẽ thân ái đối với nhau, nâng đỡ lẫn nhau, tự nhiên phong tục tốt đẹp, con người hòa thuận, ắt cảm được mưa thuận gió hòa, lẽ đâu muôn vật chẳng đông đảo, dân sung sướng, thời thế yên lành, đất nước thái bình ư? Lại mong những người cùng hàng với tôi chớ nên tự khinh, hãy nghĩ ta có cùng một tâm tánh với Như Lai; vì sao Ngài Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, an trụ Tịch Quang, thường hưởng pháp lạc? Vì sao ta khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi lục đạo, chẳng có cách gì thoát lìa vậy? Tâm tánh là một, khổ - vui một trời một vực. Nếu nhường cho một mình đức Như Lai thọ dụng công đức của Phật tánh thì có còn được gọi là đại trượng phu nữa hay chăng?

---

ngọc bích núi Kinh chỉ viên ngọc Biện Hòa. Thời Chiến Quốc, Biện Hòa tìm được tảng đá có ngọc từ Kinh Sơn, đem dâng cho vua, nhưng không ai tin tảng đá xù xì ấy có ngọc. Vua cho là khinh quân, truyền chặt một chân. Vẫn cố dâng, bị chặt nốt chân kia. Biện Hòa ôm tảng đá khóc ngoài đồng, có người thương tình tâu lên vua. Vua truyền phá đá, quả nhiên tìm được viên ngọc quý báu vô song. Tương truyền, viên ngọc này về sau được dùng làm ngọc tỷ (ấn ngọc) truyền quốc của Tần Thủy Hoàng.

47. Lời tựa trần thuật duyên khởi của Hạ Môn[121] Phật Kinh Lưu Thông Xứ

Như Lai thuyết pháp đều tùy thuận cơ nghi, với đại căn bèn chỉ thẳng Chân Như diệu tánh, khiến cho họ hiểu rõ diệu tánh viên minh, lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh, thường tịch, thường chiếu, bất sanh, bất diệt, Ngũ Uẩn không, sáu căn thanh tịnh, bốn tướng mất, nhưng nhất tâm hiện bày rành rành. Từ đấy, xứng tánh khởi tu, do tu chứng tánh. Mây phủ cửa Từ, sóng trào biển Hạnh. Dẫu từ bi hạnh nguyện trùm khắp pháp giới, nhưng tam luân thể không, trọn chẳng có những tướng ta - người, năng - sở!

Đối với tiểu căn bèn dạy cho Tam Quy để làm căn bản bỏ tà quy chánh, dạy Ngũ Giới, Thập Thiện để làm nhân được sanh trong trời, người. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, tận lực tuân thủ luân thường, ai nấy tận hết bổn phận. Kiêm thêm kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Đối với kẻ căn khí thù thắng hơn một chút thì bèn dạy cho Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên để họ đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử. Lại vì hết thảy chúng sanh do thân - khẩu - ý khởi lên tham - sân - si, do tham - sân - si tạo giết - trộm - dâm. Do nhân duyên ấy luân hồi lục đạo, giết lẫn nhau, sanh ra nhau đến tột cùng đời

[121] Hạ Môn (còn có tên là Lộ Đảo, thời Tống gọi là Gia Hòa Dự), là một thành phố duyên hải thuộc miền Đông Nam tỉnh Phước Kiến, được hình thành từ năm 712, được coi là một thành phố trọng yếu của vùng Mân Nam.

vị lai trọn chẳng khi nào ngừng nghỉ. Tuy dạy những thừa nhân, thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, nhưng tự lực đoạn Hoặc thật chẳng phải dễ dàng! Huống chi chúng sanh trong đời Mạt căn cơ kém hèn, chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó thể giải thoát. Do vậy, bèn mở riêng một pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới để người đã chứng thánh quả sẽ mau viên mãn Phật quả, người chưa đoạn Hoặc sẽ đới nghiệp vãng sanh. Chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, khẩn thiết chí thành trì danh hiệu Phật, làm được như thế thì vạn người chẳng sót một ai. Như người rớt xuống biển, nương vào sức thuyền cứu, mau lên được bờ; chúng sanh đời Mạt bỏ pháp này muốn thoát sanh tử thì vạn người chẳng được một ai!

Do vậy, biết rằng: Đại pháp của Như Lai vỗ về nuôi nấng quần manh, như trời che phủ khắp, như đất nâng đỡ đồng đều; sâm la vạn tượng không một thứ nào thoát ra ngoài được, không gì chẳng thuộc trong ấy! Như mặt trời, mặt trăng sáng ngời trên không, chiếu khắp muôn nước; tuy kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được quang minh cũng vẫn được chiếu soi. Như mưa đúng thời thấm nhuần trọn khắp muôn cây cỏ: Rễ to, thân lớn, cành nhỏ, lá bé đều cùng tươi tốt. Dẫu là mầm cháy, hạt hư cũng vẫn được bình đẳng thấm nhuần. Như đại hải chứa trọn trăm sông, sông to rạch lớn cũng đổ vào biển, ngòi nhỏ kênh bé, thậm chí một chước, một giọt cũng đổ vào biển. Đã vào trong biển cả thì cùng một vị mặn, cùng một mức sâu rộng như biển cả, đánh mất tên cũ, được mang tên là biển. Do vậy, biết Phật pháp un đúc,

giáo hóa, dạy dỗ trọn chẳng bỏ ai; là cội nguồn của các pháp, làm chỗ nương cậy cho chúng sanh. Hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này.

Những kẻ chấp nhặt, hẹp hòi chẳng biết Phật pháp chính là pháp chung cho cả mười pháp giới, chỉ thấy chuyện bỏ cõi tục đi xuất gia bèn cho là phế bỏ luân lý, đắm chìm trong không tịch, mang lỗi trái nghịch thế giáo. Nào biết Phật pháp như thái hư, không gì chẳng bao dung, như ánh nắng Xuân không gì chẳng sanh trưởng; thánh nhờ vào đây mà thành thánh, hiền nhờ vào đây mà thành hiền. Vì thế, thời cổ những người lập đại công, dựng đại nghiệp, tiếng tăm lừng lẫy trời đất, lòng tinh thành bao trùm nhật nguyệt đều là do học Phật pháp đắc lực mà phát khởi. Ngay như những ông Châu, Trình, Trương, Châu đời Tống nêu tỏ tâm pháp thánh nhân cũng do học Phật mà được. Vì họ khí lượng nhỏ hẹp, kiến chấp môn đình quá nặng nên chẳng những không chịu xiển dương, trái lại còn chê trách, hủy báng, muốn ngăn lấp hàng hậu học đều không thể học Phật pháp. Vì thế, lập cách bịt tai trộm linh, lấy cái hay của người ta lại tự nhận đó là công của chính mình, nói ngược ngạo người ta thua mình, cho nên đối với chuyện chánh tâm thành ý trở thành hẹp hòi, chẳng thể rốt ráo viên mãn, chẳng đáng buồn ư?

Phật pháp truyền vào Trung Quốc gần hai ngàn năm. Trong thời gian ấy, những kinh - luật - luận dịch từ Tây Trúc và những trước thuật về Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh v.v… của cổ đức các tông cõi này mênh mông như

mặt biển tỏa hơi mờ. Tùy theo căn cơ con người gần gũi pháp nào, tùy theo lòng ưa thích của mỗi người mà nghiên cứu: Hoặc nghiên cứu khắp các tông, hoặc chuyên chú nơi một môn. Như bốn cửa thành, gần cửa nào thì vào bằng cửa đó. Cửa vào tuy khác, nhưng vào cùng một thành. Như một giọt nước biển, có đủ vị của trăm sông. Như một hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích hiện bóng một ngàn hạt châu. Thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Đến khi vô minh hết sạch, tịch chiếu viên dung, dứt sạch ba đời, mười giới chìm lỉm, hoàn lại thiên chân vốn có, chứng giác đạo vô thượng. Cố nhiên hạng người như vậy thuộc về hàng thượng thượng căn. Kế đó là những người dứt tham - sân - si, đoạn giết - trộm - dâm, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tích lũy công đức dần dần, tăng trưởng phước huệ, giữ vẹn nhân luân, trọn hết tình nghĩa, yêu thương mọi người, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh, tập thành lòng từ thiện, đối với loài vật còn thương xót, huống chi con người? Thúc đẩy phong hóa ấy đến trọn khắp thế giới, há còn có tâm tàn hại lẫn nhau, tranh giành mưu hại giết chóc, muốn tàn sát chủng tộc người khác hòng vừa ý mình nữa ư?

Lâm Hồng Du, Trần Đắc Lộc thuộc Thái Cát Đường ở Hạ Môn thương cho kiếp vận thê thảm, muốn cứu vãn, muốn cho đồng nhân khai ngộ, nên lưu thông kinh Phật. Phát hành kinh sách theo giá vốn và chi phí chuyên chở, trọn chẳng mong kiếm lời. Muốn mở mang tai mắt cho người nên xin tôi viết lời tựa. Tôi mến lòng thành của họ, bèn thuật đầu đuôi. Phải biết Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo hạ học thượng đạt, là đạo

từ đầu đến cuối đều phải có. Nay người trên không nêu gương, kẻ dưới không giữ pháp, đây - kia tranh chấp đánh nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ mong sao khoái ý mình, chẳng đoái hoài nước nhà diệt vong, dân tình lầm than, đều do chẳng biết nhân quả báo ứng nên tạo thành như vậy. Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Trong đời hiện thời, nếu chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi mà muốn cho thiên hạ thái bình nhân dân an lạc, dù Phật, Tổ, thánh hiền đều xuất thế cũng chẳng làm gì được!

48. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của am Pháp Như

(trích lục phần dẫn nhập)

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, khó bàn, khó nghĩ, không thể diễn tả, không thể hình dung, nếu chỉ luận trên đại cương thì không ra ngoài Nhị Đế. Luận theo Chân Đế thì có Phật hay không Phật, tánh - tướng vẫn thường trụ. Do vậy, viên thông đạo tràng trải trần kiếp chẳng chuyển dời, chẳng biến đổi. Chân Như pháp môn tận cùng kiếp vị lai chẳng suy sụp, chẳng hưng khởi. Luận theo Tục Đế thì pháp theo duyên khởi, đạo do người hoằng. Có được người thì chặt gai, đốn cây để dựng phạm vũ, diệt chốn hoang vu để làm sư lâm (chỗ ở cho tăng chúng), khiến cho Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển. Không có người thì Phật địa trở thành rừng nghiệp, dứt bặt tiếng kinh, nói chuyện cõi trần. Đến nỗi cửa Phổ

Môn đóng chặt, đường giác lấp lối. Tăng và Phật - Pháp gọi là Tam Bảo, là vì việc tiếp nối huệ mạng của Phật, lưu thông pháp đạo, không có người thì không ai noi theo, chỉ có nhờ vào Tăng vậy!

49. Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục

Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh và chư Phật không hai. Tuy đang mê bất giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, tạo đủ mọi tội, nhưng Phật tánh sẵn có vốn không tổn thất. Ví như Ma Ni bảo châu rớt trong nhà xí, trọn chẳng khác gì vật dơ, người ngu chẳng biết là quý báu, bèn coi như uế vật. Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô uế, vào trong nhà xí nhặt lấy, dùng đủ mọi phương cách gột rửa cho sạch. Sau đấy, treo trên tràng[122] cao, châu liền phóng đại quang minh, tùy theo lòng mong cầu của con người mưa khắp các thứ báu. Do vậy, người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn xem các chúng sanh cũng giống như thế: dẫu là kẻ hôn mê, điên đảo, phiền hoặc, tạo đủ Ngũ Nghịch, Thập Ác, vĩnh viễn đọa trong ba ác đạo, tâm Phật vẫn chẳng hề có một niệm buông bỏ, luôn tìm cơ duyên, gia bị âm thầm hoặc hiển nhiên, vì họ thuyết pháp ngõ hầu họ hiểu rõ Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi! Đối với người tội ác cực nặng

---

[122] Tràng (dhvaja) vốn là một loại cờ hiệu dùng để trang nghiêm đạo tràng, có hình ống tròn, chung quanh có tua. Về sau, những trụ cao, có hình ống hoặc hình lục lăng hay bát giác, bốn mặt khắc kinh cũng được gọi là Tràng hay Kinh Tràng. Tràng nói ở đây chính là loại cột trụ cao.

còn như thế, thì đối với người nghiệp nhẹ, người giữ giới thiện, có đầy đủ sức Thiền Định sâu, không một ai chẳng được đối xử như vậy. Phàm trong tam giới, có những người tuy đã thâu liễm được thân tâm, khuất phục được các phiền hoặc, nhưng tình chủng vẫn còn, phước báo một khi đã hết liền đọa xuống cõi dưới, gặp cảnh chạm duyên vẫn khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc nào ngưng; cho nên kinh Pháp Hoa nói: *"Ba cõi không yên ví như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ".* Nếu không phải là nghiệp tận tình không, đoạn Hoặc chứng Chân thì chẳng mong chi thoát khỏi tam giới. Chỉ có mỗi một mình pháp môn Tịnh Độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật liền có thể nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh bèn nhập cảnh giới Phật, thọ dụng như Phật, hai thứ phàm tình lẫn thánh kiến đều chẳng sanh. Chính là pháp môn đặc biệt ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, chẳng sót một ai vậy; đang thời Mạt Pháp, bỏ pháp này thì không còn cách gì khác nữa.

Như Lai dùng tự lực - tha lực, hai thứ pháp môn thông thường và đặc biệt để lợi khắp hết thảy. Bồ Tát gánh vác gia nghiệp của Phật, chỉ chuyên chú thượng cầu hạ hóa. Do vậy, tùy loại hiện thân trong pháp giới mười phương, tùy cơ thuyết pháp, hòa quang đồng sự mới dẫn dắt được. Hoặc ẩn, hoặc hiển, trọn không có tướng nhất định! Có những vị bên trong ẩn thánh đức, bề ngoài hiện dáng vẻ lạ lùng, như: Phật Di Đà hóa làm

Thiện Đạo, Phong Can[123]; Quán Âm hóa làm Bảo Chí[124], Tăng Già[125]; Văn Thù, Phổ Hiền hóa thành Hàn

---

[123] Phong Can là một vị Tăng sống vào thời Đường, giỏi làm thơ, cùng Hàn Sơn và Thập Đắc được gọi là Quốc Thanh Tự Tam Ẩn (ba vị ẩn dật chùa Quốc Thanh). Sư để tóc dài rũ ngang mày, mặc áo vải, thân cao hơn bảy thước (Tàu). Thoạt đầu sống tại chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai, ngày lo giã gạo, đêm ngâm vịnh, nói năng không câu nệ, đa phần thường là những lời huyền ký. Nếu ai tò mò hỏi đến chỉ đáp hai chữ "tùy thời". Sư từng ca hát nghêu ngao, có lần cưỡi hổ chạy vào chùa khiến chúng Tăng kinh sợ. Vào thời Tiên Thiên (712-713), Sư lên Kinh Triệu (Trường An) hoằng hóa, từng trị bệnh cho ông Lư Khưu Dận. Do sự chỉ điểm của Sư, ông Lư từng đến tham phỏng hai vị Hàn Sơn, Thập Đắc. Theo Truyền Đăng Lục, ông Lư tìm đến chùa Quốc Thanh thấy Hàn Sơn, Thập Đắc cười hi hí, lộ vẻ ngây ngô, bất giác phục xuống lễ. Vị Tri Khách tăng kinh ngạc: "Sao đại quan lại lễ hai gã cuồng vậy?" Hàn Sơn nắm tay họ Lư cười hề hề: "Phong Can lắm miệng quá! Lễ ta làm chi!" Nắm một lúc thả ra, rồi Hàn Sơn, Thập Đắc nắm tay nhau chạy ra khỏi cửa chùa, không bao giờ trở lại nữa. Sự tích ghi chép về ngài Phong Can không nhiều, không rõ Sư thị tịch năm nào, hiện chỉ còn mấy bài thuộc tập Phong Can Thi và một số bài thơ chép trong tập Hàn Sơn Thi Tập.

[124] Bảo Chí (418-514), sống vào thời Nam Triều, còn được gọi là Bảo Công hoặc Chí Công hòa thượng. Sư người huyện Kim Thành, Nam Quân, Thiểm Tây, họ là Châu. Xuất gia từ nhỏ, theo ngài Tăng Kiệm tu tập Thiền Định. Vào niên hiệu Thái Thủy (466-471) đời Lưu Tống, Sư đến Đô Ấp, không ở nơi nào nhất định, thường hay nói thơ, có những lời lẽ tựa hồ sấm ký. Dân chúng chen nhau đến hỏi việc họa phước. Tề Vũ Đế cho là Sư mê hoặc quần chúng nên bắt giam, nhưng cứ thấy Sư ngày ngày rong chơi ngoài phố. Vào trong ngục xem vẫn thấy Sư nằm đó. Vua nghe vậy, bèn đón vào vườn hoa cho ở trong ấy, cấm không được ra; nhưng vẫn thấy Sư hằng ngày dạo khắp các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v… Đến khi Lương Võ Đế sáng lập triều đại, mới bỏ lệnh giam. Sư thường luận Phật pháp rất nhiều với vua. Sư thị tịch tháng Chạp năm Thiên Giám 13, thọ 96 tuổi. Vua sai an táng tại đồi Độc Long thuộc Chung Sơn, dựng chùa Khai Thiện cạnh mộ tháp, ban thụy hiệu là Quảng Tế đại sư. Các đời vua về sau đều phong tặng thụy hiệu như Diệu Giác đại sư, Đạo Lâm Chân Giác Bồ Tát, Từ Ứng Huệ Cảm đại sư v.v… Căn cứ trên những ghi chép về những pháp ngữ của Sư, sách Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải kết luận ý chỉ của Sư ngầm hợp tông chỉ nhà Thiền. Sư cũng là người chủ biên công việc biên soạn bộ sám đồ sộ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (thường gọi là Lương Hoàng Sám).

[125] Tăng Già (628-710), sống vào thời Đường, vốn là người xứ Bắc Hà, Thông Lãnh, Tây Vực. Trong niên hiệu Long Sóc (661-663), Sư đến Tây Kinh, đi khắp các miền Giang Hoài, rồi trụ tại chùa Long Hưng ở Sở Châu. Về sau Sư

Sơn, Thập Đắc[126]; Di Lặc hóa thành Bố Đại hòa thượng. Ngôn hạnh của họ phàm tình chẳng thể lường được, mờ

---

tìm được một tượng Phật vàng ở huyện Lâm Hoài thuộc Tứ Châu (nay thuộc tỉnh An Huy), trên tượng có bài minh Cổ Hương Tích và bài minh Phổ Chiếu Vương Phật, bèn lập chùa Lâm Hoài để thờ. Sư thường biến hiện những tướng thần dị, chẳng hạn như hiện thân Quán Âm mười một mặt. Người đời kính ngưỡng, gọi là hóa thân của Quán Âm Đại Sĩ. Năm Cảnh Long thứ hai (708) thời Đường Trung Tông, Sư vâng chiếu vào cung giảng pháp, được tôn làm Quốc Sư. Chẳng lâu sau, tại chùa Tiến Phước, Sư trị bệnh, cầu mưa linh nghiệm, nên chùa Lâm Hoài được sắc tứ biển ngạch "Phổ Quang Vương Tự". Ngày mồng Hai tháng Ba năm Cảnh Long thứ tư, Sư thị tịch tại chùa Tiến Phước, thọ 83 tuổi.

[126] Hàn Sơn: Ẩn sĩ đời Đường, sống trong hang tối ở rặng Hàn Nham cách núi Thiên Thai của tỉnh Chiết Giang 14 dặm, không ai rõ họ tên Ngài nên gọi theo chỗ ở thành tên Hàn Sơn. Hàn Sơn thường đến chùa Quốc Thanh bầu bạn với sư Thập Đắc. Sư Thập Đắc trông nom trai đường chùa này. Cơm thừa thức ăn dư của đại chúng bỏ lại, sư Thập Đắc thâu thập, đựng trong một cái giỏ trúc đợi Hàn Sơn đến cùng ăn. Hàn Sơn hình dung xốc xếch, dáng vẻ điên rồ. Đến chùa Quốc Thanh có lúc đi thong dong, có khi chạy đuổi người, có lúc ngửa mặt lên không quát mắng. Tăng chúng bực bội, ùa ra xua đuổi, bèn uốn mình vỗ tay, cười ha hả bỏ chạy. Ngài mặc áo rách nát, hình dung tiều tụy, lấy vỏ cây làm mũ, chân đi guốc gỗ to. Thích ngâm thơ xướng kệ, lời lẽ ngập tràn đạo vị. Khi thứ sử Thai Châu là Lư Khưu Dận đến bái phỏng, ngài cùng sư Thập Đắc bỏ trốn. Lư đuổi theo đến Hàn Nham tặng quần áo, thuốc men. Ngài hét to: "Giặc! Giặc! Ta trốn giặc!" Rồi ẩn mình vào hang, lại nói: "Báo với các ông, hãy nên nỗ lực!" Hang đá bèn tự đóng kín lại, không còn thấy dấu tích chi nữa. Sư Đạo Kiều tìm những di vật của Ngài chỉ tìm được hơn một trăm bài thi tụng, bèn sao chép, ấn hành đặt tên là Hàn Sơn Thi. Theo truyền thuyết, các vị Linh Sơn Quy Hựu, Triệu Châu Tùng Thẩm đều đã từng đàm luận Phật pháp với ngài Hàn Sơn.

Như trên đã nói, ngài Thập Đắc là một vị ẩn tăng trông coi trai đường chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai vào đời Đường, không tường nguyên quán, họ tên. Ban đầu, hòa thượng Phong Can trên đường đi Xích Thành gặp một đứa trẻ bị bỏ rơi bèn đem về Quốc Thanh nuôi dưỡng, đặt tên là Thập Đắc (nhặt được). Đến lớn, sai trông coi hương đăng. Một ngày nọ, Sư lên tòa ngồi đối diện tượng Phật ăn uống như bè bạn, gọi Kiều Trần Như là tiểu quả Thanh Văn, coi như chỗ không người, Tăng chúng xua đuổi, bãi chức Hương Đăng, đuổi xuống trông coi trù phòng. Bình thường, Sư luôn làm ra vẻ điên cuồng, chia cơm thừa canh cặn cùng Hàn Sơn. Trong chùa có miếu thờ thần bảo vệ Già Lam, mỗi ngày cúng chim cho thần làm thức ăn. Thập Đắc bèn dùng gậy đánh tượng thần: "Ngươi chỉ biết ăn, không biết có bảo vệ, giữ yên cho chùa

mịt chẳng biết họ là hạng người như thế nào! Đến lúc lâm chung mới phát lộ, hoặc do chết đi, khám nghiệm mới biết rõ được! Cũng có vị vừa ẩn vừa hiển, chỉ bày rõ cả Bổn lẫn Tích, như Di Lặc hóa thành Phó Đại Sĩ vậy. Có lúc Ngài dựa theo Tích, ẩn Bổn, tự bảo mình là phàm phu. Có lúc dựa theo Bổn, ẩn Tích, như tự xưng là Di Lặc. Ấy là vì tâm lượng của chúng sanh quá hẹp nhỏ, nếu chẳng phải là kẻ có chút sở đắc bèn lầm tưởng mình đã dự vào hàng thánh thì cũng là kẻ đề cao thánh cảnh, nhưng cam phận phàm ngu! Do vậy, Đại Sĩ lấy thân mình làm gương, khiến cho họ biết Ngài đã chứng Đẳng Giác nhưng vẫn tự bảo là phàm phu thì những kẻ lầm lạc tự tưởng mình cao quý cũng như kẻ cam phận phàm ngu đều được tỉnh ngộ mạnh mẽ.

Những chuyện Đại Sĩ đã làm, những pháp Ngài nói trong suốt một đời tuy đều trực chỉ hướng thượng, nhưng vẫn chẳng bỏ sót một điều lành nào. Lục Độ đều tu, chẳng chấp một pháp. Còn như những vị đệ tử học pháp với Ngài, không ai chẳng khế nhập chân thường sâu xa, nhanh chóng hiểu Uẩn, Giới là không, bỏ thân mạng, của cải để làm đại pháp thí. Vì thế, đạo lừng lẫy cả hai triều, đức đượm đời sau. Mãi đến ngày nay, cả

---

hay không?” Tối ấy, thần báo mộng cho toàn thể Tăng chúng trong chùa: “Thập Đắc đánh ta!” Sáng ra, cả chùa kể chuyện nằm mộng giống nhau, mới biết Thập Đắc không phải là người thường.Trong lúc Tăng chúng tụ tập bố-tát (tụng giới), Thập Đắc xua trâu chạy vào Tăng đường, nói: *“Ta không thả trâu. Bầy trâu này đa số là người giữ chức tước trong chùa này”*. Rồi gọi pháp danh những vị Tăng đã mất, gọi tên nào, con trâu ấy theo tiếng gọi ngoan ngoãn đi đến. Cả chùa sững sờ. Đời Thanh, năm Ung Chánh 11 (1733), vua phong tặng Hàn Sơn là Hòa Thánh, Thập Đắc là Hợp Thánh. Tục gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh, dân chúng hay tạc tượng hai vị để cầu may. Người Âu Mỹ thường dịch sai thành Ho Ho Brothers.

một ngàn mấy trăm năm, bất cứ ai thấy nghe đều gieo thiện căn. Chùa Song Lâm ở Nghĩa Ô[127] chính là nơi Đại Sĩ tiềm tu, hãy còn bản khắc ván truyện lục, tuy được sao chép, in khắc nhiều lần, nhưng chưa từng được người mắt sáng giảo đính đến nỗi sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể!

Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa đến Song Lâm lễ yết Đại Sĩ, mang về sách ấy, liền muốn in lại để truyền rộng đạo của Đại Sĩ, xin Quang giảo đính ngõ hầu trừ hết những lỗi tệ, hiển hiện trọn vẹn thiên chân. Quang gắng dốc hết lòng ngu thành, lắng lòng giảo đính, sửa chữa. Tuy chưa thể chẳng sót lỗi nào, nhưng đã có thể hoàn lại diện mục sẵn có của sách ấy rồi. Ngọc Tiên lại cho rằng bi ký của Đại Sĩ văn sâu nghĩa thẳm, nếu không chú thích thật khó dẫn người nhập vào chỗ thù thắng, khơi gợi lòng kính ngưỡng cho người khác, bèn xin cư sĩ Hoàng Vô Ngôn chú thích cặn kẽ, ngõ hầu dù văn hay nghĩa đều [rõ ràng] như các đường chỉ trong lòng bàn tay để người đọc chẳng tốn công suy nghĩ, tìm tòi, đều biết được sự - lý, bổn - tích của Đại Sĩ, để làm hướng dẫn hầu được độ thoát trong ba hội Long Hoa[128] vậy.

---

[127] Chùa Song Lâm ở núi Vân Hoành, huyện Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang. Do trước chùa có hai cây to dính nhau nên gọi như vậy, về sau chùa được đổi tên là Bảo Lâm Tự, nhưng dân gian vẫn quen gọi là chùa Song Lâm.

[128] Khi Bồ Tát Di Lặc thành Phật, Ngài thành đạo dưới cội Bồ Đề. Cây ấy có những nhánh cây trông giống hình dáng con rồng phun ra những đóa hoa nên gọi là cây Long Hoa. Ngài sẽ thuyết pháp trong ba hội độ vô lượng chúng sanh nên gọi là Long Hoa Tam Hội.

50. Lời tựa khắc lại cuốn Quán Hà Tập

Tâm chính là gốc của các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu triệt ngộ tự tâm thì thấy hết thảy pháp đều lưu lộ từ tự tâm, thấy hết thảy những cảnh giới biến diệt, đổi dời đều là Thật Tướng Chân Như tịch diệt thường trụ. Kinh Lăng Nghiêm có nói đến chuyện thấy con sông chẳng phân biệt trẻ - già[129], ngài Tăng Triệu nói *"gió lốc xoáy núi nhưng núi bất động, sông rạch chen nhau rót vào nhưng [núi] chẳng bị cuốn đi"*, đều nhằm chỉ bày ý chỉ nhỏ nhiệm *"từ ngay nơi sanh diệt thấy được chân thường"* vậy! Nếu hiểu được điều này thì có thể gọi là hạng phàm phu đã liễu sự, là người tu đạt được cái gốc. Dẫu cho cười chê, hay nóng giận, chửi bới đều có thể tháo niêm cởi trói cho người, khiến người ta khởi tử hồi sanh; cần gì phải lên tòa giảng nghĩa mới là thuyết pháp ư? Khổng Tử nói: *"Hai ba người các anh cho là ta có giấu diếm gì chăng? Ta không giấu gì cả! Ta không làm chuyện gì mà chẳng chỉ dạy hai ba anh cả, đấy chính là bản tánh của Khâu này!"*[130]

Đạo của thánh nhân ví như ánh dương xuân. Ánh dương xuân chiếu xuống thì cây to, cỏ nhỏ không gì

---

[129] Kinh Lăng Nghiêm có chỗ giảng về cái thấy: Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: "Khi còn là đứa trẻ vua thấy sông Hằng và nay đã già nhìn lại sông Hằng thì hai cái thấy ấy có khác nhau hay không?" Nhân đó, Phật giảng thân tuy biến đổi, nhưng cái thấy không khác. Cái Thấy ấy chính là tác dụng của chân tâm.

[130] Nguyên văn: *"Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ! Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã!"* Chúng tôi dịch câu này theo sự giải thích của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải, thiên Thuật Nhi, sách Luận Ngữ, trang 185.

chẳng sum suê, tốt tươi. Dẫu cho mầm cháy, hạt hư chẳng thể sanh thành, nhưng cũng chưa từng không được hưởng sự ấm áp để được nhuận trạch vậy! Người căn tánh thiên bẩm sâu xa thấy những điều cao dày trước sau chẳng thể mô phỏng, rộng lớn tinh vi, chẳng thể nghĩ lường, thật ra chẳng có gì lạ lùng, đặc biệt, chẳng qua chỉ là những chuyện nói năng, xử sự hằng ngày mà thôi. Tâm này mầu nhiệm, phàm - thánh giống nhau, Như Lai viên mãn Bồ Đề, chúng sanh vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo, đều chẳng lìa khỏi tâm này. Chỉ do nhân duyên mê - ngộ, nghịch - thuận mà đến nỗi khổ - vui, thăng - trầm khác nhau như trời với vực.

Cư sĩ Bành Tế Thanh ở Trường Châu[131] túc căn sâu dầy, học vấn uyên bác, vừa đậu Tiến Sĩ bèn ngộ khổ, không, thấy phú quý như mây nổi, chẳng thích làm quan, thấu hiểu thật tế của tâm tánh bèn tận lực tu Tịnh nghiệp, hết sức muốn phổ độ kẻ mê bèn hòa quang đồng sự, cho nên có những trước tác tự thuật bổn hoài, kỷ sự[132], xướng họa, tuy thuộc văn tự, nhưng quả thực chứa đựng nỗi lòng sâu xa. Ý niệm yên đời, làm cho dân chúng lương thiện, hướng dẫn kẻ mê, tuyên nói lẽ chân được lộ rõ trong những lúc ngâm vịnh tùy dịp, tùy cảnh. Có thể nói: *"Chẳng có địa vị mà thực hiện việc cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp"* vậy! Thâu thập những trước tác, chia thành bốn quyển, đặt tên là Quán Hà Tập. Ấy chính là lấy từ ý nghĩa *"từ việc nhìn con sông, nghiệm ra cái Thấy chẳng thay đổi"* của kinh Lăng Nghiêm vậy. Lại mong những ai xem tập sách này

---

[131] Nay là Ngô Huyện thuộc tỉnh Giang Tô.
[132] Kỷ sự: Thể loại văn chương ghi chép những sự việc.

chớ suy lường nơi nghĩa lý văn tự, chỉ nên nhìn vào sự quán. Quán đã thấu tỏ thì sông chẳng thay đổi! Đấy chính là ý nghĩa tổng quát của cái tên ông Bành đã đặt.

Ông Lưu Triều Thị thấy sách này có ích cho đời, bèn khắc in lưu thông, thật là nghĩa cử thù thắng tạo phương tiện dẫn dạy vậy. Ông nhờ tôi viết lời tựa. Tôi mong những ai xem đến thơ ông Bành thì trước hết sẽ học theo đạo của ông Bành, đạo ấy ra sao? Là diệu ngộ tự tâm, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương mà thôi! Nếu lãnh ngộ được điều này thì mười phương thế giới sâm la vạn tượng đều hiện thành bài thơ mới. Nếu không, dẫu cho thanh vận véo von, câu chữ đối nhau khít khao, vẫn chẳng có mảy may nguyên khí nào. Như gương vẽ trên vách, như hoa cắt từ lụa, hình tạm cho là giống, nhưng muốn cho nó hiện tướng sáng, tỏa mùi thơm thì nhất quyết chẳng thể được!

51. Lời tựa lưu thông bản thạch ấn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh

Bản thể của Pháp Thân hoàn toàn rời khỏi danh tướng, chân cảnh Tịch Quang chẳng thuộc Căn - Trần, chẳng phải có, chẳng phải không, Ngũ Nhãn[133] chẳng thể thấy được, chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, Tứ Trí[134] lấy gì để tuyên nói. Tịch - chiếu trống rỗng, thông suốt, Chân Như tịnh diệu; vạn đức trọn đủ, không pháp gì chẳng hiển hiện. Phật thường trụ nơi thanh tịnh còn

[133] Ngũ Nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn và Phật nhãn.
[134] Tứ Trí: Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí, Bình Đẳng Tánh Trí và Đại Viên Kính Trí.

chẳng thể diễn nói, chúng sanh luân hồi trong nhơ uế há lập được ư? Đây thật sự là lý thể sẵn có của chúng sanh và Phật, là nguồn pháp của Vô Thượng Bồ Đề vậy. Lý này chúng sanh và Phật bình đẳng, không có cao - thấp. Nhưng do chúng sanh đang mê, tuy sử dụng thường ngày nhưng chẳng biết, tuy có đủ Pháp Thân lại lầm lạc chịu sanh tử, tuy ở trong Tịch Quang, lại lầm thấy là uế ác. Do vậy, Như Lai rủ lòng Từ rộng nói các kinh, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh phản vọng quy chân, khôi phục tâm tánh vốn có.

Nhưng tự lực đoạn Hoặc, chứng đạo trong đời này thì hàng trung hạ căn không cách gì thành tựu được. Do vậy, có bậc đại sĩ tên là A Xà Thế, vận lòng đại từ bi, muốn cho đức Phật khai thị đại pháp môn đặc biệt, lạ lùng chẳng thể nghĩ bàn là pháp *"cậy vào Phật từ lực, bỏ uế lấy tịnh, khiến cho khắp những căn thượng trung hạ đều được lâm chung vãng sanh";* cho nên Ngài đặc biệt thị hiện hạnh xấu ác, làm chuyện đại ác nghịch: giam cha, nhốt mẹ để làm duyên phát khởi, ngõ hầu mẹ Ngài là bà Vi Đề Hy thỉnh Phật giáng lâm, nguyện lìa Sa Bà, nguyện sanh Tịnh Độ. Khi ấy, đức Thế Tôn phóng hào quang từ giữa chặn mày, hiện đủ mọi cõi Phật tịnh diệu. Bà mẹ chỉ nguyện sanh về cõi Cực Lạc, lại thỉnh cầu phương pháp để giúp chúng sanh được sanh về cõi ấy. Bởi thế, đức Như Lai nói ra mười sáu phép diệu quán y báo, chánh báo, những ai có thể y theo lời dạy tu hành, không một ai chẳng được mãn nguyện. Chẳng những thiện nhân được như thế, dù là kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, được tri thức dạy niệm danh hiệu Phật hoặc đủ

mười tiếng hoặc chỉ một tiếng cũng được nhờ Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Thật có thể nói là ống thổi lò lớn (ống bễ trong lò rèn) để chuyển phàm thành thánh, là đại pháp môn phô bày bổn hoài của Phật, có lực dụng vượt trội mọi giáo pháp trong cả một đời đức Phật.

Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì bao nhiêu chúng sanh trong đời Mạt Pháp ai có thể thoát lìa được biển khổ? Do vậy, biết Thích Ca, Di Đà nương đại nguyện luân, khởi lòng Từ vận tâm Bi độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sống trong cõi uế, dùng uế, dùng khổ để chiết phục, đưa đi; một vị thị hiện sống trong cõi tịnh, lấy tịnh, lấy vui để nhiếp thọ, un đúc; còn vua A Xà Thế giúp sức tán trợ, riêng hiện tướng ác nghịch hòng thành tựu lòng chán lìa; cùng với đức Thế Tôn hai cõi, đe và búa thành toàn cho nhau[135]. Một nghịch, một thuận, là hóa nghi (phương thức giáo hóa) rốt ráo để chúng sanh đời Mạt rốt ráo đắc độ. Lợi ích ấy khó thể tán dương trọn hết. Làm chuyện phi đạo nhưng thông đạt Phật pháp, nếu chẳng phải là bậc đã chứng Pháp Thân từ lâu, ai có thể làm được?

Kinh này lấy *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chúng sanh và Phật rốt ráo chẳng hai"* làm Thể. Nếu ai có thể tin tưởng ngay nơi đây thì người ấy tuy chưa ra khỏi Sa Bà nhưng đã không còn là khách trọ lâu ngày trong Sa Bà nữa, chưa sanh về Cực Lạc mà đã là khách

[135] Ở đây, Tổ dùng hình ảnh lò rèn để ví cho pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ như cái ống bễ lớn thổi cho phiền não tan chảy. Rồi tâm tánh ấy lại được rèn cặp, như sắt nóng được đặt trên đe, dùng búa đập để rèn thành vật dụng. Hoặc cũng có thể hiểu là vua A Xà Thế và hai đức Thế Tôn kẻ tung người hứng để pháp này có dịp triển khai.

quý của Cực Lạc. Cư sĩ Trí Hải Lưu Triều Thị xưa có linh căn, dốc sức tu Tịnh nghiệp, nhân đọc kinh này, động lòng hiếu thuận, nghĩ mẹ mình là bà phu nhân họ Trương thủ tiết nuôi con côi, thờ bố mẹ chồng trọn hiếu, đức sáng nữ giới, làm gương cho hàng khuê các. Bà cụ dốc lòng tin nhân quả, giữ Thập Trai lâu ngày, chánh nhân Tịnh nghiệp đã khá đầy đủ, tiếc là sanh lòng tin phát nguyện chuyên trì Phật hiệu để cầu vãng sanh chưa đến mức dốc hết sức lực. Do vậy, ông Lưu bèn phát tâm lưu truyền kinh này.

Cư sĩ Đào Ngọc Canh bút pháp siêu diệu, có thể bén gót họ Chung, họ Vương[136]; nhân đó, bèn nhờ ông ta cung kính viết kinh để in thạch ấn thí tặng, khiến cho khắp mọi người thấy nghe cùng gieo tịnh nhân. Do công đức này khiến cho thần thức của mẹ được siêu tịnh vực, nghiệp từ tạ trần lao, sen chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký ngay trong một đời. Phải biết kinh này và hai kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ chính là pháp môn được đặc biệt lập ngoài những giáo lý thông thường trong cả một đời giáo hóa của Như Lai, như thuốc A Già Đà trị đủ vạn bệnh. Vì thế, bất luận nghiệp nặng hay nhẹ, Hoặc (phiền não) dầy hay mỏng, chỉ cần tín nguyện niệm Phật thì không một ai chẳng được vãng sanh, như châu Ma Ni tùy ý tuôn các báu. Do vậy, chỉ cần nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đợi đến khi nghiệp tận tình không, tâm lẫn Phật cùng mất thì hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng dung hội, quán thông nơi tự tâm. Pháp môn Tịnh Độ mầu

---

[136] Chung là Chung Dao, Vương là Vương Hy Chi, đều là những nhà đại thư pháp thời Tấn.

nhiệm như thế đó! Những ai trên muốn siêu độ những bậc trưởng thượng đã mất, dưới tế độ mọi phẩm, khiến cho hết thảy mọi người chẳng phế bổn phận, chức nghiệp, ai nấy được thoát ly sanh tử luân hồi ngay trong đời này thì sao không gấp gáp theo đuổi pháp môn này?

52. Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo

Phật Quang là Trí Thể sẵn có ngay trong tự tâm của phàm - thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Thể ấy linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủy, vô chung, dọc thì suốt khắp ba đời nhưng ba đời do đây dứt bặt, ngang thì trọn khắp mười phương nhưng mười phương do đây tiêu mất. Được gọi là Không nhưng vạn đức trọn bày. Gọi là Có nhưng mảy trần chẳng lập. Chính là hết thảy pháp, nhưng lìa hết thảy tướng, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Tuy Ngũ Nhãn chẳng thể thấy được, Tứ Biện[137] chẳng thể tuyên thuyết, nhưng pháp gì cũng phải nhờ vào sức nó, đâu đâu cũng gặp gỡ. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng những không thể thọ dụng được, trái lại còn nương theo sức chẳng thể nghĩ bàn này để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp chuốc khổ, khiến phải sanh tử luân hồi trọn chẳng khi nào hết. Đem chân tâm thường trụ thọ lấy huyễn báo sanh diệt, ví như người say thấy nhà xoay, nhà thật sự chẳng xoay. Kẻ

---

[137] Biện Tài là biện luận khéo léo, tức tài năng thuyết pháp khéo léo. Tứ Biện tức Tứ Biện Tài, còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài, tức Pháp Vô Ngại Biện Tài, Nghĩa Vô Ngại Biện Tài, Từ Vô Ngại Biện Tài, Biện Vô Ngại Biện Tài. Bốn thứ này còn được gọi là Tứ Vô Ngại Giải, Tứ Vô Ngại Trí.

mê cho là phương hướng chuyển dời, phương hướng quả thật chẳng động. Hoàn toàn do vọng nghiệp biến hiện, trọn chẳng có thật pháp nào để đạt được!

Do vậy, khi đức Thích Ca Thế Tôn ta thị hiện thành Phật đạo, triệt chứng Phật quang, bèn than: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền".* Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh. Do vọng nên có sanh, do sanh nên có diệt. "Sanh - diệt" gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đấy gọi là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Như Lai".* Hai thứ danh hiệu này được dùng thay cho nhau. Ngài Bàn Sơn[138] nói: *"Tâm nguyệt riêng tròn, ánh sáng phủ trùm muôn hình tượng. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm - cảnh đều mất, nào còn có vật gì?"* Ngài Quy Sơn nói: *"Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi Căn Trần. Thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm chính là Như Như Phật".*

Do vậy, biết: Mọi thứ ngôn giáo của Phật, Tổ, không gì chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê về ngộ, khôi phục cái nguồn, hoàn lại cái cội mà thôi! Nhưng chúng sanh căn

---

[138] Bàn Sơn Bảo Tích là đệ tử nối pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, sanh vào thời Đường, sống tại Bàn Sơn thuộc U Châu (Hà Bắc), tuyên dương Tông phong, nên có hiệu là Bàn Sơn Bảo Tích. Không rõ năm sanh và năm mất, thụy hiệu là Ngưng Tịch Đại Sư.

cơ có cạn - sâu, mê có dầy - mỏng, chẳng nhờ vào đủ mọi ngôn giáo chỉ dạy, đủ mọi pháp môn đối trị thì mây mê ngăn chướng tánh không, biết nhờ vào đâu để mỗi người đều thấy thấu suốt vầng tâm nguyệt cho được? Do vậy, lúc đức Như Lai mới thành đạo diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm, liền bàn thẳng vào đại pháp vượt ngoài pháp giới, chẳng phải là pháp mà hàng Quyền - Tiểu có thể dự phần được, ngõ hầu những hàng đại căn cơ túc căn đã chín muồi cùng được chứng chân thường, sanh lên ngay bờ giác. Lại vì hàng độn căn chúng sanh chưa được lợi ích, Phật bèn dần dần khéo léo khuyên dụ, tùy thuận căn cơ diễn thuyết: Hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện đưa họ vào hai thừa Nhân - Thiên khiến cho họ gieo nhân thù thắng tiến vào Phật đạo, hoặc dùng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ vạn hạnh đưa vào ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khiến cho họ có được cận duyên chứng Phật đạo. Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không thời nào chẳng thuận theo căn tánh để tuyên nói khiến cho chúng sanh dần dần tiến lên, theo đường về nhà, nhưng bản hoài của Phật vẫn còn ẩn kín chưa nói. Đến hội Pháp Hoa, khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn, Nhân - Thiên - Quyền - Tiểu đều là Nhất Thừa. Người khách coi mình là kẻ hèn, thật sự là con ông trưởng giả. Thọ ký cho khắp ba căn, phô bày thông suốt lớn lao bổn hoài, cùng với hội Hoa Nghiêm ban đầu, đầu và cuối soi rọi lẫn nhau. Có thể nói là *"một đại sự nhân duyên đã được giao phó toàn thể, trọn chẳng còn giấu diếm điều gì!"* Lại do chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, việc đoạn Hoặc chứng Chân thật hiếm có người. Do vậy, đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, để thượng - trung - hạ

căn dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này thoát khỏi Sa Bà sanh sang Cực Lạc, dần dần chứng được quang minh thọ mạng vô lượng. Lòng từ bi sâu xa lớn lao ấy thật là cùng cực không còn gì hơn được nữa!

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy chuyên chú một môn, hoặc Thiền, hoặc Giảng, hoặc Luật, hoặc Mật, như bốn cửa thành gần cửa nào bèn vào cửa nấy. Như vạn món thuốc, thuốc nào trị đúng bệnh bèn uống. Như những chức vụ trong các ty thuộc các bộ, giúp đỡ nhau hoàn thành công việc hành chánh. Như sáu căn hỗ trợ nhau, phụ trợ cho một thân. Tuy mỗi người đề cao một pháp, nhưng thật ra pháp nào cũng đều thông, pháp nào cũng đều trọn vẹn; chẳng qua từ chỗ thực hành mà nói thì mới có những tên gọi như vậy. Còn như một pháp Tịnh Độ thì giống như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, như Ma Ni bảo châu tùy ý tuôn các thứ báu. Nếu có thể thâu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, sẽ đắc Tam Ma Địa, tự chứng Viên Thông, hết thảy công đức, hà sa diệu nghĩa, chẳng nhọc lòng cầu bên ngoài, đều hiện nơi tự tâm. Đó là vì dùng Quả Địa Giác (sự giác ngộ nơi chứng quả) làm Nhân Địa Tâm (cái tâm khi tu nhân); đến mức cùng cực thì Nhân trùm biển Quả, Quả thấu tột nguồn Nhân. Sự mầu nhiệm của pháp môn này dù hết cả kiếp vẫn khó tuyên thuyết, ai gặp được thì còn may mắn nào hơn?

Hòa thượng Khả Đoan chùa Trường Sanh ở Duy Dương xưa đã trồng cội đức, tham cứu Thiền - Giảng đã lâu. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), do sư Tánh Liên thoái ẩn, giao cho hòa thượng làm Trụ Trì. Nhân đó, nghĩ kinh Hoa Nghiêm chính là căn bản pháp luân của

Như Lai, bèn tận lực diễn giảng, ngõ hầu hết thảy chúng sanh dù u hay hiển[139], đều cùng phát khởi thiện căn Nhất Thừa. Phải mất cả ba năm mới giảng hết bộ kinh, nhưng hàng cư sĩ hộ pháp cảm lòng chí thành của Sư, lại xin tiếp tục giảng hòng bồi dưỡng nhân tài. Nhân đấy, Sư mở Hoa Nghiêm đại học viện, hạn định số học sinh là bốn mươi tám người. Lại nghĩ đoạn quang minh chẳng thể nghĩ bàn này chiếu khắp pháp giới, cố nhiên là do sức thần thông đạo lực, là phước huệ trang nghiêm của Như Lai, nhưng quang minh này ai nấy đều có, chẳng ai là không. Tuy vậy, [giống như] hạt châu trong chéo áo, tượng trong khuôn, người hiểu được Bổn tuy có, nhưng kẻ chấp vào Tích thật nhiều. Nỡ nào để cho những người cùng có quang minh này phần nhiều ở mãi trong nhà tối, chẳng thụ dụng được; trái lại, còn biến ánh sáng chân thường viên mãn chiếu khắp pháp giới chẳng thể nghĩ bàn này thành cội gốc để kết nghiệp sanh tử ư?

Do vậy, Sư tính mỗi tháng ra một lần báo, đặt tên là Phật Quang. Do nhất niệm tâm tánh, Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như[140], nên phàm là nhân duyên ban bố giáo hóa của Như Lai, thật tế của tâm tánh chân thường, nhân quả, Ngũ Giới, Thập Thiện, sự cảm ứng của việc kiêng giết, phóng sanh, thiện hạnh thế

---

[139] U là quỷ thần, hoặc những người đang đọa lạc trong ác đạo. Hiển là người đang sống trong thế gian.

[140] Như có nghĩa là thường hằng, không biến đổi. Câu này không thể dịch cho gọn nên giữ nguyên tiếng Hán. Ý nói: Nhất niệm tâm tánh nơi Phật thường hằng, nơi chúng sanh cũng thường hằng, tâm tánh của chúng sanh và Phật giống hệt nhau, bình đẳng, không sai khác. Giống hệt nhau không sai khác nên gọi là "nhất như vô nhị như".

gian, Tịnh nghiệp xuất thế, nỗi khổ luân hồi sanh tử, báo ứng nhân quả nhỏ nhiệm, cũng như lời hay hạnh đẹp, trước thuật, bài giảng của bậc cao nhân triết sĩ đều được tùy duyên ghi chép để giúp cho [người đọc] quán cảm. Tuy là Chân - Tục cùng diễn nói, nhưng sâu - cạn đều đầy đủ, lời thô lẽ tế đều quy về Đệ Nhất Nghĩa. Do vậy, người nhân trông thấy cho là Nhân, người trí trông thấy cho là Trí, lấy đó làm hướng dẫn ban đầu để bước vào cảnh giới Phật, là duyên thù thắng để mở rộng tâm quang.

Nếu người đọc biết được tự tâm vốn là Phật tâm, liền biết Phật quang chính là tâm quang. Nhưng tâm quang này tịch - chiếu viên dung, tịch nhưng thường chiếu, nên là vô lượng quang; chiếu nhưng thường tịch nên là vô lượng thọ. Lý thể của vô lượng quang thọ hết thảy mọi người đều có. Muốn thật sự chứng vô lượng quang thọ thì phải đợi đến khi vãng sanh Tây Phương gặp mặt Di Đà, được Phật thọ ký, viên mãn Bồ Đề xong rồi mới đạt được triệt để. Đây chính là ý chỉ sâu xa của chỗ quy tông kinh Hoa Nghiêm *"dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"*. Phàm những ai cùng hàng với tôi, đã được may mắn hãy nên tin tưởng chắc thật.

53. Lời tựa quyên mộ tu sửa tháp viện của Vân Cốc thiền sư

Cao Tăng đắc đạo vào thuở xa xưa, đến một ngàn mấy trăm năm sau, nếu có ai trông thấy tượng Ngài, hoặc đọc trước thuật, đi qua những nơi Ngài đã lưu ngụ, chiêm ngưỡng ngôi tháp đóng kín, đều có thể khiến cho

người ấy sanh lòng hổ thẹn, sanh tâm kính ngưỡng, dũng mãnh phát khởi đại chí, tận lực tu Tịnh nghiệp để mong noi dấu gương lớn, chấn hưng pháp đạo, ngõ hầu huệ mạng của Như Lai được tiếp nối chẳng dứt, chẳng đến nỗi phụ ý nghĩa *"con người sánh cùng với trời đất xưng là Tam Tài, Tăng cùng với Phật, Pháp được gọi là Tam Bảo"*.

Thiền sư Vân Cốc đời Minh chính là người như vậy. Sư nương nguyện lực xưa, vào năm Hoằng Trị thứ 13 (1500), thị hiện sanh trong nhà họ Hoài ở Tư Sơn, Gia Thiện[141], đi tu từ bé, triệt ngộ tự tánh. Bình sinh tu tập tuy chú trọng vào Thiền, nhưng đối với các tông Tánh, Tướng, tâm yếu của Nho, Đạo, không gì chẳng dung hội quán thông. Vì thế, nhằm lúc Thiền - Giáo suy đồi, Nho - Đạo tối tăm, Sư làm cho Tông phong chấn hưng, tâm pháp sáng tỏa, khiến cho thế đạo nhân tâm được lợi ích quả thật chẳng nhỏ. Những người kế thừa được pháp của Ngài, dung thông cả Nho lẫn Thích khiến cho tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy được tỏ bày rõ ràng thì Tăng như Hám Sơn đại sư, tục như ông Viên Liễu Phàm là những nhân vật nổi tiếng nhất. Sư tịch diệt năm Vạn Lịch thứ ba (1575), được dựng tháp bên chùa Thê Chân. Đến năm Vạn Lịch 45 (1617), ngài Hám Sơn đến lễ tháp, thấy tháp viện vắng lặng, chỉ có một vị Tăng chăm nom hương đèn. Nhân đó, bèn giao cho cư sĩ Trầm Định Phàm tu bổ cho trang nghiêm và lập ruộng Trường Sanh để làm kế sách lâu dài. Đến nay đã hơn ba trăm năm, hiện thời tuy nền móng vẫn còn, nhưng tường vách, nhà cửa không còn, khiến cho di tích của

[141] Tư Sơn thuộc huyện Gia Thiện, tỉnh Chiết Giang.

cổ đức không ai biết đến nữa. Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, tà kiến lẫy lừng, chánh pháp suy vi. Nếu chẳng nêu bày gương mẫu tốt lành của cổ đức, làm sao chấn hưng Tông phong, khiến cho tà ma, ngoại đạo quy hàng cho được?

Cư sĩ Đồ Ban Âm ở Gia Hưng lo lắng, toan dựng lại tháp viện, in khắc, lưu truyền những chuyện hạnh - đức của Ngài, ngõ hầu hết thảy mọi người xuất gia, tại gia đều biết gương thơm của cổ đức. Từ đấy, vãn hồi được quyền tạo hóa: *"Mạng do ta lập",* đoạn trừ phiền não chướng, *"Phật từ tâm hiện"*, kế thừa được chí của các vị Hám Sơn, Liễu Phàm, an ủi lòng Vân Cốc thiền sư. Nhưng do công trình rộng lớn sức một người khó thành, chẳng thể không cầu các vị đại đàn-việt giúp đỡ. Nếu như ai nấy đều có thể nương theo lời dạy *"mạng do ta lập, phước do chính ta cầu"* của Vân Cốc Thiền Sư, dốc sức thực hiện thì ngũ phước, tam đa đều nườm nượp trên thân, thiên tai nhân họa tuyệt chẳng nghe trong đời. Công huân khôn lường, lợi ích chẳng thể nêu được. Mong sao chẳng đến nỗi vì tiếc tài sản là của cải chung của năm nhà mà chẳng làm việc phước tam sinh hữu hạnh này. Do vậy trần thuật duyên do, mong mọi người cùng tán trợ vậy!

54. Lời tựa tái bản bộ Tây Phương Công Cứ[142]

[142] Tây Phương Công Cứ do Bành Tế Thanh biên tập, nay được xếp vào quyển 109 của Tục Tạng Kinh. Thật ra, đây là một tác phẩm cổ không biết do ai biên soạn, nội dung tuy hay nhưng trình tự khá lộn xộn, không rõ ràng, Bành Tế Thanh chỉ có công biên tập, sắp xếp lại cho hợp lý hơn, về sau Dật Nhân pháp

sư lại biên tập lần nữa và được tổ Ấn Quang giám định, mới thành diện mạo như ngày nay.

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt để phổ độ chúng sanh của Như Lai. Đức Như Lai nghĩ thương chúng sanh nên thị hiện thành Chánh Giác, thuận theo mọi căn cơ, khéo léo khuyên dụ dần dần. Với hàng đại căn bèn dạy ngộ *"nhất tâm tạo trọn mọi thứ"*, đoạn Hoặc chứng Chân, dùng đó để tiến thẳng vào Bồ Đề. Với hàng tiểu khí thì dạy hiểu rõ nhân quả ba đời, hướng lành, tránh dữ để làm phương tiện nhập đạo. Tuy Đại - Tiểu bất đồng, Quyền - Thật khác biệt, nhưng đều phải đoạn được hai thứ Kiến Hoặc và Tư Hoặc mới có thể thoát khỏi phần đoạn sanh tử. Nếu Hoặc nghiệp chưa hết, đạo quả chưa thành, dẫu có tu trì vẫn chẳng thể tự làm chủ được! Ở trong sanh tử đã lâu, người tấn đạo thì ít, kẻ lui sụt thì nhiều là vì đạo chẳng thắng nổi tập khí, nghiệp ràng buộc tâm. Ví như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Tuy có công từ trước vẫn hoàn toàn chẳng được lợi ích gì. Do lẽ đó, Phật bèn đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến cho dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu đều dùng lòng tin sâu, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây chính là dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao ắt được nhiếp thọ. Đến khi lâm chung được theo Phật vãng sanh. Đã vãng sanh là đã đoạn Hoặc, mau chứng Vô Sanh. Người có đủ nghiệp chướng buộc ràng cũng dự vào địa vị Bất Thoái. Từ đấy thân cận Di Đà, dự vào hải chúng, được un đúc, dưỡng dục, giáo hóa, nhiễm mùi hương mầu nhiệm của Như Lai, chướng hết, trí trọn, khôi phục Phật tánh sẵn có. Nâng đỡ căn cơ kém cỏi, khéo dụ sơ tâm, chỉ có mình pháp môn này thật là bậc nhất. Ân Như Lai rộng lớn

châu đáo, dẫu thiên địa, cha mẹ cũng không thể sánh ví được muôn một!

Người xưa muốn cho đồng nhân ai nấy đều tu Tịnh nghiệp; do vậy bèn tập hợp kinh, chú, những bài văn, lời nói và những sự ứng nghiệm tạo thành một cuốn sách, đặt tên là Tây Phương Công Cứ. Công Cứ có nghĩa là cái chuôi (cốt lõi) và bằng khoán vậy. Nếu có thể thọ trì A Di Đà Kinh sẽ biết thế giới Cực Lạc chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui, y báo, chánh báo trang nghiêm, đủ mọi công đức; A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp, thọ mạng, quang minh vô lượng, thệ nguyện rộng sâu; các thượng thiện nhân cùng ở chung một chỗ, đều do tu diệu hạnh "nhiều phước đức nhân duyên" tín nguyện niệm Phật mà được sanh. [Biết vậy rồi] ai mà không thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ Đề, dùng lòng tín nguyện sâu xa, thiết tha để mong gần là được đạt lên địa vị Bất Thoái, xa là viên thành Phật đạo? Huống chi chư Phật sáu phương lợi ích khắp các chúng sanh, Bổn Sư Thích Ca đắc vô thượng đạo, không vị nào chẳng khởi đầu từ pháp này mà rốt cuộc cũng quy về pháp này đó ư?

Ấy là vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, do lấy Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân bao trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Pháp môn mầu nhiệm, không còn gì mầu nhiệm hơn được nữa, là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Quả thật pháp này đã diễn giảng trọn vẹn thông suốt bổn hoài của Như Lai. Có duyên gặp được thì chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân

duyên. Nhằm ngăn ngừa nghi ngờ, lui sụt, nên còn gộp cả vào sách những đồ thuyết[143] ứng nghiệm. Ông Từ Triệu Hành xưa có linh căn, đau xót song thân mất sớm, mong họ cùng lên chín phẩm sen; do vậy, phát tâm tái bản để rộng lưu truyền. Ngõ hầu cha mẹ trong đời này cũng như kẻ oán người thân nhiều kiếp, khắp cả pháp giới chúng sanh cùng vào biển nguyện của Phật Di Đà. Tôi mến lòng hiếu thuận của ông ta, bèn thuật những nét chánh. Nếu người đọc không cho lời tôi là sai, ắt sẽ có ngày tự chứng đại sự nhân duyên rất sâu vô thượng này vậy, còn mong mỏi gì hơn!

55. Lời tựa cho Hồng Kiều Tịnh Độ Đường ở Lạc Thanh[144]

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị nhất của Như Lai. Vì sao nói vậy? Do trong hết thảy pháp môn đều phải đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc mới hòng liễu thoát sanh tử. Nhưng đoạn Kiến Hoặc giống như cắt ngang dòng nước rộng bốn mươi dặm, huống chi Tư Hoặc? Đoạn Kiến Hoặc liền chứng Sơ Quả. Nếu ước theo Viên Giáo thì là bậc Sơ Tín. Đoạn sạch Tư Hoặc liền chứng Tứ Quả, tức là Thất Tín trong Viên Giáo. Sơ Quả Sơ Tín vẫn còn sanh tử, Tứ Quả Thất Tín mới liễu thoát được. Nhưng Thiên Thai Trí Giả đại sư thị hiện

---

[143] Đồ thuyết: Hiểu theo nghĩa hẹp có nghĩa là truyện bằng tranh. Hiểu theo nghĩa rộng, đồ thuyết là những bài viết có hình vẽ để dẫn giải hoặc những đồ biểu (chart) giúp hệ thống hóa vấn đề đang trình bày.
[144] Hồng Kiều là một thị trấn thuộc huyện Lạc Thanh, tỉnh Chiết Giang.

thuộc vào địa vị Ngũ Phẩm. Tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, khuất phục trọn vẹn Ngũ Trụ phiền não[145], nhưng Kiến Hoặc vẫn chưa hề đoạn được. Thế nhưng Bổn Địa của đại sư thật sự chẳng thể suy lường, lâm chung chỉ nói mình chứng Ngũ Phẩm [là vì] Ngài lo sâu xa cho đời Mạt chẳng dốc sức đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ lấy minh tâm kiến tánh làm chuyện rốt ráo. Minh tâm kiến tánh chính là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn thì hễ ngộ bèn chứng, nên liền giải quyết xong. Nếu không, dẫu biết được chuyện vị lai như sư Viên Trạch vẫn chẳng tránh khỏi bị thọ sanh lần nữa. Như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, [tuy thế] vẫn chưa phải là quá tệ. Như sư Hải Ấn Tín trở thành con gái ông Châu Phòng Ngự, kể ra đã khó chịu đựng nổi. Ông

---

[145] Còn gọi là Ngũ Trụ Địa Hoặc, tức Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Vô Minh Phiền Hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa, Vô Minh Trụ Địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là Trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là Trụ Địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến Nhất Thiết Xứ Trụ Địa: chính là Kiến Hoặc gồm Thân Kiến v.v… trong tam giới.
2. Dục Ái Trụ Địa: gồm phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ vô minh và Kiến Hoặc, chấp vào Ngũ Dục bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp).
3. Sắc Ái Trụ Địa: phiền não trong Sắc Giới, không tính Kiến Hoặc, Vô Minh, không chấp vào Ngũ Dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.
4. Hữu Ái Trụ Địa: phiền não trong Vô Sắc Giới, không gồm Kiến, Vô Minh, đã bỏ lìa chấp trước tham Sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.
5. Vô Minh Trụ Địa: tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức Tông chủ trương bốn món Trụ đầu là chủng tử của Phiền Não Chướng, món cuối là chủng tử của Sở Tri Chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là Kiến Hoặc, ba món giữa là Tư Hoặc, món cuối là Vô Minh Hoặc. Họ gọi chung Kiến Tư Hoặc là Giới Nội Hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn Vô Minh Hoặc là Giới Ngoại Hoặc.

Tăng núi Nhạn Đãng trở thành Tần Cối thì thật đáng thương xót quá sức!

Tự lực đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử khó khăn quá lắm! Những giáo lý tu chứng thông thường đức Như Lai đã nói trong cả một đời tuy là nhiều thứ pháp môn khác nhau, nhưng chẳng hề có chuyện còn đầy đủ Hoặc nghiệp lại có thể liễu sanh thoát tử! Chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ, hễ có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận Hoặc nghiệp dầy - mỏng, công phu cạn - sâu, đều trong lúc lâm chung nhờ vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đấy, dần dần tấn tu, liền tự chứng được Vô Sanh cho đến viên mãn Phật Quả.

Đây chính là pháp môn đặc biệt do Như Lai thương xót chúng sanh căn cơ kém hèn làm cho họ đều được ngay trong đời này nhanh chóng thoát luân hồi. Phải biết pháp môn Tịnh Độ thật ra để thâu nhiếp người căn cơ thượng thượng! Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát còn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn đem điều ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, biết rằng: *"Một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ chính là bước cuối cùng để viên mãn Phật quả!"*

Đời có kẻ cuồng chẳng xét kỹ giáo lý, thấy ngu phu ngu phụ đều có thể tu trì pháp này, bèn miệt thị là pháp Tiểu Thừa. Chẳng biết đây chính là pháp môn bậc nhất

"thành thủy thành chung, một đời thành Phật" của kinh Hoa Nghiêm. Cũng có kẻ ngu tri kiến hẹp hòi, cho rằng công phu của chính mình cạn mỏng, nghiệp lực sâu dầy, làm sao vãng sanh cho được? Chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh chư Phật không hai. Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc đủ mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền lâm chung còn được vãng sanh. Quán kinh nói thế, cớ sao không tin? Bọn họ còn vãng sanh, huống chi chúng ta dẫu có tội nghiệp, nhưng còn có chút công phu, so với phường Ngũ Nghịch, Thập Ác niệm mười tiếng hay mấy tiếng kia, đương nhiên còn cao hơn rất nhiều, cớ sao lại tự khinh, tự bỏ, đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này!

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là *"pháp khó tin"* bởi lẽ pháp này hạ thủ dễ dàng nhưng thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh chóng, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị hơn hẳn những giáo lý thông thường trong cả một đời đức Phật giáo hóa. Nếu chẳng phải xưa đã có thiện căn, quyết khó thể tin nhận phụng hành. Tôi thường nói: *"Chín pháp giới chúng sanh lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh"*, đấy chính là sự thật vậy! Nay đang là lúc nào? Chính là thời đao binh, đói kém, tật dịch đều nhóm họp, tuy chưa đến nỗi là ba tiểu tai[146], nhưng cũng đã là hiện tượng của ba tiểu tai vậy!

---

[146] Tam Tai là còn gọi là Tam Tai Kiếp. Tam Tai xuất hiện trong kiếp Trụ và kiếp Hoại của thế giới. Có nhiều cách hiểu Tam Tai khác nhau đôi chút:

Huống chi tà thuyết tung hoành, tri thức hiếm hoi, muốn nghe chánh pháp thật chẳng dễ gì! Có cư sĩ Hồ Thiên Bộc phát Bồ Đề tâm, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, lại muốn cho đồng nhân ai nấy đều được lợi ích, bèn cực lực đề xướng, khuyên dạy. Đúng là lấy chuyện "giúp cho sự sanh trưởng của trời đất, thay Phật hoằng dương, giáo hóa" làm thiên chức! Người một phương nghe ông thuyết pháp, cảm thời thế này, khôn ngăn cái tâm chán lìa, ưa thích[147] tràn trề nảy sanh. Một người xướng, mọi người hòa, không đâu chẳng phục tùng. Do vậy, cư sĩ tự bỏ ra đất đai và quyên mộ thiện tín, lập Niệm Phật Đường, đào ao phóng sanh và lầu Tàng Kinh, Công Đức Đường, Hương Tích Trù (tức nhà bếp), Ứng Cúng Đường (trai đường), nghiễm nhiên từ mặt đất vọt lên một đại đạo tràng.

---

1. Theo Câu Xá Luận, quyển 12 thì Trụ Kiếp được chia thành 20 thời kỳ nhỏ. Khi tuổi thọ của hữu tình giảm từ tám vạn năm xuống mười năm, rồi lại tăng dần lên khoảng hai mươi lần. Cứ mỗi khi con người giảm tuổi thọ đến chừng còn 10 tuổi thì phát sinh một lần tai ách, tổng cộng có Đao Binh Tai (dùng vũ khí giết hại nhau), Tật Dịch Tai (dịch bệnh lưu hành), Cơ Cẩn Tai (đói kém mất mùa). Đây gọi là ba Tiểu Tai. Còn Đại Tam Tai phát sinh vào thời kỳ Hoại Kiếp. Các kinh như Đại Lâu Thán, Khởi Thế Kinh, Trường A Hàm (tiểu kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành), Ưu Bà Tắc Giới kinh, Đại Tỳ Bà Sa Luận đều nói giống như vậy.
2. Theo sách Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 1 thì Tiểu Tam Tai là:
a. Cơ Cẩn Tai, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm. Cứ mỗi một trăm năm con người giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi thì hạn hán lớn không mưa, cây cỏ không mọc được, vô lượng người trong thế gian bị chết đói.
b. Tật dịch tai: Đến lúc con người tuổi thọ giảm còn 20 tuổi thì bệnh dịch phát sanh, con người chết vì tật dịch vô số.
c. Đao binh tai: Khi tuổi thọ con người còn 10 tuổi, ai nấy đều đánh lẫn nhau, tay cầm nhánh cỏ cũng hóa thành vũ khí tàn sát lẫn nhau.
[147] Tức tâm chán nhàm, xa lìa Sa Bà, ưa thích, ham muốn sanh về Cực Lạc.

Niệm Phật Đường thật rộng lớn, trong ấy thờ tượng đứng của Tây Phương Tam Thánh ngõ hầu hành nhân thường ngắm nhìn, lâm chung liền được tiếp dẫn. Ngay chính giữa lập tòa thuyết pháp, người nghe ngồi chung quanh. Dù đông đến ngàn người cũng chẳng chật chội, ngõ hầu người từ bốn phương tới cũng chẳng đến nỗi than thở vì chen chúc. Lầu Tàng Kinh thỉnh đủ kinh khắc từ các nơi cho những người phát tâm thọ trì, nghiên cứu. Công Đức Đường thì ghi đủ những số mục công đức của những người đã đóng góp. Lại còn lập đầy đủ các bài vị để người còn tăng phước tăng thọ, kẻ mất lên thẳng Liên Bang. Nhưng nếu đã chuyển pháp luân, không giúp thực luân (ăn uống) thì quyết khó thể ở lâu chẳng về. Do vậy, lập riêng Hương Tích Trù, Ứng Cúng Đường khiến cho người niệm Phật nghe pháp ai nấy đều được thỏa lòng vừa ý mới thôi. Ao Phóng Sanh ở trước pháp đường dành để nuôi những con vật suýt bị nấu nướng, chẳng những nuôi sống sắc thân chúng, lại còn dùng tiếng kinh, Phật hiệu giúp cho huệ mạng của chúng. Những [công trình] xây dựng đều hết sức châu đáo. Ước tính tốn hơn một vạn sáu ngàn đồng, nay đã lạc thành, tính khai giảng vào ngày Rằm tháng Tám Âm lịch này, quả là chuyện hiếm thấy trong đời Mạt Pháp.

Lại nhờ bạn ông ta là Trương Vân Lôi gởi thư cho Quang, xin viết lời tựa dẫn giải hòng khởi phát, mở rộng tín tâm. Nhân đó, tôi bèn đem nguyên do đức Như Lai nói ra hai thứ pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như tâm hạnh của Hồ cư sĩ và cách thức sắp đặt, trình bày đại khái, ngõ hầu người đọc đều bắt chước theo. Nếu người thấy nghe đều cùng phát tâm này thì

phong tục thuần mỹ, dân giàu, vật mạnh, chuyển ngũ trược ác thế thành Liên Bang thanh tịnh. Đấy chính là điều Quang tôi thường thơm thảo cầu đảo vậy. Nguyện các thượng thiện nhân ai nấy rủ lòng thương xót thì may mắn lắm thay!

56. Lời tựa sách A Di Đà Kinh Trực Giải

Một niệm tâm tánh của chúng ta quả thật chẳng hai, chẳng khác với Phật Thích Ca, Phật Di Đà; nhưng Phật Thích Ca, Phật Di Đà đã thành Phật đạo từ trần điểm kiếp trước, lại còn bao lần thị hiện giáng sanh, bao lần thị hiện nhập diệt để thực hiện sự giáo hóa. Phật muốn làm cho chúng ta noi theo dấu thơm, nhưng chúng ta không có sức đoạn trừ phiền não Hoặc nghiệp, mãi cho đến ngày nay vẫn trong sanh tử luân hồi thoạt chìm thoạt nổi, chẳng biết làm thế nào để ngưng dứt. Dẫu bao kiếp trước từng nghe Phật pháp, y giáo tu hành, nhưng do tự lực hèn yếu chẳng thể đoạn Hoặc, nên vẫn cứ đắm chìm trong biển khổ sanh tử y như cũ không thể thoát được! Im lặng suy nghĩ, há chẳng hổ thẹn ư?

Phật Thích Ca, Phật Di Đà xét thấu lẽ ấy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật, dạy nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới khiến cho thượng trung hạ căn cùng được vãng sanh Tây Phương, có thể nói thật là đại từ bi đến cùng cực không chi hơn được nữa! Nhân duyên khởi lên giáo pháp, pháp tắc tu trì được thấy trọn vẹn trong Tịnh Độ Tam Kinh, nhưng kinh A Di Đà ngôn từ giản dị, nghĩa lý trọn vẹn, dễ dàng thọ trì. Do vậy, cổ nhân xếp vào kinh nhật tụng,

muốn cho nhà nhà được khuyến hóa, thấu hiểu, đều được tắm gội pháp trạch! Bởi thế, các thiện tri thức thảy đều chú thích, khác nào mặt trời, mặt trăng giữa trời nên không nghĩa nào chẳng hiển hiện, không căn cơ nào chẳng được thâu nhiếp. Nhưng hàng sơ cơ đối với văn sâu nghĩa thẳm khó thể lãnh hội, cho nên cư sĩ Vương Hiển Giang đặc biệt tạo phương tiện, đem những điều sách Yếu Giải đã chú sớ diễn giải lại bằng ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu, đặt tên là Trực Giải, kèm thêm những nghi vấn về Tịnh Độ. Cái tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha ấy có thể nói thật là thiết tha. Hiển Ấm pháp sư viết lời tựa, muốn cho hết thảy đồng nhân ai nấy đều sanh lòng tin chân thật, chất phác niệm Phật, bèn sai Quang viết thêm lời tựa khác, nên tôi bèn trình bày chuyện này cùng người đọc.

57. Lời tựa sách Thập Tam Kinh Độc Bản

Trời đất dùng hai khí Âm - Dương để hóa sanh vạn vật. Thánh nhân dùng "thành minh nhất trí" để giáo dục quần manh. Ấy là Đạo vậy! Theo chiều ngang truyền khắp muôn nước, theo chiều dọc lưu truyền muôn đời. Những người hiểu biết đều tuân hành, không ai biết suy nghĩ chẳng phục. Dẫu thánh nhân sống lại cũng chẳng thể lập pháp nào khác. Cũng chẳng qua là phát huy đạo Thành Minh cho được phô bày trọn vẹn triệt để, giãi bày hết cả ra mà thôi! Thập Tam Kinh là đại kinh, đại pháp "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu - tề - trị -

bình" được nhị đế, tam vương[148], Châu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử tiếp nối ngôi trời lập ra để giáo hóa muôn đời. Nó chính là lý tột cùng thiên địa không riêng tư, là lương tri sẵn có của chúng ta. Thoạt đầu chẳng có gì đặc biệt, lạ lùng, huyền diệu, chẳng thể đạt đến được, dẫu là kẻ ngu phu ngu phụ cũng vẫn có thể thực hiện được. Bởi lẽ, con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này. Nghiêu - Thuấn cũng như mọi người, mà ai nấy cũng đều có thể trở thành Nghiêu - Thuấn. Nếu tuân hành theo thì ai nấy đều thành thánh, thế giới đại đồng.

Thế đạo suy sụp, nhân tâm tệ bạc là do Nho gia chẳng biết đạo nằm ở chỗ tận tụy thực hành, một mực chạy theo cái ngọn, nhất loạt gác lại chuyện "khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành" không bàn đến nữa, chỉ lo học thuộc từ chương, hòng làm cái vốn tiến thủ, xử thế. Do vậy, biến cái đạo giúp cho quyền sanh thành, giáo hóa của thánh nhân trở thành một nghề khéo hòng thâu danh đoạt lợi. Đúng là vu hãm, khinh miệt thánh nhân, trái nghịch thiên địa đến cùng cực vậy! Do thế, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo sách đã dạy. Khi làm văn bèn phát huy đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ chẳng sót mảy may nào, nhưng xét đến chỗ suy nghĩ, xử sự, hoàn toàn chẳng có những khí phận ấy! Khác gì kép hát diễn tuồng, khổ - sướng, buồn - vui diễn cho thật giống, thật ra chẳng mảy may gì liên can đến chính hắn. Mối tệ ấy một khi khởi lên dần dần ngày càng trở thành quá đáng.

---

[148] Nhị đế tam vương: Nhị đế là Nghiêu, Thuấn, Tam Vương là Đại Vũ, Thành Thang, Văn Vương.

Do vậy, những kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, xấu hổ phải noi theo dấu của Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, cứ muốn vượt lên, rốt cuộc thành ra vứt bỏ thánh kinh, đua nhau soạn sách mới. Tà thuyết vừa dấy, [đại chúng] đua nhau phụ họa, đến nỗi những kẻ tiểu nhân xấu hèn muốn phô phang cái tâm cướp đoạt, gian dâm của chính mình, bèn vội vã đề xướng và thực hiện thuyết chung vợ, chung tài sản; chỉ sợ dân chúng chẳng giống với loài cầm thú, sợ cương thường luân lý gây trở ngại cho chính mình, đến nỗi thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống! Ví như đi đêm vứt đuốc, đi biển bỏ thuyền, muốn chẳng sa xẩy, chìm đắm, há có được chăng?

Ông Thi Triệu Tăng sợ đạo này diệt mất bèn cùng với hai ba người cùng chí hướng lập ra Quốc Học Chuyên Tu Quán, tụ tập những người có chí nơi đạo này để chuyên tinh nghiên cứu, đích thân tận lực thực hành, mong lưu truyền rộng những điều sở đắc. Ông Đường Văn Trị hơn mười năm qua tinh thông đạo này, sưu tập những bản Thập Tam Kinh hay nhất, chọn lấy những bản chú giải giản dị, xác đáng, gộp thành một tập; lại đối với mỗi một kinh chọn ra mấy câu hòng nêu được ý nghĩa chính, ghép vào cuối kinh. Dụng tâm có thể nói là hết sức tha thiết. Ông Thi bèn cho khắc in để lưu truyền trong các trường học, ngõ hầu ai nấy đọc tụng, tập tành theo. Khắc xong, chính ông ta và ông Đường đều viết lời tựa, thuật rõ duyên do. Lại nhờ tôi viết lời tựa. Tôi nghĩ Thập Tam Kinh lưu truyền trong đời như mặt trời, mặt trăng sáng vằng vặc giữa trời, ai có mắt đều thấy; cần gì đợi ông Tăng tầm thường chỉ

biết cơm cháo này chỉ bày nữa ư? Tuy đạo cố nhiên không hai, nhưng người nhân kẻ trí thấy khác, nên chẳng ngại đem sở kiến của mình thuật cùng người nhân, kẻ trí, chưa chắc chẳng giúp gì được cho việc thấu hiểu kinh, mong thành thánh vậy.

Trộm nghĩ: Đạo được phát minh bởi Thập Tam Kinh chính là đạo "cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm, tu - tề - trị - bình", nhưng xiển phát yếu chỉ "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu - tề - trị - bình" chỉ có sách Đại Học là nói lớp lang, trình bày tột cùng. Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử đều phát huy nghĩa này, nhưng chẳng nói tuần tự theo thứ lớp. Do vậy, biết Tứ Thư chính là chú sớ của kinh Dịch, kinh Thư, kinh Thi, Châu Lễ, Lễ Nghi, Lễ Ký để đạo ấy được sáng tỏ lớn lao. Hiếu Kinh thúc đẩy cho việc thực hành đạo ấy được hữu hiệu. Ba truyện Xuân Thu[149] chính là những chứng nghiệm của chuyện tuân thủ, trái nghịch, được - mất vậy. Do đó, bổn tâm của chúng ta, đạo tân truyền của chư thánh đều được sáng tỏ. Dùng đó để kế tục cổ thánh, mở lối cho hậu học. Công ấy bằng với công trời che đất chở. Những kẻ bỏ kinh khác gì muốn vứt bỏ trời che đất chở để tự lập ư? Những kẻ ấy chẳng biết sự vụ quá đáng! Hướng theo đó mà cầu thì mọi chuyện mong thành thánh thành hiền, đạo trị quốc tân dân không điều gì chẳng rõ ràng như từng đường chỉ trong bàn tay. Không mong thành thánh thành hiền thì thôi, chứ nếu muốn thành thánh thành hiền thì đạo thánh hiền tự sẵn

---

[149] Ba truyện Xuân Thu: tức là các bộ Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện. Những cuốn này đều thuật những chuyện thuộc thời Xuân Thu nên gọi là ba truyện Xuân Thu.

đủ nơi thân và tâm chúng ta. Những giải thích từ sách Nhĩ Nhã[150] chính là chú thích chung cho các kinh, ngõ hầu dù văn hay nghĩa đều được hiểu rõ. Như vậy, Nhĩ Nhã là giải nghĩa ở mức độ ban đầu, còn Tứ Thư là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung.

Bàn đến ý nghĩa trọng yếu ở một mức độ cao hơn thì Minh Đức là gốc, còn làm sáng tỏ Minh Đức lại chính là mấu chốt để từ phàm tiến lên thánh, để con người hợp với trời. *"Làm sáng tỏ được Minh Đức"* (minh Minh Đức) thì trong là thánh đạo, ngoài là vương đạo đều được trọn vẹn vậy. Nhưng muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì phải trừ khử "món vật" nhân dục cho hết sạch không còn sót gì khiến cho Chân Tri sẵn có ngay trong tâm được triệt để phơi bày trọn vẹn. Bổn phận của người đọc sách chỉ nằm trong mấy điều ít ỏi này mà thôi. Còn gì thẳng tắt, còn gì dễ dàng hơn? Mới biết ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ngu phu ngu phụ cũng có thể biết được, làm được. Đấy chính là chân ngữ, thật ngữ; do con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Muốn cho thế đạo nhân tâm chuyển từ loạn thành yên, biến ác nghiệt thành thuần hòa, mà bỏ điều này thì không còn cách gì nữa! Không biết ông Thi, ông Đường có cho lời tôi luận là đúng hay không? Nhưng những điều này là luận trên pháp thế gian, chớ lầm tưởng là luận về pháp xuất thế gian. Tha thiết dặn dò vậy!

---

[150] Nhĩ Nhã là một bộ từ điển cổ giải thích tên những nhân vật, sự vật, được hoàn thành vào thời Tây Hán.

58. Lời tựa dùng phẩm Đoạn Thực Nhục (dứt ăn thịt) của kinh Lăng Già để răn thần đừng hưởng đồ cúng mặn (viết thay cho cư sĩ Lư Trí Duệ ở huyện Y tỉnh An Huy)

Kính cẩn dựa theo lời Phật: Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, do nhân duyên tội phước mà luân hồi sáu nẻo. Nếu chẳng tận lực tu Giới - Định - Huệ để mong đoạn sạch tham - sân - si và sanh tín phát nguyện niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì không cách nào thoát ly được. Đây chính là vì ta cùng hết thảy chúng sanh sống trên không, dưới nước, trong sáu nẻo từ vô thỉ đến nay không ai chẳng xoay vần làm cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, thân thích, không một ai trong vị lai chẳng được nghe Phật pháp tu Giới - Định - Huệ, đoạn sạch phiền hoặc, viên thành Phật đạo. Do vậy, Như Lai truyền dạy các đệ tử kiêng giết, phóng sanh, chớ ăn các loại thịt. Nhưng tình ý mê muội của thế tục thường cho rằng cúng đồ mặn mới là cung kính, chẳng biết cả mình lẫn người đều gieo nhân ác đến nỗi tương lai phải chịu ác báo.

Nay ta đã biết tội lỗi của việc ăn thịt há nỡ để người trong cùng một làng vẫn chấp vào tình kiến mê muội ấy, để nhân duyên tội nghiệp ăn thịt làm lụy đến vị tôn thần ư? Lại sợ tôn thần chưa hiểu thấu duyên do mà sanh sân nộ, giáng xuống tai họa khiến người trong làng mê muội càng nặng, khiến cho ác báo trong tương lai của người trong làng và tôn thần càng thêm sâu, thêm lớn, chẳng dễ gì tiêu diệt được! Do vậy, riêng lấy phẩm

Đoạn Thực Nhục từ kinh Nhập Lăng Già[151] của đức Phật đã nói cung kính thiêu trước lò hương của thần, ngõ hầu trên hiểu thấu lòng từ của Phật, dưới thương xót tấm ngu thành, yêu tiếc mạng loài vật, chẳng hưởng của cúng tế bằng thịt. Phàm những khi cúng chay bèn ban cho may mắn. Nếu dùng đồ mặn bèn hiện ra họa ương, khiến cho người trong làng cùng cảm nhận đức thông minh, chánh trực, hiếu sanh, ghét giết chóc của

---

[151] Kinh Lăng Già (Lankāvatārasūtra), gọi đầy đủ là Lăng Già A Bạt Đa La Bảo Kinh, do ngài Cầu Na Bạt Đà La dịch năm 443 vào thời Lưu Tống. Lăng Già là tên núi, A Bạt Đa La có nghĩa là Nhập (vào). Ý nói: Đức Phật vào trong núi Lăng Già diễn nói bản kinh quý báu này. Đây là một trong sáu bản kinh y chỉ để lập cước của Tướng tông. Đại ý kinh phô diễn toàn thể thế giới vạn hữu đều do tâm tạo, những đối tượng được chúng ta nhận thức không phải ở bên ngoài mà ở ngay trong nội tâm. Kinh này kết hợp hai hệ tư tưởng Như Lai Tạng và A Lại Da Thức. Kinh nhấn mạnh căn nguyên của mê là do tập khí từ vô thủy không thể hiểu rõ các pháp đều do tự tâm hiển hiện. Vì thế, khi nào triệt ngộ bản tánh của ý thức sẽ bỏ được sự đối lập giữa chủ thể nhận lấy (năng thủ) và đối tượng bị lấy (sở thủ). Trong Đại Tạng, kinh này có ba bản dịch:

1. Bản dịch của ngài Cầu Na Bạt Đà La, còn gọi là Tứ Quyển Lăng Già Kinh hoặc Tống dịch Lăng Già Kinh.
2. Lăng Già Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chi năm 513 dịch vào thời Bắc Ngụy, còn gọi là Thập Quyển Lăng Già Kinh
3. Đại Thừa Nhập Lăng Già Kinh do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường từ năm 700 đến 704.

Trong ba bản Hán dịch, bản Tứ Quyển Lăng Già phổ biến nhất vì theo truyền thuyết, tổ Đạt Ma đã phó chúc kinh này cho Nhị Tổ Huệ Khả để truyền tâm ấn Thiền Tông. Theo truyện ngài Pháp Xung trong bộ Cao Tăng Truyện ghi chép thì Tứ Quyển Lăng Già được giảng thuật theo hai chi: Chi thứ nhất là các sư thuộc hệ phái của tổ Tăng Xán, y cứ theo sự giảng thuật của Nhất Thừa Tông của Ấn Độ. Chi thứ hai là hệ phái của ngài Đàm Vân Thiên, diễn giảng kinh này theo tư tưởng của Nhiếp Đại Thừa Luận. Vào thời Nam Bắc Triều, kinh này chưa được phổ biến lắm. Đến đời Đường, do Thiền Tông lớn mạnh nên kinh này cũng được hết sức quý trọng. Đương thời có những tông phái mệnh danh là Lăng Già Tông, Lăng Già Sư. Đến khi những vị như Thần Hội chủ trương dùng học thuyết Bát Nhã thay cho chủ trương kinh Lăng Già thì kinh Kim Cang mới trở thành kinh điển chủ yếu của Thiền Tông.

tôn thần, khiến cho gió Từ thổi khắp, hòng bồi đắp gốc đạo Bồ Đề, vãn hồi kiếp vận, cùng vui thái bình vô sự. Kính mong thần hãy sáng soi thì người trong làng may mắn lắm, vận nước may mắn lắm!

59. Lời tựa cho Đồng Giới Lục của chùa Phổ Chiếu ở Dương Châu

Như Lai đại pháp ứng khắp chín giới, thượng thánh hạ phàm đều được un đúc. Tuy pháp môn vô lượng chẳng dễ nói trọn, nhưng nêu đại cương chung thì chỉ có Giới - Định - Huệ. Ấy chính là chỗ trọng yếu để nhập đạo. Thoạt đầu thì dùng Giới để giữ thân, kế đến dùng Định để lắng tịnh ý niệm, rồi dùng Huệ để phá Hoặc. Do vậy, đoạn được Ngũ Trụ Phiền Hoặc, chứng được bí tạng tam đức. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ"*. Đây gọi là Tam Vô Lậu Học. Ba pháp này như ba chân của cái đỉnh, nếu khuyết một thì khó thể đứng vững. Tuy nói có ba nhưng tu thì chỉ một tâm. Bởi lẽ Giới không có Định - Huệ thì chẳng phải là Giới xuất thế; Định không có Giới - Huệ thì chẳng phải là Định xuất thế. Huệ không có Giới - Định chẳng phải là Huệ xuất thế. Do vậy biết ba pháp ấy vốn là một pháp. Nói có ba là do chú trọng hoằng dương nơi mặt nào mà đặt tên, cũng như do nơi tu chứng đạt được ích lợi mà phán định ý nghĩa. Kinh Phạm Võng dạy: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Thường nên tin như thế thì Giới Phẩm đã trọn đủ"*. Lại dạy: *"Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị chư Phật,*

địa vị bằng với Đại Giác, thật sự là con chư Phật vậy”. Đủ thấy Giới thống nhiếp các pháp. Do đó, tri thức hoằng dương, người học tu trì, không ai chẳng lấy Giới làm nhiệm vụ trước tiên.

Phổ Chiếu Tự do Đạo Thanh lão nhân sáng lập. Lão nhân thị hiện sanh tại Tứ Xuyên, tuổi mới nhược quan (20 tuổi) liền chán trần lao, bèn đến xuất gia tại Hoa Nghiêm Đảnh ở Nga Mi Sơn, được thọ giới rồi tận lực tham cứu đến cùng để thấu tỏ tâm yếu, muốn tham học các nơi để mở rộng tâm địa, khi đi qua Dương Châu được thân sĩ làng Vĩnh Trấn ngoài cửa Từ Ngưng biết đến, thỉnh Sư trụ trì tại tiểu miếu Thái Dương Cung nơi ấy. Lão nhân xét thấy chỗ ấy có thể lập đạo tràng, do vốn có túc duyên, nên bèn chấp nhận. Vào năm đầu đời Quang Tự (1875) nhà Thanh trước kia bèn quyên mộ khắp mười phương mở mang nền móng, điện Phật, lầu kinh chót vót tận mây. Phàm những gì tùng lâm nên có, việc tu hành cần phải có thì không gì chẳng đầy đủ. Từ đấy mùa Đông tọa Thiền, mùa Hạ giảng pháp, rộng mở cửa cứu độ. Thiện sĩ, đạt nhân thảy đều y chỉ. Đến năm Quang Tự 22 (1896), lên kinh đô thỉnh kinh, được vua chấp thuận sắc tứ biển ngạch “Phổ Chiếu Thiền Tự”. Quả thật không còn gì may mắn hơn. Liền vào mùa Đông năm ấy, khai đàn truyền giới để báo ân nước, cầu phước cho dân. Cho đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), đã mở giới đàn năm lần, ba lần mở trường giảng, luôn luôn tu trì. Tuy Thiền - Tịnh cùng hành, nhưng chú trọng nơi Tịnh Độ. Đến năm Dân Quốc thứ 8 (1919), Sư tuổi đã tám mươi tư, bèn thị hiện viên tịch trở về Cực Lạc, cùng với hải hội thánh chúng thân cận Di Đà

để chứng vô lượng quang thọ; đệ tử thế độ đắc pháp rất nhiều.

Vì Sư có vị cao túc[152] tên là Đạo Hương, thân thiết và thuận thảo với Quang, muốn vào mùa Đông này đưa Ngài ra khỏi khám[153] dựng tháp thờ, vào ngày Rằm tháng Chín bèn mở đàn truyền giới đến ngày mồng Tám Đông nguyệt (tháng Chạp) là viên mãn để báo ân Phật, tạo phước ngầm cho thầy, sai Quang viết lời tựa. Quang nghĩ Phật giáo lấy Hiếu làm gốc; cho nên, kinh Phạm Võng dạy: *"Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là chế chỉ (ngăn dứt), hiếu thuận là pháp đạo tột cùng. Y giáo phụng hành mới gọi là Hiếu".* Y giáo phụng hành thì những gì Phật đạt được chính ta sẽ đạt được, từ phiền não sẽ thành Bồ Đề, ngay trong sanh tử chứng Niết Bàn, mới khỏi cô phụ ân Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, là bậc trượng phu lỗi lạc, là con chân thật của đức Như Lai. Nếu chẳng y giáo phụng hành thì dưới lớp ca-sa, đánh mất thân người, nỗi khổ tam đồ ác đạo dẫu hết cả kiếp vẫn chưa thể nói hết được. Nguyện các Phật tử thọ giới ai nấy đều gắng lên.

60. Lời tựa khắc lại bộ Thủy Lục Nghi Quỹ

Ơn Phật rộng lớn, trọn khắp, chẳng còn sót tí gì. Thoạt mới thành Chánh Giác, bèn nói ra pháp Ngài đã chứng, chỉ riêng hàng Pháp Thân đại sĩ mới có thể lãnh hội được; nhân, thiên, phàm phu, Tiểu Thừa chẳng thấy,

---

[152] Cao túc: Học trò giỏi giang của một vị thầy, thường gọi là "cao đồ".

[153] Khám là một chỗ khoét vào lòng tháp hoặc núi để an trí tượng Phật hoặc để quan tài của các vị sư viên tịch.

chẳng nghe. Do vậy, bèn từ Thật bày ra Quyền, ẩn Đại dùng Tiểu, tùy thuận cơ nghi, khéo léo khuyến dụ dần dần, đợi đến khi đã đoạn Phiền Hoặc, đã chứng Chân Đế, rồi mới quở trách mọi lẽ, nhiều cách đào thải, khiến cho phát đại tâm cầu Phật quả, chẳng trụ vào pháp mà tu vạn hạnh. Đến khi căn cơ đã chín muồi bèn hội tam quy nhất, khai Quyền hiển Thật, thọ ký thành Phật cho khắp tất cả, diễn bày thông suốt lớn lao bổn hoài xuất thế. Từ đấy, hiểu rõ hết thảy các pháp đều là Phật pháp, hết thảy mọi người đều là Phật tử, không còn ai cam lòng thoái khuất.

Lại còn thương xót những kẻ tự lực kém hèn, hiện tại quyết khó thể liễu thoát, liền đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ khiến cho họ cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Có những kẻ tội chướng sâu nặng, định nghiệp chẳng dễ chuyển dời, bèn mở rộng bí mật quán đạo khiến cho họ nương vào sức Tam Mật[154] diệt cho hết sạch không còn sót. Nhưng hai pháp này là đạo để phàm lẫn thánh cùng tu, là pháp thành thủy thành chung; do chúng rõ ràng thiên về hàng phàm phu bị nghiệp buộc ràng khiến cho họ mau được lợi ích thù thắng mà nói như vậy; chứ thật ra mười phương tam thế chư Phật không vị nào chẳng do pháp này mà viên thành Phật đạo, không vị nào chẳng dùng pháp này để phổ độ quần manh.

Đến khi pháp truyền sang Chấn Đán, Lương Võ Đế lên ngôi, thuật giấc mộng cùng cao tăng để phổ độ các hàm linh; nhân đó, [chư Tăng] đọc trọn Đại Tạng, soạn

---

[154] Tam Mật: Thân mật, ngữ mật, ý mật.

thành nghi quỹ này. Từ đấy lưu thông cho đến ngày nay. Xét về nguồn cội thì dùng vô lượng oai đức đà-la-ni để phát khởi. Xét trên mặt trước thuật và cách xếp đặt thì hết thảy các pháp trong cả một đời giáo hóa không gì chẳng nêu trọn để đọc tụng, tu trì. Do đó, pháp môn ấy rộng lớn, lợi ích sâu rộng, không những làm cho lục đạo phàm phu mau thoát khỏi nghiệp trói buộc mà còn làm cho tam thừa thánh nhân mau chứng Bồ Đề.

Người có thể hoằng đạo, lòng thành kham phù hợp lẽ chân! Nếu vị trai chủ thỉnh pháp và các sư tác pháp ai nấy đều dốc kiệt lòng thành, tận lòng kính thì lợi ích không thể nào diễn tả được. Ví như mùa Xuân về trên cõi đất, thảo mộc đều được sanh thành; vầng trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi mỗi mỗi đều hiện bóng. Vì thế, đương nhân được nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, phước cao, tiên vong đều được sanh về Tịnh Độ, sở cầu không gì chẳng toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, hàm linh trong pháp giới đều được tắm gội ân quang Tam Bảo, cùng kết duyên chủng Bồ Đề. Nếu trai chủ chẳng thành tâm thì công đức bỏ tiền [làm pháp hội] hữu hạn, tội lỗi khinh mạn pháp vô cùng. Tăng chúng chẳng chí thành thì thổi ống bễ, thổi sáo thành kinh, nhịp chày giã gạo thành lễ[155]. Lúc Tam Bảo long thiên giáng lâm, làm chuyện lỗ mãng, quấy quá, tắc trách, làm sao núi tội không cao chót vót, biển phước cạn khô, sống thì mắc họa tai, chết bị khổ sở[156] cho được? Sách

---

[155] Ý nói chỉ có nhịp điệu tiết tấu tụng niệm nhịp nhàng như thổi ống bễ đều đặn, lễ cúi lên rạp xuống nhịp nhàng như chày giã gạo, chứ không mang ý nghĩa gì hết.

[156] Nguyên văn "khiển trích": Quở phạt, đày đi xa.

này là bản của Hàng Thản[157], mờ mịt quá sức, chùa Thiên Đồng dù khắc cũng khó được phổ cập. Do vậy, Tịch Công chùa Vạn Thọ ở Duy Dương, Dũ Công chùa Bảo Luân v.v… quyên tiền để khắc lại hầu được lưu truyền rộng rãi, sai Quang ghi lại năm tháng. Do vậy, lược thuật nguyên ủy cũng như điều lợi, mối tệ, để người theo đuổi pháp này chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại, thì Phật thánh hoan hỷ, phước lẫn huệ cả hai cùng tăng trưởng. Nguyện những người tu pháp này ai nấy đều gắng lên.

61. Lời tựa quyên mộ tu bổ, xây dựng ao phóng sanh chùa Đại Phật ở Tân Xương[158]

Nho thì lấy "trung hậu, khoan thứ, thương yêu người và vật như ruột thịt, như chính mình" làm trách nhiệm, ắt phải coi người khác cho đến loài vật đều như chính bản thân mình thì mới là người học đạo thật sự. Họ Thích lấy từ bi tế độ làm trọng. Vì vậy, thương xót các loài vật đều có Phật tánh, muốn thực hiện sự cứu giúp. Hiềm rằng người đời sát sanh ăn thịt đã thành thói quen, chẳng biết như vậy là sai, đến nỗi đời đời kiếp kiếp lần lượt giết lẫn nhau trọn chẳng khi nào ngơi! Chẳng đáng buồn ư?

---

[157] Hàng Thản là một danh xưng khác của thành phố Hàng Châu thuộc tỉnh Chiết Giang.

[158] Tân Xương là tên một huyện thuộc tỉnh Chiết Giang.

Phải biết con người và loài vật cùng mang cái thân máu thịt này, cùng có tánh linh tri này, cùng sống trong vòng trời đất, chỉ vì đây - kia kiếp trước tội - phước bất đồng đến nỗi đời này hình dáng, thể chất, lanh lợi - ngu xuẩn sai khác. Cậy mình mạnh lấn áp kẻ yếu, ăn thịt chúng nó để no bụng mình, khoái lòng sướng ý, cho là có phước báo, chẳng biết một khi phước lực vừa hết, nghiệp báo hiện tiền, đọa trong dị loại: Lúc bị người ta giết hại, thân không chống lại được, miệng không nói được, trong tâm lo sợ, đau khổ, mới biết chuyện ăn thịt là tội lỗi lớn! Người ăn thịt quả thật là La Sát[159]. Dù có muốn chẳng bị người khác giết ăn thịt cũng không thể được.

Do vậy, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Do người ăn thịt dê, dê chết thành người, người chết thành dê, như thế cho đến mười loài chúng sanh, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh ra cho đến tận đời vị lai".* Huống chi từ nhiều kiếp đến nay lại sanh ra nhau. Đã không có đạo lực để cứu tế, nỡ nào khiến

[159] La Sát (Rākṣasa) là một loài ác quỷ, đôi khi còn phiên âm là La Sát Sa, La Xoa Sa, La Khất Sát Sa, A Lạc Sát Sa… dịch nghĩa là Khả Úy (đáng sợ), Tốc Tật Quỷ (quỷ nhanh lẹ), Hộ Giả (người bảo vệ). Tương truyền La Sát chính là danh xưng của cổ dân Ấn Độ, khi tộc người Aryan chinh phục Ấn Độ, từ ngữ này bèn trở thành đại từ chỉ những loài hung ác. Quỷ La Sát nam thân đen đúa, tóc đỏ lừ, mắt xanh lam, nhưng La Sát Nữ dung mạo tuyệt đẹp, có khả năng mê hoặc con người rất lớn. Loài quỷ này thích ăn thịt uống máu con người. Loài quỷ này có thần thông bay đi rất nhanh hoặc chạy rất nhanh trên mặt đất. Trong địa ngục cũng có những loài quỷ La Sát làm lính canh ngục, chuyên hành hạ tội nhân, thường được gọi bằng danh từ chung là A Bàng La Sát. Chúng thường có hình đầu trâu, đầu dê, đầu nai, đầu thỏ, thân người, hoặc chân có móng như trâu. Trong Mật Giáo, có loài quỷ hộ pháp thường được gọi là La Sát Thiên. Loài quỷ thần này thân hình đoan chánh, mặc giáp trụ, tay cầm binh khí, cỡi sư tử trắng. La Sát Thiên thường được vẽ ở góc Tây Nam trong đồ hình Thai Tạng Mạn Đà La.

chúng nó chịu nỗi đau cùng cực bị dao chặt xẻ để cho ta hưởng vị ngon nơi lưỡi miệng ư? Trong kinh Nhập Lăng Già, đức Thế Tôn quở trách thói ăn thịt nhiều lần. Có câu: *"Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay, luân hồi trong sanh tử chẳng ngơi, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, cho đến là bằng hữu, người thân ái, tôi tớ. Qua đời khác bèn mang thân chim, thú v.v... Sao lại bắt lấy chúng để ăn thịt?"* Phàm những người sát sanh ăn thịt, nếu nghĩ đến điều này ắt sẽ run rẩy, kinh sợ, tỉnh ngộ. Thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thảy loài vật!

Vùng Tân Xương có quả núi tên là Thạch Thành, trên núi đục cái khám và tượng Di Lặc to cả trăm thước, do ba vị sư là Tăng Hộ, Tăng Thục đời Tề và Tăng Hựu đời Lương tạo dựng. Tướng hảo trang nghiêm, đẹp đẽ không thể sánh tầy. Chùa nơi ấy là Tây Môn của Thiên Thai, Trí Giả đại sư nhập diệt tại đó. Có lẽ muốn ngụ ý: Trước là kế tục Linh Sơn, sau là phụ trợ hội Long Hoa. Suốt cả đời Đại Sư tùy cơ thuyết pháp, Ngài đặc biệt chú trọng phóng sanh. Do dân vùng Thiên Thai đa số theo nghề đánh cá, để cứu vớt, Ngài mua một chỗ đánh cá, biến thành ao phóng sanh. Lại còn giảng cho ngư dân nghe kinh Kim Quang Minh. Ngư dân nghe pháp đều hiếu sanh, bỏ giết chóc, ai nấy đều bỏ đăng, đó trên sông ngòi. Cả sáu mươi ba chỗ rộng đến hơn ba trăm dặm, đều biến thành ao phóng sanh. Những ai đánh bắt trộm bèn lập tức mắc họa. Đến đời Đường vẫn y như vậy. Nhưng lâu ngày, người đã khuất, pháp tàn, lệnh cấm lỏng lẻo, đến nỗi cái ao ngoài chùa Đại Phật cũng trở thành chỗ đánh cá. Cư sĩ Mã Khế Từ ngưỡng mộ

đức hạnh tốt đẹp, công huân thù thắng của các vị Tăng Hộ, Tăng Thục, Tăng Hựu, Trí Giả, muốn cho đồng nhân và hết thảy loài vật sống trên cạn, dưới nước, bay trên không đều được hưởng hết tuổi trời, cùng sanh về Cực Lạc, tương lai cùng được dự ba hội Long Hoa, nên đặc biệt xin ban hành lệnh nghiêm cấm, cho khắc lên đá ngõ hầu tồn tại vĩnh cửu.

Nhưng ao đã lâu chưa vét, bùn lầy đầy ứ, lại còn phải dựng tường vây quanh bên ngoài để phòng kẻ bắt trộm. Lại còn phải dựng cầu, sửa đập, cất đình, đắp đường; nào phải chỉ nhằm làm cho quang cảnh đẹp mắt mà thật ra là muốn cho những người đến lễ Phật trông thấy cảnh sắc lòng vui thư thái, trên là khế hợp tâm Phật, ngõ hầu tiêu trừ được thiên tai nhân họa mà không hay không biết! Nhưng do công trình rộng lớn không thể không quyên mộ mười phương quan viên, thân sĩ, thương gia cùng hết thảy thiện tín. Khẩn khoản mong mọi người phát lòng *"chúng sanh và Phật đồng thể, loài vật và ta chẳng hai"*, cùng bỏ ra tịnh tài khiến cho quang cảnh này được thành tựu thì công đức ấy có cùng thọ lượng với mười phương hư không.

62. Lời tựa truyền giới của Kim Sơn Giang Thiên Thiền Tự

Như Lai dùng ba sự để khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài nơi đời, chúng sanh [nhờ đó] đều được độ thoát. Ba sự ấy là gì? Chính là Giới - Định - Huệ. Do chúng sanh một bề trái giác, xuôi trần, luân hồi sáu nẻo, nay muốn cho họ trái trần, hợp giác, tiến lên chứng được

Niết Bàn; nếu không có Giới thì do không bị trói buộc ắt sẽ rong ruổi theo trần cảnh bèn khởi Hoặc tạo nghiệp. Nếu không có Định thì sóng thức dâng trào, tâm làm sao vô sở trụ cho được? Nếu không có Huệ thì do đâu mà chứng triệt để được chân tâm sẵn có, các vọng Hoặc huyễn khởi biết nhờ đâu để diệt nhanh chóng cho được? Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ. Đây chính là Tam Vô Lậu Học".* Phải biết ba pháp này cả ba đều là một, hoàn toàn là một nhưng lại là ba, chớ nói Giới chỉ là nền tảng ban đầu của Định và Huệ! Phàm Luật Nghi Giới giữ cho thân không vi phạm thì có thể gọi là "nền tảng ban đầu", nhưng Định kết hợp với Giới giữ cho [vọng] tâm chẳng khởi; Đạo kết hợp cùng Giới thì nghiệp tận tình không, thấu tột lẽ Chân, trí sáng suốt, há chẳng phải là công dụng toàn thể lớn lao của Định - Huệ, há có nên coi Giới chỉ là nền tảng ban đầu mà thôi ư? Định kết hợp với Giới hay Đạo kết hợp với Giới vẫn lấy Luật Nghi làm bản thể; nhưng do công dụng trì giới sâu hay cạn mà lập ra hai tên, chứ ngay từ ban đầu nào có Giới Bổn được nói riêng rẽ ư? Người đời thường bàn luận về Luật Nghi, nhưng chẳng hề biết đến ý nghĩa lớn lao chế định Giới của Như Lai nên xem thường; nhưng Chân Giới, Chân Định, Chân Huệ, không gì chẳng từ sự nghe để un đúc mà đạt được, thật đáng than thở vậy!

Pháp đạo của Như Lai phạm vi rộng lớn trọn khắp mười giới. Tuy những vị hoằng pháp đại sĩ ai nấy đều tam học viên minh (hiểu rõ thông suốt Giới - Định - Huệ), nhưng tạo lập môn đình, mỗi một vị không thể không có một pháp chuyên chú riêng. Nếu chuyên chú

nơi "chỉ, tác, trì, phạm"[160] thì gọi là Luật. Nếu chuyên chú nơi tu quán, giảng diễn thì gọi là Giáo. Nếu chuyên chú tham cứu bản lai để mong triệt ngộ thì gọi là Tông. Tông mang tên là *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo), nhưng Luật - Giáo chính là *"giáo nội chân truyền"*. Nói *"biệt truyền"* là nhằm làm cho con người thấy được bản thể nằm ngoài ngôn ngữ, chứ không có nghĩa là Tông vượt ra khỏi giáo lý! Thử nhìn xem: Đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, Ca Diếp mỉm cười, quang cảnh nơi bổn địa triệt để hiển lộ trọn vẹn. Hiểu được điều này thì tất cả hình sắc trong thế gian không gì chẳng phải là cành hoa đức Thế Tôn đã giơ lên, không gì chẳng làm cho con người thấy thấu triệt bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra. Huống chi vô thượng diệu pháp được tuyên nói bởi kim khẩu của Như Lai lại chẳng phải là cành hoa ấy, lại chẳng thể làm cho con người đích thân thấy được bản lai diện mục hay sao? Thế nhưng, trời người trăm vạn, dù thấy đức Thế Tôn giơ cành hoa lên nhưng hết thảy đều ngơ ngác, cũng như đang cỡi trâu lại đi tìm trâu, trọn chẳng thể tìm được! Nếu biết *"trực hạ tiện thị"*[161] sẽ thành tựu

---

[160] "Chỉ, tác, trì, phạm": Thuật ngữ của Luật Tông. Chỉ là ngăn cấm, Tác là nên làm, nên thực hành. Trì là giữ giới, Phạm là vi phạm, phạm giới. Lấy giới "không uống rượu" làm thí dụ, thì: Không uống rượu là Chỉ. Người thọ giới chớ uống rượu, đó là điều người ấy nên làm (Tác). Vâng giữ giới ấy là Trì, uống rượu là Phạm. Nói rộng hơn, dưới một điều kiện nào đó, dẫu làm điều bị ngăn cấm, nhưng vẫn không bị coi là phạm nếu có lý do chánh đáng. Chẳng hạn, do bệnh tật phải uống thuốc có chất rượu thì phải bạch cùng Tăng chúng, thì không phạm giới. Khi hết bệnh không được uống chất rượu nữa (dù là chất rượu rất nhẹ, như bia cũng không nên uống).

[161] Trực hạ tiện thị (còn gọi "Đương hạ tức thị"): Thuật ngữ nhà Thiền, có thể hiểu đại lược là từ ngay nơi sự vật thấy được chân tánh, từ ngay nơi cái tâm phàm phu huyễn vọng thấy được Phật tánh chân thường v.v… Hễ thấy được thì ngay khi đó bèn giải ngộ Phật tâm, bèn chứng được Lý Tức Phật.

ngay trong hiện tại biết bao nhiêu, đỡ tốn sức biết bao nhiêu. Do họ mê chẳng biết quay trở lại giống như cái đầu của chàng Diễn Nhã[162], vô cớ phát cuồng bỏ chạy, hạt châu trong chéo áo mà oan uổng chịu bần cùng. Thật đáng buồn thay!

Phải biết dù là Luật, là Giáo, hay là Tông, phải toàn vẹn ba điều này mới hòng tiếp nối huệ mạng Phật, truyền được pháp đạo của Phật. Nếu thiếu khuyết thì trên chẳng đủ để chứng Vô Thượng Bồ Đề, dưới chẳng đủ để độ hết thảy hàm thức! Lô Xá Na Phật[163] lấy Giới làm Thể. Do không điều ác nào chẳng tận nên gọi là Tịnh, do không điều thiện nào chẳng trọn vẹn nên gọi là Mãn. Đoạn ác tu thiện chính là hành trì hai thứ Chỉ và Tác vậy. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm. Ba thứ thân - ngữ - tâm quyết khó tách rời, quyết khó thể thiếu nhau. Nếu không, một cánh khó bay, một bánh xe khó lăn. Muốn tự lợi, lợi tha, lại càng khó được như nguyện!

Kim Sơn là đạo tràng trứ danh hơn một ngàn năm qua, tuy tu trọn ba pháp nhưng chuyên chú nơi Tông. Vì thế, xưa nay những bậc đại triệt đại ngộ ở đấy không

---

[162] Trong kinh Lăng Nghiêm có chuyện chàng Diễn Nhã soi gương thấy cái đầu của chính mình bèn sợ hãi đến nỗi phát cuồng. Phật dùng chuyện này để ví cho tâm điên đảo cuồng vọng của chúng sanh.

[163] Lô Xá Na: Thông thường, danh hiệu này được hiểu là tên gọi tắt của Phật Tỳ Lô Giá Na, còn được phiên là Lô Giá Na, Lưu Xá Na, hoặc dịch nghĩa là Tịnh Mãn. Tông Hoa Nghiêm coi Lô Xá Na chỉ là tên gọi tắt của Phật Tỳ Lô Giá Na. Theo tông này, Lô Xá Na dùng để chỉ Báo Thân Phật, còn Tỳ Lô Giá Na là tên hiệu của vị giáo chủ Hoa Tạng thế giới. Nhưng tông Thiên Thai chủ trương Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, còn Lô Xá Na là Báo Thân Phật, Phật Thích Ca là Ứng Thân Phật. Trong kinh Phạm Võng, chính Phật Thích Ca cầu Báo Thân Phật Lô Xá Na nói ra các giới pháp, nhất là giới Bồ Tát.

biết bao nhiêu mà kể. Cứ cách vài năm lại truyền giới một lần, một là để kế thừa quy mô lớn lao trước kia của Phật, hai là làm gương mẫu tốt lành cho hàng hậu học. Cựu trụ trì Thanh Công và trụ trì Dung Công đều là bạn cũ mấy mươi năm trước. Mùa Thu năm nay lên núi ngắm cảnh, hai vị khẩn khoản lưu lại nghỉ đêm, nhân đó cho biết chúng thường trụ nơi ấy định mở đàn truyền giới vào năm sau, sai Quang viết lời tựa để phát huy ý nghĩa. Đối với Tông, đối với Giáo, đối với Luật, Quang đều chẳng có tâm đắc gì, làm sao đảm nhận nổi lời phó chúc? Chỉ đành đem những gì đã lãnh hội hằng ngày từ Phật, Tổ, cổ đức qua sự thấy biết hèn tệ của mình trình bày tóm lược cho xong trách nhiệm.

Kinh Di Giáo nói: *"Hàng tỳ-kheo các ông sau khi ta diệt độ, nên tôn trọng trân kính Ba La Đề Mộc Xoa*[164]*, như trong tối gặp được ánh sáng, như người nghèo được của báu. Nên biết đấy chính là đại sư của các ông, giống như ta trụ thế chẳng hề khác gì!"* Kinh Phạm Võng dạy: *"Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như thế thì giới phẩm đã đầy đủ".* Lại nói: *"Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật tức là đã dự vào địa vị của chư Phật, địa vị đã giống với Đại Giác, thật sự là con của chư Phật".* Xin các Phật tử thọ giới ai nấy hãy tự biết mình vốn đã là Phật, do mê trái

---

[164] Ba La Đề Mộc Xoa (Pratimoksa) có nghĩa là Giới Luật của chúng xuất gia để ngăn ngừa những lỗi ác nơi thân - khẩu - ý. Chữ này được dịch nghĩa là Tùy Thuận Giải Thoát, Xứ Xứ Giải Thoát, Biệt Biệt Giải Thoát, Biệt Giải Thoát, Tối Thắng, Vô Đẳng Học v.v… Giới này phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp nên lấy chữ Ba-la-mộc-xoa (Pramukha nghĩa là cánh cửa ban đầu dẫn vào thiện pháp) làm ý nghĩa chính. Vì thế gọi là Ba La Đề Mộc Xoa. Giới Luật này bao gồm 8 giới tụ như Ba La Di, Tăng Tàn, Bất Định, Xả Đọa, Đơn Đọa, Ba La Đề Đề Xá Ni, Chúng Học, Diệt Tránh.

nên đâm ra dùng sức công đức Phật tánh ấy để luân hồi sáu nẻo, bị các sự khổ cùng cực.

Như Chuyển Luân Thánh Vương mộng thấy mình là con kiến, lần theo mùi tanh tưởi dưới thềm, tự thấy mình thấp hèn, nhỏ nhoi, chứ thân vua nằm trên giường vẫn y như cũ chẳng bị mất. Đến khi tỉnh giấc, mới biết là huyễn mộng biến thành thân con kiến, trọn chẳng có thật thể. Hết thảy chúng sanh cũng giống như vậy. [Chúng sanh là] Phật vốn chưa thành, nghiệp vốn là không, nhưng lầm tạo. Đề cao thánh cảnh, cam bề phàm ngu, nhường cho riêng mình đức Thích Ca Thế Tôn làm bậc trượng phu hùng mãnh, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu các Phật tử thọ giới ai nấy gắng công thì chẳng những không phụ một phen Dung Công khổ tâm truyền giới, mà còn có thể an ủi thánh ý của đức Như Lai một phen xuất thế chế giới vậy.

63. Lời tựa cho bộ Trừng Tín Lục Tu Bổ Cầu Cống từ huyện Cận đến Khưu Ải Trấn[165]

Cuộc sống người dân hằng ngày sự vụ đa đoan. Nếu chẳng nhờ vào giao thông qua lại, đây - kia đắp đổi nhau thì chẳng sự nào được thành, sanh kế cũng bị đoạn tuyệt theo. Do vậy, sửa sang đường sá chính là nhiệm vụ cấp bách của việc trị quốc bình thiên hạ. Vì vậy, kinh Thi mới có câu: *"Châu đạo như chỉ, kỳ trực như thỉ"* (đường nhà Châu phẳng như mài, thẳng như mũi

---

[165] Khưu Ải Trấn nằm về phía Đông thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang.

tên), kinh Thư mới có những câu như *"vương đạo đãng đãng, vương đạo bình bình"* (đường vua thênh thang, đường vua bằng phẳng). Nếu có kẻ bảo những câu ấy nhằm sánh ví nề nếp cai trị của nhà vua, chứ không phải nói về đường sá, thì hãy nghĩ thử xem: Nếu đường sá không tu bổ, chẳng những truyền phát hiệu lệnh bị trở ngại, đình trệ, mà nông, công, thương cổ[166] qua lại cùng những quan chức đến nhậm chức, đi công tác đều chẳng thể nhanh chóng toại ý được! Huống chi nếu không có những chuyện "*như mũi tên, như được mài, thênh thang, bằng phẳng"* thì dùng những điều đó để sánh ví nề nếp cai trị của vua thì có khác gì phỉ báng nề nếp cai trị của nhà vua hay chăng?

Do vậy, sách Châu Lễ [chép chuyện vua] lập ra chức Tư Hiểm Hầu, Nguyệt Lệnh còn ghi lệnh sửa sang đường sá. Đến như những vị chánh thần hộ quốc giúp dân như hai vị đại đế Đông Nhạc[167], Văn Xương thảy đều thị hiện làm chuyện này. Chẳng thấy hai Ngài sửa cầu đắp đường có ích cho người đi, và sửa chữa những con đường khúc khuỷu mấy trăm năm, bắc cầu cho ngàn vạn người qua lại đó sao? Hơn nữa, Trì Địa Bồ Tát do sửa sang, bồi đắp đường sá phẳng phiu nên

---

[166] Cổ có nghĩa là khách buôn, lái buôn

[167] Đông Nhạc Đại Đế, danh xưng đầy đủ là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tề Nhân Thánh Đại Đế, hoặc gọi tắt là Thiên Tề Vương, hoặc Thái Sơn Phủ Quân. Đông Nhạc chính là Thái Sơn trong Ngũ Nhạc. Theo Đạo Giáo, Đông Nhạc Đại Đế là danh tướng Hoàng Phi Hổ thời Trụ Vương, tinh trung báo quốc, bị vua Trụ thảm sát. Thần Đông Nhạc chưởng quản phước, lộc, thọ của nhân gian, trừng phạt kẻ gian ác, đứng đầu Thập Điện Minh Vương. Ngài cũng là vị thần chủ tể âm ty địa phủ. Người Trung Hoa tin thần Đông Nhạc xử đoán công minh, không sai một mảy nên rất tôn trọng, nhằm dịp lễ vía vào mồng Một tháng 10, mọi người nô nức cúng tế.

chứng viên thông. Do vậy, biết tam giáo thánh hiền không ai chẳng chú trọng chuyện này.

Từ huyện Cận đi về phía Đông đến Khưu Ải Trấn hơn hai mươi dặm đường, đi qua những cây cầu lớn - nhỏ tổng cộng có hai mươi ba cái. Xây dựng, tu bổ đã lâu, dần dần thấy hư hỏng. Người trong ấp là tiên sinh Mã Nguyên Bồi phát tâm sửa chữa vào năm ngoái. Do vậy bèn quyên mộ các thiện tín ai nấy bỏ ra tịnh tài và đích thân đứng trông coi thợ, để mỗi một cây cầu đều được khôi phục dáng vẻ cũ. Những chỗ nào sông to, nước sâu thì dựng thêm lan can đá để ngừa cho người đi đêm hôm và kẻ không mắt khỏi bị té ngã, tổng cộng tốn hơn hai ngàn đồng. Nay công việc đã xong, muốn đem công sá sửa chữa cầu và các khoản tiền quyên góp ghi chép đầy đủ vào sổ, đem in rồi gởi tặng để tỏ rõ lòng thành tín. Lại muốn cho người đọc biết được lợi ích nên xin Quang phát huy nghĩa ấy để cho ai nấy đều chú ý. Nhưng loại sách này đọc xong liền thành phế vật, cho nên bèn phụ thêm lời chú thích của tiên sinh Lục Đình Tiếp đối với sách Trị Gia Cách Ngôn của tiên sinh Châu Bách Lư và cuốn Thường Thức Tinh Hoa được ghi chép bởi Lão Thân Báo. Hai tác phẩm này đều có thể dùng để xử thế, trị gia, dạy con thật thiết thực cũng như là pháp để lúc nhỏ thì biết làm những gì thích đáng, lớn lên mong thành thánh thành hiền. Dụng tâm đáng gọi là chân thành, tha thiết. Nguyện những người đọc cùng lấy tâm này làm tâm mình thì lợi ích há có thể nghĩ bàn cho thấu được chăng?

64. Lời tựa sách Tịnh Độ Thích Nghi

Phật pháp sâu rộng, khác nào đại hải. Hạng phàm phu sát đất ai có thể thấu nguồn tột đáy, một hơi nuốt hết cho được? Tuy nhiên, nếu sanh được tâm chánh tín sẽ tự có thể tùy phần tùy sức ai nấy được lợi ích. Ví như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả, loài nào loài nấy đều được no bụng mới thôi. Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh, vì họ thuyết pháp, khiến ai nấy đều được lợi ích cũng giống như thế. Nhưng chúng sanh thời Mạt nghiệp chướng sâu nặng, thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Lại thêm tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu tu những pháp môn khác mà muốn cho trong đời này đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử quả thật là chuyện rất khó, hiếm có. Chỉ có một mình pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực cho nên chẳng cần luận đến đoạn chứng, chỉ dựa vào tín nguyện. Tín nguyện nếu có đủ, dù là phường tội lớn cực ác sắp đọa A Tỳ địa ngục cũng vẫn có thể cậy vào sức Thập Niệm, chóng nhờ vào Phật từ tiếp dẫn vãng sanh.

Ôi! Như Lai đại từ phổ độ, chẳng bỏ sót một ai. Chỉ có mỗi pháp này thật là châu đáo, thiết tha nhất. Do vậy, Tây Thiên, Đông Độ, Bồ Tát, tổ sư, cao tăng, đại nho, không ai chẳng dùng pháp này để tự lợi, lợi tha. Tất cả trước thuật cực kỳ rộng lớn, muốn tìm hiểu nguyên ủy nào phải là chuyện dễ dàng. Cư sĩ Vị Ngư Lâm Sư Thượng túc căn sâu dầy, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, tận tâm chuyên tinh nghiên cứu đã nhiều năm, muốn hướng dẫn khắp các đồng nhân đều sanh về Tịnh Độ nên trích

lấy những nghĩa trọng yếu từ các kinh luận, trước thuật Tịnh Độ, soạn thành tác phẩm, như ghép các miếng da thành áo cừu, như gom hoa làm mật, quả thật thích hợp thời tiết, căn cơ, phô diễn biện tài khéo léo, soạn thành tất cả năm mươi bảy thiên, đặt tên là Tịnh Độ Thích Nghi (cởi gỡ mối nghi về Tịnh Độ). Lời lẽ ngắn gọn nhưng tinh xác, lý sâu nhưng rõ ràng, khiến người đọc không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, dù nghĩa nào cũng đều phục. Do đây, chẳng muốn phát sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương cũng chẳng thể được!

Nhưng cư sĩ đã có thể tập hợp một hai câu, một tiết, một đoạn của tiền nhân, rồi lại dựa theo ý của mình kết hợp thành văn, sao không dùng văn của chính mình để phát huy? Ấy là vì muốn cho người đọc biết được những điều vừa nói ấy đều có xuất xứ. Tuy do chính mình soạn tập, nhưng quả thật trích từ kinh, luận, ngữ lục và các trước thuật, là những điều do Phật, Bồ Tát, tổ sư, các thiện tri thức đã nói, gây ảnh hưởng sâu cho người, gây xúc cảm thiết tha cho người, so với việc chuyên dùng lời lẽ của mình để trình bày thật hơn hẳn nhiều lắm. Trộm nghĩ: Thuyết pháp cho bậc thượng trí thì dễ, bởi người trí hiểu được lý, không còn ngờ vực; như ngựa hay thấy bóng roi liền chạy[168], lúa tốt được mưa ngọt liền sum suê. Vì kẻ hạ ngu thuyết pháp cũng dễ, do tâm kẻ ấy không có thành kiến, tin tưởng hành theo ngay; như chất ngọt có thể trộn được, như lụa

[168] Trong kinh Di Giáo, Phật từng ví người học đạo như ba hạng ngựa, ngựa giỏi thấy bóng roi người cưỡi vừa giơ lên đã chạy. Còn ngựa ngu đần, bướng bỉnh, roi đánh thấu xương vẫn chưa chịu chạy.

trắng dễ nhuốm màu. Chỉ khi nào vì kẻ trung căn thuyết pháp thì quả thật chẳng dễ. Bởi lẽ tri thức của họ phức tạp, lộn xộn, tà - chánh chẳng phân, thường hay dùng phàm tình suy lường thánh trí, dùng tục kiến (kiến giải thế gian) để lãnh hội chân lý. Dù nói đủ mọi thứ hướng dẫn, khơi gợi, họ vẫn cứ hoài nghi hết điều này sang điều khác. Do vậy, phải đặt ra những câu vấn đáp đến hơn năm mươi bảy lần, khiến cho những mối hồ nghi hết sạch, Phật lý được tỏ bày. Người biết tốt - xấu thảy đều tuân hành. Có thể nói là tận tâm, chuyên tinh, dốc kiệt lòng thành, là bậc kiện tướng dẹp sạch nghi hoặc. Nhưng mọi mối nghi đã cởi gỡ, phải dũng mãnh phát đại chí, chỉ giữ mỗi một niệm thì tâm vương do Phật lực sẽ luôn tỉnh giác, giặc cướp phiền não không đất dung thân, muốn chẳng quy hàng cũng không được! Giặc cướp phiền não đã quy thuận sự giáo hóa của Phật thì tuy chưa ra khỏi Sa Bà đã không còn là người khách lâu ngày ở Sa Bà nữa; tuy chưa sanh Cực Lạc nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Như thế, trên chẳng cô phụ Phật giáo hóa, dưới chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình. Đến cùng tột đời vị lai, cùng với hải hội đại chúng thân cận A Di Đà Phật trong cõi Tịch Quang Tịnh Độ, há chẳng phải là bậc đại trượng phu hùng mãnh ư? Nguyện người thấy nghe đều gắng sức lên.

65. Lời tựa cho lần tái bản tác phẩm sớ giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của ngài Thiện Đạo

Con người sống trong thế gian, họa - phước, cát - hung thay nhau xảy tới, nhưng bị tổn hại hay lợi ích chỉ

là do con người khéo dùng tâm hay không. Chư Phật xót thương chính mình và hết thảy chúng sanh bị ba khổ, tám khổ, vô lượng các khổ bức bách não hại. Do vậy, suy nghĩ khổ báo đang phải chịu là ác nghiệp từ đời quá khứ cảm thành. Ác nghiệp đã tạo là do đối trước sáu trần cảnh, chẳng biết chúng như huyễn, như hóa, lầm khởi tâm tham - sân - si mà ra. Do vậy, biết phiền hoặc tham - sân - si chính là đại oán gia của hết thảy chúng sanh. Từ đấy, dùng Giới - Định - Huệ đoạn tham - sân - si, khôi phục thiên chân sẵn có để thành vô thượng giác đạo. Như vậy, ba khổ, tám khổ v.v… quả thật là người hướng dẫn tốt lành cho chư Phật ba đời, là duyên lành vô thượng để chúng sanh vĩnh viễn lìa các nỗi khổ, thường hưởng những sự vui.

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là đại pháp khiến cho khắp tất cả dù phàm hay thánh đều cùng trong một đời này vãng sanh Cực Lạc, dù Đốn hay Tiệm đều chứng Vô Sanh Nhẫn, cho đến viên thành Phật đạo. Do thánh thì tự lực đầy đủ, kiêm cậy vào Phật lực nên sự chứng nhập của họ thẳng chóng nhất; cho nên, Hoa Tạng hải chúng cùng nguyện vãng sanh. Còn kẻ phàm thì cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh, do vậy bèn siêu phàm nhập thánh, chứng địa vị Bất Thoái. Từ đấy, tu dần dần cho đến khi viên mãn Bồ Đề mới thôi. Trong kinh này, phần nói về Trung Phẩm dạy về giới thiện, phước thế gian, Hạ Phẩm nói về chúng sanh tạo các ác nghiệp và Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục, do xưng niệm danh hiệu Phật bèn được vãng sanh. Lực dụng như thế rộng sâu bậc nhất. Ấy là do vua A Xà Thế nương đại nguyện luân, thị hiện hạnh ác nghịch,

giam cha, ngăn mẹ để phát khởi [nhân duyên giảng kinh này]. Bà mẹ vua nhàm lìa Sa Bà, phát nguyện sanh về Cực Lạc, lại vì chúng sanh đời Mạt, cầu pháp vãng sanh. Thế Tôn bèn nói ra mười sáu phép quán, quán tưởng y báo của cõi nước Tây Phương đủ mọi trang nghiêm, chánh báo là tướng hảo, oai đức của Phật, Quán Âm, Thế Chí và nhân lẫn quả của cửu phẩm vãng sanh.

Trong phần đầu của phép Quán Tượng thứ tám, đã nêu tỏ tông yếu như sau: *"Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, khi tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh. Vì thế, hãy nên nhất tâm hệ niệm, quán tưởng kỹ càng đức Phật ấy".* Phải biết: Quán tưởng Pháp Thân, thật lý rất sâu. *"Tâm làm Phật, tâm là Phật"* sự vốn bình thường, bình thường nhưng phi thường, rất sâu nhưng chẳng sâu. Người viên ngộ lẽ này mới gọi là bậc thông đạt. Trong phép quán mười ba, đặc biệt mở ra phương tiện môn cho hàng chúng sanh căn cơ kém cỏi, dạy họ quán thân tướng một trượng sáu hay tám thước[169]. Phép quán thứ mười sáu lại khiến cho kẻ ác nghiệp nặng nề, xưng ngay vào danh hiệu Phật. Do xưng danh nên liền được vãng sanh. Do vậy, biết

[169] Theo các kinh điển ghi chép, thời đức Phật tại thế, con người chỉ cao có tám thước [Tàu], đức Phật cao gấp đôi người thường, tức là một trượng sáu. Về sau, theo Quảng Hoằng Minh Tập và Pháp Uyển Châu Lâm, tại Trung Hoa có các quy định như tượng đứng cao một trượng sáu, tượng ngồi cao tám thước… Theo Wikipedia, một trượng khoảng 3.33 m. Một trượng bằng mười thước, như vậy một thước Tàu khoảng 33 cm (theo ngu ý, thời cổ, những đơn vị này phải nhỏ hơn nữa, vì nếu khi ấy, con người trung bình cao tám thước, tức khoảng 2.4m, quá cao, quá to lớn so với hiện thời!)

tướng có lớn - nhỏ, Phật vốn chỉ là một. Quán không được thì xưng danh bèn được lợi ích. Từ chỗ này suy nghĩ kỹ, biết một pháp Trì Danh thật là bậc nhất! Hành nhân đời Mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này há chẳng trân quý một hạnh Trì Danh này hay sao?

Xét từ khi kinh này được truyền sang đây, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Linh Chi mỗi vị đều soạn sớ, về sau chỉ có mỗi bản sớ giải của ngài Trí Giả được lưu truyền. Ba bản kia đều bị ẩn kín. Vào đời Quang Tự nhà Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn từ Đông Doanh (Nhật Bản) thỉnh về bản chú giải kinh này của ngài Thiện Đạo. Bản sớ giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Huệ Viễn, bản chú giải Vãng Sanh Luận của ngài Đàm Loan đều là những pháp bảo đã bị ẩn mất từ lâu, [nay] đều được khắc in, lưu hành. Bản sớ giải của ngài Thiện Đạo không luận đến thâm ý đế quán, chỉ giải thích thẳng vào kinh văn để hàng căn cơ trung hạ dễ dàng thâm nhập. Đến khi đã thâm nhập thì chẳng nói đến đế quán nhưng tự nhiên hiểu rõ phép đế quán. Có thể nói là khế lý, khế cơ, khéo nói pháp yếu. Hóa thân của Phật Di Đà chẳng phải là lời đồn hư huyễn[170]. Vị tổ thứ hai của Liên Tông, muôn đời kính ngưỡng. Hiềm rằng sách được lưu truyền đã lâu, sai ngoa quá nhiều; do đấy bèn lắng lòng giảo chánh kỹ càng để khắc lại vậy.

---

[170] Tương truyền ngài Thiện Đạo, Nhị Tổ Tịnh Độ Tông, chính là hóa thân của Phật A Di Đà.

66. Lời tựa cho bài Phổ Thuyết Tam Quy Ngũ Giới tại nhà giam thứ nhất ở kinh đô trong ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý

Tâm tánh của chúng sanh không khác gì chư Phật; nhưng do mê chưa ngộ nên làm chúng sanh lâu dài. Phẩm Như Lai Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm có câu: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền"*. Phải biết trí huệ, đức tướng và vọng tưởng, chấp trước chỉ trong một tâm, thoạt đầu vốn không phải là hai vật. Hễ mê thì toàn thể trí huệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước; ngộ thì toàn thể vọng tưởng, chấp trước lại biến thành trí huệ, đức tướng. Ví như nước kết thành băng, băng tan thành nước. Tướng tuy có khác biệt, thể vốn chẳng hai. Hiểu rõ điều này thì ai chẳng nguyện đoạn Hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh sẵn có? [Những chuyện như] đề cao thánh cảnh, cam phận phàm ngu, chấp tánh phế tu, dùng kiến giải lầm lạc lấy phàm lạm thánh sẽ đều không thể do đâu mà sanh khởi được!

Kinh Thư nói: *"Thánh mất niệm nên thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh"*. Mạnh Tử nói: *"Ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu - để mà thôi!"* Do vậy, biết: Chẳng thể hành hiếu đễ để làm Nghiêu - Thuấn, chẳng khắc chế ý niệm để thành thánh và chẳng thể khôi phục trí huệ, đức tướng để trở thành Phật thì đều là hạng tự

ruồng rẫy, tự vứt bỏ, chẳng chịu gắng sức thực hiện vậy! Như Lai lúc mới thành Chánh Giác, vì khắp hết thảy phàm - thánh nói Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới, có câu: *"Các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ"*. Lại nói: *"Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật chính là đã dự vào địa vị chư Phật; địa vị giống như Đại Giác, thật sự là con của chư Phật vậy"*. Điều chánh yếu là muốn làm cho con người hiểu thấu suốt một niệm tâm tánh nhỏ nhoi này chính là cội gốc của đạo Bồ Đề do chính Như Lai đã chứng vậy. Đã biết như thế thì ai còn chịu thuận theo nhiễm duyên phiền não khiến cho bầu trời chân tánh thanh tịnh rốt ráo bị mây mê sương Hoặc ngăn lấp nữa ư?

Lại khéo léo khuyên dụ dần dần để hàng căn cơ nhỏ trước hết thọ Tam Quy, đem thân tâm quy y Phật Pháp Tăng Bảo, tự có thể phản vọng quy chân, trái trần hiệp giác, rồi dạy cho Ngũ Giới "chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu" thì những lời lẽ, hành vi thường ngày sẽ không phạm những tội lỗi, thân tâm thanh tịnh. Có những người phát tâm đại Bồ Đề thì lại dạy họ tiến lên thọ Bồ Tát đại giới, khiến cho lý - sự viên dung, phước - huệ cùng tiến, hòng trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Kinh đô là chỗ đầu não của thiên hạ, vì thế tội phạm trong nhà tù rất đông. Lại do thói đời ngày càng suy bại, chiến tranh, mất mùa liên tiếp, đến nỗi bọn lưu manh ngây ngô, phạm phải phép nước bị giam cầm trong ngục. Há phải đâu chỉ trói buộc làm khổ thân tâm họ, mà thật ra là muốn cho họ sửa lỗi đổi mới, trở thành

lương dân tuân theo luật pháp. Lại do gần đây Phật học xương minh, chánh phủ đặc biệt mời những vị cao tăng thông đạt Phật pháp thường đến trại giam khai thị những ý nghĩa trọng yếu của Phật pháp và cái nhân gây ra sanh tử luân hồi, cũng như pháp liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ai nấy đều biết tâm này là tâm Phật, ắt sẽ tự tuân hành hạnh Phật. Muốn liễu sanh thoát tử, mà chẳng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương quyết khó được như nguyện.

Bọn họ nghe vậy như đối trước gương sáng, xấu - tốt tự biết, như gặp mẹ hiền, mừng vui không gì ví dụ được. Tiếng kinh, danh hiệu Phật sáng tối không gián đoạn, biến nhà ngục thành đạo tràng, khiến bạn tù thành pháp lữ. Quả thật là chuyện lạ từ xưa đến nay chưa từng nghe. Đủ chứng tỏ Phật pháp quả thật là lò nung lớn lao để nung phàm đúc thánh vậy. Bất luận vàng cứng sắt chai đến đâu hễ bỏ vào trong ấy đều đúc thành tượng Phật, tượng Bồ Tát vi diệu trang nghiêm. Những ai bảo Phật pháp vô ích cho quốc gia, có hại cho đời, đều là những kẻ chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng, khiến mình tự lầm, làm người khác lầm lạc. Viên quan giám ngục do phát đại tâm, bèn đặc biệt thỉnh bậc pháp sư có đức vào ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý, nói Tam Quy Ngũ Giới cho khắp các Phật tử trong nhà giam, ngõ hầu họ dùng Quy Giới chế phục thân tâm, khiến cho vọng tưởng, chấp trước không hề còn nữa, trí huệ, đức tướng sẽ được triệt để phô bày trọn vẹn. Hàng Phật tử các ông thoạt đầu đã phạm quốc pháp đến nỗi bị cầm tù, kế đến do được nghe Phật pháp liền nhiễm Phật hương, trở thành pháp khí của Phật. Do nhân duyên ác

trở thành nhân duyên thiện, nếu chẳng phải là đã trồng thiện căn từ nhiều kiếp, vạn phần chẳng được may mắn như thế này đâu!

Ví như Ma Ni bảo châu có thể thỏa ý người mưa ra khắp các món báu. Do không hay biết nên quăng trong hầm xí, chẳng những không có công năng mưa ra các báu, mà thể chất còn chẳng khác gì những vật nhơ. May gặp được người trí biết là của quý báu nhất, vào nhà xí nhặt ra, gột rửa đủ cách, lại dùng hương xông để khôi phục lại tánh chất sẵn có. Sau đấy, treo trên tràng cao, châu lại phóng quang minh, tùy ý người cần gì bèn mưa ra khắp các báu. Phật thấy hết thảy chúng sanh cũng giống như vậy. Do đó, dẫu kẻ mê đến cùng cực, làm đủ mọi chuyện ác nghịch, như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, hoàn toàn không có một niệm buông bỏ, mà vẫn thường tìm cơ hội để chỉ dạy, khơi gợi, khiến cho họ được độ thoát. Ấy là vì Phật chỉ xem trọng Phật tánh, còn hết thảy tội cấu ác nghịch Ngài chẳng buồn xét đến. Nếu các ông hiểu được những điều vừa nói trên đây dù là pháp hay ví dụ, ắt sẽ tự chẳng cô phụ Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, mà một phen hậu ý của chánh phủ, của giám ngục quan, của vị Tăng thuyết pháp, thuyết giới cũng chẳng bị trở thành uổng công. Lại mong ai nấy nỗ lực tấn tu thì may mắn lắm thay!

67. Lời tựa khắc kinh Kim Cang lên đá

Kinh Kim Cang là tiêu chuẩn để phát tâm Bồ Đề, hành đạo Bồ Tát, thượng cầu hạ hóa. Kinh dạy: *"Tất cả*

hết thảy các loài chúng sanh ta đều làm cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn để được diệt độ, nhưng vô lượng vô số vô biên chúng sanh được diệt độ như vậy thật ra chẳng có một chúng sanh nào được diệt độ!” Bởi lẽ tâm tánh của chúng sanh xét ngay trên bản thể đã là Vô Dư Niết Bàn, chỉ vì mê nên huyễn vọng tạo thành tướng sanh tử luân hồi. Giống như say thấy nhà xoay, nhà thật ra không xoay; mê cho là phương hướng đổi dời, phương hướng thật ra chẳng chuyển. Chẳng qua vì họ đặc biệt chỉ bày khiến cho họ khôi phục lại cội nguồn sẵn có mà thôi. Nói: *“Chỉ hết phàm tình, chứ không có thánh giải; chỉ có trừ đi pháp ngăn lấp, chứ không có pháp làm cho sáng tỏ”*, chính là diễn tả ý trên vậy.

Lại dạy chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu lục độ, vạn hạnh. Kinh văn giản lược, chỉ nêu bố thí làm thí dụ. Nếu chẳng trụ vào tướng để thực hành lục độ vạn hạnh thì tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh, lìa trọn vẹn phàm tình thánh kiến “ta, người, chúng sanh, thọ giả”, chứng trọn vẹn Chân Như diệu tâm thường - lạc - ngã - tịnh. Không trụ vào đâu để sanh tâm, không có gì để đạt được mà thành Phật, thật đúng là vô thượng diệu pháp để tam thế chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, tu trọn vạn hạnh nhưng một pháp chẳng lập. Vì thế, người thọ trì phước đức quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, danh nhân xưa nay đa phần đều thọ trì, biên chép kinh này, ấy là vì muốn cho dân chúng đều lần lượt được hiểu đạo tự giác này. Cư sĩ Hưu Tử Đường Thiên Tước xưa có linh căn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, kiến địa cao siêu, thư pháp tinh diệu, riêng

viết kinh này, cho khắc đá để lưu truyền, hòng tiếp nối chí hướng, sự nghiệp của các vị Âu Dương Tuân, Triệu Mạnh Phủ, Đổng Kỳ Xương[171]. Công đức ấy chỉ có Phật mới biết được; do vậy, chẳng nề hà hèn kém, lược thuật nghĩa kinh để thưa cùng người đọc, ngõ hầu cùng lên được bờ giác.

---

[171] Âu Dương Tuân (557-641), tự Tín Bản, người xứ Lâm Tương, Đàm Châu (nay thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam), là một nhà thư pháp lỗi lạc sống vào thời Tùy Đường, sở trường về lối viết chữ Khải. Tài thư pháp của ông nổi tiếng đến nỗi vua Cao Ly từng sai sứ sang xin chữ. Tác phẩm thư pháp tiêu biểu của ông là Hóa Độ Tự Bi (bia chùa Hóa Độ), Văn Ngạn Bác Bi. Lối viết chữ Khải của ông được coi là mẫu mực, được người sau sưu tập cho khắc thành sách để các nhà thư pháp phỏng theo luyện tập.

Triệu Mạnh Phủ (còn đọc là Thiếu, hay Triệu) (1254-1322) tự Tử Ngang, hiệu Tùng Tuyết, biệt hiệu là Tùng Tuyết Đạo Nhân, người xứ Âu Ba, Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, cũng là một nhà thư pháp nổi tiếng vào đời Tống. Ông xuất thân từ hoàng tộc, thông minh dĩnh ngộ từ nhỏ, sách nhìn qua một lượt liền thuộc ngay, thông hiểu văn chương nghệ thuật sâu sắc. Ông cũng lãnh ngộ Phật học rất khá. Do cuối đời Tống, các nhà thư pháp chú trọng viết cho bay bướm, không thể hiện được chí khí qua thư pháp, nên họ Triệu đề nghị khôi phục phong cách cổ, lấy phong cách viết chữ của Vương Hy Chi làm mẫu mực. Về loại chữ Khải, ông đề nghị dùng cách viết trong bài Lạc Thần Phú của Vương Hy Chi, lối chữ Thảo học theo cách viết trong Thập Thất Thiếp cũng của Vương Hy Chi. Triệu Mạnh Phủ nổi tiếng nhất về tài viết chữ theo lối Khải và Hành. Tương truyền, mỗi ngày ông có thể viết được một vạn chữ, chữ nào cũng tài tình, mạnh mẽ

Đổng Kỳ Xương (1555-1636): là một nhà thư họa nổi tiếng thời Minh, tự Huyền Tể, hiệu Tư Bạch, Tư Ông, biệt hiệu là Hương Quang, người xứ Hoa Đình, Tùng Giang (nay thuộc huyện Tùng Giang, Thượng Hải). Ông đậu tiến sĩ thời Vạn Lịch, từng đảm nhậm các chức Biên Tu, Hồ Châu Phó Sứ, Thái Thường Tự Khanh, Lễ Bộ Thị Lang, Nam Kinh Lễ Bộ Thượng Thư v.v… Tài vẽ và viết chữ của ông nổi tiếng suốt cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Ông sở trường vẽ sơn thủy. Người đời sau khen nét bút của ông an nhàn, ôn hòa, trong sáng, mới mẻ, tú lệ. Ông thường vẽ tranh sơn thủy bằng bút mềm, sinh động nhìn mãi không chán. Tác phẩm nổi tiếng nhất là Đồng Quan Phố Tuyết Đồ. Ông cũng để lại một số trước tác như Họa Thiền Thất Tùy Bút, Dung Đài Tập, Họa Chỉ, Họa Nhãn v.v…

68. Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải

Phật ân rộng lớn, trọn khắp chẳng cùng tận vậy thay! Vì sao nói thế? Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Chỉ vì mê chưa ngộ nên đến nỗi ngược ngạo dùng sức công đức của Phật tánh để lầm lạc khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải bao kiếp lâu xa thường bị luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc ra. Phật trong kiếp xưa biết điều này rồi, liền phát đại nguyện, muốn cho hết thảy chúng sanh tận hư không trọn pháp giới đều cùng ngộ Phật tánh vốn sẵn có, cùng thoát sanh tử luân hồi, cùng thành vô thượng giác đạo, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn. Do vậy, vì khắp pháp giới chúng sanh trải bao nhiêu kiếp lâu xa hành Bồ Tát đạo, chỉ cần điều gì có lợi ích thì không gì chẳng hưng khởi, đề cao, tu trọn Lục Độ nhưng chẳng chấp vào một pháp nào, làm được hạnh khó làm, nhẫn được điều khó nhẫn. Hành bố thí thì quốc thành, vợ con, đầu, mắt, tủy, não đều chẳng tiếc nuối. Do đó, kinh Pháp Hoa nói: *"Ta thấy Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, [hành] hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức, cầu đạo Bồ Đề chưa từng ngưng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào chừng bằng hạt cải chẳng phải là nơi Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh. Sau đấy, mới thành đạo Bồ Đề"*. Chỉ một hạnh bố thí này dẫu thọ một kiếp còn chẳng thể nói trọn được, huống chi những thứ khác như trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cũng như Tứ

Nhiếp[172], vạn hạnh nữa ư? Đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, chứng thấu suốt tự tâm, thành vô thượng đạo, vì khắp chúng sanh nói ra pháp Phật đã chứng là vì muốn cho họ đều cùng đắc pháp Ngài đã đắc.

Nhưng vì thượng căn ít ỏi, trung - hạ lại nhiều, nên Phật bèn tùy cơ lập giáo, khiến cho ai nấy tùy phận được lợi ích. Đến khi một kỳ sự nghiệp đã xong, liền nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ lòng đại bi, thị hiện thành Chánh Giác trong những thế giới phương khác để tế độ. Thị hiện sanh trong cõi này và thế giới phương khác như vậy cố nhiên chẳng thể dùng toán số, thí dụ để diễn tả được nổi. Ví như mặt trời sáng rỡ, vì chiếu cõi đời, mọc - lặn chẳng đứng yên. Cũng như người lái thuyền vì để chở người nên qua lại không ngừng. Nếu xét theo chuyện xuất thế lần này thì [Phật giáng thế]

---

[172] Tứ Nhiếp Pháp (catvāri samgraha vastūni) là bốn phương cách Bồ Tát dùng để lôi kéo chúng sanh, khiến họ sanh tâm thân ái hòng dẫn nhập Phật đạo, gồm:
1. Bố Thí Nhiếp, còn gọi là Bố Thí Tùy Nhiếp Phương Tiện, Huệ Thí, Tùy Nhiếp Phương Tiện v.v… tức là dùng tâm thấy không có sự bố thí và lãnh nhận để bố thí pháp cũng như tài thí. Cách thực hiện là tùy theo chúng sanh ưa thích của cải hay đạo pháp mà tùy hỷ thí cho, không hề sanh chấp trước vào việc bố thí ấy.
2. Ái Ngữ Nhiếp: Còn gọi là Năng Nhiếp Phương Tiện, Ái Ngữ Nhiếp Sự, Ái Ngữ Nhiếp Phương Tiện, Ái Ngôn, Ái Ngữ v.v… nghĩa là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà khéo léo khuyên dụ họ hướng về Bồ Tát đạo.
3. Đồng Sự Nhiếp, còn gọi là Tùy Thuận Phương Tiện, Tùy Chuyển Phương Tiện, Đồng Lợi, Đồng Hạnh, Đẳng Lợi, Đẳng Dữ…. nghĩa là thân cận chúng sanh cùng hưởng khổ - vui giống như thế, rồi lại dùng pháp nhãn quán sát họ ưa thích gì bèn thị hiện điều ấy khiến cho họ được lợi ích, cùng nhập đạo.
4. Lợi Hành Nhiếp: Còn gọi là Lợi Ích Nhiếp, Độ Phương Tiện, Lợi Nhân hay Lợi Ích, có nghĩa là dùng thiện hạnh nơi thân khẩu ý lợi lạc chúng sanh, khiến họ yêu thích đạo pháp.

vào năm 26 đời Châu Chiêu Vương[173], mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, giảng kinh hơn ba trăm hội. Do vì không căn cơ nào chẳng gồm thâu, không pháp nào chẳng trọn vẹn; lại do hạng trung hạ căn tự lực yếu hèn, chẳng thể thoát sanh tử ngay trong một đời này, dù có tu trì nhưng phiền hoặc chưa đoạn, nếu thọ sanh lần nữa sẽ bị mê mất rất nhiều. Do vậy, riêng mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến cho dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương. Kẻ thượng căn mau thành Phật đạo, kẻ trung hạ vĩnh viễn thoát luân hồi. Quả thật là đạo thông đạt để tam thế chư Phật phổ độ chúng sanh, là diệu pháp để chúng sanh trong chín giới mau chứng Phật quả. Nhưng chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật để cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận công phu sâu - cạn, Hoặc nghiệp nặng - nhẹ, không ai chẳng được Phật nhiếp thọ đới nghiệp vãng sanh như thuyền cứu người chết đuối không hề chọn lựa. Chỉ những kẻ tín nguyện chẳng thật, tâm hạnh trái nghịch với Phật là không được Phật tiếp dẫn.

Phật nghĩ thương chúng sanh từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, trên lên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc vào đại bi thệ nguyện mênh mông. Ví như hư không bao hàm hết thảy, sâm la vạn tượng cho đến trời đất thảy đều chứa

---

[173] Châu Chiêu Vương (Cơ Hà) làm vua từ năm 979 đến 961 trước Công Nguyên, như vậy ông chỉ làm vua 19 năm. Không rõ chỗ này nguyên bản có bị khắc lầm Mục Vương thành Chiêu Vương hay không?

đựng hết. Cũng như nhật nguyệt chiếu khắp muôn phương, dẫu kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được ánh mặt trời, mặt trăng chiếu đến mà được làm người. Nếu không có ánh mặt trời chiếu rọi ắt chẳng có duyên sống còn, nào phải chỉ những người tự thấy được ánh sáng mới được nhờ ơn ư? Những kẻ Thế Trí Biện Thông cậy vào kiến giải câu nệ, hẹp hòi, chê bai Phật pháp, cho là có hại cho thánh đạo, bịp đời, dối dân, trọn chẳng khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng chửi mặt trời, cho là mặt trời không có ánh sáng vậy! Hết thảy ngoại đạo đều trộm lấy ý nghĩa trong kinh Phật cho là chính mình có, lại còn trộm lấy những danh từ của Phật pháp để hành tà pháp. Do vậy biết Phật pháp chính là gốc đạo của hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian vậy.

Ví như biển cả chảy ngầm dưới đất, những chỗ nó tưới tắm, chảy lộ ra ngoài chính là vạn con sông; nhưng vạn con sông, không con nào chẳng đổ vào biển cả. Những kẻ báng Phật kia đâu phải là báng Phật mà chính là tự báng mình đấy chứ! Bởi lẽ một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật nên Phật mới thuyết pháp giáo hóa đủ cách như thế, mong cho họ bỏ mê quy ngộ, tự chứng được Phật tánh sẵn có mới thôi. Do Phật tánh quan trọng nhất, đáng mến tiếc nhất, nên Phật chẳng tiếc công sức như thế. Dù kẻ ấy chẳng tin nhận thì cũng chẳng nỡ buông bỏ. Nếu chúng sanh chẳng sẵn đủ Phật tánh, chẳng kham làm Phật, Phật cứ uổng công lập bày như thế, hóa ra nếu chẳng phải là gã khờ bậc nhất trong thế gian thì cũng là gã đại vọng ngữ bậc nhất trong thế

gian ư? Thiên long bát bộ, tam thừa thánh hiền há chịu hộ trì, y chỉ Phật hay sao?

Phật Di Giáo Kinh chính là di chúc khi sự nghiệp một đời đã xong xuôi, sắp nhập Niết Bàn, Phật thiết tha dặn dò hàng đệ tử và hết thảy chúng sanh. Văn tự tuy giản lược, nhưng nghĩa lý thật châu đáo. Kinh dạy tôn trọng kính quý Ba La Đề Mộc Xoa như tôn trọng kính quý đức Thế Tôn. Nếu tôn trọng giới luật của Phật như vậy thì sẽ như thường ở sát bên Phật, không xa cách chút nào. Do vậy, Phật dạy: "*Phải biết đây chính là đại sư của các ông, giống như ta đang ở trong đời chẳng hề khác gì!*" Tiếp đó, kinh nói đến Giới Tướng, lợi ích trì giới, những tổn thất do không trì giới, và những pháp chế tâm, ăn uống có chừng mực v.v… dặn dò cặn kẽ nhiều lượt, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nhắc tới. Dẫu là mẹ hiền sắp sửa qua đời, vì con cái tính kế cũng chẳng thể châu đáo được như vậy. Thật có thể nói là đổ tim, đổ gan, mỗi một chữ là một bụm máu. Là đệ tử Phật, nên nỗ lực tu trì như thế nào để khỏi phụ lòng Phật mong mỏi, người chưa biết Phật pháp phải nên cảm kích hành theo như thế nào để khỏi cô phụ ơn sâu ấy. Những lời ấy dường như chuyên dạy cho hàng tỳ-kheo, nhưng thật ra ngụ ý dạy trọn khắp hết thảy phàm - thánh trong chín pháp giới, không sót một ai! Bởi lẽ bậc viên đốn thọ pháp, không pháp gì chẳng viên. Phật dùng một âm thanh nói pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu, há lẽ di giáo sáng rỡ này chẳng thích ứng với Tam Hiền Thập Thánh ư? Nhưng Phật xem hết thảy chúng sanh đều như con một; ngay trong lúc sắp nhập diệt ấy, nỡ nào chẳng khuyến khích, khuyên lơn thêm ư?

Những kẻ bàn luận trong đời sau, đa phần cho rằng kinh này dành cho hạng căn cơ nhỏ nhoi và chỉ răn dạy riêng cho hàng tỳ-kheo, khiến cho tâm quang chiếu khắp chín pháp giới rốt cuộc trở thành những giáo huấn dành cho hạng xuất gia Tiểu Thừa, chẳng đáng đau tiếc ư?

Cư sĩ Trần Nguyên Tôn túc căn sâu dầy, học vấn uyên bác, thuở đầu chưa thấy được kinh Phật cũng noi dấu bọn Hàn, Âu, Châu, Trình, mấy năm gần đây mở đọc kinh Phật mới biết Phật là thánh nhân của các thánh, là trời đối với các trời, tất cả ngôn giáo không gì chẳng phù hợp Nho giáo, dùng để bình trị cõi đời thì đạo cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình mới được viên mãn rốt ráo. Bởi lẽ Nho Giáo chỉ nói đến đời này, còn Phật bàn trọn vẹn ba đời. Nếu thật sự biết nhân quả ba đời, dù hằng ngày chẳng muốn cầu lấy cách vật trí tri, thành ý chánh tâm tu thân cũng chẳng được! Trong đời những kẻ miệng nói phải, tâm sai trái, làm ra vẻ hiền lành nhưng ngầm làm ác đều là vì không biết *"tâm thông pháp giới"* cũng như không biết tam thế nhân quả mà ra. Nếu như biết thì dù là hạng cực hèn kém, cũng chẳng chịu đối trước gương sáng hiện các tướng xấu, để chịu xấu hổ vậy!

Tiếc rằng cõi đời phần nhiều không biết, đến nỗi chính mình an hưởng phú quý, sang cả, lại sai giết người đầy thành, ngập ruộng, chẳng thương xót mảy may. Than ôi! Đau đớn thay lòng người đời Mạt! Tàn nhẫn đến cùng cực! Nếu không có thuyết nhân quả ba đời của Như Lai thì những kẻ được hết tuổi thọ mới chết cũng sẽ hiếm hoi lắm! Nếu có muốn xuất thế cũng chẳng cần phải làm phương cách chi khác, chỉ cần y

theo ngôn giáo của Phật đối trị phiền não tập khí cho hết sạch không còn sót thừa gì thì dù thân ở trong cảnh tục, vẫn chẳng ngại đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, hướng đến Phật quả, giống như cư sĩ Duy Ma ở Tây Thiên và Phó Đại Sĩ, Lý Trưởng Giả, Bàng cư sĩ v.v… ở cõi này. Nếu như không đủ sức thì còn có một pháp cậy Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nhờ cậy được. Há phải đâu hết thảy mọi người đều phải bỏ cõi tục xuất gia mới là đệ tử Phật ư? Những kẻ nào nói Phật pháp vứt bỏ luân lý, trái nghịch thánh giáo đều là do chưa đọc kinh Phật, chẳng biết vì sao Phật thành Phật, lầm lạc dùng ý kiến ức đoán của phàm phu để phán đoán hồ đồ!

Do vậy, nói: Muốn rốt ráo vãn hồi thế đạo nhân tâm mà không đề xướng, xương minh Phật pháp sẽ không thể được! [Ông Trần Nguyên Tôn] cảm kích ân Phật thật sâu đậm, thiết tha, lại muốn cho hết thảy đồng nhân cùng biết đến ân Phật, đem kinh Phật Di Giáo, dùng lời lẽ phổ thông để chú thích ý nghĩa ngõ hầu chánh khách, giới học thuật, thương gia, nông gia, nhân sĩ các giới đều được thấm gội từ ân của Phật, chẳng đến nỗi sẵn có Phật tánh mà thường bị mê mất, trầm luân mãi mãi trong biển khổ sanh tử, không thể ra được! Ông ta muốn khắc in để lưu hành, cậy Quang viết lời tựa. Vì ân sâu đức dầy của Phật nhiều người chưa biết nên Quang trình bày đại lược. Còn như tấm lòng đại từ bi vì chúng sanh, người đọc sẽ tự cảm nhận được qua những gì đã nói trong kinh, nên chẳng trình bày cặn kẽ!

Ôi chao! Phật vì chúng sanh dẫu thiên địa, phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được một phần hằng hà sa số!

Tôi trước kia đã lậm chất độc của họ Hàn, họ Âu, làm gã Nhất Xiển Đề, may chưa bị sa lầy trong đời này, may mắn được gặp Phật pháp, chỉ sợ những người giống như tôi chưa chắc đã được may mắn gặp gỡ Phật pháp như tôi. Do vậy, thốt lời mổ tim vẩy máu này, những mong ai nấy trên chẳng cô phụ ân Phật, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình mà thôi!

69. Lời tựa sách Tâm Kinh Thiển Giải

Rõ ràng là tâm, Phật, chúng sanh ba pháp không sai biệt. Cái tâm vô sai biệt ấy hư linh đỗng triệt, trong lặng thường hằng vừa tịch vừa chiếu, chẳng phải có, chẳng phải không, dứt tuyệt danh xưng thánh - phàm, không có hình ảnh sanh diệt huyễn vọng. Lìa tâm duyên tướng, vì thế tình thức chẳng suy lường được. Vượt khỏi cửa ải văn tự, vì thế ngôn ngữ chẳng thể hình dung được. Như Lai trí huệ rộng lớn, tự tại nơi pháp, khéo dùng lời lẽ để tỏ bày đạo vượt ngoài ngôn ngữ, nói rộng hay lược đều phù hợp, đều đạt đến chỗ khéo léo viên mãn. Do vậy, kinh Đại Bát Nhã nói rộng, ước theo Phật pháp, chúng sanh pháp để chỉ rõ tâm pháp nên nhiều đến sáu trăm quyển. Còn kinh này nói giản lược, ước trên tâm pháp để dạy rõ Phật pháp và chúng sanh pháp nên văn từ chỉ có hai trăm sáu mươi chữ; nhưng sự - lý, nhân - quả của mười pháp giới không gì chẳng đầy đủ. Dùng đại lược để nhiếp sự rộng rãi, không sót một nghĩa nào.

Nếu nói giản ước thì hai câu *"chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách"* (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách) chính là mấu chốt

của toàn bộ bản kinh. Nếu nói giản lược hơn nữa thì một chữ *"Chiếu"* pháp nào cũng phô bày trọn vẹn, pháp gì cũng hoàn toàn mất, phô bày lẫn diệt mất đều vắng lặng, Nhất Chân tỏ lộ rốt ráo. Quán Tự Tại là người đã chứng đắc cái tâm ta trước hết, chúng ta há chẳng học theo Ngài ư? Thật có thể gọi là *"tâm ấn của Như Lai, cương tông của Đại Tạng, kim chỉ nam cho chín pháp giới, mấu chốt của Đại Bát Nhã"*, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, xưa nay những người thọ trì, đọc tụng trọn khắp vũ trụ; người trước thuật hoằng dương khó thể kể xiết. Lý tuy rất sâu, nhưng từ ngữ phải phù hợp căn cơ. Nếu không, tuy khế lý nhưng chẳng khế cơ! Cư sĩ Lý Hòa Lạc tri kiến viên dung, văn tự hoạt bát, muốn cho kẻ sơ cơ dễ hiểu nên dùng văn Bạch Thoại để thiển giải (giải thích nông cạn, sơ lược). Bàn về lý thật hết sức thấu triệt, nhưng chỉ dùng những từ ngữ thật phổ thông, [báo] Đại Vân đăng tải trước, rồi cho in lại thành sách, vui sướng lòng người. Soạn xong lại khắc in lưu truyền mãi mãi khắp cõi. Quang tầm thường, kém cỏi, thiếu khả năng, khôn ngăn kính ngưỡng, kính cẩn viết lời tựa dẫn giải để giúp lưu thông vậy!

70. Lời tựa thuật duyên khởi sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian đều do thời tiết, nhân duyên mà phát khởi. Vì thế, cổ đức nói: *"Nếu thời tiết đến, lý tự tỏ bày"*. Thật đúng là như thế! Quang tầm thường, kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm

được một điều nào, ăn bám chùa Pháp Vũ ở núi Phổ Đà ba mươi hai năm. Trước kia đọc Phổ Đà Chí, thấy những điều ghi chép trong ấy đều thuộc chuyện hưng - phế của đạo tràng và những chuyện tầm thường như vậy. Còn như sự - lý, bổn - tích trong những kiếp xưa của Quán Âm Đại Sĩ cũng như những nhân duyên Ngài cảm ứng trong cõi này đều thiếu sót, sơ sài, khôn ngăn người ta phải thở dài! Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thần, Châu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu lên núi tìm gặp. Ông Vương, ông Châu nói Phổ Đà là đạo tràng thánh địa của Quán Âm Đại Sĩ, trong nước, ngoài nước đều kính ngưỡng, sao lại bãi bỏ tòa giảng đã lâu, nỡ để pháp đạo tịch mịch? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ vì thầy trù liệu, lo toan chi phí. Quang viện cớ mình kém cỏi, hết sức từ chối. Ông Tích Châu bèn nói:

- Sơn Chí đã lâu không tu chỉnh, bản gỗ khắc đã mờ câm. Nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ khắc in.

Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng. Nếu chiếu theo lệ cũ thì phải là văn nhân mới làm nổi. Nếu đem những chuyện tu - chứng, bổn - tích trong những kiếp xưa kia của Đại Sĩ và những sự tích cảm ứng trong phương này, mỗi chuyện đều lược thuật những nét chánh khiến cho người đọc đều biết ân Đại Sĩ trọn khắp các cõi số lượng nhiều như cát, lòng từ tế độ không ngằn mé; từ đấy, phát khởi chánh tín, thân tâm quy y, gần là đạt được phước trong đường trời - người, xa là chứng quả Bồ Đề, mà không xem khắp Đại Tạng, tra cứu đủ mọi sách vở

sẽ không thể làm được. Nếu chẳng phát huy các sự - lý, bổn - tích, cảm ứng của Đại Sĩ thì chính là bỏ chủ dốc chí nơi khách, bỏ gốc theo ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí[174] tầm thường? Làm sao tỏ rõ Phổ Đà là đạo tràng ứng hóa của Đại Sĩ, lại sao có thể tỏ rõ Đại Sĩ là bậc cha mẹ đại từ bi của pháp giới chúng sanh, có nhân duyên rất sâu đối với chúng sanh trong cõi Sa Bà cho được? Nhưng Quang do túc nghiệp đến nỗi tâm không tri thức, mắt gần như mù lòa, còn phải sám hối một hai năm đợi đến lúc nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết mắt sáng thì sẽ chẳng tiếc thân mạng gắng làm cho thành tựu. Nếu như nghiệp nặng chẳng thể cảm ứng để trừ khử cho hết [nghiệp chướng] được thì sẽ qua Giang Tây, cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay Quang lo liệu việc này. Ông này học vấn quán thông Nho - Thích, văn tài xuất chúng, ắt phát huy được tâm hạnh, sự tích từ bi của Đại Sĩ.

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những ai không xem xét kỹ, lầm tưởng Quang là bậc tri thức, từ đấy, thư từ qua lại, ngày càng không rảnh rỗi để làm. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia trở thành chuyện nói xuông. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 11 (1922), Tri Sự[175] vùng Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi cho biết: "Sơn Chí được lưu thông sẽ khiến cho ai nấy do tin tưởng đều cải ác làm

[174] Sơn kinh thủy chí: tức những cuốn sách trình bày đặc điểm lịch sử của một vùng núi non, sông ngòi nào đó.

[175] Tri Sự vào cuối đời Thanh, nhỏ hơn chức Tri Huyện. Nhưng tại Đài Loan dưới thời lệ thuộc Nhật Bản thì Tri Sự lại lớn hơn Tri Huyện. Tri Sự ở Trung Hoa là người đứng đầu một trấn hay một hạt.

lành, phản vọng quy chân, quả thật là nhiệm vụ quan trọng để vãn hồi thế đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút tu chỉnh". Quang thấy tâm ông Đào hộ pháp khẩn thiết, lòng cứu thế ân cần, liền thưa với chủ nhân hai chùa Phổ Tế và Pháp Vũ khẩn khoản xin ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện này. Ông Đào do bận bịu việc công, bèn ủy thác vị nhân sĩ trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thảy sự việc thì ngoài có ông Đào, trong núi có hòa thượng Khai Như đã thoái ẩn[176] cùng thương lượng, châm chước lo liệu, Quang không rảnh rỗi nên tuyệt chẳng hề hỏi đến. Năm sau, ông Đào được thăng chức, chuyển lên huyện Hàng, nhưng vẫn gởi thư từ qua lại để bàn bạc, châm chước chuyện này. Nếu chẳng phải xưa đã từng được Đại Sĩ phó chúc, há có được như thế hay chăng? Lúc mới vừa bàn bạc chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong xuôi, chưa đầy một tháng thì cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh từ Bành Trạch, Giang Tây, đến viếng thăm, vừa gặp gỡ liền thành [bạn bè] thuận thảo. Quang thuật đầu đuôi chuyện cũ, đem chuyện sách Đại Sĩ Tụng nhờ vả, ông bèn chấp thuận ngay. Nếu chẳng phải là Đại Sĩ thầm gia bị, sao có dịp gặp gỡ như vậy cho được?

Ông Hứa bèn tra cứu khắp Kinh Tạng và các sách vở, phải mất hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn thành tụng văn gần hai vạn chữ. Lại còn chú thích ý nghĩa để người đọc biết hết căn cội. Lại trích lục các kinh để làm chứng cớ. Tụng Văn gồm ba quyển, dẫn chứng từ kinh văn gồm một quyển, tổng cộng hơn ba

---

[176] Hòa thượng Khai Như trước kia làm Trụ Trì chùa Pháp Vũ, sau xin nghỉ làm Trụ Trì nên gọi là "thoái cư" (tạm dịch là "thoái ẩn").

trăm bảy mươi trang, được gởi đến [Phổ Đà] vào đầu mùa Hạ. Những ý nghĩa của Tụng Văn đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa; ở đây không nhắc lại nữa. Trước kia, Quang vốn muốn đặt phần này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, nên đặc biệt cho khắc in riêng để lưu truyền khắp hậu thế. Nếu in chung với bộ Sơn Chí ắt khó thể lưu truyền rộng khắp được. Đại Sĩ từ vô lượng kiếp đến nay phân thân trong các cõi nhiều như bụi trần, bổn - tích cảm ứng của Ngài chỉ mình Phật biết được nổi. Mấy quyển tụng văn này chẳng qua chỉ là một hạt bụi nơi đại địa, một giọt nước trong biển cả, khiến cho những ai chẳng biết lòng từ sâu xa, lòng bi lớn lao của Đại Sĩ sẽ biết được đại khái. Từ đấy, hổ thẹn, đột nhiên dũng mãnh nói: "Tâm của chúng ta và tâm của Đại Sĩ không hai không khác, Đại Sĩ đã viên thành Phật đạo bao kiếp lâu xa, lại dùng bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch Quang, thùy tích[177] trong chín giới hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, được hưởng ân dẹp khổ ban vui của Ngài không biết là bao nhiêu! Mãi cho đến ngày nay, vẫn còn là phàm phu. Trên đã phụ thâm ân Đại Sĩ cứu vớt, dưới phụ bạc Phật tánh sẵn có của chính mình. Lặng im suy nghĩ, há không thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu thì ta cũng thế. Chẳng nên tự khinh để rồi lui sụt!"

Do vậy, chuyển biến phàm tình noi theo dấu Thánh, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tận lực hành điều thiện thế gian, kiêm tu Tịnh nghiệp, lâu dần đều

---

[177] Từ bổn địa, thị hiện các thân hay sự tướng để hóa độ gọi là "thùy tích" (lưu dấu). Chẳng hạn như Bồ Tát Quán Âm đã thùy tích tại Phổ Đà.

được biến đổi. Bậc thượng thì ngay trong đời này đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, bậc hạ thì đến lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua dứt, tai họa do con người gây ra vĩnh viễn dứt mất, mưa thuận gió hòa, quyến thuộc trời thường đến. Nhiệm vụ trọng yếu căn bản để vãn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói chính là chuyện này! Mong sao những ai thấy nghe đều cùng phát lòng kính ngưỡng Đại Sĩ, gắng sức tu tập thì may mắn lắm thay!

71. Lời tựa in lại sách Giáo Quán Cương Tông Thích Nghĩa Kỷ

Biển Giáo mênh mông, rộng sâu chẳng thể lường; nếu chẳng có gì để chỉ quy sẽ mịt mờ không biết hướng về đâu. Do vậy, đại sư Trí Giả vào đời Trần - Tùy dùng Ngũ Thời Bát Giáo để phán định những pháp đã nói trong suốt cả một đời của đức Như Lai, hiển lộ bản hoài xuất thế của Như Lai. Phật chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh cùng thành giác đạo, nhưng do căn cơ, khí lượng bất nhất, nên lại tùy thuận cơ nghi, dần dần khuyến dụ khéo léo, vì Thật lập ra Quyền để tiếp dẫn. Đợi đến khi họ đã được lợi ích nơi Quyền, bèn khai Quyền hiển Thật cùng quy vào bí tạng, mới biết nguyên do *"tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt; Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như"*. Có thể nói là giương Phật nhật trong không trung chiếu khắp cõi

đất, trao Quả Giác cho đứa con nghèo cùng, sai nó nối ngôi đấng Pháp Vương.

Nhưng do văn từ quá nhiều chẳng thuận tiện cho kẻ sơ cơ, nên Ngẫu Ích đại sư mới thâu tóm những nghĩa trọng yếu, soạn ra sách Cương Tông. Những chỗ nào ý nghĩa bị ẩn kín bèn giải thích đại lược để người học biết hết ý nghĩa Như Lai thuyết giáo và pháp nương theo Giáo để tu Quán. Có chỗ giống như chỉ dẫn đi về núi báu, trao thẳng Ma Ni bảo châu cho. Từ đấy, hiểu rõ: Không chỉ Đệ Nhất Nghĩa Đế "viên diệu bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không" là tâm ấn của Như Lai, mà ngay cả những pháp thiên - nhân - Quyền - Tiểu v.v… và những lời lẽ xử sự trong đời, những nghề nghiệp để kiếm sống v.v… không gì chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa Đế, đều là tâm ấn của Như Lai. Ví như vẽ rồng điểm mắt, rồng lập tức bay lên. Do pháp không có tự tánh, chuyển biến do tâm, người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên.

Mặc Am Pháp Sư dùng cách thích nghĩa (giải thích ý nghĩa) để chú thích dưới mỗi phần. Lại còn soạn phần Kỷ[178] để mong người đọc vừa đọc đến liền hiểu rõ. Người học có được bộ sách này đỡ tốn tâm lực, lại dễ lãnh hội, may mắn chi bằng? Trưởng lão Pháp Dụ chùa Bảo Luân tại Duy Dương muốn in lại để truyền bá rộng rãi, sai Quang giảo chánh những chỗ sai lầm và trần thuật duyên khởi vậy.

---

[178] Tức phần tóm tắt những ý chính trong một chương.

72. Lời tựa cho Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư của Thế Giới Cư Sĩ Lâm tại Thượng Hải

Chúng sanh và Phật tâm tánh như một, trọn chẳng có hơn - kém cũng như tăng- giảm, nhưng Phật an trụ trong Tịch Quang, chúng sanh luân hồi trong sanh tử, là vì ngộ và chưa ngộ, và do thuận tu - nghịch tu mà ra. Như Lai biết chúng sanh đều có đủ Phật tánh, đều kham làm Phật. Do vậy, thị hiện sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh Giác, tùy cơ diễn nói hết thảy pháp môn Quyền - Thật để kẻ lợi căn ngay từ đó khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật; những kẻ độn căn cũng dần dần được un đúc nên được ngộ nhập. Đợi đến khi ngộ - chứng cùng cực mới khôi phục lại Phật tánh sẵn có, mới lìa khỏi danh tướng "phàm - thánh, chúng sanh - Phật" sai biệt. Đấy chính là *"làm cho hết thảy chúng sanh đều nhập vào Vô Dư Niết Bàn để được diệt độ, nhưng quả thật không có chúng sanh nào được diệt độ"*.

Ôi! Tâm Như Lai độ sanh có thể nói là từ bi đến cùng cực, không còn gì hơn được nữa! Về sau, chư Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, ai nấy đều tiềm tu mật chứng, hoằng truyền, xiển dương, phát huy để trên thì nối tiếp huệ mạng Như Lai, dưới làm bến bờ cho chúng sanh. Từ khi pháp truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), một ngàn mấy trăm năm qua, những kẻ ngộ tự tánh, đoạn phiền hoặc, thoát sanh tử, chứng Niết Bàn làm sao kể xiết! Những người nối tiếp kế thừa còn có thể thay đổi phong tục, chiến thắng tàn bạo, khử trừ giết chóc, khiến cho dân ngày càng hướng thiện nhưng chẳng biết vì sao! Do vậy, xưa nay những bậc cao nhân lỗi lạc vượt trỗi

hơn người không ai chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người ngõ hầu thiên hạ thái bình, muôn nước đều yên ổn. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, chiến tranh liên tiếp xảy ra, pháp vận suy sụp dần.

Về sau, bãi bỏ cử nghiệp, những người thiên tư cao ai nấy ngoài các môn khoa học ra còn nghiên cứu thêm Phật pháp, mới biết [Phật pháp] là đạo duy nhất vô nhị trong thế gian. Trong lúc thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực này, muốn cứu vãn mà chẳng xương minh Phật học thì không còn có cách nào hết. Do vậy, ai nấy đều lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách, nên hội Nghiên Cứu, Cư Sĩ Lâm được lập ra khắp nơi. Pháp chẳng chấp nhất, tùy theo căn cơ con người, dù Thiền hay Giáo, dù Hiển hay Mật, thảy đều tu trì và phát huy. Lại còn chú trọng pháp môn Tịnh Độ để mong người đã ngộ và kẻ chưa ngộ, đều cùng trong đời này thoát ly sanh tử luân hồi. Ấy là vì chúng sanh đời Mạt Pháp tự lực yếu hèn, nếu không nhờ vào Phật lực, quyết khó thể giải thoát ngay trong đời này. Trong hội Hoa Nghiêm, Hoa Tạng hải chúng, Đẳng Giác Bồ Tát còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, huống gì những kẻ học Phật trong đời Mạt ư? Do vậy, biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thượng Hải là nơi quan trọng của toàn quốc, các cư sĩ trong Cư Sĩ Lâm muốn phổ biến pháp hóa của Phật, ngoài việc giảng kinh niệm Phật ra, mỗi quý (ba tháng) lại ra một số Lâm San ngõ hầu thúc đẩy rộng rãi. Nay lại tiếp tục cho ra đời Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư. Đối với

các bộ Khởi Tín Luận, Lăng Nghiêm Kinh Chỉ Yếu, đối với những kinh luận sâu xa uyên áo đều dùng những lời lẽ rõ ràng, giản dị để phát huy, ngõ hầu người sơ cơ dễ lãnh hội, hòng khỏi bị nỗi khổ "do không phù hợp nên không thâm nhập được", đều được hưởng lợi ích "do ngón tay chỉ mà thấy được mặt trăng". Từ đây, tiếp tục ấn hành lưu truyền để tỏa rạng ánh sáng Phật nhật, khiến hết thảy đồng nhân cùng ngộ thiên chân Phật tánh sẵn có, ngõ hầu khỏi phụ đại sự nhân duyên xuất thế của Như Lai, mà chuyện vãn hồi thế đạo nhân tâm cũng có thể lấy đây làm căn cứ. Phàm những ai đồng hàng với tôi ai nấy nên giúp đỡ để [cuốn Tùng Thư này] được truyền bá khắp pháp giới vậy.

73. Lời tựa sách Kim Cang Công Đức Tụng

Lục Độ là pháp trọng yếu để Bồ Tát trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Nhưng năm Độ [đầu tiên] như kẻ mù, Bát Nhã như người hướng dẫn. Năm Độ nếu thiếu Bát Nhã thì chẳng thể rốt ráo đến bờ kia, chẳng thể gọi là Ba La Mật. Bát Nhã như tâm, năm Độ kia như thân. Bát Nhã không có năm Độ thì cũng chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia, chẳng được gọi là Ba La Mật! Nếu hai thứ này đều đầy đủ thì mỗi một Độ đều rốt ráo đến được bờ kia, đều được gọi là Ba La Mật. Kinh Kim Cang chính là khuôn phép để phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, tu khắp lục độ vạn hạnh. Do kinh văn giản lược chỉ nêu bố thí làm mẫu, như chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí v.v… nên có thể độ thoát hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy

ta là người độ và pháp dùng để độ cũng như tướng chúng sanh được độ, thì bốn tướng chẳng sanh, ba tâm[179] há được? Không trụ vào đâu để sanh tâm, vô sở đắc để làm Phật. Do vậy, thọ trì bốn, ba, hai, một câu thì công đức khó thể nói được, còn nói chi là trì toàn bộ kinh. Do vậy, từ cổ đến nay, nhiều người đọc tụng. Người đốn ngộ tự tánh triệt chứng duy tâm, sống dự vào dòng thánh, chết về An Dưỡng kể sao cho xiết? Kế đến là tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyển họa thành phước, từ ngu trở thành trí lại càng nhiều hơn nữa. Cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh đem những sự tích cảm ứng đã được ghi chép từ xưa đến nay phân loại rồi soạn những bài tụng. Bạn ông ta là Lưu Khế Tịnh lại viết lời chú thích để người đọc đều biết được nghĩa lý uyên thâm, công đức rộng lớn, sanh lòng chánh tín, gắng bắt chước tu theo. Tùy theo công hạnh cạn hay sâu cũng sẽ được các thứ lợi ích. Kinh dạy: *"Hết thảy chư Phật và đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều phát xuất từ kinh này. Nếu có thể phát tâm chí thành cung kính thọ trì thì sẽ thuộc vào trong số chư Phật vị lai"*, xin hãy gắng sức lên!

---

[179] Tam tâm (theo giáo nghĩa Thiên Thai) là:
1. Giả danh tâm: Tâm chấp trước Ngã thật có, chính là kiến giải của ngoại đạo.
2. Pháp tâm: Tâm chấp trước pháp thật có, chính là tâm của hàng Tiểu Thừa thuộc phái Nhất Thiết Hữu Bộ.
3. Không tâm: Chấp trước Ngã lẫn Pháp, không biết tâm vốn chẳng phải có, chẳng phải không, bất sanh, bất diệt.

74. Lời tựa sách Nho Thích Nhất Quán

Nho - Thích đạo không hai, chúng sanh và Phật tâm không hai. Do con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, nên hết thảy hữu tình đều nhờ vào Chân Như Phật Tánh mà được kiến lập. Nhưng chúng sanh và Phật thật khác biệt, phàm - thánh khác hẳn nhau là vì nhân địa mê - ngộ bất đồng, Tu Đức thuận - nghịch sai khác. Do vậy, thánh nhân Nho - Thích đều xuất hiện trong đời làm bậc hướng dẫn, ngõ hầu hết thảy chúng sanh bỏ mê theo ngộ, thấu dòng tột nguồn, khôi phục lại bản tánh sẵn có mà thôi! Sự phát huy tuy có Quyền - Thật, sâu - cạn, phương tiện - cứu cánh bất đồng, nhưng xét về đại thể thì lý thể được đề cao và công phu tu tập không hai.

Phật lấy Giác làm Thể, Giác có Bổn Giác, Thỉ Giác, Bất Giác. Bổn Giác chính là thiên chân Phật Tánh chúng sanh và Phật đều sẵn có, tức là Tánh Đức vậy. Còn Thỉ Giác là diệu trí do dựa theo lý Bổn Giác, phát khởi tu tập chân thật, đối trị phiền não tập khí khiến cho chúng bị tiêu diệt không còn sót. Đó chính là Tu Đức. Bất Giác là mê trái Bổn Giác, sanh khởi chấp trước vào cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, coi khổ là vui, lấy mê làm đức, dùng sức Phật tánh để tạo nghiệp sanh tử. Hết thảy chúng sanh đang mê không nương theo Chánh Giác, lầm lạc tu tập đều là Bất Giác vậy. Bổn Giác thì phàm - thánh bình đẳng, không có cao - thấp. Thỉ Giác thì do công phu sâu hay cạn khác biệt mà địa vị ngộ chứng sai khác, từ Danh Tự cho đến

Phần Chứng, từ địa vị Ngoại Phàm[180] cho đến Đẳng Giác đều thuộc trong phạm vi Thỉ Giác. Từ Đẳng Giác lại phá một phần vô minh thì công Tu Đức đã đến cùng cực, Tánh Đức hiển lộ trọn vẹn, phước huệ trọn đủ, phiền hoặc hết sạch, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đắc, mới thành bậc Đại Giác Thế Tôn, mới chứng Thỉ - Bổn hợp nhất tối thượng thừa tối cực, mới hoàn thành sự nghiệp tu nhân chứng quả của bậc đại trượng phu. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa hết thảy vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền"*. Nói "*hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ của Như Lai"* là nói về lý tánh Bổn Giác vậy. *"Do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc"* chính là trái nghịch Bổn Giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu đường. *"Lìa vọng tưởng thì trí huệ bèn hiện tiền"* chính là thuận theo Bổn Giác để tu dần dần cho đến khi viên thành Phật quả. Hiểu rõ chỗ đạt đến của lý "Tánh - Tu" này ắt chẳng

---

[180] Ngoại Phàm là địa vị phàm phu, do đối ứng với Nội Phàm nên gọi là Ngoại Phàm. Đây chính là địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Thanh Văn Thừa coi Ngũ Đình Tâm, Biệt Tướng Niệm Trụ, Tổng Tướng Niệm Trụ đều là Ngoại Phàm, nhưng Bồ Tát Thừa lại coi Thập Tín Phục Nhẫn là Ngoại Phàm. Cuối quyển 17, sách Đại Thừa Nghĩa Chương có ghi: *"Nói Ngoại phàm chính là chỉ những người hướng đến điều lành nhưng hướng ra ngoài cầu lý, chưa thể dứt được tướng để duyên theo Chân Tánh bên trong, nên gọi là Ngoại. Do thân phàm phu Phần Đoạn trong sáu đường chưa thể bỏ được nên gọi là Phàm"*. Theo Thiên Thai Tông thì có nhiều cách giải thích:

1. Trong Tạng Giáo, Hiền Vị thuộc về Ngũ Đình Tâm Quán là Ngoại Phàm.
2. Thông Giáo coi Càn Huệ Địa trong mười Địa là Ngoại Phàm.
3. Biệt Giáo coi mười địa vị thuộc Thập Tín là Ngoại Phàm.
4. Viên Giáo coi địa vị Ngũ Phẩm trong Quán Hạnh của Lục Tức Thành Phật là Ngoại Phàm.

cam chịu phận phàm ngu, cũng chẳng dám đem phàm lạm thánh, ắt sẽ thật tu, thật ngộ, mong sao thật chứng mới thôi!

Nho thì lấy Thành - Minh làm gốc, Thành là Minh Đức, Minh nghĩa là *"minh"* (làm sáng tỏ) trong *"minh Minh Đức"*. Thật ra là Thành - Minh, tức *"minh Minh Đức"*. Minh Đức chính là chân tri (sự hiểu biết chân thật) sẵn có trong tâm chúng ta. Do có *"vật"* là nhân dục (lòng ham muốn của con người), nên [Minh Đức] bị ngăn lấp chẳng thể hiển hiện được; như mây che mặt trời, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Muốn làm sáng tỏ Minh Đức ấy thì phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ thì cái vật *"nhân dục"* tự chẳng có đất dung thân, chân tri sẵn có sẽ hiển lộ toàn thể, như phù vân (mây nổi) trôi đi, vầng mặt trời sáng rỡ. Chân tri đã hiển lộ thì đạt được quyền làm chủ, kẻ hầu hạ phải nghe theo. Vì thế những gì ý nghĩ đến, tâm suy nghĩ đến đều quy về chân thành, không vọng, trung chánh, chẳng thiên lệch vậy. Đấy chính là đại pháp *"tu thân, trị người"* của Khổng Tử thừa kế từ nhị đế tam vương[181] được trình bày tóm lược như vậy, để làm khuôn phép lớn lao cho thiên hạ hậu thế mong thành thánh thành hiền vậy.

Nếu đem so với Phật pháp để giải thích thì Thành và Minh Đức chính là Tánh Đức của Bổn Giác, còn Minh và Minh Minh Đức (làm sáng tỏ Minh Đức) chính là Tu Đức của Thỉ Giác vậy. *"Vật"* là vọng tưởng,

[181] Nhị đế tam vương: Nhị Đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Tam Vương là vua Đại Vũ nhà Hạ, vua Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Châu, những vị này đều được coi là Thánh Quân của cổ Trung Hoa.

chấp trước. *"Cách vật"* là lìa vọng tưởng, chấp trước. Lìa vọng tưởng, chấp trước liền đắc trí huệ của Như Lai. Trừ khử vật dục của con người thì lương tri và Chân Tri cố hữu trong tâm chúng ta sẽ tự hiển hiện triệt để. Do vậy, nói: *"Phát huy sâu - cạn tuy khác nhau, nhưng công phu nơi lý thể cố nhiên chẳng hai"*. Vì thế, những bậc thông minh duệ trí xưa nay đa số đều học Phật. Do đạt được tâm pháp của Phật nên mới hiểu thấu đáo tâm pháp của thánh nhân tiên hiền bên Nho; bởi lẽ nhà Nho đa phần coi trọng sự tướng, chẳng dốc sức ngộ hiểu tâm tánh. Nếu chẳng được Phật pháp hướng dẫn thì chính tâm mình còn chưa thể hiểu biết được, huống gì tâm pháp của thánh nhân ư? Do vậy, các nhà Nho câu nệ vào hình tích, đa số chê trách Phật giáo là do chẳng biết Phật pháp tuy là pháp xuất thế nhưng vẫn đầy đủ hết thảy những thiện pháp thế gian. Phàm là đạo luân thường, tu thân, tề gia cố nhiên cực lực hoằng dương, chẳng sót mảy may điều thiện nào, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, tùy theo chức phận ai nấy đều tận nghĩa, chẳng khác với những gì thánh nhân thế gian đã nói. Nhưng thánh nhân thế gian chỉ dạy con người tận nghĩa, tận phận, chứ đức Phật còn chỉ dạy cặn kẽ quả báo thiện ác của việc tận và không tận. Tận nghĩa, tận phận chỉ có thể dạy bậc thượng trí, chứ chẳng thể thâu nhiếp hết kẻ hạ ngu. Nếu biết quả báo thiện ác của việc tận và chẳng tận thì dù là phàm ngu cũng vẫn hâm mộ thiện báo, sợ ác quả; tuy chẳng muốn tận nghĩa, tận phận cũng phải gắng sức tận nghĩa, tận phận! Đấy là pháp để Như Lai phổ độ thượng trung hạ căn.

Đời thường có kẻ cậy vào sự hiểu biết, chẳng chuộng thật tu, bảo xằng nhân quả là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết: Như Lai viên thành Phật đạo, chúng sanh thường đắm chìm trong sanh tử đều chẳng ra ngoài nhân quả! Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của đương nhân tuy chẳng thuộc nhân quả, nhưng vẫn chẳng lìa nhân quả. Muốn vượt ra ngoài nhân quả nhưng chưa viên thành Phật đạo sẽ trọn chẳng thể được. Chưa thành Phật mà đã vội vàng bác bỏ nhân quả sẽ vĩnh viễn đánh mất thiện nhân thiện quả, thường tạo nhân ác, thường bị quả ác đến tột cùng vị lai chẳng thể ngưng dứt. Chẳng đáng buồn ư? Đời thường có kẻ chẳng biết Phật pháp, cứ xằng bậy chê bai Phật giáo, cũng có kẻ hơi biết Phật pháp tuy ngấm ngầm tuân theo, nhưng bề ngoài chê trách. Những thứ hành vi ấy đều do tri kiến môn đình quá nặng, chẳng thể thực sự cách vật trí tri, đến nỗi ý có chỗ chẳng thành, tâm có chỗ chẳng chánh vậy. Những lời lẽ ấy đều đủ sức làm mù lòa con mắt trí của chúng sanh, đoạn huệ mạng của Như Lai. Bậc đại nhân thời cổ thường lo cho điều ấy nên thuận theo căn cơ đả phá, khiến cho những kẻ thốt ra lời ấy và những kẻ lậm chất độc đó đều hiểu sâu xa duyên do *“đức Phật ta giáo hóa chúng sanh chẳng những không trái nghịch với Nho Giáo mà trái lại còn phát minh lớn lao Nho giáo, phụ trợ Nho Giáo đến tột lý, tột bậc!”*

Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm, yếu kém đến cùng cực, vứt bỏ pháp của tiên thánh gần như hết thuốc chữa. Phàm là những bậc lo cho đời không ai chẳng lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách, bởi lẽ Phật học chú trọng minh tâm và nhân quả báo ứng. Nếu

có thể hiểu được bổn tâm của chính mình, chắc chắn chẳng đến nỗi hiểu lầm nhân quả. Nếu thật sự không hiểu lầm nhân quả, chắc chắn sẽ hiểu rõ bản tâm của chính mình. Đã hiểu rõ được bản tâm của chính mình thì cũng sẽ nhờ đó thấu hiểu được tâm của bậc thánh nhân Nho gia thời trước lẫn tâm của Như Lai. Đấy chính là ý chỉ lớn lao Nho - Thích nhất quán vậy.

Cư sĩ Hoằng Đạo xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, xót thương những kẻ câu nệ, hẹp hòi, thấy biết lầm lạc, bèn thâu thập những lời cổ nhân đả phá, quở trách những kiến giải lầm lạc, kết hợp mọi ngôn luận của Nho - Thích, soạn thành một cuốn sách, đặt tên là Nho Thích Nhất Quán, muốn đem ấn loát lưu thông. Do Quang lúc ban đầu từng lậm chất độc của họ Hàn, họ Âu, làm một gã Nhất Xiển Đề, nên bảo Quang viết lời tựa, một là để thương mình, thương người, tự xót mình, xót người, hai là nhờ vào nhân duyên này tiêu diệt tội lỗi báng pháp để mong thỏa chí nguyện vãng sanh. Do vậy, chẳng nề hà kém cỏi, gắng gượng nêu ra những gì mình biết; tuy văn từ chẳng đáng để xem, nhưng xét về ý nghĩa lại có căn cứ. Nguyện người thấy nghe đều cách vật trí tri hòng tự sáng tỏ Minh Đức, bỏ lìa vọng tưởng, chấp trước, cùng chứng trí huệ của Như Lai thì ý thiết tha lưu lại giáo huấn của cổ nhân, tâm ông Hoằng Đạo soạn sách sâu xa nhằm diễn bày được bản hoài rộng lớn chẳng đến nỗi uổng công. Và nhờ vào đây, thế đạo nhân tâm được chuyển hồi cũng là điều đoán trước được, còn may mắn gì hơn!

75. Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện

Đức Như Lai điều ngự chúng sanh, tùy cơ thuyết pháp, tuy Quyền - Thật - Đốn - Tiệm bất đồng, Đại - Tiểu - Thiên - Viên khác biệt, nhưng cốt yếu đều là làm cho chúng sanh tự chứng Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi bổn tâm mà thôi. Nhưng Phật tánh ấy sẵn có ngay trong tâm này, chẳng từ ngoài đến, chẳng do gì khác mà được, như lấy của báu sẵn có trong nhà tùy ý sử dụng, hiện thành. Vì thế, chứng điều ấy là chuyện hết sức dễ dàng! Hiềm rằng chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, mê hoặc quá sâu, ví như gương báu bị bụi phủ cả kiếp, muốn cho nó khôi phục bản thể, hiện tột cùng ánh sáng chiếu trời soi đất, cố nhiên chẳng phải đổ công lau chùi, mài giũa một hai ngày là có thể đạt được ngay. Như Lai bi tâm chân thật thiết tha, biết sự khó khăn của chúng sanh dùng tự lực để tự chứng, dù có tu trì nhưng vì phiền hoặc chưa đoạn, hễ phải thọ sanh một lần nữa khó khỏi lại bị mê. Từ đó, đọa lạc thì nhiều, siêu thăng ít ỏi.

Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Người đã chứng thánh sẽ mau thăng lên địa vị bậc thượng; kẻ chưa đoạn Hoặc sẽ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. So với những ai chỉ cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì khó - dễ khác biệt một trời một vực. Vì thế, kể từ hội Hoa Nghiêm dẫn về, từ thuở tại Kỳ Viên diễn thuyết đến nay, ngàn kinh vạn luận chốn chốn chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về. Đến khi pháp truyền sang

Đông Chấn, Viễn Công đại sư xướng xuất tại Lô Sơn, quần hiền đương thời đều nhóm cả về, những người thông suốt đời sau đều quy hướng. Từ đấy, Tăng - tục bốn chúng hoặc là tu trọn vạn hạnh để hồi hướng, hoặc chuyên trì Phật hiệu để cầu vãng sanh. Đến khi lâm chung, chánh niệm rõ ràng, hiện các tướng lành để vãng sanh, làm sao thấy hết, biết trọn cho được? Những gì Vãng Sanh Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần đó thôi. Một trăm mấy mươi năm qua, người tu pháp này há có hạn lượng? Huống chi gần đây tầm mắt của bậc nhân sĩ rộng mở, hạng ngầm tu hiển hóa thật đông đảo. Trong số ấy, những người dùng tâm Phiền Hoặc khế hợp Như Lai trí, thoát khổ Sa Bà, dự vào hội Liên Trì càng đông hơn trước, há chẳng nên ghi chép thêm để rồi những chuyện ấy bị quên lãng hay sao? Cư sĩ Dương Huệ Kính ở Dư Diêu[182] riêng sưu tập những truyện đó, đặt tên là Cận Đại Vãng Sanh Truyện. Ý ông muốn những chuyện vãng sanh thu thập sau này sẽ được gộp hết vào bản thảo, nên những danh từ xưng hô cứ giữ nguyên văn, không sửa chữa gì thêm, sao cho [cách hành văn] theo cùng một lối, cốt sao để tạo lòng tin, chứ không bỏ công chọn lựa, gọt giũa. Đã thâu thập được bấy nhiêu chuyện ấy xong, muốn khắc in, lưu truyền, xin tôi viết lời tựa.

[182] Dư Diêu là một thành phố nhỏ ở phía Đông tỉnh Chiết Giang, phụ cận thành phố Ninh Ba. Tuy thế nơi này là quê hương của rất nhiều danh sĩ Trung Hoa như Vương Dương Minh, Hoàng Tông Hy, Hoàng Tông Vân, Nghiêm Tử Lăng, Từ Thu Bạch v.v…

Trộm nghĩ: Pháp môn tu trì có hai thứ bất đồng. Nếu cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ để đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử thì gọi là "pháp môn theo đường lối thông thường". Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật để cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là "pháp môn đặc biệt". Đường lối thông thường thì hoàn toàn cậy tự lực, còn đường lối đặc biệt thì tự lực lẫn Phật lực đều có. Nếu có công tu Định - Huệ đoạn Hoặc sâu xa nhưng không chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn thuộc về tự lực. Nay dùng thí dụ để chỉ rõ: Đường lối thông thường giống như vẽ núi sông, ắt phải từng nét bút, từng vạch một mới dần dần vẽ thành. Còn [pháp môn] đặc biệt như chụp cảnh sông núi, dẫu cho mấy mươi tầng núi non um tùm, chụp một cái liền đầy đủ. Lại nữa, đường lối thông thường như đi đường bộ, người mạnh một ngày bất quá đi được một trăm mười dặm; còn pháp môn đặc biệt như cưỡi Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta không có tư cách thành Phật ngay lập tức, lại không có thật chứng "đoạn được Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo ác nghiệp", nếu chẳng chuyên tu Tịnh nghiệp để hòng cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh thì chỉ e đến tột cùng đời vị lai vẫn cứ phải chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo không cách gì thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Nguyện những người cùng hàng với tôi đều sanh chánh tín.

76. Lời tựa cho sách Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Tùy Văn Lục (tục gọi là Lương Hoàng Sám)

Tâm của chúng ta thể vốn sáng sạch. Do vô minh nên phiền hoặc bèn sanh. Phiền hoặc đã sanh bèn thành tối tăm, dơ bẩn, khiến cho bản thể sáng sạch bị ngăn lấp, chứ thật ra nó chưa hề bị tổn giảm một mảy may nào. Muốn trở về cội, quay về nguồn mà không cạn hết lòng thành, dốc hết lòng kính, cung kính đối trước Tam Bảo sám hối nghiệp chướng thì sẽ không thể nào đạt được! Các kinh Đại Thừa đều có những đoạn văn dạy sám hối, tùy theo con người tôn trọng pháp nào sẽ soạn sám pháp [cho kinh ấy], như Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Tịnh Độ, Đại Bi v.v…

Bộ sám pháp này phô bày tường tận tội tướng (những hình tướng của tội lỗi) là vì Lương Vũ Đế muốn cứu độ người nguyên phối là phu nhân Hy Thị đã mắc nỗi khổ đọa làm thân mãng xà, cũng như muốn khiến cho hết thảy nhân dân cùng được pháp lợi thấm nhuần, bèn đặc biệt thỉnh ngài Chí Công và các cao tăng, tra đọc các kinh văn, soạn thành sám pháp. Nhà vua lúc ấy cũng nâng ngọn bút sắc sảo phát huy ý chỉ đến tột bậc. Tiếc là nhà vua chưa thông hiểu pháp môn Tịnh Độ, nên khi sám văn soạn xong, bà Hy Thị mang thân một vị trời trang nghiêm đẹp đẽ đến cảm tạ. Nếu như nhà vua hiểu rõ Tịnh tông, ắt phu nhân cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, cao dự hải hội, lên địa vị Bất Thoái, há lẽ nào nhờ vào đại pháp đại tâm này, rốt cuộc chỉ được sanh lên trời mà thôi! Những người lễ sám đời

sau đều phải nên chú ý hồi hướng vãng sanh thì mới đạt được lợi ích rốt ráo thật sự.

Sám pháp này lấy đại Bồ Đề tâm làm gốc, từ đấy cạn lòng thành, tận lòng kính, ngoài thì kính mộ chư thánh, phơi bày tội lỗi, trong thì trọng tánh linh của chính mình, cho nên được tâm chúng sanh và tâm Phật dung thông, cảm ứng đạo giao, tiêu trừ tội cấu bao kiếp, khai phát tâm quang sẵn có. Lợi ích ấy chẳng thể nào nói trọn! Lời văn tuy rõ ràng, giản dị, so với những sám pháp của tông Thiên Thai chỉ chú trọng đến Lý Quán, chẳng nêu rõ các tội tướng, thì sám pháp này thích hợp khắp cả ba căn. Từ xưa đến nay, sám pháp này chưa từng được giảng giải hay chú giải là vì văn lẫn nghĩa đều rõ ràng, rộng mở, không cần phải giảng nói hay chú giải.

Phải biết pháp không có cạn hay sâu, chỉ cốt sao lợi người; luật không có nghĩa lý u huyền, thế mà Đạo Tuyên luật sư là bậc thượng căn lợi trí còn phải nghe giảng mười lần cũng như đã soạn chú sớ vẫn chưa cảm thấy hoàn toàn tường tận, há có nên đối với riêng một pháp này lại coi thường ư? Ngài Đế Công (pháp sư Đế Nhàn) chùa Quán Tông, do thấy thời này đang nhằm thời Mạt Pháp, con người đa số chẳng tự biết tỉnh ngộ khiến cho hành vi lẫn sở học trái nghịch nhau, nên Ngài bèn phát tâm diễn giảng, hy vọng con người ai nấy trọng lòng kính, giữ lòng thành, rửa tâm gột ý, cẩn thận dè chừng nơi những gì mình chưa thấy, kiêng sợ đối với những gì mình chưa nghe, học đi đôi với hành, ngõ hầu đứng vững nơi không lầm lỗi mới thôi!

Ông Phương Viễn Phàm xưa có linh căn, tuy xuất thân từ nhà giàu có, lại khá thích thanh tu, mỗi phen được nghe diệu nghĩa đều bèn lãnh hội được. Lần này nghe giảng bèn ghi chép lại, lại được ba vị sư là Bảo Tịnh, Thành Nhất, Thường Tịnh giúp đỡ biên tập thành sách. Cha mẹ ông cùng nghe giảng, đều tận lực ghi chép cẩn thận. Có thể nói là *"thấy con liền biết được cha mẹ",* chẳng phải là hạng cha mẹ như thế sẽ không sanh được người con như thế! Ông Phương muốn đem in, xin tôi viết lời tựa. Tôi nghĩ trong những điều quan trọng của việc tu hành thì Kính là bậc nhất. Ai trọng lòng kính, giữ lòng thành thì hết thảy phàm tình không cách nào khởi lên được, thánh trí sẵn có tự nhiên phát hiện. Phàm hết thảy nhân - ngã, thị - phi, vô minh, kiêu căng, phách lối cũng như những tập khí lười nhác, biếng trễ, chần chừ, uể oải đều bị tiêu diệt. Huống chi cung kính đối trước Tam Bảo phơi bày tội lỗi ắt cái tâm hổ thẹn, kinh sợ, ý niệm mong thành thánh thành hiền như đang đói, đang khát [mong được ăn, được uống] sẽ tràn trề nẩy sanh. Trên ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, đau đáu nghĩ mình và chư Phật có cùng một tâm tánh, cớ sao các Ngài đã viên chứng tam giác[183], ta vẫn cứ luân hồi mãi trong lục đạo? Từ đấy, sửa đổi lỗi cũ, tu tập, bỏ mê quy ngộ. Ví như Ma Ni bảo châu rớt trong nhà xí, liền nhặt đem ra, gột rửa nhiều phen mong sao khôi phục sự thanh tịnh vốn

---

[183] Có hai cách hiểu chữ Tam Giác:
1. Tam Giác là ba đức tánh của quả vị Phật: Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn.
2. Tam Giác như trong Đại Thừa Khởi Tín Luận đề xướng: Bổn Giác, Thỉ Giác và Cứu Cánh Giác.

có. Đến khi đã trong sạch đến cùng cực thì treo trên tràng cao, ắt sẽ tùy ý tuôn ra các báu. Đại sự nhân duyên ấy nếu chẳng phát huy ý chỉ của văn hay nghĩa đến cùng cực thì rất có thể sẽ có người chẳng được lợi ích thật sự. Cuốn Tùy Văn Lục (sách ghi chép những lời được nghe giảng) này đáng được lưu truyền rộng khắp.

77. Lời tựa sách Nhân Quả Lục

Nhân quả báo ứng chính là ảnh hưởng thuận hay nghịch giữa nhân sự và thiên lý. Vì thế, kinh Thư chép: *"Thuận theo lý dẫn đến điều lành, trái nghịch lại thì xấu, đều chỉ vì ảnh hưởng"*. Người dẫu chí ngu chắc chắn cũng không vui mừng vì bị tai họa, tránh điều lành, ham điều xui, mong hết thảy những người chung quanh réo tên thóa mạ, bị thiên địa quỷ thần đoạt hồn giết hại, cũng như sau khi chết đi linh hồn bị đọa vĩnh viễn trong ba đường ác, chịu đựng khổ sở cùng cực trải trăm ngàn kiếp không thể thoát ra! Nhưng những gì người ta làm đa phần đều trái nghịch với những gì họ mong mỏi, là vì lẽ nào vậy? Là do cõi đời thiếu người thông hiểu, chẳng đề xướng đạo nhân quả báo ứng, sẵn quen thói tệ hại, chỉ biết truyền cho nhau thói tự tư tự lợi mà nên nỗi! Nếu như có ai hành động thuận theo thiên lý, trong gia đình thì trọn hết bổn phận, giao tế bên ngoài thì chú trọng làm lợi cho người, cũng như những cử chỉ tốt lành đều phụng hành, như giúp người bị tai họa, cứu đói, giúp người hoạn nạn, cứu người đang gặp nguy, kiêng giết, phóng sanh, che chở, thương tiếc sanh mạng loài

vật, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật ngõ hầu mình lẫn người đều được lợi, u lẫn hiển cùng được ích thì không một ai chẳng được gia đình yên tịnh, tốt lành, con cháu thạnh vượng, phú quý sang cả, khiến cho người khác kính ngưỡng. Xem khắp các truyện ký, phàm những bậc hiền triết xuất hiện, công nghiệp kiệt xuất, hoặc là tâm lãnh hội đạo được truyền bởi chư thánh, hoặc là đức khiến cho vạn dân trọng vọng thì đều là do đời trước có âm đức, hạnh đẹp "lợi người, lợi vật, giúp cho cả người âm lẫn kẻ dương" vậy. Nhưng đấy chỉ là những gì mắt phàm thấy được mà thôi, chứ còn thần thức người ấy hoặc sanh lên cung trời hoặc cao siêu Phật quốc, phàm phu thế gian làm sao thấy hết, biết hết cho được?

Nêu thật rõ lý nhân quả thật ra chỉ có mỗi mình kinh Phật, nhưng kinh sách Nho giáo cũng nhiều lần nói đến. Như kinh Thư ghi *"làm thiện trăm điều lành giáng xuống, làm điều bất thiện, trăm tai ương giáng xuống"* cũng như thuyết *"ngũ phước lục cực"* được nói đến trong sách Hồng Phạm, và câu kinh Dịch *"nhà tích thiện ắt điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa"*, không gì chẳng phải đều là dùng lý nhân quả báo ứng để dạy người đó sao! Nhưng vì nói giản lược, chỉ nói đến đời này và con cháu, chưa nói tường tận chuyện luân hồi lục đạo tam đồ trong quá khứ, hiện tại, vị lai; nếu chẳng nghiên cứu sâu xa, suy nghĩ tinh tường, ắt sẽ ngay trước mặt lại bỏ lỡ! Hơn nữa, kẻ tục Nho thường muốn đề cao môn đình bèn tranh đua cho khác với nhà Phật, dù có biết đi nữa cũng chẳng chịu đề xướng, khiến cho người hiền không có cách tận lực làm cho đời yên dân lành, mà kẻ ngu cũng luôn ôm

ấp ý niệm "mạnh ăn thịt yếu". Do vậy, tấn công lẫn nhau trở thành cuộc sát kiếp xưa nay chưa hề nghe nói đến.

Người bị giết cố nhiên ai nấy biết là đáng thảm, nhưng nỗi thảm của kẻ giết hại còn khốc liệt gấp vạn lần. Tiếc rằng người đời chẳng biết tỏ, thấy suốt! Cái họ thấy được như "bị người khác giết, hoặc diệt môn tuyệt tộc" chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần, còn sự khổ phải hứng chịu trong tam đồ dù có hết sạch trúc cũng khó ghi được, chẳng đáng buồn ư? Tôi thường nói: *"Nhân quả chính là phương tiện lớn lao thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh"*. Dù nhằm thuở thánh giáo xương minh, nếu không đề xướng nhân quả thì còn chẳng thể làm cho mọi kẻ ngu dân ngấm ngầm đoạn dứt hay giấu ác, người trí đều tích chứa âm công lớn lao; huống chi nay đang lúc thế đạo nhân tâm suy hoại đến cùng cực, vứt bỏ kinh sách của thánh hiền, luân lý đổ nhào, tà thuyết hoành hành đều đến mức cùng cực ư? Những người có tâm lo cho thế đạo nghĩ muốn kéo lui con sóng cuồng loạn nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng làm phương tiện chấn động kẻ điếc, soi sáng kẻ đui thì dẫu cho Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều cùng xuất thế cũng không làm gì được, huống gì những kẻ thấp kém hơn các Ngài!

Cư sĩ Kim Xương ở Vô Tích[184] thấy được điều này bèn chép lại những chuyện nhân quả trong những đời

[184] Vô Tích là một thành phố thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc lưu vực sông Trường Giang, ở gần Thái Hồ và Tích Sơn. Theo truyền thuyết, do mỏ thiếc ở Tích Sơn bị cạn nên mới có tên này.

gần đây và trong đời này, ấn loát lưu truyền, mong cho ai nấy đều ôm lòng tự lợi lợi tha, mang hạnh tự lập, lập người thì thói quen càng chánh trực, phong tục tốt đẹp, dứt bặt nhân họa mà quyến thuộc trời cũng thường ngự xuống. Những loài cạnh tranh với nhau đều cùng trở thành người trong thời Hy - Hoàng. Do vậy bèn lược thuật đại ý để cống hiến cùng người đọc.

78. Lời tựa cho sách Sanh Tây Kim Giám

(sau này đổi tên thành sách Tịnh Độ Thanh Chung)

Thế giới Sa Bà dùng âm thanh làm Phật sự. Biển khổ sanh tử, không niệm Phật chẳng thể thoát lìa! Bao nhiêu chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, nhiều kiếp lâu xa luân hồi sanh tử. Do vậy, động đến lòng Bi Đồng Thể của đức Thích Ca Thế Tôn ta, Ngài bèn đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương, thành tựu cho bậc đại căn cơ mau chứng Pháp Thân, nâng đỡ kẻ căn cơ kém cỏi mau thoát sanh tử. Những giáo pháp khác trong suốt một đời đức Phật đều chẳng sánh bằng được! Do vậy, những bậc cao nhân lỗi lạc ở Tây Thiên, Đông Độ không ai chẳng dùng pháp này để tự hành, dạy người, bởi pháp này chính là diệu môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật vậy.

Cư sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh) thâu thập những nhân duyên lập pháp độ sanh của Phật, Bồ Tát và những sự tích niệm Phật vãng sanh của cổ đức, tăng, ni,

vua, quan, nam nữ cho đến loài vật trong các đời, lại còn sao lục những câu nói hoằng dương Tịnh Độ thiết yếu soạn thành một cuốn sách, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Cư sĩ Liên Quy lại soạn tiếp cuốn [Tịnh Độ Thánh Hiền] Tục Lục, đều nhằm làm kim chỉ nam cho những kẻ mê mất quê nhà, làm gương báu cho những ai chẳng nhận biết chính mình. Nhưng do số quyển quá nhiều chẳng thuận tiện cho hàng sơ cơ, nên cư sĩ [Phan] Đối Phù muốn làm cho kẻ sơ cơ dễ nẩy sanh lòng tin tưởng, do vậy bèn đối với hai bộ Chánh Lục, Tục Lục ấy, trích yếu những sự tích rõ ràng nhất gồm hơn hai trăm chuyện, lại viết thêm lời tán, đặt tên là Sanh Tây Kim Giám (gương vàng sanh Tây) ngõ hầu người đọc nhìn vào gương cổ nhân nẩy sanh lòng kính ngưỡng, ca ngợi. Ý ấy thật sâu xa.

Xưa kia, Tử Phòng (Trương Lương) muốn phá quân Sở liền truyền quân mình cùng hát những bài ca nước Sở, quân Sở nghe hát đều muốn quay về. Huống chi đương lúc thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra, vận nước nguy ngập dân không lẽ sống này, lại thêm tà thuyết tung hoành, bè lũ ma lừng lẫy, tà chánh chẳng phân, không có gì thích đáng để theo, vừa được nghe quang cảnh thế giới Cực Lạc vượt ra ngoài kiếp, trang nghiêm sẵn có, há chẳng muốn quay về để vui với thiên chân của chính mình ư? Nếu người đọc hiểu thấu suốt sự lợi - hại giữa Sa Bà và Cực Lạc, lại còn [được nghe] ca ngợi nhiều lần thì tôi biết cái tâm cầu sanh Tây Phương của họ sẽ như sông ngòi lúc vỡ đê, thế khôn ngăn được vậy!

79. Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ

Pháp môn Niệm Phật cao cả thay! Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng bất biến. Tuy thường chẳng biến nhưng niệm niệm tùy duyên, chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới, chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo, chẳng duyên theo nhân thiên sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên nhiễm - tịnh bất đồng cho nên quả báo khổ - vui rất khác. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi gì, nhưng Tướng - Dụng cố nhiên khác nhau một trời một vực! Ví như hư không mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn bèn tối. Tuy bản thể của hư không chẳng do mây hay mặt trời mà tăng - giảm, nhưng tướng hiển hiện hay ngăn lấp cố nhiên có nói trọn năm cũng chẳng hết.

Do vì nghĩa này, Như Lai dạy khắp các chúng sanh duyên niệm nơi Phật. Vì thế nói: *"Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa"*. Lại nói: *"Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh"*. Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng niệm Phật thì chưa bao giờ có chuyện ấy! Một pháp Niệm Phật chính là lấy hồng danh vạn đức

của Như Lai làm duyên, mà hồng danh vạn đức ấy lại chính là vô thượng giác đạo Như Lai đã chứng nơi quả địa! Do dùng Quả Địa Giác ấy làm Nhân Địa Tâm nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò chúc loài sâu[185], lâu ngày sẽ hóa thành [tò vò]. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh, công năng lực dụng ấy vượt trội hết thảy những pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực đoạn Hoặc chứng Chân mới liễu thoát sanh tử; còn pháp môn Niệm Phật thì tự lực lẫn Phật lực hai thứ đều đầy đủ. Vì thế, người đã đoạn được Hoặc nghiệp bèn mau chứng Pháp Thân, người còn đầy đủ Hoặc nghiệp sẽ đới nghiệp vãng sanh.

Pháp này cực kỳ bình thường, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng đạt được lợi ích, nhưng lại cực huyền diệu, dẫu là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt khỏi phạm vi pháp này. Bởi vậy, không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, thật là một pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, cố nhiên chẳng thể dùng giáo lý thông thường để biện luận được. Chúng sanh đời Mạt Pháp phước mỏng huệ cạn, chướng dầy, nghiệp sâu

---

[185] Dân gian Trung Hoa khi xưa tin rằng con tò vò phải bắt những con sâu đem về bỏ vào tổ của chúng, rồi cứ nhắc nhở: "Biến thành tò vò!" thì những con sâu ấy lâu ngày sẽ biến thành tò vò chui ra. Thật ra, tò vò bắt những con sâu ấy bỏ vào tổ rồi đẻ trứng lên đó, tò vò con nở ra sẽ ăn thịt con sâu ấy. Khi tò vò con đã đủ sức, nó sẽ khoét tổ chui ra. Do vậy, dân gian tưởng lầm sâu nở ra thành tò vò. Ở đây, Tổ mượn truyền thuyết dân gian để nói cho người đương thời dễ hiểu.

chẳng tu pháp này, cứ muốn cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khó khăn muôn phần! Trụ Trì chùa Thê Chân là hòa thượng Liên Nhân thấy được điều này nên đặc biệt lập đạo tràng niệm Phật suốt năm tại điện Tam Thánh, nhờ tôi giãi bày ý ấy ngõ hầu người thấy nghe phát tâm. Do vậy, tôi bèn viết đại lược như vậy đó.

80. Lời tựa cho đồng tu tịnh nghiệp của Quy Tông tinh xá

Hết thảy các pháp môn được nói trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai tuy Đại - Tiểu bất đồng, Quyền - Thật đều khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, phô bày trọn vẹn cái họ sẵn có, thành ngay vào Phật đạo đó thôi! Nhưng vì chúng sanh căn cơ bất nhất, khiến cho đức Như Lai phải tùy thuận cơ nghi, lập ra đủ mọi cách thuyết pháp Thiên - Viên - Đốn - Tiệm. Nhưng chúng sanh luân chuyển sanh tử bao kiếp dài lâu, Hoặc nghiệp sâu dầy ngăn lấp diệu minh, nếu không phải là người túc căn thành thục lại muốn ngay trong một đời này hoàn thành thì thật là hiếm có mấy ai. Đã chẳng thể hoàn thành ngay trong một đời này thì phải thọ sanh lần nữa, những kẻ vừa mê vừa thoái thất trong vạn người có đến mười ngàn, những người vừa ngộ vừa tiến trong ức người chẳng được ba bốn.

Cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ để đoạn phiền hoặc chứng Niết Bàn khó khăn như thế đó, khiến cho bản hoài phổ độ chúng sanh của Như Lai bị ngăn trở

chẳng thể thông suốt được, đạo làm cho chúng sanh mau thoát sanh tử bị bế tắc không thông. Nhưng đức Như Lai đại từ ắt muốn làm cho hết thảy chúng sanh cùng trong một đời này được liễu thoát sanh tử siêu phàm nhập thánh nên bèn mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận thượng trung hạ căn đều được độ thoát ngay trong đời này, dùng chính tín nguyện của mình để niệm Phật cảm Phật từ bi nhiếp thọ, do cảm ứng đạo giao nên đạt được lợi ích ấy. Những người đã đoạn được phiền hoặc sẽ có thể chóng chứng được Pháp Thân, mau thành Phật đạo. Dẫu là kẻ Hoặc nghiệp sâu dầy cũng có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Do vậy, trong hội Hoa Nghiêm các bậc Đẳng Giác Bồ Tát chứng bằng với chư Phật còn phải dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc; trong Quán Kinh những tội nhân nghịch ác sắp đọa A Tỳ địa ngục do xưng niệm hồng danh mười lượt mà được dự vào các phẩm cuối. Độ khắp ba căn, lợi - độn gồm thâu, hết thảy chúng sanh trong tận pháp giới cứ hễ có tín nguyện thì không một ai chẳng được thấm nhuần, viên đốn thẳng chóng, vượt trỗi hết thảy các pháp môn. Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng tu pháp này, cứ tu tràn lan các pháp môn cậy vào tự lực khác thì chỉ đạt được cái nhân đắc độ trong tương lai, quyết khó thể đắc quả liễu thoát ngay trong đời này!

Cư sĩ Vương Chửng Bang ở Hạ Môn túc căn sâu dầy, hạnh trong đời này tinh thuần, tin chắc nhân quả, chuyên dốc tu Tịnh nghiệp, muốn cho khắp mọi người đều sanh Tịnh Độ bèn dựng tinh xá tại bên trái Thái

Bình Nham ở Bổn Phụ, ngõ hầu những người cùng chí hướng tùy theo thân phận đến đấy niệm Phật, gieo nhân vãng sanh. Vào ngày Chủ Nhật, đặc biệt thỉnh những người thông hiểu đến giảng diễn duyên do pháp môn Tịnh Độ và pháp tắc tu trì cũng như mọi lợi ích trong hiện đời và sau khi chết đi, cũng có thể nói ông ta là người đầy đủ tâm đại bi, có con mắt chọn lựa pháp vậy! Ông lại gởi thư xin tôi đề biển tên [tinh xá] và trình bày đại ý. Tôi nghĩ một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn thù thắng để tam thế chư Phật dưới độ chúng sanh, để chín giới chúng sanh trên thành Phật đạo, là pháp môn thành thủy thành chung[186] thù thắng, cao vượt hết thảy Thiền - Giáo - Luật, thống nhiếp hết thảy Thiền - Giáo - Luật. Bởi lẽ, hết thảy các pháp truy đến nguồn gốc ban đầu thì không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, xét đến chung cục thì không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Do vậy, bèn đặt tên là Quy Tông, ngụ ý: Hết thảy các pháp môn rốt cuộc đều quy về pháp này, giống như ý nghĩa sông ngòi đều chầu về biển cả vậy. Nghĩa này được tìm ra từ chỗ "quy tông" ở cuối kinh Hoa Nghiêm, những ai không tin được thì xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát.

Lại nữa, phàm hết thảy những thiện tín tu Tịnh nghiệp đều phải tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy tận sức vâng giữ bổn phận, kiêng giết, ăn chay, thanh tâm, ít ham muốn, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều

---

[186] Thành thủy thành chung (thành ban đầu, thành sau rốt), gọi như vậy vì hành nhân dùng pháp này để viên thành Phật đạo. Đó là "thành thủy". Thành Phật rồi lại dùng pháp này để thành tựu chúng sanh cùng viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

lành, dùng việc làm của chính mình để hóa độ, hướng dẫn hết thảy, trong là cha mẹ quyến thuộc, ngoài là bầu bạn xóm làng, khiến cho hết thảy những người cùng hàng đều biết *“tâm này là Phật”*, cố nhiên thường học theo Phật hạnh, cùng tu Phật từ, cùng niệm Phật danh để mong sao hết một báo thân này vãng sanh Tây Phương, thoát luân hồi huyễn vọng, chứng Phật tánh sẵn có mới thôi!

81. Lời tựa trình bày duyên khởi của hội Phật Giáo Đài Loan

Phật giáo chính là cái gốc lớn lao của hết thảy các pháp, hết thảy các giáo. Vì sao nói thế? Hết thảy các pháp do tâm kiến lập, hết thảy phàm - thánh do tâm xuất sanh. Hết thảy các giáo trong thế gian tuy đều nói đến tâm, nhưng những gì được [các giáo ấy] nói chỉ là luận về tác dụng của tâm, chứ cội nguồn cùng tột của bản thể *“bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tâm làm tam thừa, tâm là tam thừa, tâm làm lục đạo, tâm là lục đạo”* thì các giáo đều chưa phát huy được! Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta triệt ngộ tự tâm, biết tâm của hết thảy chúng sanh và tâm của Như Lai không hai không khác, nhưng do mê nên chưa ngộ, oan uổng làm chúng sanh, cho nên nói: *“Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*. Lại nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, ta là Phật*

đã thành, các ông là Phật chưa thành”. Đấy đều là những điều đức Phật nói ra khi mới vừa thành Phật trong các hội Hoa Nghiêm, Phạm Võng. Do vì đại căn chúng sanh mau chóng ngộ tự tâm, nhập Phật tri kiến, còn hàng tiểu căn chưa thể nhập được ngay nên Phật thuận theo cơ nghi để thành thục họ. Lại muốn cho hết thảy dù thánh hay phàm cùng trong một đời này thoát lìa sanh tử nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương, khiến cho hết thảy những ai không có sức đoạn Hoặc, chẳng thể vượt thoát ra ngoài luân hồi đều cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh, cao dự chín phẩm trong hội tốt lành, thân cận ánh sáng yên vui của Phật Di Đà, để rồi rốt ráo chứng triệt để tự tâm mới thôi! Lòng chân từ đại bi vỗ về, nuôi dạy kẻ căn cơ nhỏ nhoi của đức Như Lai có thể nói là tột bậc không còn gì hơn được nữa!

Phật pháp tuy gọi là pháp xuất thế gian, nhưng thật ra đạo luân thường hiếu để thế gian và pháp “cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình” đều được Phật pháp phát huy đến cùng tận, chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, hạo khí ngời trời đất, tinh thành lòa nhật nguyệt, lời lẽ, hành vi trở thành pháp tắc cho cõi đời phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra; những người thông minh duệ trí vượt trỗi muôn người không ai chẳng cung kính sùng phụng Phật pháp, hộ trì, lưu thông, để về mặt ngầm là giúp cho thế đạo, về mặt lộ là giữ yên dân tình, hòng đạt được hiệu quả thật sự là làm cho dân chúng ngày càng hướng thiện mà chẳng biết. Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi, không có được con

mắt trí như vậy thường chỉ trích bừa bãi, bảo Phật pháp khinh miệt luân lý, vô ích cho quốc gia. Bọn họ chấp nhặt chuyện bỏ tục xuất gia, chẳng biết Phật giáo dạy người tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, che chở sanh vật, tín nguyện niệm Phật ngõ hầu lúc sống dự vào dòng thánh, khi chết về cõi Cực Lạc. Khắp trọn thế gian hết thảy kẻ phú quý, bần tiện, trí, ngu, hiền, tệ, già, trẻ, trai, gái, không ai chẳng thể nương theo pháp này tu tập, há phải đâu chỉ có mình người xuất gia [mới làm được] ư?

Nếu như hết thảy mọi người thật sự nương theo pháp này tu tập thì gần là hưởng niềm vui thoát khỏi tam giới, xa là chứng quả phước huệ nhị nghiêm. Phải biết do Như Lai nêu tỏ lý "tâm sẵn có Phật tánh" và sự "nhân quả ba đời" nên đã khiến cho không biết bao nhiêu kẻ ngu phu ngu phụ trở thành thánh hiền, khiến cho không biết bao nhiêu kẻ đại ác ngoan bướng, hung hãn dứt bỏ lòng ác ngầm. Do vậy, thực hành Phật pháp thì thiên địa quỷ thần thảy đều hiện điềm lành, huống chi là con người? Ngay như một pháp xuất gia cũng chẳng phải là khinh miệt luân thường; bởi lẽ những người ấy được cha mẹ cho xuất gia, tu tinh ròng phạm hạnh, dùng công đức tu trì của chính mình để hồi hướng cho cha mẹ, mong sao thần thức cha mẹ thoát khỏi tam giới ngự lên chín phẩm, ngộ Vô Sanh, chứng bản tánh. So với những kẻ hiếu dưỡng, nhưng để cha mẹ luân hồi trong tam đồ lục đạo bao kiếp dài lâu không nơi nương tựa, chẳng tốt hơn lắm hay sao?

Huống chi Phật dạy đệ tử coi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ thân quyến trong quá khứ, dùng tâm từ bi hành hạnh phóng sanh. Chẳng những đối với cha mẹ trong đời này không nỡ lòng coi thường gạt qua một bên, mà còn đối với hết thảy những sanh vật sống trên đất, dưới nước, bay trên không cũng chẳng nỡ coi thường bỏ qua. Dù cho sức chẳng thể lo hết, vẫn dùng bi tâm thiện niệm vì họ niệm Phật, mong cho họ mau thoát khỏi ác đạo, mau sanh về Tây Phương mới thôi! Do vậy nói rằng: *"Nếu con người hành theo Phật pháp sẽ thắng tàn bạo, bỏ giết chóc, thế đạo thái bình vậy!"* Hơn mấy mươi năm gần đây, sát kiếp trọn khắp trong ngoài nước, do khí ác ấy chiêu cảm thiên tai, lụt lội, hạn hán, bão tố, động đất liên tiếp giáng xuống, vận đời nguy ngập, dân không lẽ sống. Những vị lo cho đời nghĩ cách cứu vãn, bèn lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách. Nếu con người biết được nhân quả ba đời, sự thật luân hồi lục đạo và diệu đạo *"nhất niệm tâm tánh của chúng ta chẳng khác với chư Phật"* thì có ai chịu dùng cái vốn *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"* để tạo nghiệp sanh tử, vĩnh viễn đọa trong ác đạo hay chăng?

Đại sư Đằng Chiếu ở Đài Loan thương cho đời nhiều kẻ không biết, thề muốn lợi khắp đồng nhân nên tính lập hội Phật giáo để đề xướng, giảng thuyết khiến cho đại chúng đều biết. Thoạt đầu, hội ấy định kỳ tu trì để làm gương mẫu ngõ hầu phong thái ấy được lưu hành khắp cõi, khiến cho nhà nhà Quán Thế Âm, chốn chốn Di Đà Phật. Lại còn lưu thông những kinh điển được in khắc từ các nơi, khiến cho những ai có tín tâm

hiểu được văn nghĩa đều được đọc tụng, thọ trì, hòng tận lực thực hành luân thường, trọn hết bổn phận, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, che chở loài vật, tín nguyện niệm Phật để mong sao sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được. Sư biết Quang là người có cùng chí hướng, bèn gởi thư nhờ viết lời tựa, nên tôi bèn diễn giải đại lược "Phật giáo lợi khắp hết thảy hữu tình" vậy!

82. Lời tựa Phát Ẩn[187] cho Ngô Tùng[188] Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, vốn dùng nhất tâm để lập, tùy cơ nghi mà thuyết pháp. Tuy gọi là pháp xuất thế gian nhưng thật ra trọn đủ hết thảy thiện pháp thế gian. Tuy chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào, nhưng lại chẳng chấp vào một pháp (*"Chẳng chấp"* là chẳng cho đó là đức, chẳng tự mãn, cho là đủ. Nếu hiểu lầm chẳng tận lực thật hành là *"chẳng chấp"* thì lầm to mất rồi!) Chỉ vì không chấp trước nên hành đến rốt ráo. Xưa nay, những ai hạnh tốt đẹp hơn người đa phần là do học Phật đắc lực mà ra. Do vậy, từ ngay nơi cái tâm phàm phu bèn khế hợp Như Lai Tạng, đối với mỗi một pháp thảy đều thông đạt đến cùng tột cội nguồn, đích thân chứng được Thật Tướng.

---

[187] Phát ẩn là trình bày những nghĩa lý ẩn kín, làm cho được phô bày rõ ràng.

[188] Ngô Tùng là một thị trấn công nghiệp thuộc Thượng Hải, nằm ngay trên sông Hoàng Phố.

Tuy là lý u huyền sâu thẳm đến tột cùng, nhưng tùy theo căn cơ lớn - nhỏ đều có thể nhập được, trọn khắp thế gian không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được! Bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này vậy! Phải biết vô lượng pháp môn đều phải dùng tự lực đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát sanh tử được; tìm lấy một pháp nhiếp thọ chúng sanh phổ biến nhất, cứu vớt nhanh chóng không ngằn mé, ba căn thượng trung hạ đều cùng tu, chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, Thỉ Giác, Bổn Giác chẳng hai, chẳng đoạn phiền hoặc, chẳng cần phải đợi đến đời khác mà liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này thì chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ là được như vậy.

Do vậy, bậc thượng căn như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ căn như phường Ngũ Nghịch, Thập Ác đều là những căn cơ được nhiếp thọ bởi pháp môn Tịnh Độ. Do pháp này thật giản dị, thật dễ dàng, thật nhanh chóng, thật viên mãn, nên nó giống như đại địa chở khắp muôn vật, như biển cả dung nạp các dòng nước. Phàm những ai học Phật tu Tịnh nghiệp đều phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, chỉ cốt sao chẳng thẹn với thiên chức thì mới tạo lập được cơ sở để học Phật. Tiến hơn bước nữa thì cung kính thọ Tam Quy, kính cẩn tu Thập Thiện, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện (Chuyện *"đừng làm"* và *"vâng làm"* phải căn cứ nơi khởi tâm động niệm mà luận, nếu chỉ luận trên mặt sự tướng thì là tự dối mình, lừa người vậy), kiêng giết, che chở loài vật, thương tiếc mạng sống loài

vật, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người như thế là của báu trong thế gian, sống được nổi tiếng, chết về cõi Phật.

Lại phải biết dùng những chuyện ấy cảm hóa hết thảy từ thân đến sơ, từ gần đến xa, khiến cho hết thảy mọi người cùng thành thiện nhân, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần đảm nhận việc nước, cảm hóa những điều tàn bạo đã phát sanh, tiêu trừ họa loạn khi còn chưa chớm. Do vậy, phong tục thuần mỹ, nhân tâm biến đổi lớn lao, tai tiêu phước thạnh, quyến thuộc trời thường đến, công đức ấy chẳng thể diễn tả được! Nếu chỉ lăm lăm trộm lấy cái danh học Phật, chẳng chuyên chú học Phật thật sự, sẽ trở thành tội nhân đối với Phật pháp, chẳng những cái hư danh chẳng thể đạt được mà còn sẽ bị tai họa thật sự xảy đến về sau. Ví như trẻ nhỏ vô tri, đem Ma Ni Bảo Châu trị giá tam thiên đại thiên thế giới đổi lấy một miếng đường để ăn. Đường chẳng thể no bụng, lại còn bị mất chỗ nương cậy cho cả một đời, muốn chẳng chết vì đói lạnh há có được ư? Các cư sĩ ở Ngô Tùng mở ra Phật Giáo Cư Sĩ Lâm muốn cho hết thảy đồng nhân dốc chí tu trì, ngõ hầu ai nấy đạt được lợi ích thật sự, xin Quang viết mấy lời để làm bài cảnh sách. Nhân đấy bèn trình bày đại ý.

Xem đó thì biết Phật pháp là gốc của các pháp thế gian. Những kẻ câu nệ hẹp hòi kia do không có con mắt trí nên chẳng thể thấy thấu suốt, bèn nói Phật pháp diệt luân lý, vô ích cho con người, quốc gia, có khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng được hưởng ân che chở, chiếu soi của bầu trời và mặt trời nên được thành người, nhưng vì

chẳng thấy bèn bảo là không có, chẳng đáng buồn lắm ư?

83. Lời tựa cho Phật Hóa Tùy San

Phật pháp là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì thế đạo ấy không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu. Lời lẽ rộng lớn dẫu cạn hết biển mực cũng chẳng thể viết hết được. Nói đến Sự thì dù kiếm lấy một chữ cũng không thể được. Phàm là đạo "hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ", pháp "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu - tề - trị - bình", không gì chẳng chỉ dạy tường tận không sót, chứ không phải chỉ nói về nhân quả ba đời, nêu rõ thiện ác báo ứng, xiển phát Phật tánh sẵn có nơi tâm, sự lý đoạn Hoặc chứng Chân mà thôi! Ấy là vì hết thảy các pháp đều vốn ở nơi tâm, chỉ cần triệt ngộ tự tâm bèn có thể kiến lập các pháp. Hễ biết được chỗ chỉ quy thì dẫu là phàm phu cũng đều có thể làm được, đạt được. Xét đến cái đạo cùng cực thì dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết. Do vậy, những bậc thông minh duệ trí, những bậc cao nhân lỗi lạc vượt trỗi mọi người thời cổ, không ai chẳng hộ trì, lưu thông, ngầm tu hiển hóa còn e chưa xuể nữa là!

Xét từ thời Đông Hán, Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, tìm lấy bậc cao nhân kiệt xuất, đại hưng pháp đạo thì xứ Tần (Thiểm Tây) chúng ta là nhất. Do Phật pháp được hưng khởi mạnh mẽ từ đời Tấn, đương

thời Phù Tần, Diêu Tần[189] đều đóng đô tại Trường An[190], và ngài Đạo An đến đất Tần, ngài La Thập vào trong ải[191], phàm những vị kiến giải siêu việt trong hàng Tăng - tục, kiến thức xuất chúng đều quay về thờ hai vị ấy làm thầy. Đến thời Tùy - Đường vẫn đóng đô tại đây. Do vậy, hoằng tuyên pháp đạo vượt trội cổ kim. Vào thời Đường, các tông đều có đủ bởi quốc gia hết sức tôn sùng; do vậy, thủ lãnh các tông đa phần ngụ tại kinh đô, để sở học, sở đắc của mình về mặt ngầm giúp cho việc bình trị, về mặt nổi là giữ yên dân tình, sự thạnh hành của pháp đạo [tại Trường An] xứ khác làm sao sánh bằng cho được!

Về sau, tuy kinh đô được dời sang xứ khác, nhưng những vị hoằng Tông diễn Giáo, ngầm tu thầm chứng vẫn đời đời chẳng thiếu người. Đến cuối đời Thanh, sau cơn loạn giặc tóc dài, giặc Hồi, nhân dân khốn khó, đạo này bị gác lại không ai hỏi đến, nhưng mạch dây vẫn chưa đứt. Mười mấy năm gần đây, thế đạo nhân tâm đã hoại loạn đến cùng cực, nhưng loạn đến cùng cực ắt phải nghĩ đến bình trị, vận bỉ đến cùng cực ắt phải nghĩ đến lúc thái, phàm những người thấy biết thông suốt không ai chẳng dùng việc phô rõ nhân quả, chỉ bày báo

---

[189] Nhà Tiền Tần còn gọi là Phù Tần, do Phù Kiên lập ra ở đất Quan Trung. Vì Quan Trung thuộc đất Thiểm Tây (đất Tần cũ), nên xưng quốc hiệu là Tần. Do tham vọng, Phù Kiên xua quân đánh chiếm Đông Tấn, nhưng bị thất trận. Trên đường rút lui, Phù Kiên bị một bộ tướng là Diêu Trành hạ sát, soán đoạt vương vị. Diêu Trành vẫn xưng quốc hiệu là Tần. Sử gọi là triều đại ấy là nhà Hậu Tần hay Diêu (Dao) Tần, và gọi triều đại của Phù Kiên là Phù Tần.

[190] Trường An chính là thành phố Tây An ngày nay, thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây.

[191] Do ngài La Thập người xứ Quy Tư (Kuche) ở ngoài quan ải của Trung Hoa, nên việc ngài đến Trường An được gọi là "nhập quan" (vào trong ải)

ứng, chỉ thẳng nguồn tâm, nêu tỏ tánh thể của Phật pháp làm đạo trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Do vậy, dù Tăng hay tục đều đua nhau đề xướng tu trì ngõ hầu mình lẫn người cùng thoát mê đồ, sanh lên bờ Giác. Do vậy, đôn đốc luân thường, tinh tu Tịnh nghiệp, sống dự vào bậc thánh hiền, thác về cõi Cực Lạc.

Do vậy, hội Phật Giáo ở Trường An tưng bừng thành lập, những người cùng tỉnh đã sống nơi xứ khác, nếu chẳng viết thư báo ắt chẳng thể diễn đạt hết ý được. Vì thế, những chuyện được thấy được nghe, những lý được thấu hiểu, được ngộ giải, những phương pháp ngầm tu thầm chứng, những giáo huấn cách ngôn, những lời luận bàn hay đẹp, những nghiên cứu bàn luận giữa bạn bè, những gì phát huy được soi sáng bởi trí huệ, đều chia môn phân loại, chép thành Tùy San. Đây - kia xem xét, bổ trợ lẫn nhau, cốt sao chánh trí được khai phát bởi các lời bàn luận, do giúp lẫn nhau lệ trạch[192] sẽ cùng được tươi tốt rộng khắp. Sẽ thấy do biết nhân quả nên vĩnh viễn dứt được ác tâm "mạnh ăn thịt yếu", tận tâm giữ vẹn luân thường, cùng ôm ấp thiện niệm thương dân yêu vật, trừ giết chóc, thắng hung tàn, trở về thời Đại Đồng, phong tục thuần mỹ, cùng làm người trong thời Hy - Hoàng. Lợi ích ấy há thể diễn tả được ư?

Do vậy, bèn chúc rằng: "Như Lai đại pháp là nguồn các pháp, hết thảy các pháp không gì chẳng bao hàm.

---

[192] Kinh Dịch có quẻ Lệ Trạch Đoài, được Khổng Tử giảng là *"Quân tử dữ bằng hữu giảng tập"* (quân tử cùng bạn bè nghiên cứu, bàn luận, tập tành) nên kinh sách cổ thường dùng chữ Lệ Trạch để chỉ sự thảo luận, nghiên cứu giữa những người cùng chí hướng.

Giữ vẹn luân thường đến tột bực, phát huy không sót; sự lý nhân quả đều thích hợp cơ nghi. Tưởng nghĩ Tần Xuyên xưa kia hiệu là Pháp Quật (hang pháp), Hiền, Từ[193], Mật, Luật đều bắt nguồn từ đây. Thiện Đạo, Pháp Chiếu xiển dương Liên Tông, khiến cho khắp phàm phu cùng thoát lồng rọ. Chúng sanh đời Mạt đoạn Hoặc không dễ, chỉ mình pháp này thật đáng nương tựa. Từ Tấn đến Đường, hơn năm trăm năm, pháp đạo Chấn Đán không đâu hơn được! Từ đấy về sau, đời nào cũng có những bậc cao nhân ngầm tu mật chứng, phần nhiều ẩn mình. Bầu trời chân tánh lý đã già dặn, nhiếp thọ liên trì, trung hưng Tịnh Độ, quả thật bắt nguồn từ đây. Nếu đức không cùng tột, ai chịu khuất phục? Tiếc cho dấu thơm cổ đức đã bị mất nhiều! Đến cuối đời Thanh, chiến tranh liên miên, nhân dân tan tác, truyền hoằng gần tiêu. Gần đây bậc thông nhân tầm mắt rộng mở, biết nếu không dùng Phật pháp sẽ không cách gì vãn hồi tai kiếp. Do vậy, tụ tập Tăng - tục những người đồng chí tùy cơ đề xướng, dựng lập cờ pháp muốn cho khắp tất cả được hưởng pháp lợi, đề xuất Tùy San, lệ trạch tạo ích lợi lẫn nhau, mong ngộ được tánh thiên (bầu trời chân tánh). Phật do tâm làm, đạo do người hoằng, nếu cạn lòng thành đến mức cùng cực, gió thổi cỏ rạp. Quang tuy tầm thường, kém cỏi cũng biểu lộ đồng tình, chẳng nề ngu tối làm người rao đường.

[193] Hiền là Hiền Thủ tông (Hoa Nghiêm tông), Từ là Từ Ân tông (tức Duy Thức tông). Gọi là Từ Ân Tông vì ngài Khuy Cơ, cao đồ của pháp sư Huyền Trang, là người đã xiển dương tông Duy Thức đến cùng tột. Đương thời, ngài Khuy Cơ trụ tại chùa Từ Ân nên tông Duy Thức thường được gọi là Từ Ân Tông.

Nguyện những người đồng hành với tôi đều tu tịnh hạnh, ngõ hầu siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này”.

84. Lời tựa duyên khởi cho Đôn Bản Học Hiệu ở Phật Xuyên

Nho - Thích hai giáo về mặt hình tướng tợ hồ khác nhau, về gốc vốn cùng. Có kẻ chấp vào hình tướng mê mất cái gốc thường bài xích Phật pháp, cho là diệt luân lý, gây rối chánh trị nước nhà, vô ích cho xã hội, có hại cho dân sanh. Đức Như Lai gọi những kẻ thế trí biện thông biện luận mù quáng như thế là *“kẻ đáng thương xót”*, chẳng biết Phật pháp có đủ pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu luận trên pháp thế gian thì đạo “hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ”, pháp “cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình” của Nho Giáo trong các kinh Đại Tiểu Thừa không gì Như Lai chẳng nói trọn! Nhưng thánh nhân thế gian chỉ căn cứ trên đời này, chỉ dạy con người tận nghĩa, tận phận, còn Phật nói đủ quá khứ - hiện tại - vị lai ba đời, và dạy rõ thiện báo của việc tận phận, ác báo của việc chẳng tận phận. Người thượng căn chỉ nghe được chuyện tận nghĩa, tận phận là chuyện nên làm bèn dốc trọn thân gánh vác, còn hạng trung hạ căn ngoài mặt kính phụng nhưng trong lòng ngầm trái nghịch nên không cách gì đối trị được. Nếu nghe đến nhân quả ba đời, biết tận phận thì được thiện báo, chẳng tận phận mắc ác báo, dẫu là kẻ ngu bướng chắc chắn cũng chẳng vui mừng vì bị tai họa, mang ý niệm tìm chuyện xui, tránh chuyện hên. Do biết

tam thế thiện ác báo ứng, dù chẳng muốn tận nghĩa, tận phận, nhưng vì mong mỏi thiện báo, sợ ác báo nên cũng sẽ gắng sức tận nghĩa, tận phận.

Đấy chỉ là luận trên sự việc nông cạn, gần gũi nhất thì đã có thể biến kẻ ngu bướng thành người lương thiện, chuyển thói tục tệ bạc thành phong tục thuần hậu, huống hồ những lợi ích sâu xa thì bọn phàm phu thế gian kia làm sao có thể thấy hết, biết trọn cho được! Chỉ luận về Hiếu thì đã trọn khắp lục đạo cho đến tột cùng đời vị lai. Do vậy, các kinh Phạm Võng, Lăng Già v.v… đều dạy sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh, bởi lẽ hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham thành Phật, đều trong vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, ai nấy lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè của nhau. Nói - nghĩ đến đây, lẽ ra phải giúp cho họ được sống yên vui, nỡ nào nhằm thỏa ham muốn của bụng miệng mà tàn hại cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai ư? Huống chi đã tạo sát nghiệp ắt mắc chịu sát báo, ai chịu thỏa nỗi ham muốn tạm thời của miệng bụng để rồi trong đời vị lai thường bị mỗi một chúng sanh từng bị ta giết hại ăn thịt trước kia sẽ giết ăn thịt trở lại chính mình ư? Huống chi binh đao đại kiếp trong thời gần đây thảm thương chẳng nỡ nói, nguyên nhân đều là do sát sanh ăn thịt mà ra. Nếu ai nấy đều y theo Phật pháp, kiêng giết, giữ gìn sanh mạng loài vật, ăn chay, niệm Phật, chẳng gây nhân giết chóc thì tự mình không có quả giết chóc, khó gì chẳng thắng được bạo tàn, trừ khử giết chóc, trở thành yên ổn rất mực ư? Xét ra, thế đạo có thái bình thì cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè ai nấy mới được vui sướng, ai nấy tận nghĩa tận phận

không hối tiếc gì thì mới là hợp với tâm hiếu thuận, ý chỉ cốt lõi từ bi mà đức Phật đã nói. Do vậy, nói: *"Đức Phật dạy đạo hiếu vừa lớn lao vừa sâu xa!"*

Chân Đạt đại sư sanh trong nhà họ Hồ ở Phật Xuyên, tuổi nhược quan (20 tuổi) liền ngộ cõi đời chẳng thường, bèn xuất gia nơi Tam Thánh Đường ở núi Phổ Đà, tinh tu Tịnh nghiệp, mong sanh về Liên Bang. Mấy mươi năm qua, cha mẹ, anh em đều tạ thế cả, không người cúng giỗ. Do lòng hiếu thuận, lại nghĩ đến con em những nhà đói rét, nghèo hèn ở nơi ấy không đủ sức đi học, bèn đem tiền y bát dành dụm được hơn bảy ngàn đồng giao cho người nhiệt tâm công ích trong họ, lập ra một trường học nhỏ mang tên Đôn Bản để con em nơi ấy đều được đi học. Chương trình học chú trọng những chuyện như tận lực thực hành hiếu đễ v.v… Những sách dùng để học chú trọng vào Ngũ Kinh, Tứ Thư v.v… kèm thêm vài phần của cách học mới, ngõ hầu giữ vẹn cái gốc trọng đạo mà chẳng vướng khuyết điểm không hợp thời, chẳng thích ứng vậy. Người trong họ cảm nghĩa ấy, đem các thần chủ[194] cha mẹ, anh em… của Sư thờ cúng trong nhà trường. Nếu trường ấy chẳng bị phế bỏ thì sẽ thờ phụng mãi. So với những người có con cháu nhưng là hạng bất tiếu khiến cha mẹ bị nhục lây, hoặc giữa chừng bỏ lửng không cúng giỗ thì cha mẹ, anh em v.v… của Sư vinh diệu hơn nhiều lắm.

---

[194] Thần chủ là bài vị thờ người chết, khi xưa chưa có hình ảnh, người ta thường viết tên họ người chết làm bài vị để thờ.

Lại do đất Phật Xuyên vốn nằm trên trục lộ giao thông, thường có người đi đường bị chết không có quan tài khâm liệm, Sư bèn bỏ ra riêng một ngàn đồng giao cho người quản trị nhà trường đầu tư kiếm lời, dùng tiền lời ấy làm chi phí mua gỗ đóng hòm, chôn cất. Người trong địa phương nghèo không mua nổi quan tài cũng thí cho. Ôi! Cao đẹp thay! Tâm của sư Chân Đạt có thể nói là bình đẳng công bình hết mực, trọn không có ý tự tư tự lợi, khiến người trong họ cảm kích, thờ phụng cha mẹ Sư dài lâu, những người chỉ mưu toan cho con cháu có được lợi ích như vậy hay chăng? Nhưng Quang lại muốn cho những người trong họ ấy đều được lợi ích thật sự nên chẳng ngại trình bày đại lược nỗi lòng ngu muội. Trộm cho rằng sư Chân Đạt xuất gia học Phật đem tiền y bát dư ra để làm chuyện công ích cho người quê mình thì người cùng quê cũng phải ngửa noi theo dấu thơm ấy, ai nấy tu Tịnh nghiệp. Gian chính giữa nhà trường nên thờ tượng Tây Phương Tam Thánh. Người quản trị, giáo viên, học sinh trong trường đều nên sáng chiều lễ kính để cầu nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao thì mới là lợi ích thật sự rốt ráo. Trong trường cố nhiên nên đoạn dứt vĩnh viễn những thứ tanh tưởi (đồ mặn) thì mới chẳng phụ ân nghĩa của vị Tăng dùng tiền thập phương tín thí để lập học hiệu. Nếu không, chẳng những không hợp với bổn tâm của sư Chân Đạt mà cũng chẳng phải là giữ vẹn cái gốc, tự yêu lấy mình, khiến cho chính mình cùng các học trò hằng ngày được un đúc trong Phật pháp mà hoàn toàn chẳng được lợi ích thật sự gì! Chẳng tiếc lắm ư?

Phải biết Phật pháp chính là gốc của hết thảy các pháp, mà trong Phật pháp một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ lại là pháp môn vô thượng chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, độ khắp ba căn, lợi - độn đều thâu, thành thủy, thành chung, là pháp hết thảy mọi người đều nên tu tập, huống gì nhà trường này ư? Chớ nói Tăng bỏ tiền lập trường nên ép người ta học Phật. Đấy chính là tâm hiếu thuận, tâm từ bi muốn cho hết thảy mọi người trong trường này đều liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, làm đệ tử Phật Di Đà, chứng Phật tánh sẵn có mà thôi! Chẳng thấy hiện thời những người bác học đa văn tri kiến sâu xa quá nửa đều nghiên cứu tu trì pháp môn Niệm Phật đó ư? Nếu sống trong nhà trường này mà chẳng tu trì thì thành ra là gánh gai bỏ vàng, đến núi báu trở về tay không, chẳng đáng tiếc ư?

85. Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật

Tâm như thợ vẽ khéo, vẽ được các thế gian. Phật là chánh giác thế gian, còn Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là hữu tình thế gian, còn gọi là "mười pháp giới". Mười pháp giới này tuy là thánh - phàm khác biệt, khổ - vui sai khác vời vợi, nhưng Chân Như Phật Tánh sẵn có đều hệt như nhau, chỉ do dụng tâm khác biệt nên mới có mười thứ tướng biến hiện ấy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy: *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*. *"Làm Phật"* là quán tưởng tượng Phật, ức niệm Phật đức cũng như Phật hiệu; *"là Phật"* nghĩa là lúc quán

tưởng, ức niệm thì tướng hảo trang nghiêm, phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của Phật đều hiện trong cái tâm quán tưởng, ức niệm ấy như gương soi hình, giống hệt nhau không hai.

Như vậy, nếu tâm chẳng làm Phật thì tâm chẳng phải là Phật; tâm làm tam thừa thì tâm là tam thừa; tâm làm lục đạo thì tâm là lục đạo. Bản thể của tâm giống như một tờ giấy trắng, tác dụng thiện ác nhân quả của tâm giống như vẽ Phật hay vẽ địa ngục, đều tùy tâm hiện. Bản thể tuy đồng, nhưng tạo tác thật khác. Vì thế nói: *"Chỉ là thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh"*, chúng ta chẳng thận trọng nơi những gì mình nghĩ, mình làm ư? Cư sĩ Châu Hiểu Nhai xưa có linh căn, sanh ra liền ăn chay, khéo vẽ người vẽ vật, bút pháp xuất thần, muốn khiến cho diệu tướng vạn đức trang nghiêm của Như Lai in vào tám thức điền của hết thảy chúng sanh để nhờ vào đây, thiện căn được tăng trưởng, mở rộng dần cho đến khi thật sự chứng, hòng khỏi phụ Chân Như Phật tánh ai nấy sẵn có và tâm Như Lai đại từ bi nhiều cách dẫn dắt. Vì thế, ông ta kính cẩn vẽ một ngàn vị Phật cho in thạch bản lưu thông, xin Quang viết lời tựa để nêu bày nguyên do. Do vậy, tôi bèn phát huy đại lược ý nghĩa *"tâm làm, tâm là"* mong những ai thấy nghe đều biết được những gì nên lấy nên bỏ để dốc sức. Tụng rằng:

Phật do tâm làm,
Ngục do tâm tạo,
Lực dụng của tâm,
Thắng diệu bậc nhất.

Đã làm được Phật,
Sao tạo địa ngục?
Do mê hướng về,
Chứa nhân ác họa!
Cư sĩ Hiểu Nhai,
Muốn dẫn dắt người,
Kính vẽ ngàn Phật,
Để chỉ pháp yếu.
Khiến người thấy nghe,
Đều sanh kính ngưỡng,
Kiệt thành tận kính,
Lễ cúng quán tưởng,
Đã thấy thánh tượng,
In vào thức điền,
Do thiện căn này,
Ắt chứng nguồn tâm,
Đem in thạch bản,
Để rộng lưu truyền,
Giãi bày nguyên do
Biểu thị chút lòng

86. Lời tựa sách Phật Pháp Yếu Luận

Chúng sanh hôn mê điên đảo, phiền hoặc quá đỗi, chẳng thể tự ngộ! Trái nghịch trí huệ Như Lai sẵn có, đuổi theo căn trần chúng sanh huyễn hiện. Đối với sắc

thanh, của cải, lợi lộc giống như hoa đốm trên không[195], huyễn ảnh, khởi tâm tham - sân - si, yêu - ghét, chấp trước. Tâm đã khởi tham - sân - si thì thân bèn tạo giết - trộm - dâm, từ đấy trải kiếp dài lâu báo phục lẫn nhau, từ khổ vào khổ, không hề ngừng nghỉ. Nếu như tự tu giới thiện thiền định, được sanh trong đường lành trời - người, nhưng Hoặc nghiệp chưa đoạn, phước hết lại bị đọa lạc, luân hồi sáu nẻo trọn chẳng có lúc nào hết! Được thân người như ở trọ, đọa trong tam đồ như ở quê nhà. Như vậy thì chẳng những tam đồ đáng sợ, mà nhân thiên cũng đáng sợ! Bởi thế, đức Đại Giác Thế Tôn riêng rủ lòng xót thương, thị hiện sanh trong thế gian thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận chúng sanh nói đủ mọi pháp. Với hàng đại căn bèn nói thẳng Lý *"nhất tâm tạo đủ"* khiến họ đích thân chứng ngộ, với tiểu căn bèn dạy rõ Sự tam thế nhân quả khiến họ tu trì dần dần. Đã biết lý này, sự này, ai chịu ôm châu làm kẻ ăn mày, cầu vui lại bị khổ; mà sẽ trái trần, hiệp giác, bỏ mê theo ngộ để mong khôi phục thiên chân Phật tánh sẵn có của mình chẳng để lỡ qua! Tuy nhiên, phiền não sâu dầy chẳng dễ tiêu trừ, nếu không phải là kẻ thiện căn nhiều kiếp chín muồi, thật khó thể siêu thoát ra ngoài luân hồi ngay trong đời này!

Vì vậy, đức Thế Tôn ta do lòng đại từ bi, đặc biệt mở ra pháp môn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh Độ, để thượng thánh hạ phàm cùng được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, quả là đạo trọng yếu vỗ về,

---

[195] Nguyên văn là "không hoa", tức khi bị mắt nhậm ta thường thấy những đốm sáng lấm tấm trong không trung. Đó gọi là "không hoa".

nuôi nấng, bế bồng, nựng nịu[196], mà cũng là diệu pháp để mau chứng Bồ Đề vậy! Bởi lẽ, hết thảy chư Phật không có pháp này sẽ chẳng thể viên mãn Bồ Đề, hết thảy chúng sanh nếu không có pháp này sẽ chẳng thể thoát ngay được sanh tử. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít hiệu quả nhanh. Do dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm nên nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân. Gần đây thế đạo nhân tâm suy hoại đến cùng cực, phế kinh, phế luận, đua nhau lập tân pháp, lầm nhân mê quả, mặc sức làm xằng. Do vậy, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, giặc cướp tung hoành, dân không lẽ sống, người lo cho đời đau buồn hết mực.

Cư sĩ Đạt Am Phùng Bảo Anh xưa đã trồng cội đức, dốc sức tin tưởng Phật thừa, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập Kinh Tạng, thương xót những kẻ ấy mê muội bổn tâm, bèn soạn cuốn Phật Pháp Yếu Luận để cứu đời, phát huy mọi lẽ khế lý, khế cơ, khiến cho họ biết được tâm ta sẵn có Phật tánh, nhưng bị Hoặc nghiệp huyễn vọng khởi lên ngăn lấp. Do vậy, chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo đến nỗi thân hình xấu hèn, thần thức tối tăm, thọ dụng khốn khổ gian nan, bị nguy hiểm bức bách. Ví như đặt hình tướng xấu hèn trước tấm gương sáng, quyết chẳng thể có được hình ảnh vi diệu trang nghiêm đẹp đẽ. Từ đấy, gột lòng tẩy ý, chuyên tu giới thiện và thiền định để làm nhân xuất thế. Lại còn phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện và Đại Bồ Đề tâm, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp để mong khi báo hết nhanh chóng vãng sanh Tây Phương, thân cận Di Đà, theo gót

---

[196] Ở đây Tổ dùng những hình ảnh cha mẹ chăm sóc, nuôi nấng con cái để người đọc hình dung lòng từ ái của đức Phật.

hải chúng mau chứng Phật tánh tâm ta sẵn có, phổ độ vô biên chúng sanh trong pháp giới. Như thế thì trên chẳng cô phụ Phật giáo hóa, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình, mà thâm tâm soạn luận của Đạt Am, ý thiết tha lưu thông của các vị cũng được thông suốt, vui thỏa, không tiếc nuối vậy!

87. Lời tựa trình bày duyên khởi cho hội Thí Quan Tài Thể Nhân ở Phổ Đà

Câu *"vùi xương chôn thây"* xuất phát từ thiên sách Nguyệt Lệnh[197]. *"Ân trạch thấm đến xương khô"* là câu văn nói về việc thi ân của vua Châu, huống chi Phật pháp là đạo cứu giúp cả thân lẫn tâm, kẻ còn người mất đều giúp đỡ [lại chẳng như vậy] ư? Phổ Đà là đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ, bao triều đại đều khâm kính, khắp thế gian tôn sùng. Do vậy, có được ba ngôi chùa[198] như thế chân vạc, các am cùng khắp; trong nước, ngoài nước triều yết thật là đông đảo! Phàm là thợ cả, người sai vặt, người bán rong, kẻ bán sức thường quá ngàn người. Nếu đến kỳ dâng hương, con số ấy còn gấp bội. Vì thế, các vị trưởng lão trong núi thể theo lòng từ của Phật, mở ra y viện để chữa trị cho hết thảy những người mắc bệnh, hoặc là những người bán rong, bán sức bị chết bất thình lình, không có quan tài thật khó thể an ủi vong linh, mở rộng sự hóa độ từ bi. Huống chi thường

---

[197] Nguyệt Lệnh là một thiên sách của bộ Lễ Ký, tức sách ghi chép các chánh lệnh trong mười hai tháng của chính quyền Trung Hoa thời cổ về quy cách tế tự, những lệnh cấm, những khuyến cáo, chức vụ của những người thực hiện các lệnh ấy.

[198] Ba ngôi chùa lớn ở Phổ Đà Sơn là Pháp Vũ, Phổ Tế và Huệ Tế.

có những tử thi từ biển giạt vào, cũng như những người khổ hạnh từ phương xa đến dâng hương bị chết bất ngờ, cần phải tẫn liệm ngay. Nếu không sẽ bị rữa nát, đối với chuyện giúp đỡ người chết lẫn vấn đề vệ sinh đều đáng phàn nàn.

Chân Đạt đại sư liền phát tâm thí quan tài. Lại nghĩ: Nếu chẳng lập cách, về sau sẽ khó thể duy trì lâu dài được! Năm Dân Quốc thứ năm (1916), các ông Dương Thúc Anh, Chúc Lan Phưởng, Viên Tổ Hoài, Tào Chấn Thanh v.v… lên núi, nhân đó bàn về chuyện này. Các ông cùng bỏ ra hai ngàn đồng, Chân Đạt đại sư tự bỏ ra bốn ngàn đồng. Năm ngoái lại cùng các thầy Liễu Tín chùa Phổ Tế, Đạt Viên chùa Pháp Vũ, Liên Hy chùa Hải Ngạn, Quảng Đức chùa Tử Trúc, Nguyện Lai chùa Hồng Phiệt, Giới Như chùa Hồng Phiệt, Oánh Chiếu chùa Báo Bổn, Thanh Phước chùa Hạc Minh, Khôn Sơn chùa Phổ Tuệ, Cực Đắc chùa Bách Tử và hai vị cư sĩ Lưu Ký Đình, Trương Tông Phú cùng nhau thương lượng bàn bạc biện pháp. Do đấy, lập ra một hội, đặt tên là Thể Nhân, nhằm kính cẩn thể theo lòng Từ của Phật, nhân từ cứu giúp vong linh, khiến cho người mất chẳng bị nỗi thảm phơi bày thi thể, Tăng chúng trong núi không bị cười chê là thiếu lòng Từ. Mỗi vị đều bỏ ra một trăm đồng, cùng với món tiền đã quyên được bên trên, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm đồng dùng mua hằng sản, mời người [soạn văn] bày tỏ, lập bia. Riêng thỉnh các vị sư trong hội tại núi này luân lưu trông nom, dùng tô lợi thâu thập hằng năm chi dụng hết vào việc thí quan tài, ngõ hầu được truyền mãi không bị bỏ phế. Như thế thì sau này những người bần cùng mất

đi đều được phước mà viên thông đạo tràng cũng được vinh lây. Phàm những người bỏ vốn và trông nom coi sóc đều được tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Hiện đời phước lẫn thọ cùng vượng, làm gương mẫu cho đời, lâm chung thì thân lẫn tâm đều diệu, dự vào cõi nước Phật. Muốn cho hậu nhân biết rõ nên thuật lại duyên khởi, ngõ hầu ức vạn năm sau, bố thí mãi mãi hầu đền đáp tâm cứu độ chúng sanh của Đại Sĩ, mà cũng chẳng phụ một phen tận tâm hộ giáo, giúp đỡ người mất của các vị đại sư, các vị cư sĩ vậy.

88. Lời tựa cho Vạn Niên Bạ của Tam Thánh Đường

Pháp chẳng khởi một mình, đạo do người hoằng. Thắng địa danh lam chỉ nhờ vào người [mà được nổi tiếng]. Có được người thì rừng gai góc biến thành rừng chiên-đàn; không có người thì hang sư tử biến thành ổ chồn hoang. Tam Thánh Đường được sáng lập vào năm Vạn Lịch thứ 30 (1602), khi ấy vị Tăng tên Đại Phương kết am tranh ở đây. Rồi hai thái giám Trương Tùy, Đảng Lễ phụng chỉ đứng trông coi xây Tàng Kinh Các, nhàn hạ đi đến đây, uống nước suối thấy ngọt bèn tìm nguyên do. Biết suối này nhằm lúc khô hạn hết sức cũng không cạn, trong chùa nhằm lúc hạn hán cầu mưa, ắt dùng nước lấy từ con suối này [để cầu mưa] sẽ liền được mưa tràn trề; do vậy bèn đặt tên là Bát Công Đức Tuyền (suối tám công đức). Vì vậy, hai ông bèn bỏ tiền sai dựng điện Tây Phương Tam Thánh, bởi nước tám công đức vốn có trong ao bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến thời Khang Hy nhà Thanh, vị tăng tên

Hải An trùng tu. Về sau, lâu năm, hư nát. Đầu đời Hàm Phong, do Ấn Đường Hiển Pháp Công tiềm tu tại đây, chùa đổi tên là Như Ý Am, vẫn chỉ là mấy gian nhà nhỏ mà thôi! Đầu đời Quang Tự, đồ tôn đời thứ tư [của Hiển Pháp Công] là Hoa Đức Công quyên mộ những vị trong ấp như các ông Hồng X… dựng điện Tam Thánh, đổi lại tên cũ. Từ đấy về sau, thế đạo thái bình, lại thêm đường thuyền, đường sắt đều thông, hương hỏa của Bồ Tát này càng thạnh vượng. Chuyện trong am đã gần như đâu vào đấy, Hoa Đức Công muốn lắng lòng chuyên tu Tịnh nghiệp, đem việc am giao cho đồ đệ là sư Trưởng Đính, lại sai cháu là sư Chân Đạt phụ giúp, chùa bèn được xây dựng rộng lớn. Đến khi thầy Trưởng Đính qua đời, thầy Chân Đạt lại càng chẳng tiếc tâm lực, những gì cần sửa bèn sửa, những gì nên dựng bèn dựng, chùa trở thành một ngôi già-lam đẹp đẽ lớn lao. Về sau, nhọc nhằn đã lâu, ý muốn tịnh dưỡng, bèn giao cho thầy Minh Giáo trông coi mấy năm.

Năm nay, thầy Minh Giáo lại xin thôi, thầy Chân Đạt nhân đó nghĩ đời người tuổi thọ được mấy, am này đã qua mấy đời Trụ Trì, do tâm lực mấy mươi năm mới được điện vũ nguy nga, liêu xá rộng rãi, Tăng chúng trong am được thanh tu, khách đến dâng hương có chỗ ở nhờ. Đương trong lúc này, chẳng đem quy củ khóa trình trong am cũng như kinh tượng trang nghiêm, pháp khí, đồ đạc viết hết vào sách để lại cho mai sau thì e rằng năm lâu tháng chầy, người đời sau chẳng biết, rất có thể phế bỏ quy củ, đồ vật thất lạc, khiến cho một phen khổ tâm tạo lập đạo tràng của tiền nhân đổ ra biển hết, toàn là khiến cho hậu nhân ở yên nơi đây ăn luống

của tín thí, chẳng tu đạo nghiệp, há chẳng gây hận cho tiền nhân ư? Vì đó, viên thông đạo tràng bị tước mất sắc vẻ, Phổ Môn Đại Sĩ đành phải ngậm buồn nơi cõi Thường Tịch Quang! Do vậy, sai Quang lược thuật duyên khởi của am này, phàm mọi thứ quy củ, đồ đạc v.v… đều nhất nhất ghi cặn kẽ ngõ hầu người đời sau có cái để tuân thủ vậy.

89. Lời tựa cho sách Anh Minh Tập của cư sĩ Sái Bá Luân

Con người sống trong thế gian ai nấy phải tận hết luân thường. Nếu không, tuy mang danh là người, nhưng quả thật có khác biệt gì với loài thú đi ngang đâu? Mạnh Tử nói: *"Ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn"*. Kinh Phật dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật"*. Điều cốt yếu để làm Nghiêu - Thuấn, để làm Phật nằm ở chỗ tận lực thực hành hiếu đễ cũng như bỏ vọng theo chân mà thôi! Cái giúp cho chuyện này được thành tựu từ lúc ban đầu cho đến khi cuối cùng chính là khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi! Gần đây, phái tân học trong thế gian tranh nhau học theo phong cách Âu Tây, phế bỏ kinh điển, trái nghịch luân thường, đến nỗi công khai đề xướng chống đối đạo hiếu, chung vợ, lõa thể v.v… chỉ muốn cho con người chẳng khác gì cầm thú! Điên cuồng mất trí quá sức vậy!

Cư sĩ Bá Luân sống gởi ở Đài Loan đã ba đời. Đến tuổi nhược quan muốn trở về tổ quốc, do bà mẹ chẳng

muốn đi xa, nên gắng lưu lại chốn xa xôi, làm việc nhiều năm. Đến khi mẹ mất bèn ung dung trở về. Có thể nói là bậc đứng riêng, đi một mình, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận vậy. Ông sống tạm nơi đất Hỗ (Thượng Hải), sống bằng nghề xem tướng. Phàm những ai đến xem bói, bất luận tướng mạo thiện hay ác đều khuyên nên gắng tu đức tích thiện, ngõ hầu thiện càng thêm thiện, bất thiện cũng trở thành thiện, phù hợp sâu xa nghĩa lý *"mạng do ta lập, phước do ta cầu"* cũng như *"có tâm không tướng, tướng tùy tâm sanh; có tướng không tâm, tướng theo tâm diệt"*! Nhưng trong lúc bàn luận luôn ra rả nhắc đến tam thế nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ hoành siêu khiến cho hết thảy mọi người do đến coi bói đều được dự vào cõi hiền thánh cũng như vãng sanh nước Cực Lạc, [cũng có công] vãn hồi thế đạo nhân tâm rất lớn!

Do đây biết người có tâm cứu đời giúp người dẫu chẳng có địa vị để thực hành việc cai trị [theo đúng đạo nghĩa] cũng vẫn có thể thi hành vậy. Nhân đấy bèn đổi tên là Bá Luân, chẳng biết ý của cư sĩ Bắc Luân[199] có cho như vậy là đúng hay không?

90. Lời tựa sách Giáo Hối Thiển Thuyết

Giáo dục trong gia đình, nhân quả báo ứng là nhiệm vụ trọng yếu nhất để cứu vãn thế đạo nhân tâm trong hiện tại. Nếu chẳng bắt đầu từ đây thì dù có làm gì cũng đều thuộc về cành nhánh, đều có thể trá ngụy. Chỉ khi

---

[199] Vị cư sĩ này vốn có tên là Bắc Luân 北崙, sau đổi tên thành Bá Luân 伯倫

nào từ nhỏ đã dạy giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, lý nhân quả báo ứng, tập quen thành tánh, đến khi lớn lên lẽ đâu chẳng trở thành người hiền! Sách Luận Ngữ chép: *"Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách"* (Thiên hạ hưng vượng hay suy vong, kẻ thất phu có trách nhiệm). Kẻ thất phu thân hèn, danh kém, làm sao có trách nhiệm này cho được? Phải biết: Quốc gia thiên hạ do từng người, từng gia đình hợp thành. Những ai có quyền lực thì người cùng một nhà tranh chấp, những kẻ không quyền lực lập bè đảng cướp đoạt, cùng những kẻ phóng đãng, lười nhác, gian trá, phạm pháp, chỉ cầu may mắn tạm thời, chẳng đoái hoài họa - phước về sau, đều là do từ nhỏ chẳng được cha mẹ hiền khéo dạy, chẳng biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình quá mức, làm lành ắt nhà mình thịnh vượng, chết đi thần thức siêu thăng thiện đạo, làm ác ắt nhà mình suy vong, đến nỗi chết đi thần thức đọa trong ác đạo.

Nếu như biết âm thanh êm ái thì tiếng vang dễ nghe, hình thẳng ắt bóng ngay, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, đã tạo nhân như thế phải cảm lấy quả như thế, quyết sẽ chẳng đến nỗi vì cầu yên vui, giàu có, sang cả cho chính mình mà giết người ngập thành, ngập đồng, khiến cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Vì thế, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, hạo khí ngút trời đất, tiết tháo trong sáng lòa nhật nguyệt, đều ôm tấm lòng lập mình, lập người, mang ý nguyện tự lợi, lợi người. Do vậy, trăm ngàn năm sau vẫn được người ta kính ngưỡng! Hiềm rằng, người đời kiến thức hẹp hòi, nông cạn, thường theo đuổi chuyện trái đạo, từ bé đã

không có cha mẹ hiền khéo dạy, lớn lên lại không có thầy tốt bạn hiền dắt dìu. Do đó, vượt lý, trái phận đến nỗi bị giam cầm, tuy do họ tự chuốc lấy nhưng cũng rất đáng thương! Do vậy, các nhà ngục đều cử ra một vị thầy giáo huấn, hằng ngày giảng cho những tù nhân đạo lý "con người phải tận sức, lý nhân quả không lầm lạc", hòng khiến cho những người ấy gột lòng tẩy ý, đổi ác hướng lành, gắng trở thành lương dân, lần lượt khuyến hóa lẫn nhau, sao cho dù mình hay người đều thuộc vào bậc hiền thánh, ngõ hầu quốc gia thiên hạ mãi mãi hưởng phước thái bình.

Ông Thiệu Huệ Viên đảm nhận chức thầy giáo huấn ở nhà tù Tào Hà Kính[200]. Bản thảo giảng dạy cho phạm nhân của ông có mấy chục thiên, ước chừng hơn mười vạn chữ đều là những lời khuyên họ nên giữ phận an vui với số mạng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận. Lại còn dẫn kinh trích sử, dựa vào đời cổ để chứng minh cho hiện tại. Văn tuy đơn giản nhưng ý chỉ thật sâu. Tuy là để nói với những tù nhân, nhưng hết thảy mọi người đều nên đọc để hành theo. Những người cùng chí hướng cho là sách ấy có ích, bèn đem in, xin Quang viết lời tựa để hướng dẫn. Nhân đấy, Quang bèn nêu đại lược những điều trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm, ngõ hầu người khắp cõi đời đều chú trọng vào giáo dục gia đình và nhân quả báo ứng, nhưng trong chuyện giáo dục gia đình thì sự dạy dỗ của người mẹ quan trọng nhất. Nếu như bà mẹ hiền, ngay từ khi con cái còn bé đã chú trọng nêu gương giữ vẹn luân

[200] Tào Hà Kính là một thương cảng trọng yếu thuộc Phố Giang Trấn, Thượng Hải.

thường, tận hết bổn phận, lại hằng ngày nhắc nhở lý nhân quả báo ứng thì con cái bà ta quyết định đều thành hiền nhân, há lẽ nào có những hành vi vượt lẽ, phạm phận, thương thiên tổn đức ư? Mong rằng thất phu thất phụ đều nhận lấy trách nhiệm này, ngõ hầu người hiền vượt trội, giặc cướp đổi lòng, lễ giáo hưng thạnh, thiên hạ thái bình. Người hiểu lý thông đạt ắt chẳng cho lời tôi là sai lầm, xằng bậy vậy!

91. Lời tựa trình bày duyên khởi của Hoành Siêu Liên Xã

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Ba cõi không yên khác nào nhà lửa, các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ"*. Huống chi đang lúc đấu tranh lẫn nhau, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, phương cách giết người lạ lùng không gì là chẳng có, lại còn đủ mọi thiên tai liên tiếp xảy ra này! Người có trí thức do vậy bèn đề xướng pháp môn Tịnh Độ để mong hết thảy những người cùng hàng đều được thoát khỏi tam giới, lên chín phẩm sen. Nếu luận về "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc) thì nếu không tận lực tu đạo Giới - Định - Huệ để đoạn phiền hoặc sẽ không thể được. Nếu phiền hoặc còn chút gì chưa đoạn thì vẫn không thể thoát khỏi tam giới y như cũ, huống chi chúng sanh đời Mạt thiện căn mỏng cạn, thọ mạng ngắn ngủi. Dẫu người tu có ức ức kẻ, người thoát ra khó có một hai! Do chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó được lợi ích thật sự.

Nếu luận về "hoành siêu" (thoát ra theo chiều ngang) thì chỉ nương theo pháp môn Tịnh Độ, sanh tín phát

nguyện, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, lại thêm đôn đốc luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì vạn người chẳng sót một ai đều được vãng sanh! Đã vãng sanh thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng các sự vui! Người công phu thành thục cố nhiên dự vào Thượng Phẩm, mà kẻ lâm chung mới niệm cũng dự vào hàng chót. Pháp này toàn cậy vào Phật lực, lợi ích so với pháp chỉ cậy vào tự lực khác nhau như trời với vực!

Vợ của cư sĩ Sư Hoằng là bà Sư Thang muốn cùng những vị anh hiền trong khuê các luôn tu trì Tịnh nghiệp để mong sao trong đời này cùng thoát khỏi nhà lửa, bèn lập một Liên Xã ở vùng phụ cận. Phân nửa do bà tự bỏ ra, phần còn lại do người khác giúp đỡ. Xây dựng đã xong, xin Quang đặt tên; nhân đó, bèn đặt tên là Hoành Siêu, ngõ hầu hết thảy những bậc trượng phu râu mày, những bậc khôn luân trinh tịnh[201] sợ hãi nhà lửa muốn thoát ra nhưng không có cách nào đều cùng nương theo đây tu tập hòng chào từ biệt Sa Bà mãi mãi, mau về cõi Cực Lạc, hễ siêu thoát bèn nhập thẳng vào Như Lai địa, vĩnh viễn làm người tiêu dao tự tại. Vì thế bèn tường thuật duyên do như vậy.

---

[201] Trong kinh Dịch, quẻ Khôn là thuần Âm nên nữ giới thường được coi như thuộc quẻ Khôn, những gì liên quan đến nữ giới thường được đi kèm với chữ Khôn, như Khôn Thuận (sự thuận thảo của người vợ), Khôn Trinh (sự trinh liệt của nữ giới). *"Khôn luân"* ở đây có nghĩa là nữ giới, "khôn luân trinh tịnh" là bậc trinh liệt, trong sạch trong nữ giới.

92. Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai, tuy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, luân hồi lục đạo trọn chẳng lúc ra, nhưng bản thể tịch chiếu chân thường vẫn y như cũ, chẳng tổn thất mảy may. Vì thế, Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, thương họ nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể khôi phục ngay được bản thể; do vậy, dùng đủ mọi phương tiện khiến cho họ trồng thiện căn, trước hết dùng Dục để lôi kéo, rồi sau mới làm cho nhập Phật trí. Do vậy, đức Chánh Pháp Minh Như Lai thành Phật đã lâu, tuy vẫn chẳng lìa Tịch Quang, nhưng hiện hình trong chín giới, hiện hình theo từng loài, tầm thanh cứu khổ, nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Những thân hiện trong các pháp giới khác đều thuộc về bí mật, thân Quán Thế Âm hiện trong Bồ Tát pháp giới thì lại hiển lộ. Vì thế, mười phương chư Phật đều khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc đại từ đại bi thí vô úy (ban cho sự không sợ hãi) ngõ hầu hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều sanh lòng tin tưởng, cùng được nhiếp thọ.

Do Bồ Tát chứng tột cùng pháp giới, tỏ bày trọn vẹn tự tánh, triệt ngộ duy tâm, nên có thể vận dụng lòng Bi Đồng Thể, khởi lòng Từ Vô Duyên, hễ khắp pháp giới cảm bèn ứng khắp pháp giới. Tùy theo lòng thành cơ cảm lớn hay nhỏ sẽ được lợi ích tương xứng. Như phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, chương Quán Âm Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm đã nói và những sự tích

cảm ứng phương này như đã được ca tụng trong sách đây há thể nghĩ bàn được ư? Ấy là vì tâm Bồ Tát giống như hư không, không đâu chẳng trọn khắp. Chỉ do chúng sanh đang mê, chẳng sanh tin tưởng, ví như hư không bị vật ngăn chướng nên biến thành cách trở, ngăn ngại, nếu xoi một lỗ nhỏ thì được một khoảng không bằng cái lỗ nhỏ. Nếu xoi một cái lỗ to sẽ được khoảng trống bằng cái lỗ to. Nếu bỏ được hoàn toàn vật chướng ngại thì sẽ xen lẫn khít khao cùng hư không bao hàm khắp muôn hình tượng. Do vì chúng sanh tiểu cảm sẽ được tiểu ứng, đại cảm bèn được đại ứng, nên kinh Lăng Nghiêm nói: *"Cầu vợ được vợ* (cầu vợ là cầu vợ hiền thục, trí huệ, trinh lương, nếu không cần gì phải hướng về Bồ Tát mà cầu!), *cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến cầu đại Niết Bàn được đại Niết Bàn"*. Nói *"cầu vợ được vợ"* v.v… chính là xoi lỗ nhỏ được khoảng trống bằng cái lỗ nhỏ, xoi lỗ to được khoảng trống bằng cái lỗ to. Cầu đại Niết Bàn đắc đại Niết Bàn chính là hoàn toàn trừ bỏ được vật ngăn lấp, bèn hòa lẫn không xen hở cùng với hư không bao hàm vạn tượng.

Kinh Kim Cang nói: *"Ta nên diệt độ hết thảy chúng sanh, diệt độ hết thảy chúng sanh xong nhưng thật ra không có một chúng sanh nào được diệt độ"* vì tâm thể của chúng sanh chính là Vô Dư Niết Bàn, vốn chẳng hề mất đi, làm sao có lại? Bồ Tát riêng dùng các thứ phương tiện khiến cho chúng sanh tiêu trừ huyễn nghiệp, hồi phục bản thể mà thôi. Lại do chúng sanh mê hoặc sâu nặng, chẳng thể nhanh chóng phát khởi tâm Đại Bồ Đề, vì để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào chỗ thù thắng

nên thuận theo phàm tình của họ, thỏa mãn điều họ mong mỏi, đợi đến khi thiện căn thành thục sẽ có thể rốt ráo đạt ngay được lợi ích chân thật. Đấy chính là ý chỉ căn bản của việc Bồ Tát tùy loại hiện thân tùy tâm mãn nguyện vậy.

Sách này đã được in bản kẽm, tính in ra mấy chục vạn bộ, ngõ hầu người khắp trong nước, ngoài nước đều được thọ trì. Hiện đã in được hơn bảy vạn bộ, như vậy chuyện sách sẽ được lưu thông khắp pháp giới trong tương lai khiến cho con người được thấm đượm sự giáo hóa từ bi là điều ắt sẽ thực hiện được! Nhưng vì chữ nhỏ, chẳng thuận tiện cho người già, quả là đáng tiếc. Cư sĩ Hoa Huệ Khả ở Vô Tích xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, trông thấy sách này hoan hỷ tán thán như đạt được của quý báu nhất, mừng rỡ khôn cùng. Khẳng khái bỏ ra năm trăm đồng để khắc mộc bản, ngõ hầu hết thảy mọi người đều đọc được, hết thảy lúc đều có thể in, có thể thỉnh. Đúng là đời trước từng được Bồ Tát phó chúc vây bủa lòng từ giáo hóa hòng lợi ích hữu tình vậy! Ôi! Cao quý thay!

93. Lời tựa cho sách A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích

Pháp môn Tịnh Độ quả là đường lối chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới độ chúng sanh, mà cũng là đạo trọng yếu để hết thảy chúng sanh trong thời đại Mạt Pháp cậy vào Phật từ lực, liễu thoát ngay trong một đời này. Ấy là vì hết thảy các pháp môn đức Như Lai đã nói, không pháp nào

chẳng nhằm làm cho chúng sanh thoát sanh tử, thành Phật đạo; nhưng do thượng căn thì ít, trung hạ căn lại đông, nên người được liễu thoát ngay trong một đời dẫu nhằm thời Chánh Pháp, Tượng Pháp còn chẳng thể thấy nhiều, huống gì thời Mạt Pháp căn cơ con người kém hèn, tuổi thọ ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành ư? Do vậy, đức Như Lai đã xét thấu trước cơ nghi, đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ nhằm làm cho hết thảy chúng sanh dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều chăm chú tu trì, đều cùng trong đời này vãng sanh Tịnh Độ. Bậc thượng căn thì mau thành Phật đạo, kẻ hạ căn cũng được dự vào dòng thánh.

So với những pháp môn cậy vào tự lực đã nói trong cả một đời đức Phật [thì pháp này] hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng. Do vì Phật lực, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, lại thêm sức Tín - Nguyện - Hạnh của chúng sanh nên bất luận công phu sâu hay cạn, tội nghiệp nặng hay nhẹ đều được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Do vậy, trong các kinh Đại Thừa, đức Như Lai đều nói kèm pháp này, như các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v… Còn kinh chuyên nói [về pháp Tịnh Độ] thì có kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong ba kinh này, phàm là thệ nguyện của Phật Di Đà, sự trang nghiêm của Tịnh Độ, nhân vãng sanh của ba bậc chín phẩm, mười phương chư Phật tán thán đều được nêu rõ không còn sót.

Thế nhưng kinh A Di Đà ngôn từ ngắn gọn, nghĩa lý đầy đủ, dễ thọ trì nhất. Do vậy, cổ nhân xếp vào khóa tụng hằng ngày, bất luận dù Tông, dù Giáo, dù Luật đều

đọc tụng trong khóa tối, nghĩa là cả thiên hạ dù Tăng hay tục không ai chẳng lấy Tịnh Độ làm chỗ quy hướng. Tuy hành trì như thế nhưng nếu chẳng suy xét kỹ càng nguyên do Phật, Tổ lập pháp thì sẽ vẫn chẳng coi chuyện cầu sanh Tây Phương là trọng. Đấy chính là *"dùng hằng ngày mà không biết, quen làm mà chẳng xem xét"*. Dù là bậc cao nhân thông Tông thông Giáo vẫn còn rất nhiều người đề cao pháp môn Tự Lực, chẳng chịu tin tưởng nương cậy Phật lực. Chí ấy cố nhiên là cao, nhưng sự thật khó thể đạt được ngay trong đời này. Nếu như chưa đoạn sạch được Hoặc nghiệp, phải thọ sanh lần nữa, quá nửa bị mê mất. Không những mọi điều mong mỏi đều thành bánh vẽ mà còn có mối lo do phước tạo nghiệp, thân sau phải đọa lạc! Do đó, phải nói là "thật đáng kinh hãi!"

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những pháp môn thông thường để bàn luận được. Nếu chẳng hiểu rõ nghĩa này, cứ viện vào nghĩa lý của những pháp môn cậy vào tự lực thông thường để rồi ngờ vực lợi ích của pháp môn đặc biệt cậy vào Phật lực, chẳng chịu tin nhận thì sẽ bị mất mát to lớn. Phật nói pháp này khó tin chính là ngụ ý này vậy. Nếu không có mối chấp ấy thì có ai là không tin nhận, phụng hành? Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm, hèn tệ đến cùng cực hết cả thuốc chữa. Phàm những bậc vĩ nhân kiệt sĩ có đủ chánh tri kiến không ai chẳng lấy việc đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi làm căn cứ để đẩy lùi cơn sóng cuồng, lấy việc tinh tu Tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm pháp an ổn rốt ráo. Một người

xướng, trăm người hòa, không ai chẳng thuận theo. Do vậy, kẻ ăn chay, niệm Phật, đổi ác tu thiện ngày thấy càng nhiều.

Điều đáng tiếc là hạng thiện tín thông thường chưa từng được học hỏi, tuy hằng ngày tụng kinh Di Đà, rốt cuộc vẫn chẳng biết kinh dạy những nghĩa lý nào; dẫu có những bản chú giải như Sớ Sao, Yếu Giải v.v… họ cũng chẳng thể đọc được. Cư sĩ Hoàng Trí Hải tâm lợi người tha thiết, đem những nghĩa trong Sớ Sao, Yếu Giải diễn giải lại bằng văn Bạch Thoại khiến cho những người ít chữ nghĩa đều được hiểu rõ nghĩa kinh. Do vậy, lại càng thêm tinh tấn, dốc kiệt lòng thành tu trì, chuyển hóa kẻ hữu duyên, trong đời này thân tâm thanh tịnh, dự ngay vào bậc thánh bậc hiền, lâm chung cảm ứng đạo giao, lên thẳng cõi Cực Lạc. Lợi ích ấy làm sao diễn tả được! Do vậy, tôi viết ý nghĩa tổng quát để cống hiến người đọc.

94. Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng

Mối họa cực thảm khốc, cực lớn, cực sâu trong thiên hạ, hễ bộp chộp động đến ắt phải táng thân mất mạng, nhưng nhiều người vẫn ưa thích theo đuổi, lăn xả thân vào dẫu chết chẳng hối thì có lẽ chỉ mình nữ sắc mà thôi! Những gã cuồng đồ buông lung nơi dục sự, mò hoa bẻ liễu, trộm ngọc cắp hương, diệt lý loạn luân, bại gia nhục tổ, danh xấu đồn khắp làng nước, để tiếng nhơ cho con cháu, sống chẳng được hưởng hết tuổi thọ, chết đọa mãi trong đường ác, hãy khoan nói đến những gã

ấy! Ngay như trong tình vợ chồng, những kẻ đắm chìm trong ấy đến nỗi mất mạng kể sao cho xiết! Vốn mong cầu khoái lạc, bất ngờ chết mất, cảnh khổ góa bụa quả thật phần nhiều do mình tự chuốc! Há nào phải hoàn toàn do số mạng xui khiến như thế đâu! Những kẻ lụy tình ham hố đều là tự mình chuốc lấy tai ương. Cũng có kẻ hoàn toàn chẳng suồng sã, mê đắm, nhưng do không biết kiêng ngừa, cứ mạo muội theo đuổi đến nỗi phải bị tử vong cũng rất nhiều! Vì thế thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký có đoạn văn nói về chánh lệnh: *"Chấn đạc bố cáo, linh giới dung chỉ"* (gõ mõ truyền lệnh kiêng kỵ chuyện ăn nằm) (*"Dung chỉ"* có nghĩa là động tịnh, tức là chuyện phòng sự (ân ái)). Lòng thương dân của bậc thánh vương thời cổ có thể nói là chẳng bỏ sót điều nhỏ nhặt nào (Những nơi chỗ kiêng kỵ sách Thọ Khang Bảo Giám có chép rõ, hãy nên đọc kỹ).

Tôi thường nói trong mười phần nhân dân của thế gian thì những kẻ chết trực tiếp vì sắc dục chừng bốn phần, kẻ gián tiếp bị chết cũng phải là bốn phần, tức là do sắc dục gây hao tổn, chịu những cảm xúc khác mà chết. Những kẻ bị chết ấy không ai chẳng đổ thừa cho số mạng, nào biết vì tham sắc mà chết, đều chẳng phải do số mạng. Nếu là mạng thì phải là người giữ lòng thanh tịnh, trinh lương, không tham dục sự; những kẻ tham sắc kia tự tàn hại đời mình, há có thể nói là vì mạng ư? Còn những người do mạng mà sống, mạng hết bèn chết thì chẳng qua chỉ được một hai phần mà thôi! Do vậy biết quá nửa thiên hạ đều là kẻ chết oan uổng, mối họa này khốc liệt có một không hai trong cõi đời, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Cũng có cách

chẳng phí một đồng, chẳng tốn chút sức mà trở thành bậc đức hạnh cao tột, hưởng yên vui cực lớn, để lại phước ấm vô cùng cho con cháu, khiến đời sau được quyến thuộc trinh lương, có phải chỉ là kiêng dè dâm đó ư? Dâm tình chánh đáng giữa vợ chồng trước kia đã trình bày lợi - hại đại lược, nay không bàn đến nữa. Còn chuyện tà dâm vô liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng thân con người làm chuyện thú vật. Do vậy, gái đẹp đến tằng tịu, nữ nhân yêu mị đến quyến rũ, quân tử xem như mối họa ương không gì lớn bằng nên bèn cự tuyệt, ắt được phước diệu[202] chiếu soi, hoàng thiên che chở; tiểu nhân xem điều đó như hạnh phúc không gì lớn lao bằng bèn nhận lãnh, ắt đến nỗi tai tinh giáng xuống, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế nói: *"Họa phước vô môn, do con người tự chuốc lấy"*. Nếu đối với cái ải nữ sắc người đời chẳng thể thấy thấu suốt triệt để sẽ khiến cho đức hạnh cao tột, an lạc cực lớn, phước ấm vô cùng để lại cho con cháu, quyến thuộc trinh lương trong đời sau bị khoảnh khắc khoái lạc đoạt hết! Buồn thay!

Cuốn sách Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh chia môn phân loại trình bày rành mạch, dùng tài văn bút khiến cho kẻ tục người nhã cùng thích xem, viết ra văn chương khuyên lơn lẫn răn dạy đều tha thiết. Chuyện xưa nay những người không dâm được phước, kẻ phạm dâm mắc họa, cội nguồn ngành ngọn đều thuật tỉ mỉ, lớn tiếng gào to chẳng tiếc sức. Trống khuya

---

[202] Diệu và tinh đều có nghĩa là những ngôi sao, phước diệu là ngôi sao tốt lành, tai tinh là ngôi sao rủi ro. Phước diệu và tai tinh có nghĩa là vận tốt và vận rủi.

chuông sớm lay tỉnh con người sâu xa, muốn khiến cho người khắp cõi đời đều hưởng phước lạc, ai nấy hưởng hết tuổi trời mới thôi! Phải biết sách này tuy là để răn kiêng dâm mà soạn ra, nhưng về nghĩa và đạo thì phàm là những pháp cai trị đất nước, bình trị cõi đời, tu thân, tề gia, cùng lý tận tánh, liễu sanh thoát tử thảy đều trọn đủ. Nếu khéo lãnh hội thì thần trí sáng suốt, đâu đâu cũng thấy được nguồn, những gì chạm vào mắt đều là đạo, tâm thương đời cứu dân có thể nói là thật thâm thiết.

Do vậy, vào năm Dân Quốc thứ bảy (1918) Ấn Quang đặc biệt đưa bộ An Sĩ Toàn Thư sang khắc ván tại Tàng Kinh Viện ở Dương Châu. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) lại cho khắc riêng lẻ hai bộ Dục Hải Hồi Cuồng, Vạn Thiện Tiên Tư. Năm Dân Quốc thứ 10 (1921) lại quyên mộ in bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ, tính in mấy mươi vạn bộ để truyền bá khắp toàn quốc. Nhưng do người kém, đức mỏng, không cách nào cảm thông, chỉ in được bốn vạn mà thôi. Trung Hoa Thư Cục in riêng để bán cũng được gần hai vạn bản. Hàng Châu, Hán Khẩu đều bắt chước in theo, số sách được in đương nhiên cũng không ít. Nhờ có cư sĩ Ngô Tử Tường người đất Thái Thương, tỉnh Giang Tô nghĩ họa hại thế gian ngày càng nặng nề, những tân học phái đề xướng phế bỏ luân thường, tiết hạnh, chuyên chủ trương tự do luyến ái như đê bị vỡ, nước mặc sức chảy ào ạt, khiến cho mọi thanh niên nam nữ cùng bị hãm trong vùng nước xoáy của biển dục không đáy. Ông bèn phát tâm in rộng rãi bộ Dục Hải Hồi Cuồng thí cho khắp mọi người trong xã hội để mong đẩy lùi cơn sóng

cuồng loạn. Chí của mọi người tạo thành bức thành, nhiều người nâng dễ giở lên, khẩn thiết xin những bậc quân tử nhân từ trong nước phát tâm cứu thế lớn lao, lượng sức ấn tống và khuyên kẻ hữu duyên phổ biến lưu thông. Lại mong cha dạy con, anh khuyên em, thầy răn trò, bạn bè bảo ban nhau, khiến cho người người đều biết họa hại, lập chí như núi, giữ thân như ngọc, chẳng những không phạm tà dâm mà ngay cả dâm sự chánh đáng giữa vợ chồng cũng biết chừng mực, sẽ thấy quan - quả - cô - độc từ đây ngày càng ít, giàu - thọ - mạnh - khỏe - yên ổn ai nấy đều được. Thân thể, nhà cửa do đấy được yên ổn, tốt lành, cõi nước vì thế an ninh, uế đức chuyển thành ý đức (đức tốt đẹp), tai ương biến thành may mắn, tốt lành, rốt ráo chẳng phí một đồng, chẳng nhọc chút sức lại được hiệu quả mỹ mãn như thế đó. Mong sao người nhân từ, bậc quân tử đều thấy chuyện nhân chẳng nhường, vui vẻ mà làm. Do vậy, thuật những ý chánh để cống hiến đồng nhân.

95. Lời tựa cho sách Thọ Khang Bảo Giám

Chẳng có ai không muốn trường thọ, mạnh khỏe, yên ổn, con cháu đông đảo, công nghiệp lẫy lừng, vận may đưa tới, cũng không ai muốn bị đoản mạng, chết yểu, bệnh tật, con cháu tuyệt diệt, gia đạo suy đồi, hung thần ngự đến. Đấy là mong ước thường tình của con người trong khắp cõi đời, dẫu là đứa bé con mới cao ba thước, không ai chẳng [mong muốn] như vậy. Dẫu là kẻ chí ngu cũng hoàn toàn chẳng vui mừng vì bị tai họa, chán phước, ghét lành. Nhưng kẻ háo sắc tham dâm thì

những điều tâm họ mong mỏi và chuyện thân họ làm thật trái nghịch nhau, đến nỗi chuyện chẳng muốn lại bị, chuyện mong muốn không cách chi đạt được, chẳng đáng buồn ư? Khoan hãy nói đến kẻ buông tuồng nơi hoa nơi liễu chỉ mong mỏi chuyện ấy; ngay trong vòng vợ chồng, nếu cứ tham đắm ắt sẽ bị táng thân mất mạng. Cũng có kẻ chẳng quá tham đắm, nhưng do không biết kiêng kỵ (những chuyện kiêng kỵ được ghi đầy đủ ở phần sau cuốn sách, nên ở đây không ghi rõ) cứ mạo muội theo đuổi đến nỗi bị chết mất, thật quá đáng thương! Vì thế, tiền hiền soạn sách Bất Khả Lục, thuật rõ cặn kẽ mối hại sắc dục, những câu cách ngôn khuyên răn kiêng dâm, bớt dục, những câu chuyện chứng tỏ phước thiện họa dâm, phương pháp trì giới: ngày tháng, những lúc, những nơi chốn, những người, những việc nên kiêng kỵ, chẳng ngại phiền phức đều được trình bày cặn kẽ ngõ hầu người đọc biết nên kiêng dè những gì. Tâm giác thế cứu dân ấy có thể nói là khẩn thiết châu đáo, thiết tha hết sức. Ấn Quang lại tăng đính (soạn thêm, sửa cho đúng những chỗ bị in sai, thiếu sót) sách ấy, đặt tên là Thọ Khang Bảo Giám, và quyên mộ để in ra lưu truyền rộng rãi, là vì có nỗi đau lòng chẳng thể chịu được:

Một đệ tử [của Quang] là La Tế Đồng, người Tứ Xuyên, 46 tuổi, có thuyền buôn ở Thượng Hải, tánh tình khá trung hậu, tin sâu Phật pháp, cùng với các ông Quan Quýnh Chi v.v… cùng sáng lập Tịnh Nghiệp Xã. Trong những năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), thường muốn đến núi [Phổ Đà] quy y, do bận việc nên chưa được thỏa nguyện. Năm Dân Quốc 14 (1925) ông ta mắc bệnh cổ trướng mấy tháng, tình thế cực nguy

hiểm, chữa thuốc Tàu, thuốc Tây đều vô hiệu. Đến ngày 14 tháng Tám, thanh toán tiền thuốc, vì số tiền quá lớn liền bực mình nói: "Từ đây dù có chết ta cũng không uống thuốc nữa". Bà vợ bèn đối trước Phật cầu đảo khẩn thiết, nguyện suốt đời ăn chay niệm Phật cầu cho chồng được lành bệnh. Ngay trưa hôm ấy, bệnh liền chuyển biến mạnh, đi tiêu xả ào ạt nước ứ ra, không thuốc gì mà hết bệnh. Cuối tháng Tám, Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ngụ tại chùa Thái Bình. Ngày mồng Hai tháng Chín, đến Tịnh Nghiệp Xã gặp Quan Quýnh Chi, ông Tế Đồng cũng có mặt. Tuy thân thể chưa hoàn toàn khỏe hẳn, nhưng khí sắc thuần tịnh tươi tắn không ai bằng. Gặp Quang, ông ta vui mừng thưa: "Sư phụ đến rồi! Xin quy y tại đất Thân, chẳng cần phải lên núi nữa!" Ông ta chọn ngày mồng Tám cùng vợ đến chùa Thái Bình, cùng thọ Tam Quy Ngũ Giới. Lại thỉnh các cư sĩ Trình Tuyết Lâu, Quan Quýnh Chi, Đinh Quế Tiêu, Âu Dương Thạch Chi, Từ Trĩ Liên, Nhậm Tâm Bạch v.v… bồi tiếp Quang dùng cơm. Ngày mồng Mười lại mời Quang đến nhà dùng cơm, lại nói: "Sư phụ chính là cha mẹ của bọn đệ tử, bọn đệ tử chính là con cái của sư phụ". Quang nói: "Cha mẹ chỉ lo khi con bệnh, nay bệnh ông tuy khá, nhưng chưa bình phục, hãy nên thận trọng". Tiếc là chưa nói rõ chuyện phải thận trọng chính là chuyện phòng sự (ân ái). Đến hôm cuối tháng, tại Công Đức Lâm mở hội Cảm Hóa Nhà Tù, ông ta cũng dự hội. Buổi hội giải tán xong, có mười mấy người giữ lại dùng cơm. Ông ta vừa mới đến bèn cùng người trông coi sổ sách trao đổi mấy câu rồi đi, sắc mặt giống hệt như người chết, Quang biết là do phạm phải phòng sự mà ra. Rất hối tiếc lúc đó chỉ nói

“cha mẹ chỉ lo khi con bệnh”, chưa từng nói rõ duyên do, đến nỗi ông ta lại bị nguy ngập.

Muốn tu chỉnh sách này để khuyên răn, nhưng bận bịu chưa làm được. Ngày mồng Sáu tháng Chín về núi, bèn gởi ngay một lá thư, trình bày hết sức tường tận lẽ lợi - hại, nhưng đã không còn thuốc gì cứu được, mấy ngày sau [ông ta] bèn mất. Lúc mất, ông Quan Quýnh Chi mời các vị cư sĩ đều đến niệm Phật, ông La có được vãng sanh Tây Phương hay không chưa thể biết, nhưng không đến nỗi đọa lạc. Bị bệnh nặng mấy tháng, do Tam Bảo gia bị nên không dùng thuốc được lành bệnh, trong vòng mười mấy ngày khí sắc tươi tỉnh hơn xa người bình thường. Do không biết thận trọng, ngộ phạm phòng sự mà chết. Chẳng những tự tàn hại cuộc đời còn cô phụ từ ân của Tam Bảo quá đỗi! Quang nghe tin cáo phó, tâm đau xót, nghĩ cõi đời chẳng biết kiêng kỵ cứ mạo muội làm chuyện đó, đến nỗi mất mạng nhiều vô số! Nếu chẳng lập cách ngăn ngừa, gìn giữ trước, thật là đánh mất đạo từ bi cứu khổ của đức Như Lai. Tính đem Bất Khả Lục tăng đính, ấn loát lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu cả thế gian đều biết kiêng kỵ, chẳng đến nỗi lầm mất tánh mạng.

Một vị cư sĩ đem số tiền mẹ để lại là một ngàn sáu trăm đồng, tính in thiện thư để thí tặng, Quang bảo ông ta dùng hết số tiền ấy để in Thọ Khang Bảo Giám hòng cứu vớt thanh niên nam nữ chưa bị mắc nguy thì do cái chết của một mình ông La Tế Đồng khiến cho hết thảy những người đọc sách này trong hiện tại và vị lai biết phải nên thận trọng, cũng như do xoay vần lưu thông, lần lượt khuyên bảo lẫn nhau, sẽ khiến cho cả thế gian

đều cùng hưởng trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, nỗi khổ quan quả cô độc ngày càng ít thấy. Như vậy do cái chết của mình ông La Tế Đồng lại khiến cho hết thảy mọi người đều được sống thọ, khỏe mạnh, thì cái chết của ông Tế Đồng bèn có công đức. Nhờ công đức ấy hồi hướng vãng sanh ắt sẽ từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải chúng. Mạnh Tử nói: *"Dưỡng tâm không gì tốt bằng bớt ham muốn"*. Có người đã ít dục, tuy không có nhiều vẫn giảm bớt dục. Cũng có người đa dục, do có nhiều bèn giảm bớt. Lúc mạnh khỏe còn nên tiết dục, huống chi lúc bệnh nặng mới lành!

Mười năm trước, con của một vị đại thương gia, học Tây Y ở Nhật Bản, đỗ đầu, ngồi xe điện, xe chưa dừng đã nhảy xuống, ngã gãy cánh tay. Anh ta nhờ bác sĩ Tây Y chữa lành. Phàm bị thương ở xương, phải kiêng nữ sắc trong vòng một trăm mấy mươi ngày. Cánh tay anh ta lành chưa lâu, do mừng thọ mẹ liền trở về nước, đêm ngủ cùng vợ, ngày hôm sau liền chết. Anh chàng này khá thông minh, sắp thành bác sĩ sao chuyện kiêng kỵ này lại ngờ nghệch chẳng biết để đến nỗi khoảnh khắc khoái lạc cướp mất tánh mạng rất trọng? Đáng buồn quá sức!

Năm ngoái, một thương nhân đang gặp vận may, hôm trước giành được mối lợi sáu bảy trăm đồng, khá đắc ý. Ngày hôm sau từ chỗ người thiếp đi đến chỗ vợ cả, người vợ vui lắm. Lúc đó nhằm vào tháng Năm, trời thật nóng, vợ bật quạt điện, sắp đặt chậu tắm, lấy nước đá pha mật cho uống, chỉ biết giải nhiệt cho mát, nào biết hễ muốn ân ái thì không được dùng chất lạnh. Chưa

đầy ba tiếng sau, đau bụng chết tốt! Do vậy, biết vì thế gian chẳng biết kiêng kỵ cứ làm bừa đi, đến nỗi chết mất chẳng biết mấy ngàn vạn ức! Nhưng từ xưa đến nay, người có phước lớn nhất không ai hơn hoàng đế. Phước lớn thì thọ cũng phải dài! Thử xét kỹ xem: Mười ông vua có tám chín ông không thọ, chẳng phải là vì dục sự quá nhiều lại do chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi tự rút ngắn tuổi thọ đó ư? Người đại thông minh trong thế gian đa phần thường không thọ, là vì không hiểu kỹ chuyện này mà nên nỗi! Quang thường nói: *"Người đời trong mười phần có đến bốn phần do sắc dục mà chết. Bốn phần tuy chẳng chết trực tiếp vì sắc dục thì cũng vì do tham sắc dục mà bị hao tổn, chịu đủ mọi cảm xúc gián tiếp khác mà chết. Người vốn do số mạng mà chết, bất quá chỉ một hai phần trong mười phần mà thôi!"* Thế giới mênh mang, nhân dân đông đảo, mười phần có tám chín phần chết vì sắc dục, chẳng đáng buồn ư? Đấy chính là lý do Quang lưu thông sách Thọ Khang Bảo Giám.

Mong người đời yêu thương con cái cũng như vì đồng bào tạo hạnh phúc, ngừa họa hoạn, thảy đều phát tâm ấn tống, xoay vần lưu thông, khiến cho ai nấy biết những điều kiêng kỵ, ngõ hầu chẳng đến nỗi lầm lạc đánh mất tánh mạng cũng như chẳng bị tàn tật đến nỗi không thể thành tựu. Những kẻ buông tuồng nơi hoa nơi liễu đa số là vì không có chánh kiến, bị lầm lạc bởi bè bạn phóng túng, dâm thư, đến nỗi hãm thân trong biển dục không thể thoát được. Nếu chịu đọc kỹ thì sẽ biết lợi hại sâu xa, đối với những điều quan hệ đến sự vinh diệu hay nhục nhã của tổ tông cha mẹ cũng như sự sống - chết, thành - bại của bản thân lẫn gia đình, cùng

là con cháu hiền hay ngu, tuyệt diệt hay thạnh vượng, đều hiểu rõ như nhìn vào ngọn lửa. Nếu thiên lương chưa hoàn toàn mê muội, sao không mắt nhìn đến tâm kinh hoàng, nỗ lực đau đáu gìn giữ ư? Sẽ thấy từ đó về sau, ai nấy vui với mối thiên luân vợ chồng, chẳng đến nỗi tham dục tổn thân, tề mi giai lão[203], vừa thọ vừa khỏe mạnh. Người ít dục thường đông con, con họ chắc chắn thể chất mạnh mẽ, tâm chí trinh lương, chẳng những không bị lỗi tự hại mà chắc chắn còn trở thành hạng lanh lợi làm rạng rỡ cha mẹ, Đấy chính là điều Quang thơm thảo mong mỏi dài lâu. Nguyện người đọc cùng thể hiện sự đồng tình, tùy duyên lưu truyền thì nhân dân may mắn lắm mà vận nước cũng may mắn lắm.

96. Lời tựa cho bài văn quở trách tà thuyết tự do kết hôn (soạn thay)

Con người bẩm thụ khí Âm - Dương của trời đất, nhận lãnh tinh cha huyết mẹ mà sanh. Từ lúc mới sanh cho đến năm ba bốn tuổi, nhất cử nhất động cha mẹ đều phải chăm sóc. Từ đấy trở đi tuy có thể tự hành động, nhưng phàm các sự lý đều cần đến cha mẹ sắp đặt, chỉ dạy. Nếu không, chẳng thể sống còn trong cõi đời. Đến khi trưởng thành, cha mẹ chọn lựa người hôn phối hòng được hưởng niềm vui có gia đình, ngõ hầu trong ngoài

---

[203] Tề mi (ngang mày): Đời Hậu Hán, vợ của Lương Hồng là nàng Mạnh Quang khi đưa cơm cho chồng đều nâng bát cơm cao ngang mày, ngụ ý kính trọng chồng như khách quý. Sau này, thường dùng chữ "tề mi" để diễn tả ý vợ chồng kính trọng lẫn nhau. "Giai lão" là sống hạnh phúc đến răng long đầu bạc.

giúp đỡ nhau, để con tận hết bổn phận phụng dưỡng cha mẹ, có con cháu để phòng lúc già - chết. Đấy là đạo tất nhiên của trời đất, thánh nhân phỏng theo đạo trời đặt ra lễ, ngõ hầu ai nấy đều giữ luân thường để tận hết đạo làm người và đạo làm con vậy! Nếu chẳng tuân theo lễ của thánh nhân đã chế cũng như mệnh lệnh của cha mẹ, chỉ cần hai bên say mê nhau là thành vợ chồng thì có khác gì cầm thú đâu! Những kẻ chẳng biết tốt - xấu chuyên bắt chước thói ác của Âu Tây, ồn ào đề xướng tự do kết hôn, sao không đề xướng lúc mới sanh bèn chẳng nhận sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ để tự do khôn lớn, thành người? Nếu như họ trong một đời này tự do khôn lớn, tuyệt đối không phải nhận sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ thì cứ tự do kết hôn, vì sự và lý đều thật sự hết sức chánh đáng. Nếu không thể như vậy, sao chỉ đến lúc trưởng thành, lại có thể tự lực lấy chuyện nam nữ luyến ái làm tiêu chuẩn? Đấy chính là kẻ tội nhân cực nặng nghịch trời trái lý, khinh thánh, miệt thị luân thường. Do vậy, tâm hạnh kẻ ấy có khác gì cầm thú đâu? Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích soạn văn đả phá, do vậy, tôi bèn làm lời tựa dẫn nhập để phát khởi điều chưa phát, hầu những người đề xướng thuyết [tự do kết hôn] đều giác ngộ!

V. BẠT

1. Lời bạt[204] cho Quy Tâm Đường

Tâm vừa tịch vừa chiếu, bất sanh bất diệt, rộng rãi, thấu triệt, linh thông, viên dung sống động, là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Dù ở địa vị phàm phu hôn mê điên đảo đầy dẫy phiền hoặc, tâm vẫn cùng một thể giống hệt như tam thế chư Phật, trọn chẳng khác gì. Vì thế, nói: *"Tâm, chúng sanh, Phật, ba thứ không sai biệt"*. Nhưng do chư Phật rốt ráo chứng đắc, nên công đức lực dụng được phô bày trọn vẹn triệt để, còn phàm phu toàn thể là mê trái nên đâm ra dùng sức công đức lực dụng ấy khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba món Hoặc - Nghiệp - Khổ dẫn khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tục không ngừng, trải trần điểm kiếp luân hồi dài lâu. Dù muốn thoát lìa cũng không có cách gì! Ví như trong nhà tối chạm phải vật báu, chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn bị thương tổn! Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần cũng giống như thế. Như Lai thương xót giảng cho diệu pháp, khiến cho bỏ vọng về chân, khôi phục tâm tánh. Thoạt đầu thì từ nơi vọng liền thấu hiểu tột cùng chân, kế đến thì toàn bộ vọng chính là chân, như gió lặng ắt sóng êm, trời nóng băng phải tan, sóng lẫn băng trở thành nước, nhưng sóng - băng và

---

[204] Thông thường, Bạt là phần giới thiệu ở một tác phẩm và được ghi ở cuối sách. Ở đây, Tổ còn dùng chữ Bạt với ý nghĩa "một bài viết nhằm giải thích ý nghĩa tên gọi của một công trình đã xây dựng xong".

nước vốn chẳng phải là hai vật! So lúc sóng chưa êm, khi băng chưa tan với lúc sóng đã êm, băng đã tan thì thể tánh trọn chẳng hai, nhưng Tướng - Dụng thật sự khác biệt rất lớn. Do vậy, có câu: *"Tu đức hữu công, tánh đức mới tỏ"*.

Nếu chỉ cậy vào Tánh Đức chẳng chú trọng Tu Đức thì đến tột cùng đời vị lai vĩnh viễn vẫn là chúng sanh uổng có Phật tánh, nhưng không nơi nương tựa! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh chép: *"Quán Tự Tại Bồ Tát khi thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu thấy năm Uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách"*. Toàn thể của Ngũ Uẩn chính là Chân Như Diệu Tâm, nhưng do cứ một bề mê trái nên trở thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành lập thì Nhất Chân liền bị mê. Nhất Chân đã bị mê thì các khổ đều nhóm họp. Giống như gió dậy thì toàn thể nước biến thành sóng, trời lạnh thì nước đang mềm biến thành cứng. *"Chiếu"* là dùng Bát Nhã rất sâu bèn hiểu rõ *"do mê chân nên biến thành vọng, toàn thể vọng chính là chân"*, như gió lặng, trời ấm lại khôi phục bản thể của nước vậy!

Do vậy, biết hết thảy pháp đều do vọng tình biến hiện. Nếu lìa được vọng tình thì bản thể hoàn toàn là không; do vậy Tứ Đại đều mất bản tánh, sáu căn có thể dùng lẫn cho nhau. Vì thế, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định mà hiện các oai nghi, nhãn căn có thể làm được Phật sự của nhĩ căn, nhĩ căn làm được Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đang đi trên đất, nước - lửa chẳng thể thiêu đốt, cuốn trôi được, tùy ý đi đứng trên hư không. Cảnh không tự tánh, đều tùy tâm chuyển. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm chép: *"Nếu*

có một người nhận ra lẽ thật trở về nguồn thì mười phương hư không đều bị tiêu tan”, đấy chính là hiệu quả thật sự của việc *“chiếu thấy Ngũ Uẩn đều không”*.

Quy là *“quy đầu”* (gieo trở vào), *“quy hoàn”* (trở về), có nghĩa là phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh vốn có vậy. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có mà nếu trước hết chẳng quy tâm nơi Tam Bảo, y giáo phụng hành sẽ không thể được! Đã có thể quy tâm Tam Bảo y giáo phụng hành thì sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm triệt chứng Phật tánh rồi thì mới biết tự tâm quý báu nhất, nơi mê chẳng giảm, nơi ngộ chẳng tăng. Chỉ là thuận theo pháp tánh bèn thọ dụng được, hễ trái nghịch pháp tánh bèn bị thương tổn, lợi - hại khác biệt như trời với vực. Cư sĩ Châu Sư Đạo muốn cho con cái cháu chắt đời đời phụng hành Phật pháp nên lấy chữ Quy Tâm đặt tên cho ngôi nhà lớn, thỉnh Quang đề ý nghĩa. Do vậy, bèn viết lời này cho xong trách nhiệm.

2. Lời bạt cho sách Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ Tát Giới Sớ Chú Tiết Yếu

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Luận đến chỗ thiết yếu thì chỉ có ba pháp Giới - Định - Huệ mà thôi! Nhưng ba pháp này dung nhiếp lẫn nhau, chẳng thể đứng tách ra một mình được! Sơ tâm nhập đạo thì trì giới là nhiệm vụ quan trọng nhất. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ. Đấy gọi là Tam*

Vô Lậu Học”. Do vậy, lúc đức Như Lai mới thành Chánh Giác, liền nói Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới để hết thảy Bồ Tát cùng chư thiên Thích Phạm, và vua quan, nhân dân dù Tăng hay tục cho đến đào kép, nô tỳ, hết thảy chúng sanh trong ba ác đạo đều cùng thọ trì. Do vậy, biết Giới này chính là lò luyện lớn lao để Như Lai nung phàm luyện thánh vậy.

Ấy là vì lục đạo chúng sanh tuy tôn - ty, sang - hèn khác nhau, đủ mọi thứ bất đồng, nhưng nhất niệm tâm tánh chẳng hai, chẳng khác gì tam thế chư Phật. Chỉ vì thiện - ác đời trước mỗi người mỗi khác nên đời này quả báo bất đồng! Đức Như Lai chỉ nhìn vào Bổn, chẳng bận tâm đến Tích, do vậy, khuyên khắp mọi người thọ trì. Nếu có thể y giáo phụng hành thì ác nghiệp đời trước sẽ nhanh chóng tiêu trừ, phước huệ đời này mau được viên mãn. Thoạt đầu hiểu rõ vọng chính là chân, kế đó chỉ có chân không vọng, tự có thể khôi phục nguồn tâm, tự chứng diệu tánh. Vì thế nói: *“Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị chư Phật, địa vị giống với Đại Giác rồi, thật sự là con của chư Phật”*. Lại nói: *“Các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin tưởng như thế thì Giới Phẩm được đầy đủ”*. Đây chính là lời đảm bảo cho hết thảy chúng sanh từ chính kim khẩu của đức Như Lai, há chẳng đáng tin ư?

Cư sĩ Vô Danh xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, muốn cho mình lẫn người cùng thoát luân hồi, bèn chọn lấy những chỗ thiết yếu trong các trước thuật Tịnh Độ soạn thành sách Tịnh Độ Tân Yếu (những điều chỉ bày trọng yếu về Tịnh Độ), ông lại

soạn cuốn Tục Biên của sách ấy, tính đem kinh Phạm Võng đặt ở đầu sách. Lại vì kinh văn sâu xa, uyên áo chẳng dễ suy lường hời hợt được, khai - giá - trì - phạm[205] khó thể hiểu rõ; nếu không chú giải quả thật khó thể lợi ích rộng khắp. Do vậy, ông bèn chọn trích những điểm trọng yếu từ sách Phạm Võng Kinh Chú Sớ giản lược của ông Trần Hy Nguyện đời Thanh khiến cho dù văn hay nghĩa vừa xem đến bèn được hiểu rõ.

Muốn hoằng dương Tịnh Độ sao lại đặt kinh Phạm Võng lên đầu? Ấy là vì muốn sanh về Tịnh Độ thì phải tịnh được cái tâm. Hễ tâm tịnh cõi Phật sẽ tịnh! Muốn tịnh cái tâm, không thể nào không trì tịnh giới của Phật! Nếu trì giới thì tâm tham - sân - si sẽ chẳng hiện hành, đạo Giới - Định - Huệ được triệt để phơi bày trọn vẹn, hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa chẳng cầu tự được, đều hiện trong tâm. Do vậy, nói: *"Giới chính là pháp giới, hết thảy pháp quy về Giới, còn gì hơn được"*. Huống chi lại thêm chân tín nguyện thiết, chấp trì vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật thì cái tâm Năng Niệm và đức Phật được niệm sẽ thầm khế hợp. Trong đời này tâm - Phật đã chẳng hai, lâm chung không sanh Tịnh Độ thì sanh về đâu đây? Nếu như căn cơ kém hèn, chưa thể được như thế, nhưng nghiêm trì giới luật của Phật để thanh tịnh thân tâm, thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn vãng

---

[205] Khai giá trì phạm là thuật ngữ trong Luật Học Phật Giáo: Khai là có trường hợp vi phạm giới cấm nhưng không bị coi là phạm giới, Giá có nghĩa là ngăn cấm. Trì là vâng giữ, Phạm là vi phạm. Chẳng hạn như nói dối là phạm giới, nhưng trong nhiều trường hợp phải nói dối để cứu người thì không phạm giới.

sanh Tây Phương. Dẫu là kẻ đới nghiệp vãng sanh cũng đã vĩnh viễn thoát luân hồi, cao siêu tam giới, luôn thân cận Phật Di Đà, nhanh chóng chứng được Pháp Thân, huống gì người nghiệp đã tận, tình đã không ư?

Có những kẻ tự khoe cao minh, miệt thị giới luật và Tịnh Độ, nói: *"Tự tánh thanh tịnh, nào có thiện - ác, trì - phạm, ta - người, sạch - nhơ, chỉ mặc sức thiên chân mới chính là Như Như Phật"*. Từ đó, miệng xoen xoét nói Không, nhưng chuyện gì cũng Có! Nghe lời lẽ thì cao minh vượt khỏi chín tầng trời, xét đến hành vi tệ hại sâu lún chín tầng đất! Sống làm phường bại hoại trong pháp môn, chết làm chủ nhân cõi Nê Lê (địa ngục). So với những người đới nghiệp vãng sanh thì lấy trời và đất để sánh ví vẫn chẳng thể đủ để diễn tả sự sướng và khổ được; huống gì so sánh với những bậc cao hơn! Những ai muốn được lợi ích thật sự ngay trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh, xin hãy thật sự thực hành bằng việc trì giới niệm Phật, sẽ chẳng uổng công đâu!

3. Lời bạt cho bản Thạch Ấn bài Tâm Kinh chép bằng lối chữ thảo của vị Tăng lạ lùng là Thủ Tùng

(do chữ viết liên tiếp nhau, không tách ra được nên chưa in)

Kinh văn này tuy giản lược nhưng nghĩa lý cực rộng sâu, Tánh - Tướng dung thông, Chân - Tục cùng mất! Vạn pháp sâm la nhưng nhất đạo thanh tịnh. Do vậy hễ khởi Quán Chiếu thì xóm làng Ngũ Uẩn nhanh chóng trống rỗng, Thật Tướng phô bày trọn vẹn, sanh lên bờ kia Tứ Đức. Nói đến sự rộng lớn của kinh thì dù

cạn hết biển mực cũng chẳng thể thuật hết nghĩa đó. Nói đến sự tinh vi thì tìm lấy một chữ cũng trọn chẳng thể được! Chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền. Đúng là thầy của chư Phật, là mẹ của Bồ Tát, là cốt lõi của sáu trăm quyển Bát Nhã[206], là cương tông của toàn bộ Đại

---

[206] Kinh Đại Bát Nhã (Mahā-prajñāpāramitā-sūtra) gồm 600 quyển, do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Trong Đại Tạng Kinh, kinh này chiếm hết ba phần tư hệ thống Bát Nhã. Có thể nói, kinh này là một bộ đại tập thành của toàn bộ những kinh văn thuộc hệ thống Bát Nhã. Trước thời ngài Huyền Trang, đã có những bản dịch một phần kinh Bát Nhã như Kim Cang Bát Nhã, Phóng Quang Bát Nhã, Tiểu Phẩm Bát Nhã, Đạo Hành Bát Nhã, Đại Phẩm Bát Nhã v.v… Do vậy, ngài Huyền Trang bèn tập hợp các bản dịch, so sánh với ba thứ bản gốc tiếng Phạn, sai các vị Gia Thượng, Đại Thừa Khâm, Đại Thừa Quang, Huệ Lãng, Khuy Cơ làm Bút Thọ (ghi chép bản dịch), Huyền Trắc, Thần Phưởng làm Xuyết Văn (nhuận sắc sửa đổi câu văn cho hoàn chỉnh, đẹp đẽ), Huệ Quý, Thần Thái, Huệ Cảnh làm nhiệm vụ Chứng Nghĩa để cùng với Ngài dịch lại kinh này tại chùa trong cung Ngọc Hoa, từ tháng Giêng năm Hiển Khánh thứ năm (660) đời Đường Cao Tông đến tháng Mười năm Long Sóc thứ ba (663) mới dịch xong. Tháng Hai năm sau, tuân theo lời thỉnh cầu của Tăng chúng, Ngài cầm bút dịch được mấy trang kinh Bảo Tích bèn ngừng vì biết lúc thị tịch đã đến. Toàn kinh Đại Bát Nhã chia thành mười sáu hội được giảng tại bốn chỗ (núi Linh Thứu ở thành Vương Xá, vườn Cấp Cô Độc, cung trời Tha Hóa Tự Tại và Trúc Lâm tinh xá thuộc thành Vương Xá). Các hội thứ 1, 3, 5, 11, 12, 13, 14, 15, 16, tổng cộng bảy hội là do ngài Huyền Trang dịch mới, gồm 481 quyển. Bảy hội kia là bản dịch lại những bản cựu dịch.

Hội thứ nhất tương ứng với Phạn Bản là bộ Thập Vạn Tụng Bát Nhã (Śatasāhasrikā-prajñāpāramitā). Hội thứ hai tương ứng với bộ Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát Nhã (Pañcavijśatisāhasrikā-prajñāpāramitā) của Phạn Bản. Các bản Hán dịch biệt xuất từ hội này là kinh Quang Tán Bát Nhã, Phóng Quang Bát Nhã, và Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh (27 quyển). Hội thứ tư tương ứng với Bát Thiên Tụng Bát Nhã (Astasāhasrikā-prajñāpāramitā), các kinh biệt xuất là Đạo Hành Bát Nhã của ngài Chi Lâu Ca Sấm, Đại Minh Độ Kinh của ngài Chi Khiêm đời Ngô, Tiểu Phẩm Bát Nhã Kinh của ngài Cưu Ma La Thập, Phật Mẫu Xuất Sanh Tam Pháp Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa của ngài Thi Hộ. Hội thứ sáu giống với kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã Ba La Mật do ngài Nguyệt Bà Thủ Na dịch vào đời Trần. Hội thứ bảy tương ứng với Thất Bách Tụng Bát Nhã (Saptaśatikā-prajñāpāramitā) của Phạn Bản. Hội này chính là bản dịch khác của kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa do ngài Tăng Già Ba La dịch và kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Bát

Tạng thánh giáo. Ấy là vì đức Đại Giác Thế Tôn xét căn cơ thuyết pháp, trí huệ tự tại, hoặc nói rộng, hoặc nói lược, diệu lý đều trọn đủ. Ví như vầng trăng vằng vặc giữa trời, hiện bóng trong những chỗ có nước. Không riêng gì sông to biển cả đều hiện trọn vẹn bóng trăng, mà nhỏ như một chước, một giọt, không đâu chẳng đều hiện trọn vẹn bóng trăng, chẳng hề khiếm khuyết. Cao quý thay, đẹp đẽ thay! Do chúng sanh có đủ diệu tâm "chúng sanh - Phật bình đẳng" nên cảm được đức Như Lai nói kinh mầu nhiệm Chân Không Thật Tướng này! Vì thế, từ thời Đường đến nay, văn nhân danh sĩ thường hay biên chép, trì tụng, có nhiều người đọc đến mấy ngàn vạn lần.

Nhã Ba La Mật Đa của ngài Mạn Đà La Tiên dịch vào đời Lương (chép trong kinh Đại Bảo Tích). Hội thứ tám chính là bản dịch khác của kinh Nhu Đạo Bồ Tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phần Vệ Kinh do ngài Tường Công dịch vào đời Tống. Hội thứ chín là kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hội này chính là bản dịch khác các kinh cùng mang tên Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa do các ngài Cưu Ma La Thập, Bồ Đề Lưu Chi, Chân Đế cũng như Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa do ngài Cấp Đa dịch, kinh Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào thời Đường. Hội thứ 10 tương ứng với kinh Lý Thú Bát Nhã (Prajñāpāramitā-naya-śatapañcāśatikā), chính là bản dịch khác các kinh Thật Tướng Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch, Đại Nhạo Kim Cang Bất Không Chân Thực Tam Ma Da do ngài Bất Không dịch, kinh Năng Chiếu Bát Nhã Ba La Mật do ngài Thi Hộ dịch v.v… Những hội còn lại không còn Phạn bản, chỉ còn bản dịch tương ứng bằng tiếng Tây Tạng. Ngoài bản dịch của ngài Huyền Trang, Tâm Kinh còn có sáu bản dịch khác nhau:

1. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đại Minh Chú Kinh do Cưu Ma La Thập dịch.
2. Bát Nhã Ba La Mật Đa Na Đề Kinh do Bồ Đề Lưu Chi dịch.
3. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh do Bát Nhã và Lợi Ngôn dịch.
4. Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh do Pháp Nguyệt dịch.
5. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh do Trí Huệ Luân dịch.
6. Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh do Thi Hộ dịch.

Trong số này, bản của Ngài Thi Hộ có ghi đầy đủ nơi xứ thuyết kinh, đương cơ của pháp hội, nhưng lời văn không được cô đọng, trau chuốt, đặc sắc như bản dịch của ngài Huyền Trang.

Vị Tăng lạ lùng là Thủ Tùng muốn viết kinh này hòng nạp vào trong tám thức điền của mọi người để tạo chủng tử thành Phật trong tương lai, nên bèn vận dụng thần bút tuyệt diệu chẳng thể nghĩ bàn biên chép lưu thông. Bạn bè được tặng tờ thiếp ấy, muốn đem in thạch bản để lưu truyền rộng rãi. Lại sợ [người đọc] chưa thể nhận hết [mặt chữ] nên chép thêm kinh văn theo lối chữ Khải trong phần sau. Do vậy, tôi bèn viết lời Bạt gồm mấy câu ngõ hầu mình lẫn người đều xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn. Phải biết: Kinh này ở tại đâu thì Phật ở nơi đó, tiêu trừ nghiệp chướng, được nhiều tốt lành. Phải nên dốc lòng cung kính cúng dường, thọ trì, đọc tụng, chớ nên khinh nhờn kẻo phải chuốc lấy tội lỗi, ắt sẽ độ hết thảy khổ, thành vô thượng đạo giống như đưa tờ bằng khoán ra lấy lại vật cũ vậy!

4. Lời bạt cho bài văn bia ngự chế của Thanh Thế Tông ở chùa Pháp Vũ tại Phổ Đà

(năm Ất Mão, viết thay cho ông Triệu Hy Y)

Thanh Thế Tông Hiến Hoàng Đế (Ung Chánh) xưa đã trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, thâm nhập Kinh Tạng, thấu đạt thẳng vào nguồn Thiền, Tông - Thuyết đều thông, ngộ chứng gần như cùng cực, thông hiểu đạo tân truyền của Linh Sơn, Tứ Thủy, xiển dương diệu đạo *"tâm chính là Phật"*. Từ khi pháp truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, trong các bậc hoàng đế, Ngài quả là bậc nhất. Nếu chẳng phải là bậc đã chứng Pháp Thân từ lâu, thị hiện trong đời Mạt này, ở trong cõi tục hiểu thấu lẽ chân, rộng độ hàm thức thì sao có thể được

như vậy! Phật pháp lợi khắp chúng sanh, Đại Sĩ tùy cơ ứng theo lòng cảm rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Nếu không có đại trí huệ sẽ chẳng thể hình dung. Thanh Thế Tông cực lực phát huy những nghĩa lý như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, có thể nói là khéo léo khế hợp tâm Phật, khó thể thí dụ được! Trước kia, tôi đã đọc sách Chiết Giang Thông Chí thấy bài văn bia này, khôn ngăn khâm phục. Sách Định Hải Sảnh Chí cũng chép đầy đủ. Mùa Xuân năm nay đến lễ Đại Sĩ, thấy trước tấm bia thờ một tượng Phật bằng ngọc, bia bị khám thờ che khuất nên chẳng thể xem rõ được. Là vì khi tượng Phật bằng ngọc được rước đến, được thờ tạm trước bia. Sau do không đất lập điện [thờ riêng], bèn thờ tượng vĩnh viễn ở đó. Tra trong Sơn Chí, lại thấy thiếu mất bản văn bày, buồn rầu khôn xiết. Nhân đó, cầm đuốc cung kính chép lại, bèn xin vị chủ chùa cho khắc vào bản gỗ, treo trong đình. Lại khắc kèm vào bản khắc ván của Sơn Chí, thuật hết duyên khởi ngõ hầu các vị quân tử trong tương lai đều được thấm nhuần mưa pháp, cùng chứng chân thường!

5. Lời bạt cho Lục Độ Thất (viết thay ông Đường Hưu Tử)

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ gọi là Lục Độ, hoặc còn gọi là Lục Ba La Mật. Tiếng Phạn *“Ba La Mật”,* Hán dịch là Đáo Bỉ Ngạn (đến được bờ kia), có nghĩa là nhờ vào sáu pháp này từ bờ sanh tử bên đây vượt qua dòng phiền não sang đến được bờ Niết Bàn bên kia. Năm Độ như kẻ mù, Bát Nhã như người dẫn đường. Năm Độ không có Bát Nhã

sẽ chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia. Bát Nhã như mắt, Ngũ Độ như chân. Bát Nhã không có năm Độ kia cũng chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia. Đầy đủ cả hai thứ thì mỗi một Độ đều đến được bờ kia, đều được gọi là Ba La Mật. Hòa thượng Khai Như đặt cho thất cái tên này, đáng gọi là bậc biết pháp, mà chí và hạnh của Ngài [từ đó] cũng có thể suy ra được. Do vậy, viết ba chữ này và lược thuật ý nghĩa để tặng cho.

6. Lời bạt cho Tâm Quy Tịnh Xứ

(viết cho cư sĩ Lưu Trí Không)

Tâm linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, có khuôn phép, riêng làm chủ của vạn tượng, vô danh vô tướng hòa lẫn trong các pháp, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng thể lập được mảy trần, vừa là Sắc vừa là Không, trọn Ngũ Nhãn cũng không thể thấy được! Xứ sở còn chẳng có, tịnh do đâu mà đến? Tịnh - xứ đã không, nương gởi vào đâu? Thật Tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần. Nói đến chữ Tâm đã sớm trở thành vớ vẩn. Nếu có thể khế nhập ngay được điều này thì toàn thể đại dụng của tâm sẽ phô bày triệt để, trọn chẳng giấu diếm gì, liền có thể gọi là *"bậc vô tâm đạo nhân",* liền có thể chen vai thích cánh cùng bậc Đại Sĩ đã rỗng không các Uẩn, nắm tay nhau cùng đi, cảm ứng khắp quần cơ, hiện thân thuyết pháp. Trăng in trên ngàn sông, gió thổi vạn ống tiêu, trọn pháp giới cảm bèn ứng trọn pháp giới. Nếu như căn cơ kém hèn, chưa thể chứng nhập bèn ước trên Sanh Diệt Môn chỉ cho phương hướng tiến đến chứng đắc. Do đã mê tâm đuổi theo cảnh, hướng ra

ngoài tìm cầu, nên toàn bộ trí huệ đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước, vậy thì hãy nên chuyên tinh tu tập chỉ một pháp, chấp trì thánh hiệu Di Đà, chân tín nguyện thiết, mong được vãng sanh Tây Phương. Trì lâu ngày, tâm và Phật hệt như một, chẳng lìa đương niệm triệt chứng Ngũ Uẩn đều không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt, trí huệ - đức tướng cũng mất. Hễ tâm tịnh cõi Phật bèn tịnh, chẳng lìa đương xứ thầm khế hợp cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi mình chỗ này mới là chỗ rốt ráo để chúng ta an thân lập mạng vậy. Nguyện học trò tôi là Trí Không làm cho chúng sanh khắp pháp giới cùng quy về đây thì may mắn lắm thay!

7. Lời bạt cho sách Định Hải Huyện Giám Ngục Giảng Kinh Tham Quan Ký của Hạng Bá Xuy

Việc cai trị trọng nơi đại thể. Đã đạt được đại thể thì chuyện không kể lớn hay nhỏ đều có hiệu quả. Nếu không, chỉ là làm dáng, khó đạt được lợi ích thật sự! Đại thể là gì? Thưa: Chỉ là Thành mà thôi! Người giữ chức vụ cai quản đất nước nếu phát xuất từ lòng Thành thì tuy là dị loại vẫn còn có thể cảm hóa được, huống gì con người là "vạn vật chi linh"? Vì thế, những chứng cứ lạ như hổ chẳng vào cõi, cá bỏ sang chỗ khác v.v… được chép rõ ràng trong sử sách. Sách Đại Học giải thích câu nói *"Như bảo xích tử"* (như che chở con đỏ) của kinh Thư như sau: *"Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hỹ"*[207] (Dùng tâm thành mà cầu thì dù

---

[207] Câu *"như bảo xích tử"* trích từ tiết Khang Cáo, chương Châu Thư của kinh Thư (tức sách Thượng Thư). Khang Cáo là đoạn sách ghi lại lời Châu Thành

chẳng trúng cũng chẳng xa vậy). Dùng cái tâm *"che chở con đỏ"* để che chở dân thì không mưu tính điều gì mà chẳng đúng; nói là *"chẳng xa"* là vì sợ con người chẳng chí thành đến cùng cực, chứ thật ra là thúc đẩy sao cho chí thành đến mức cùng cực. Đây là lời quyết đoán, chứ chẳng phải là lời nói nghi ngờ, do dự!

Ấp lệnh Định Hải là ông Đào Tại Đông học đạo yêu dân cùng lý tận tánh. Đối với tâm pháp của thánh nhân Nho - Thích đều có sở đắc lớn lao. Lo việc cai trị chỉ lấy lòng tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha làm gốc. Vừa đến nhậm chức, bèn đau đáu nghĩ đến nỗi khổ của kẻ dân ngu không được dạy dỗ, phạm pháp bị tù đày. Nguyên do là chẳng biết những chuyện nhân quả báo ứng, phước thiện họa dâm và sanh tử luân hồi, ác báo trong tam đồ v.v… cứ một mực có dã tâm ích kỷ, chẳng sợ mắc ác báo vì hại người, nên mới bị hãm vào đây. Do vậy, muốn tuyên giảng cho họ những chuyện tam thế nhân quả, lục đạo luân hồi, tam đồ khổ sở, cõi Phật yên vui v.v… ngõ hầu họ hoảng sợ, kinh hãi, mau mắn sửa đổi tâm trước, vâng phục tuân theo, sửa đổi đức sau.

Do vì biết một niệm tâm tánh của chúng ta và một niệm tâm tánh của Nghiêu - Thuấn không hai, với Phật không hai thì ai chịu liếm chút mật trên lưỡi dao để mắc cái họa đứt lưỡi, nỡ để Ma Ni bảo châu tùy ý mưa ra các báu bị chìm đắm vĩnh viễn trong nhà xí, chẳng những trọn không có ích gì, còn thường bị coi là hôi

---

Vương răn dạy Khang Thúc về đạo trị dân. Trong sách Đại Học, Mạnh Tử đã giải thích câu nói *"như bảo xích tử"* bằng câu: *"Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hỹ"*. Cổ thư thường dùng chữ "xích tử" để chỉ nhân dân, ý nói vua phải thương yêu nhân dân như con do mình dứt ruột đẻ ra.

nhơ giống như phẩn vậy! Từ đấy, hành trọn vẹn đạo hiếu hữu nhân từ và Giới - Định - Huệ. Dù chẳng thể ngay trong đời này đạo đức bằng với Nghiêu - Thuấn và chư Phật, nhưng ngựa mong thành ngựa Ký thì cũng là loài ngựa Ký, người mong thành Nhan Hồi thì cũng là hạng giống như Nhan Hồi, sẽ cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh để thành tựu nhân duyên siêu phàm nhập thánh tối thắng. Nếu như chân ngữ, thật ngữ của thánh hiền, Phật, Bồ Tát dạy người chẳng truyền sang phương Đông thì làm sao thỏa mãn tâm ấy cho được? Nhân quả báo ứng thật sự là phương tiện lớn lao để thánh nhân Nho Giáo giữ yên thiên hạ, nhưng lời lẽ của họ đơn giản, sơ sài, khiến cho nhà Nho quá quen nên chẳng xem xét, coi nhẹ, bỏ qua, đến nỗi người bậc thượng chỉ làm một kẻ tự giải thoát, chứ không thể thay đổi phong tục được, còn kẻ bậc hạ bèn tùy ý hoành hành, cốt sao hưởng yên vui một thời. Do vậy, thế đạo nhân tâm mỗi ngày mỗi đi xuống, hết thuốc chữa!

Ông Đào bèn truyền cho hai vị trụ trì chùa trước và chùa sau của Phổ Đà[208], chọn ra từ trong núi những vị Tăng giới hạnh tinh nghiêm, hiểu kinh giáo thông suốt làm thầy giáo hối. Hai vị trụ trì muốn chọn những vị tại gia giỏi giang đảm nhiệm chức vụ ấy, nhưng ông Đào cho rằng: *"Dùng lời lẽ để giáo hóa còn bị tranh cãi, chứ dùng thân để giáo hóa, người ta phải thuận theo"*. Giáo hóa tù nhân không chỉ ở chỗ có khả năng tuyên thuyết! Do vậy, bèn cử pháp sư Trí Đức đáp ứng lời mời. Đến ngày khai giảng, sự sắp đặt, diễn thuyết, và dự trù chương trình, không gì chẳng đặt căn bản trên

---

[208] Tức chùa Pháp Vũ và Phổ Tế.

lòng Thành, nghiễm nhiên biến nhà ngục thành đạo tràng, biến tù nhân thành pháp lữ, kể từ khi Định Hải lập huyện đến nay chưa từng có chuyện như vậy! Ấy là vì ông Đào biết tù nhân do không được dạy dỗ nên mới phạm pháp, căn cứ vào ý *"cách vật trí tri, làm sáng tỏ đức sáng, đạt đến chí thiện, con người ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật"* mà làm chuyện này. Có thể nói là biết đại thể, lòng thành son sắt, chẳng thẹn là bậc cha mẹ của dân.

Ông lại chẳng chê bỏ Quang là kẻ bất tài, đem bài ký sự thăm viếng nhà tù của ông Hạng đưa cho Quang xem. Đọc xong, khôn ngăn mừng rỡ, bèn quên mình hèn kém, ghi đại lược mấy lời bạt dở tệ, ngõ hầu người đọc biết được tông chỉ của việc giáo hóa trong nhà tù và lòng thành của ông Đào, có lẽ người bắt chước làm theo sẽ chẳng phải chỉ có một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy kẻ mà thôi! Tuy nhiên, thuyết pháp không bắt buộc phải sử dụng toàn là Tăng nhân. Những gì được giảng nếu chẳng lấy nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, sự khổ sở trong tam đồ, sự yên vui nơi cõi Phật làm gốc thì dẫu cho giảng nói diệu nghĩa cảm được hoa trời rơi xuống thì cũng chẳng có hiệu quả thật sự. Vì sao vậy? Vì không gây được xúc động bên trong, như gió lùa qua cây cối, chỉ phớt qua chứ chẳng ăn nhằm gì cả!

8. Lời bạt cho sách Vãng Sanh Luận Chú

Sanh tử là chuyện lớn lao bậc nhất của chúng ta. Pháp môn Tịnh Độ là diệu pháp liễu sanh tử vô thượng. Giáo pháp được giảng trong cả một đời đức Phật mênh

mông như biển thẳm, nhưng pháp diễn bày rốt ráo bản hoài phổ độ chúng sanh của Phật chỉ có mình pháp Tịnh Độ mà thôi! Do dưới là phàm phu tín nguyện niệm Phật liền được đới nghiệp vãng sanh, trên là bậc thánh nếu chịu hồi hướng sẽ mau viên thành giác đạo. So sánh giữa việc cậy vào Phật từ lực và chỉ cậy vào tự lực thì khó - dễ còn nhiều hơn [sự khác biệt] giữa ngày và kiếp. Thiên Thân Bồ Tát soạn rất nhiều bộ luận để hoằng truyền, xiển dương Phật thừa. Ngài lại đề cao kinh Vô Lượng Thọ, soạn ra Nguyện Sanh Kệ Luận, chỉ ra năm cách tu (Ngũ Môn Tu Pháp) hòng rốt ráo được vãng sanh, dạy rõ các pháp lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, hồi hướng. Trong Quán Sát Môn, chỉ rõ sự trang nghiêm của Tịnh Độ, pháp lực của Như Lai, công đức của Bồ Tát, phàm những ai thấy nghe đều phát nguyện vãng sanh. Đàm Loan pháp sư soạn lời chú thích tường tận, triệt để phơi bày trọn vẹn thệ nguyện của Phật Di Đà và bổn hoài của Thiên Thân Bồ Tát, giãi bày hết cả ra. Nếu không thấu hiểu Phật tâm sâu xa, trọn đủ Vô Ngại Biện, sao có thể làm được như vậy?

Một pháp Tịnh Độ chính là chỗ quy hướng của hết thảy mọi pháp. Vì thế, những vị Đẳng Giác Bồ Tát đã chứng bằng với chư Phật trong hội Hoa Nghiêm còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Từ Ân, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v… tự hành dạy người cùng về Tịnh Độ, nguyên do là vì vậy. Biết điều này thì những người chỉ chấp vào tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực sẽ kinh hoảng sợ hãi, hiểu ra, sẽ cầu trong đời này liền được thoát khỏi cõi Sa Bà, sanh về

Cực Lạc, cùng với Quán Âm, Thế Chí v.v… các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ, thường luôn thân cận A Di Đà Phật, hòng chứng Vô Sanh Nhẫn, viên mãn Bồ Đề mới thôi. Lời này chẳng đáng tin thì xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ Tát ắt sẽ tự chẳng còn nghi ngờ!

9. Lời bạt cho bản điều lệ sắc lệnh quản lý chùa miếu của Đại Tổng Thống

Xưa kia, khi sắp nhập Niết Bàn, đức Như Lai đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần hộ trì, lưu thông. Ấy là vì Tăng chúng bỏ tục xuất gia, tu ròng phạm hạnh, đã không có của cải, lại không có quyền thế, dầu có thể hoằng dương pháp hóa vẫn khó tránh khỏi bị người ngoài khinh khi, lấn hiếp. Nếu được vua quan hộ trì thì pháp hóa được rộng khắp, người ngoài chẳng dám coi thường, bởi kẻ cường bạo ngang ngược giấu hình ẩn tích, còn kẻ mềm mỏng lương thiện sẽ khởi lòng tin, gieo lòng thành. Vì thế, lưới giáo pháp được mở rộng, thâu tóm những loài cá trong biển khổ; chấn hưng tông phong, thấy thấu suốt vầng trăng nơi tự tâm. Nội hộ, ngoại hộ phải cùng có đủ thì pháp hóa của đức Như Lai sẽ tự có thể theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc thông suốt ba đời, khiến cho hàm thức đều cùng được thấm gội pháp trạch. Ấy là vì do nghe Phật pháp mới biết từ vô thủy đến nay đã mê trái bản tâm, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi sanh tử luân hồi nhiều kiếp không cách gì thoát lìa. Đã biết điều này liền muốn diệt trừ nhân khổ, mong được quả vui. Từ đấy, bỏ mê theo ngộ khăng khăng

gắng công. Nơi tâm bèn dứt tham - sân - si, nơi thân kiêng giết - trộm - dâm, đổi ác tu lành, gần thì cảm được phước lạc nhân thiên, đoạn Hoặc chứng Chân, xa thì thành giác đạo Bồ Đề. Do vậy, tận lực tuân theo lời Phật dạy, gìn giữ tự tâm nghiêm ngặt, dẫu ở trong nhà tối phòng kín luôn như đối trước Phật, trời; người mang thiện niệm, nước dứt xử phạt. Về mặt ngầm là thầm giúp cho việc bình trị, dứt họa loạn khi chưa chớm; về mặt hiển lộ là phụ trợ cho chính sách cai trị, đề cao nhân ái hòa mục. Do có những lợi ích như vậy nên đế vương các đời ở Tây Trúc và cõi này vĩnh viễn tuân thủ lời Phật phó chúc, không ai không sùng phụng, hộ trì, chỉ lo chưa được truyền bá, lưu thông rộng rãi!

Xét từ thời Đông Hán, Phật pháp truyền sang Trung Quốc, trải hơn một ngàn tám trăm năm, không lúc nào chẳng như vậy. Đến cuối đời Thanh, pháp đạo suy vi, triết nhân ngày càng hiếm hoi, kẻ tầm thường ngày càng đông. Lại thêm đất nước lắm biến cố, chẳng rảnh rỗi đề xướng. Tăng đồ phần nhiều cam phận ngu hèn, chẳng chuyên chú thanh tu, sự giáo hóa lỏng lẻo, kẻ ngoài khinh lấn. Do vậy, những kẻ không có tín căn dòm ngó tài sản của Tăng, không có cách nào khác bèn mượn cớ mở trường học để thôn tính nhà chùa. Thường có những chuyện biến chùa Phật thành trường học, đoạt Tăng sản để đẫy túi mình xảy ra ồ ạt. Đến năm Dân Quốc thứ nhất (1911), nước nhà vừa lập, phong trào ấy càng quá đáng. Đồng nhân lo lắng, bèn lập ra hội Phật Giáo đông đảo, lắm phen khẩn cầu chánh phủ che chở. Vì thế, vào năm Dân Quốc thứ 4 (1915), chánh phủ bèn ban bố chánh sách quản lý tự miếu gồm ba mươi mốt

điều lệ. Ý ấy tuy tốt lành, nhưng do chưa xét soi kỹ càng nên người thi hành vẫn chen lẫn đôi chút lòng riêng tư, khiến cho mối tệ nẩy sanh, tạo thành trở ngại lớn. Phàm những hàng Tăng - tục trong pháp môn không ai chẳng lo ngại hậu hoạn, nhiều phen gởi thư bày tỏ ý kiến, khẩn cầu sửa đổi.

Mùa Thu năm Dân Quốc thứ chín (1920), cư sĩ Trình Tuyết Lâu xét kỹ lợi - hại, lại gởi thư ý kiến trình lên Đại Tổng Thống. Đã được chấp thuận, giao cho bộ Nội Vụ bàn bạc. Đầu Xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), mới bắt đầu tu chánh thành 24 điều. Suy xét, châm chước kỹ càng, có lợi không hại, bèn trình lên Đại Tổng Thống, để ông ta ban sắc lệnh công bố thi hành. Nhưng sắc lệnh của chánh phủ ban bố chẳng thể khiến cho mọi người đều thấy được hết, nên pháp sư Đạo Giai trụ trì chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh tình hộ giáo sâu nặng, bèn tính gấp rút in ra để lưu thông, ngõ hầu Tăng - tục ở những chốn sơn cùng thủy tận đều được biết, không còn ngờ lo chi nữa! Sư xin tôi viết lời Bạt để góp phần cổ vũ, khuyến khích.

Tôi nói: "Đạo pháp của Như Lai tuy nhờ vào sức ngoại hộ, nhưng nội hộ cũng phải có người thì hộ trì mới có hiệu quả thật sự! Ví như bên ngoài có thành chắc, hào sâu, dù kiên cố không phá được, ắt chẳng thua bại ngay, nhưng nếu chủ soái bên trong hôn mê, ngu muội, chăm sóc dân cai quản lính đều không đúng lối thì sĩ tốt bá tánh đều thành bè lũ phản nghịch. Dầu có thành chắc, hào sâu cũng chẳng ích lợi gì! Nếu như chủ soái sáng suốt, khéo được lòng sĩ tốt nhân dân thì sự cai trị nhân từ thấm khắp, không ai không ca tụng,

tiếng tăm lan xa bốn phương, mọi người đều quy phục thì giặc giã, kẻ thù đều như con đỏ, mọi kẻ phản nghịch đều thành lương dân. Khẩn cầu những người cùng một sắc áo hãy phát Bồ Đề tâm, tận lực tu Định Huệ, dùng vô thượng diệu đạo của Như Lai để tự hành dạy người thì ai nấy đều cảm từ ân của Phật, ngưỡng mộ hạnh đẹp của Tăng chúng. Tự nhiên những kẻ không có tín tâm sẽ phát khởi tín tâm, người đã có tín tâm càng tận lực hành Phật đạo, sẽ thấy tàn nhẫn chuyển thành nhân từ, chiến tranh vĩnh viễn chấm dứt, chuyển thói tục tệ bạc thành thuần phong, vận đời thanh bình, hưng thạnh. Như vậy là trên chẳng phụ ý tha thiết hộ trì của quốc gia, dưới chẳng phụ thâm tâm học Phật của chính mình, ân Phật lẫn ân cha mẹ đều kham báo đáp được muôn một vậy. Phàm những ai cùng một sắc áo với tôi, xin hãy gắng sức lên".

10. Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện

Phật và chúng sanh cùng một tâm thể, nhưng sự thọ dụng khác biệt như trời với vực là do vì dụng tâm chẳng đồng mà ra. Phật chỉ nghĩ dùng lòng Vô Duyên Đại Từ, lòng Đồng Thể Đại Bi để độ thoát chúng sanh, trọn không có tâm "ta - người, đây - kia". Dẫu cho độ tận hết thảy chúng sanh cũng chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ. Vì thế, phước huệ được trọn đủ, được thế gian tôn kính. Chúng sanh chỉ dốc lòng tự tư tự lợi, dẫu thân thiết như cha mẹ anh em còn chẳng thể không có tướng đây - kia, huống chi là người xung quanh,

người trong cõi đời ư? Do vậy, cảm lấy nghiệp báo: Hoặc sanh trong nhà bần cùng hạ tiện, hoặc đọa trong tam đồ ác đạo! Dẫu cho tự tu giới thiện Thiền Định được sanh về chỗ vui trong nhân gian hay cõi trời, nhưng do không có tâm đại bi nên chẳng thể khế hợp Bồ Đề được ngay. Do vậy, vừa hết phước báo lại bị đọa lạc, chẳng đáng buồn ư? Như vậy, [nếu] chỉ muốn tạo lợi ích cho người khác thì lại trở thành làm lợi cho chính mình; chỉ muốn tự lợi thì chính là tự hại vậy!

Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Kinh chính là do đức Thích Ca Thế Tôn ta thương xót hết thảy chúng sanh tội khổ trong thế giới này, vì họ nói những chuyện lợi sanh của đức Dược Sư Như Lai trong khi tu nhân cũng như khi đã chứng quả, quả thật là diệu pháp vô thượng để rốt ráo lìa khổ được vui. Nếu chúng sanh phát được tâm đại Bồ Đề từ bi hỷ xả thọ trì kinh này, chú này và danh hiệu vị Phật này thì xét trên mặt hiệu quả còn phá rỗng toang được vô minh, viên thành Phật đạo, huống gì những quả vị khác, những phước lạc khác! Tâm Phật cố nhiên muốn trao toàn thể vô thượng giác đạo cho hết thảy chúng sanh, nhưng trí chúng sanh có kẻ cạn người sâu, chẳng thể không tùy theo lòng ưa thích của họ mà ban thuốc, khiến cho những điều họ mong cầu đều được như nguyện. Phải biết: Kinh Dược Sư, danh hiệu Phật và thần chú của Ngài chính là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Phật Thích Ca, Phật Dược Sư đã chứng đắc. Phàm ai chí thành thọ trì chính là dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm. Do đó, Ngọc Lâm Thông Tú quốc sư thường trì kinh và danh hiệu vị Phật này, vì kinh này là pháp

môn tổng trì của Thiền, Giáo, Luật, Tịnh. Vì thế, người thọ trì hoặc sanh về thế giới Tịnh Lưu Ly, hoặc sanh sang thế giới Cực Lạc. Đến khi phá rỗng suốt phàm tình, viên thành thánh trí thì khế hợp thẳng vào Tịch Quang, Đông lẫn Tây đều mất, nhưng Đông - Tây đều rành rành, tùy nguyện vãng sanh, bèn cùng với Di Đà, Dược Sư về bí tạng. Đây gọi là "hành xứ thậm thâm" của chư Phật.

Thánh Thông đại sư khắc ván lưu thông bản kinh được chép bởi Tâm An hòa thượng, muốn cho người thọ trì phát khởi chánh tín, xin tôi hãy trình bày đại lược, rõ ràng. Lại do bản kinh này do pháp sư Huyền Trang dịch, chỉ nêu con số tám vị Bồ Tát, không nêu rõ tên hiệu, đoạn kinh nói thần chú lại bị thiếu. Tri thức đời sau muốn cho kinh nghĩa hoàn bị, nên y theo Thất Phật Bổn Nguyện Kinh thêm vào đoạn kinh văn nói ra thần chú tổng cộng bốn trăm hai mươi tám chữ, y theo bản kinh số 12 trong kinh Quán Đảnh, thêm vào danh hiệu của tám vị Bồ Tát, vì ba kinh này vốn là một kinh vậy. Phải biết từ xưa, chỉ dùng lá bối để biên chép, rất có thể bị thất lạc, đến nỗi những phần kinh văn được dịch hoàn bị hoặc thiếu sót khác nhau. Hậu nhân thêm vào như vậy quả thật khế hợp tâm Phật sâu xa. Vì thế, những người chú giải kinh đều cùng tôn trọng. Sợ rằng có kẻ đem đối chiếu với nguyên bản trong Đại Tạng sẽ sanh ngờ vực nên bèn ghi lại duyên khởi để mừng cho kinh văn được toàn bích vậy! (Đoạn nói ra thần chú bắt đầu từ câu "Lại này Mạn Thù Thất Lợi!" cho đến câu "sở cầu nguyện mãn cho đến Bồ Đề")

11. Lời bạt cho Văn Kinh Thất (Căn thất để nghe kinh)

Tứ Đại vốn không, Ngũ Uẩn đều không, thoát khỏi Căn - Trần, tâm lẫn cảnh đều tịch thì gì là kinh? Gì là nghe? Gì là thất? Nhất niệm bất sanh, trước - sau đều dứt, linh quang riêng chiếu, thể vốn toàn chân, có gì chẳng phải là kinh, gì chẳng phải là nghe, gì chẳng phải là thất? Hiểu được như thế thì gọi là *"khéo nghe kinh"*. Nếu không, ngay trong lúc đọc tụng kiệt lòng thành, tận lòng kính như đối trước thánh dung đích thân nghe viên âm sẽ tự có thể khế nhập sâu xa kinh tạng u viễn, tự thấy được Phật tánh sẵn có. Nguyện những người học trò của tôi hãy nhận hiểu phù hợp, dốc lòng tin tưởng, khế ngộ lời này thì may mắn lắm thay!

12. Lời bạt cho sách Tín Nguyện Niệm Phật Quyết Định Vãng Sanh Thiển Thuyết

Pháp môn Tịnh Độ là chỗ quy túc của các pháp. Ví như biển cả, toàn bộ nước của sông, rạch, khe, suối trong thế gian không gì chẳng đổ vào biển. Một khi đã vào trong ấy đều cùng mang tên là Biển, đều thành cùng một vị mặn. Tuy sâu rộng đến tột bậc, chẳng thể cùng tột bờ đáy, nhưng nếu luận từ chỗ nông cạn, dễ thấy thì danh, thể, vị, tánh cùng với chỗ sâu chẳng thể lường cố nhiên không hai, không khác. Từ khi đức Thế Tôn hoằng khai pháp này đến nay, chẳng biết bao nhiêu hằng hà sa hằng hà sa số chúng sanh y giáo tu hành vãng sanh Tây Phương? Ấy là vì lịch đại Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, trên là kính vâng ý Phật, dưới là thuận

theo cơ nghi khéo léo khuyến dụ dần dần, khiến cho mọi người đều được hay biết duyên do. Nhờ vậy, những người đầy đủ thiện căn từ trước bèn đều cùng được thoát khỏi Sa Bà, sanh sang Cực Lạc. Cư sĩ Đồng Liên Quốc muốn đồng nhân cùng sanh khởi chánh tín, cùng phát nguyện tha thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, thấy những lời của cổ đức đều là văn sâu, nghĩa thẳm, hạng sơ cơ chẳng dễ gì lãnh hội được, bèn dùng những ngôn ngữ đơn giản, gần gũi để phát huy những ý nghĩa ấy. Do vậy, bèn đặt tên sách là Thiển Thuyết (Lời nói nông cạn). Phải biết tuy văn nói nông cạn, đơn giản, nhưng pháp được nói đến chính là pháp môn rất sâu vô thượng bậc nhất để chín giới cùng hướng về, được mười phương chư Phật cùng khen ngợi, được ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận cùng tuyên nói. Nếu người đọc chẳng cho là pháp thiển cận, coi thường, mà hành theo thì tuy chưa ra khỏi Sa Bà đã chẳng phải là người khách lâu ngày nơi Sa Bà nữa, chưa sanh về Cực Lạc mà đã là khách quý cõi Cực Lạc.

13. Lời bạt cho Liên Vinh Đường

Hoa sen là vật tuy mọc lên từ bùn lầy, nhưng thể thường thanh tịnh. Người nào đối với hết thảy [mọi sự] đều không chấp trước, vui với thiên chân sẵn có, sẽ coi phú quý, bần tiện, mọi rợ, hoạn nạn như huyễn hóa, hành xử thuận theo địa vị, thích đáng với hoàn cảnh. Những ý niệm dâm, di, khuất, oán đều rốt ráo chẳng sanh, gần giống như hoa sen, còn gì vinh hơn? Luận ở mức độ cao hơn, hết thảy các pháp đều thuộc sanh diệt,

đừng nói phú quý tôn vinh thế gian chưa đáng gọi là vinh, dẫu cho được làm Thiên Đế cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng chưa đáng gọi là vinh! Vì sao vậy? Do phước trời một khi đã hết lại đọa xuống nhân gian. Đã sanh trong nhân gian khó tránh khỏi tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp ắt đọa ác đạo, luân chuyển bao kiếp chẳng có lúc ra; không gì nhục hơn, có gì là vinh? Đáng gọi là vinh chính là đoạn phiền hoặc, thành đạo Bồ Đề, hiện thân trong pháp giới độ thoát chúng sanh vậy. Nhưng đang thuộc địa vị phàm phu, ngay trong đời này chắc chắn khó được như thế. Do vậy, hãy nên thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật để mong vãng sanh trong chín phẩm sen báu ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu thật sự được như thế thì lúc lâm chung cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Từ đấy vĩnh viễn lìa khỏi tám khổ, thường hưởng Tứ Đức, thân cận Di Đà, tham dự vào hải chúng, nghe pháp, thọ ký mau chứng Vô Sanh. Không chỉ chính mình như thế, nếu như lại còn có thể trọn đủ lòng đại từ bi, phát đại thệ nguyện, rộng tu các việc thiện, giáo hóa khắp hết thảy, dùng công đức này kính vì hồi hướng cho cha mẹ tổ tông cũng được nhờ vào thiện lợi này cùng sanh về Tây Phương. Huống chi khi đã sanh về Tây Phương, chứng Vô Sanh Nhẫn thì chuyện thành vô thượng đạo, đạt đại Niết Bàn, chắc chắn là chuyện quyết định đạt được, còn gì vinh hơn được nữa? Nghĩa của chữ "Liên Vinh" là như thế, xin hãy nghĩ đến ý nghĩa của tên gọi mà thực hành thì may mắn lắm thay!

14. Lời bạt cho nghĩa trang của Đặng Bộc Quân

Con người không có ai chẳng mưu tính cho bản thân và con cháu, nhưng đường lối mưu tính cố nhiên phải nên xem xét tường tận. Nếu vì mọi người, vì việc công thì phước trạch dài lâu. Nếu vì mình, vì riêng tư sẽ như hạt móc mùa Xuân, giọt sương mùa Thu. Nếu như lại còn mưu mẹo, dối trá thì khác gì uống phê sương, trầm độc để cầu trường sanh, không lẽ nào chẳng chết! Đã thế, thần thức vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chịu đủ họa ương, vốn muốn lợi mình, rốt cuộc thành tự hại. Tuy do mình tự chuốc lấy, nhưng thật đáng thương xót. Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống lập nghĩa trang thí cho người trong tộc họ để họ hàng luôn được hưởng lợi ích. Vì thế, suốt tám chín trăm năm, dòng dõi ông luôn hưởng điều tốt lành. Cư sĩ Bộc Quân trên kế thừa chí cha mẹ, noi theo dấu thơm của Văn Chánh Công, khiến cho dù con hay cháu và người trong họ đều được hưởng nhờ, đều nghĩ đến A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương. Đấy chính là thí cả pháp lẫn tài, giúp đỡ sắc thân lẫn huệ mạng, phước trạch của mình lẫn người đều cùng thọ như hư không, không có tai ương. Do vậy, bèn nêu bày nghĩa lý ẩn tàng để con cháu và người trong họ cùng những ai thấy nghe đều được thấm gội ánh sáng của Phật vậy!

QUYỂN THỨ BA HẾT

Hết thảy các pháp môn được nói trong giáo pháp một đời của đức Như Lai không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn phiền Hoặc liễu sanh tử, chứng Vô Sanh Nhẫn thành Phật đạo. Nhưng căn cơ của chúng sanh bất nhất, cho nên mỗi người đạt được lợi ích khác biệt. Những ai có túc căn sâu dầy thì có thể đoạn sạch được Kiến - Tư ngay trong một đời này, vượt thoát tam giới, tiến lên học theo đạo Bồ Tát "trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh" để cầu viên mãn Bồ Đề, may mắn gì hơn? Nếu như căn cơ kém cỏi hơn đôi chút, dẫu có sức Thiền Định sâu, triệt ngộ tự tâm, nhưng chưa đoạn được Kiến - Tư, ắt vẫn phải luân hồi y như cũ! Huống gì từ đời này sang đời khác, làm sao có thể tự bảo đảm được? Hễ bị phước làm mê, ắt đọa thẳng vào tam đồ! Kẻ kém hơn thì còn gì để nói nữa! Đấy là chỗ khó khăn của việc dùng tự lực để liễu sanh tử vậy.

Đức Như Lai sớm biết chúng sanh đời Mạt không có sức đoạn Hoặc, nên đặc biệt mở ra một pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng Pháp Thân đại sĩ và hạng phàm phu đầy dẫy triền

phược cũng như tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cực nặng đều cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh, ai nấy tùy theo khả năng của chính mình mà ngộ chứng. Tâm từ bi vỗ về, nuôi dạy ấy dù có lấy thiên địa phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được muôn một. Bởi lẽ, pháp môn này cậy vào sức tín nguyện niệm Phật của chính mình để cảm sức từ bi nhiếp thọ của Phật, cảm ứng đạo giao, cho nên chẳng cần đoạn phiền hoặc mà đới nghiệp vãng sanh. So với cách cậy vào tự lực thì khó - dễ dù có hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn. Người niệm Phật nếu biết được nghĩa này sẽ tự chết được cái tâm chụp giựt, chuyên tu pháp môn này, chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bị những lời lẽ của kinh giáo hay tri thức lay chuyển để rồi bỏ pháp này tu những pháp khác. Xin khắp những ai thấy nghe đều tin tưởng chắc chắn!

Ấn Quang đại sư

(Trích bài Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chuyện cư sĩ Liễu Nghĩa Tào Vân Tốn thí nhà để lập Niệm Phật Lâm)

P**háp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện chẳng cần biết là hạnh nhiều - ít, sâu - cạn, đều được vãng sanh. Không có tín - nguyện, dù có đạt đến mức độ Năng - Sở cùng mất, thoát khỏi căn trần, cũng khó được vãng sanh. Còn như người thật sự chứng được Thật Lý "Năng - Sở đều mất, thoát khỏi căn lẫn trần" bèn có thể dùng tự lực để liễu sanh tử thì chẳng cần phải bàn đến nữa! Nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, nhưng chưa thật chứng, lại không có tín nguyện thì cũng khó thể vãng sanh. Thiền gia nói đến Tịnh Độ bèn quy về Thiền Tông, không nói đến tín - nguyện; nếu tu tập theo đó thì cũng có thể khai ngộ. Nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì dù có nằm mơ cũng chẳng mộng được! Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh do tín nguyện cảm Phật, nên có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh tín nguyện, lại đem mỗi lời Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật cho được? Cảm và ứng chẳng phù hợp nhau thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp "hoành siêu" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) thành "thụ xuất"

(thoát ra theo chiều dọc), được lợi ích ít, bị tổn hại nhiều, không thể không biết! Được lợi ích là nương theo lời đó cũng có thể khai ngộ; còn bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì không cách gì nương vào Phật từ lực cho được! Vì thế, tôi nói: "Đối với người thật sự tu Tịnh Độ, những khai thị của nhà Thiền chẳng thể dùng được; bởi lẽ pháp môn, tông chỉ bất đồng".

Ấn Quang đại sư
(Trích Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu)

Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ quyết định liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng. Có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ chỉ cần

đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả Chánh Hạnh lẫn Trợ Hạnh thì chẳng những quyết định vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sanh, ngay cả phường Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mạng chung, cũng quyết định được vãng sanh. Do lòng từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được Phật nhiếp thọ. Đấy gọi là "cậy vào từ lực của Phật, đới nghiệp vãng sanh". Chúng sanh đời Mạt chẳng y vào Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phước báo trời người và thành nhân duyên đắc độ trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, nên cội rễ sanh tử vẫn còn, sao không nẩy mầm sanh tử cho được?

Ấn Quang đại sư

(Trích thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu)

Các trang nhà

http://www.amtbweb.org
http://www.amitabha-gallery.org
http://www.amtb-aus.org
http://www.amtb-dba.org
http://www.amtb-la.org
http://www.amtb.org.tw
http://www.amtb-usa.org
http://www.adidaphat.net
http://www.adidaphat.us
http://www.chinkung.org
http://www.chuavanphat.org
http://www.hoakhaikienphat.com
http://www.niemphat.net
http://www.quangduc.com
http://www.thondida.com
http://www.tinhthuquan.com
http://www.tinhtonghochoi.org

Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
The Amitabha Buddhist Association of Queensland
11 Toona Place Calamvale, Brisbane, Queensland 4116, Australia
Tel: (617)-3273-1693

Giữ vẹn Luân Thường,
Trọn hết Bổn Phận,
Tránh lòng Tà,
Giữ lòng Thành,
Tín Nguyện Niệm Phật,
Cầu sanh Tịnh độ

Ấn Quang đại sư